

**DI TÍCH, DANH THẮNG
VÀ LỄ HỘI VĂN HÓA
TỈNH BÌNH THUẬN**

**HISTORIC, SIGHTSEEING
AND CULTURAL FESTIVALS
BINH THUAN PROVINCE**

**UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

PEOPLE'S COMMITTEE OF BINH THUAN PROVINCE
DEPARTMENT OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM

**DI TÍCH, DANH THẮNG
VÀ LỄ HỘI VĂN HÓA
TỈNH BÌNH THUẬN**

**HISTORIC, SIGHTSEEING AND
CULTURAL FESTIVALS
BINH THUAN PROVINCE**

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

NGÔ MINH CHÍNH
(Giám đốc Sở VH TT & DL
Bình Thuận)

VÕ THÀNH HUY
(Phó Giám đốc Sở VH TT &
DL Bình Thuận)

CONTENT LEADER

NGO MINH CHINH
(Director of Department of
Culture, Sports and Tourism
of Binh Thuan)

VO THANH HUY
(Deputy Director of
Department of Culture, Sports
and Tourism of Binh Thuan)

TẬP THỂ TÁC GIẢ

Nguyễn Văn Quy
Nguyễn Xuân Lý
Trần Xuân Phong
Nguyễn Chí Phú
Trần Đức Dũng
Phan Thế Hải
Vương Khả Hoàng
Nguyễn Thị Loan
Nguyễn Ngôn
Nguyễn Thanh Trà
Nguyễn Thị Thanh Huyền

AUTHOR COLLECTION

Nguyen Van Quy
Nguyen Xuan Ly
Tran Xuan Phong
Nguyen Chi Phu
Tran Duc Dung
Phan The Hai
Vuong Kha Hoang
Nguyen Thi Loan
Nguyen Ngon
Nguyen Thanh Tra
Nguyen Thi Thanh Huyen

Lời giới thiệu

Di sản văn hóa ở Bình Thuận được biểu hiện đa dạng về loại hình, phong phú về thể loại; bao gồm những giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể được sản sinh, hình thành trong môi trường văn hóa dân gian, phong tục tập quán xã hội và tín ngưỡng tôn giáo của cộng đồng các dân tộc anh em sinh sống ở trong tỉnh theo tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất này.

Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể chứa đựng những giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc - nghệ thuật, điêu khắc, mỹ thuật truyền thống... mang đậm giá trị bản sắc văn hóa riêng, thể hiện trong đời sống sinh hoạt văn hóa của từng tộc người. Danh lam thắng cảnh chứa đựng những giá trị về lịch sử hình thành địa chất, địa mạo của các vùng đất ở Bình Thuận; là nguồn tài nguyên quý giá mà thiên nhiên đã ưu ái ban tặng cho con người nơi đây; mang những vẻ đẹp hoang sơ, hấp dẫn và luôn lôi cuốn, thu hút du khách trong nước và quốc tế tìm đến khám phá, thưởng ngoạn.

Di sản văn hoá ở Bình Thuận luôn được các thế hệ tiếp nối trong các cộng đồng dân tộc, gìn giữ, trao truyền các giá trị truyền thống; đồng thời bồi đắp, sáng tạo bổ sung những giá trị mới cho phù hợp với môi trường xã hội và tâm linh trong từng giai đoạn lịch sử.

Trong thời gian qua, nhiều di sản văn hóa tiêu biểu đã được khai thác, phát huy giá trị theo chiều hướng phát triển bền vững, góp phần quan trọng vào việc quảng bá, giới thiệu những nét văn hóa đặc trưng ở Bình Thuận đến với du khách và thúc đẩy du lịch văn hóa phát triển.

Nội dung các di tích, danh thắng và lễ hội trong tập sách này được biên soạn cô đọng từ các hồ sơ khoa học di tích, các đề tài, dự án được triển khai nghiên cứu hơn 30 năm qua của Bảo tàng tỉnh Bình Thuận. Thứ tự các bài viết sẽ được sắp xếp theo thứ tự như tên sách và thời gian, cấp ban hành quyết định xếp hạng.

Cuốn sách lần đầu tiên biên soạn, giới thiệu đến bạn đọc sẽ không tránh khỏi những thiếu sót cả về nội dung cũng như hình thức biên soạn; mong quý bạn đọc góp ý để Ban Biên soạn tiếp thu, chỉnh lý, bổ sung cho những lần tái bản sau.

Ban Biên soạn

Bảo tàng tỉnh Bình Thuận

Introduction

Cultural heritage in Binh Thuan is manifold in terms of type and richness in genres; including the tangible and intangible cultural values that are produced, formed in the environment of folklore, social customs and religious beliefs of the ethnic minority communities living in in the province according to the historical process of formation and development of this area.

The tangible and intangible cultural heritage contains values of history, culture, architecture - art, sculpture, traditional art ... bearing the values of its own cultural identity, expressed in life, living cultural activities of each ethnic group. The landscape contains valuable historical and geological formations of the land in Binh Thuan; is a precious resource that nature has endowed to the people here; bring wild, attractive and always attractive beauty, attracting domestic and international visitors to explore and enjoy.

Cultural heritage in Binh Thuan is always followed by generations in ethnic communities, preserving and transmitting traditional values; at the same time, fostering and creating new values to suit the social and spiritual environment in each historical period.

In recent years, many typical cultural heritages have been exploited and promoted in the direction of sustainable development, making an important contribution to the promotion and introduction of typical cultural features in Binh Thuan with tourists and promote cultural tourism.

The content of historic, sightseeing and festivals in this booklet is condensed from the scientific records of monuments, themes and projects that have been researched for over 30 years by the Museum of Binh Thuan Province. The order of the articles will be arranged properly such as the title and the time, issuing the ranking decision.

The book is first edited, introduced to readers will inevitably be flawed in both content and form of compilation; Please read the comments to the Editorial Department for acquiring, correcting and supplementing for later editions.

Editorial committee

Binh Thuan Provincial Museum

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐỊA ĐIỂM TRƯỜNG DỤC THANH

Đến với thành phố Phan Thiết, chúng ta không chỉ đến với biển xanh, cát trắng, nắng vàng mà còn đến với nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh nổi tiếng đã từ lâu được du khách xa, gần biết đến và ngưỡng vọng. Đặc biệt, Trường Dục Thanh là một công trình tưởng niệm, có ý nghĩa tinh thần vô giá của nhân dân Bình Thuận đối với Bác Hồ kính yêu. Nằm ở vị trí trung tâm thành phố Phan Thiết, bên dòng sông Cà Ty, tọa lạc tại số 39 Trưng Nhị, phường Đức Nghĩa; di tích được Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử - văn hóa quốc gia vào ngày 12/12/1986. Trường Dục Thanh là nơi ghi dấu sự kiện thời thanh niên của Bác Hồ với tên gọi Nguyễn Tất Thành đã dừng chân dạy học từ tháng 9 năm 1910 đến tháng 02 năm 1911, bằng tâm huyết, tình cảm, Người đã truyền đạt những kiến thức văn hóa và khơi dậy tinh thần yêu nước cho các học trò của mình trước khi Người vào Sài Gòn, ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Du khách từ mọi miền đất nước đến với Trường Dục Thanh để tìm hiểu về cuộc đời cao đẹp của Người, từ nếp sống giản dị, chân thật, đến lòng yêu nước thương dân và đặc biệt là hình ảnh thầy giáo trẻ hết lòng chăm lo cho sự nghiệp “trồng người”.

Trường Dục Thanh ra đời và hoạt động từ năm 1907 đến năm 1912 theo chủ trương chung của phong trào Duy Tân do cụ

Phan Châu Trinh khởi xướng, đó là muốn mở mang dân trí trước hết phải thành lập trường dạy học. Ông Nguyễn Trọng Lợi và ông Nguyễn Quý Anh là hai người con của nhà thơ, nhà văn yêu nước Nguyễn Thông cùng các nhân sĩ yêu nước đứng ra sáng lập, đây là một trường tư thục có nội dung giảng dạy tiên bộ thời bấy giờ. Trường dạy chữ Quốc ngữ là chính, bên cạnh đó dạy chữ Hán, chữ Pháp và môn thể dục. Trường có 7 thầy giáo, Hiệu trưởng là thầy Nguyễn Quý Anh, trong số đó thầy Nguyễn Tất Thành (tên Bác Hồ lúc 20 tuổi) là người trẻ tuổi nhất.

Học sinh của trường lúc đông nhất khoảng 50 - 60 học sinh, chỉ có 4 học trò nữ, chia làm 4 lớp: Tư, ba, nhì, nhất. Trong thời gian dạy học tại trường, thầy giáo Thành dạy thể dục, thể thao là chính. Ngoài ra, thầy Thành còn phụ giảng chữ Quốc ngữ và chữ Hán thay cho các thầy giáo khác nghỉ bệnh hoặc bận việc. Tháng 02/1911 thầy Thành rời Trường Dục Thanh vào Sài Gòn, để rồi ngày 05/6/1911 rời Tổ quốc, vượt đại dương đi tìm con đường giải phóng dân tộc. Tuy thời gian dạy học ở đây không dài, nhưng thầy Thành đã để lại trong lòng học trò Trường Dục Thanh những ký ức khó quên về tình thương yêu, đạo đức, lối sống, phương pháp giảng dạy...

Khu di tích bao gồm những hạng mục và di vật sau đây:

Nhà Ngư: Là nơi chứa ngư lưới cụ và làm cá, mắm của gia đình con cháu cụ Nguyễn Thông, được xây dựng năm 1906. Năm 1907, Trường Dục Thanh ra đời và nhà Ngư trở thành nơi nội trú của thầy giáo và học trò ở xa đến dạy và học. Trong thời gian dạy học tại đây, thầy giáo Thành cũng ở nội trú tại ngôi nhà này.

Nhà thờ cụ Nguyễn Thông: Là nơi thờ dòng họ và cụ Nguyễn Thông.

Nhà Ngọa Du Sào: Có nghĩa là “ổ nằm chơi”. Được xây dựng năm 1880, khi về cuối đời cụ Nguyễn Thông cho xây dựng ngôi nhà để ở và dùng căn gác làm nơi uống trà, ngâm thơ, bình thơ, bình văn và sáng tác lúc tuổi già và cũng là nơi luận bàn trao

đổi công việc với các sĩ phu yêu nước. Trong thời gian dạy học tại Trường Dục Thanh thầy Thành thường xuyên lui tới đây để đọc sách, chăm bài và thỉnh thoảng nghỉ trưa...

Cây Khế và Giếng nước: Cây Khế do vợ cụ Nguyễn Thông trồng cách đây đã hơn 1 thế kỷ. Trong thời gian dạy học tại Trường, thầy Thành thường lấy nước ở Giếng để dùng trong sinh hoạt và tưới cây trong vườn. Cây Khế được thầy Thành chăm sóc năm 1910, đến nay vẫn ra hoa kết quả quanh năm, nhân dân Phan Thiết thường gọi cây Khế “Bác Hồ”.

Những hiện vật gốc còn lưu giữ tại di tích Dục Thanh gồm: 1 bộ họa đàn trường kỷ, 1 bộ ván gõ 3 tấm, 1 chiếc án thư, 1 chiếc tủ đứng, 1 chiếc thang gỗ, tráp văn thư, nghiên mài mực, 3 chiếc ly nhỏ, 1 chiếc khay... Đó là những kỷ vật thiêng liêng gắn liền với thời gian và lịch sử của những năm tháng dạy học ở Phan Thiết của thầy giáo Nguyễn Tất Thành. Bởi nơi đây đã gắn liền với sự kiện: Chủ tịch Hồ Chí Minh với tên gọi Nguyễn Tất Thành, trên đường vào Nam ra đi tìm đường cứu nước, đã dừng chân dạy học và cũng chính thời gian học dạy ở đây, là giai đoạn đỉnh cao của tư tưởng yêu nước, góp phần thôi thúc ý chí và khẳng định quyết tâm phải ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân của Người.

Sau ngày quê hương được giải phóng, khu di tích Trường Dục Thanh được trùng tu lại bao gồm toàn bộ khuôn viên và các kiến trúc cũ. Thời gian khởi công từ tháng 11/1978 đến tháng 12/1980, trên cơ sở một phần di tích gốc còn lại và dựa theo lời kể, bản vẽ phác họa của 4 cụ học trò của Bác năm 1910 còn sống, đó là các ông: Nguyễn Quý Phẫu, Nguyễn Đăng Lâu, Từ Trường Phùng, Nguyễn Kinh Chi. Khu di tích Trường Dục Thanh được khánh thành và đưa vào hoạt động với tổng diện tích là 4.090m², bao gồm: Trường Dục Thanh, nhà Ngự, nhà Ngoại Du Sào, nhà Thờ cụ Nguyễn Thông, cây Khế, Giếng nước; vườn cây lưu niệm, cây ăn quả, cây cảnh được chọn giống từ các địa phương trong tỉnh do các nguyên thủ quốc gia và lãnh đạo địa phương

trông... đã tạo nên một quần thể có lối kiến trúc vừa cổ, vừa kim, có không gian thoáng mát trong lành, làm vui lòng con cháu của Bác mỗi khi có dịp về thăm lại trường xưa nơi Bác dạy. Tiếp tục xây dựng công trình Nhà Trưng bày về tiểu sử và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khởi công xây dựng năm 1983 và khánh thành ngày 17/5/1986 đúng vào dịp mừng sinh nhật Bác lần thứ 96.

Trường Dục Thanh cùng với Nhà Trưng bày tạo thành một quần thể di tích lịch sử - văn hóa có ý nghĩa đặc biệt trong hệ thống di tích lưu niệm và Bảo tàng Hồ Chí Minh trong cả nước. Để rồi ngày ngày đón khách từ mọi miền đất nước về thăm lại ngôi trường xưa Bác dạy học, vào những ngày lễ, những thời khắc giao thừa thiêng liêng của năm mới, các thế hệ con cháu lại quây quần về đây thắp nén hương thơm trên bàn thờ Bác với tất cả tấm lòng thành kính, yêu thương và biết ơn vô hạn đối với lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh.

Những bài học quý báu mà Bác Hồ để lại trên mảnh đất này mãi mãi là niềm tự hào và là tài sản vô giá mà nhân dân Bình Thuận có vinh dự và trách nhiệm nặng nề trong việc gìn giữ, tôn tạo, quản lý và phát huy, hàng năm có hơn 200.000 lượt khách tham quan trong nước, quốc tế, đặc biệt có các nguyên thủ quốc gia và lãnh đạo cao cấp các nước đến thăm viếng, tìm hiểu, nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh./.



Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận
Ho Chi Minh Museum - Binh Thuan Branch



Trường Dục Thanh - Phan Thiết
Duc Thanh School - Phan Thiet

HISTORY - CULTURE

LOCATION DUC THANH SCHOOL

Coming to Phan Thiet city, we not only come to the blue sea, white sand, sunshine but also to many famous historical, cultural, and scenic sites that have long been known to tourists come and expectation. Especially, Duc Thanh School is a historic and meaningful invaluable work of Binh Thuan people to beloved Uncle Ho. Located in the center of Phan Thiet city, located at 39 Trung Nhi, Duc Nghia ward; The monument was recognized by the Ministry of Culture (now Ministry of Culture, Sports and Tourism) as a national historical-cultural relic on 12/12/1986. By the Ca Ty River. Duc Thanh School is a place to mark the events of Uncle Ho's youth as Nguyen Tat Thanh stopped teaching from September 1910 to February 1911, with his enthusiasm and affection conveying literary knowledge. chemical and arouse the spirit of patriotism for his students before he came to Saigon, went abroad to find a way to save the country. Tourists from all over the country come to Duc Thanh School to learn about his beautiful life, from a simple and honest way of life to patriotism of the people and especially the image of a young teacher wholeheartedly worry about the cause of "planting people".

Duc Thanh School was born and operated from 1907 to 1912 in accordance with the general policy of the Duy Tan movement initiated by Phan Chu Trinh, that is, to develop the intellectual, firstly, to establish a teaching school. Mr. Nguyen Trong Loi and Mr. Nguyen Quy Anh are the two children of the patriotic poet and writer Nguyen Thong and the patriotic dignitaries who founded it, this is a private school with progressive teaching content at that time. The National School of Literature is the main language, besides teaching Chinese, French and gymnastics. The school has 7 teachers, the Principal is Mr. Nguyen Quy Anh, of which Mr. Nguyen Tat Thanh (named Uncle Ho at the age of 20) is the youngest.

Students at the school at the most crowded about 50 - 60 students, only 4 female students, divided into 4 classes: Fourth, third, second, first. During the time of teaching at the school, Thanh's teacher taught physical training and sports. In addition, Mr. Thanh also teaches Chinese and Chinese characters instead of other teachers who are sick or busy working. In February, Mr. Thanh left Duc Duc School in Saigon, and then on June 5, 1911 left his country, crossed the ocean to find a way to liberate the nation. Although the teaching time here is not long, Mr. Thanh has left in the hearts of students of Duc Thanh School unforgettable memories of love, morality, lifestyle, teaching methods ... The items and relics as below:

Fisheries: A place to store fishing nets and make fish and fish sauce for Nguyen Thong's descendants' family, built in 1906. In 1907, Duc Thanh School was born and became a boarding place for teachers and students. far away to teach and learn. While teaching here, teacher Thanh also stayed at this house.

Nguyen Thong Church: This is a place of worship of Nguyen Thong family and ancestors.

The Crouching Yard: It means "the nest lying down". Built

in 1880, at the end of Nguyen Thong's life, he built a house to live in and used the attic as a place to drink tea, recite poetry, commentary, review and compose in his old age and also a place for discussion. changing jobs with patriotic scholars. During the time of teaching at Thanh Duc School, Mr. Thanh often came here to read books, review papers and occasionally take lunch breaks ...

Star fruit tree and water well: The star fruit tree was planted by Nguyen Thong's wife more than a century ago. During the time of teaching at the school, Mr. Thanh often took water from the well to use for daily activities and watering plants in the garden. The star fruit tree was cared for by Mr. Thanh in 1910, and until now, he has flowers all year round, Phan Thiet people often call the star fruit tree "Uncle Ho".

The original artifacts still preserved at Duc Thanh relic include: 1 set of chaise painting, 1 set of 3 planks of wood, 1 letter case, 1 cupboard, 1 wooden ladder, casket of documents and ink grinding. , 3 small glasses, 1 tray ... These are sacred memories associated with the time and history of the years of teaching in Phan Thiet by teacher Nguyen Tat Thanh. Because this place has been associated with the event: President Ho Chi Minh with the name Nguyen Tat Thanh, on his way to the South to find a way to save the country, stopped teaching and also the time of teaching here, is the period the peak of patriotic thought, contributing to the impulse of the mind and affirming his determination to oversea to find a way to save his country and people.

After the homeland was liberated, the restored Duc Thanh School relics including the entire campus and the old architecture. The construction period was from November 1978 to December 1980, based on the remaining part of the original relics and based on the account, the sketch drawings of 4 Uncle Ho's students in 1910 were still alive. Mr. Nguyen Quy Phau, Nguyen Dang Lau, Tu Truong Phung and Nguyen Kinh Chi. The

Duc Thanh School relic was inaugurated and put into operation with a total area of 4,090m², including: Duc Thanh School, Ngu Dynasty, Crouching Du Sao, Nguyen Thong Church, Khe Tree, Water Well; Souvenir gardens, fruit trees, ornamental plants were selected from localities in the province planted by the heads of state and local leaders ... creating a complex architectural style that is both ancient and metallic. fresh airy space, please Uncle Ho's descendants whenever they have the opportunity to visit the old school where Uncle taught. Continuing to build the Exhibition House on President Ho Chi Minh's biography and revolutionary career, starting construction in 1983 and inaugurated on May 17, 1986 on the occasion of the 96th birthday of Uncle Ho.

Duc Thanh School, together with the Gallery, constitutes a complex of historical and cultural relics with special significance in the system of souvenir monuments and Ho Chi Minh Museum throughout the country. Then, every day to welcome visitors from all over the country to visit the old school Uncle taught, on holidays, sacred New Year's Eve moments, generations of descendants gather here to burn incense fragrant on Uncle Ho's altar with all their heartfelt devotion, love and gratitude to the great leader Ho Chi Minh

The valuable lessons that Uncle Ho left on this land are forever the pride and invaluable assets that Binh Thuan people have the honor and responsibility of preserving, embellishing, managing and promote, yearly more than 200,000 domestic and international visitors, especially heads of state and senior leaders of countries visit, learn and research about President Ho Chi Minh./

DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT THÁP PO SAH INU

Po Sah Inur là một trong ba nhóm đền tháp Chăm thuộc phong cách kiến trúc nghệ thuật Hòa Lai, có niên đại sớm từ đầu thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ IX. Đây là một trong những nhóm đền tháp cổ kính nhất ở Bình Thuận (trong phong cách kiến trúc nghệ thuật Hòa Lai ở Bình Thuận còn có tháp Podam (Pô Tăm) ở huyện Tuy Phong và nhóm tháp Làng Gọ ở xã Thuận Hòa, huyện Hàm Thuận Bắc) là những nhóm đền tháp cổ của vương quốc Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay ở miền Trung Việt Nam. Nhóm tháp tọa lạc trên ngọn đồi khi xưa có tên là đồi Bà Nài thuộc địa phận thôn Ngọc Lâm phường Phú Hải (xưa là Phố Hải), cách thành phố Phan Thiết khoảng 7km về hướng Đông. Cạnh tháp B trong nhóm tháp có một ngôi chùa cổ là chùa Bửu Sơn được xây dựng từ cuối thế kỷ XVIII. Phía dưới chân đồi là biển và bên phía Tây phía dưới đồi có con Sông Cái bao quanh chảy ra biển.

Nhóm đền tháp Po Sah Inur có 3 tháp gồm: Tháp Chính (tháp A), tháp thờ thần Lửa (tháp C) và tháp B thờ bò thần Nandin (cuối thế kỷ XIX vẫn còn, sau đó đã mất). Đây là nhóm đền tháp được xây dựng trên đồi cao gần biển duy nhất trong phong cách kiến trúc nghệ thuật Hòa Lai của nền văn hóa Chăm-pa, trong khi tất cả các tháp khác đều tọa lạc trên đồi cao hoặc khu vực đồng

bằng xa biển. Vì sao chỉ có nhóm tháp này lại phải được xây dựng gần biển, cho đến nay vấn đề này đang là câu hỏi chưa có lời giải đáp từ phía các nhà khoa học. Các giá trị hiếm có của di tích về lịch sử, niên đại, văn hóa, nghệ thuật kiến trúc và những nội dung khác liên quan như sự gắn kết giữa văn hóa vật thể với văn hóa phi vật thể, giữa lễ nghi lễ hội của cộng đồng người Chăm với tháp Po Sah Inu từ xưa đến nay chứng minh là nhóm đền tháp có vai trò quan trọng đặc biệt trong số các di tích kiến trúc ở địa bàn tỉnh Bình Thuận nói riêng và của cả di sản văn hóa Chămpa nói chung.

Tháp Chính thờ thần chủ Siva, trong lòng tháp vẫn còn bệ thờ Linga - Yoni là biểu tượng của thần, có niên đại cùng thời với tháp cho đến nay. Từ thế kỷ XIX - XX nhiều người thường gọi là tháp Phố Hải trùng với địa danh ở đây, trong sách “Inventaire descriptif des nonnumorits Chăms de L’annap” của nhà khảo cổ học, sử học người Pháp H.Parmentier cũng gọi là tháp Phố Hải. Khoảng từ thế kỷ XX về sau người Chăm gọi là tháp Po Sah Inu là tên của công chúa, chị ruột của vua Podam và đều là con của vua Chăm ParaChanh mà sử Việt gọi là La Khải. Sau khi Po Sah Inu mất, Hoàng tộc Chăm đã xây đền thờ để thờ Bà trong khuôn viên tháp Phố Hải. Như vậy có thời kỳ nhóm đền tháp này tồn tại 2 tên là Phố Hải và Po Sah Inu.

Từ khoảng thế kỷ XVI trở về sau đền thờ Bà bị sụp đổ, cùng thời gian này cả 3 tháp trong nhóm cũng sụp đổ dần, tạo nên một lớp đất, gạch, đá dày gần 2m bao phủ toàn bộ khuôn viên tháp. Lúc này người Chăm sử dụng luôn tháp Chính vốn thờ thần Siva từ hơn 800 năm trước để thờ công chúa Po Sah Inu. Dấu tích của đền thờ được phát hiện qua đợt khai quật khảo cổ từ năm 1991 - 1995 cùng với nền móng các đền thờ và rất nhiều các loại ngói lợp, ngói trang trí và vật thờ. Đợt khai quật lần này cũng đã phát hiện nhiều hiện vật quý gắn liền với các lễ nghi, lễ hội thời kỳ này như: tượng thần, tù và bằng gốm, bộ Rasun batau (Pesani), bình gốm, mảnh tai và

một bàn chân bò thần Nandin bằng đá granit, ống điều và vòi ấm bằng đất nung, chén, đĩa, nồi gốm...

Có thể khái quát lại một số nét chính về kiến trúc là toàn bộ các thể khối xây và điêu khắc của cả nhóm tháp hoàn toàn làm bằng gạch nung trước khi xây dựng. Chất kết dính là nhựa thực vật mà chủ yếu là dầu rái. Các trụ áp tường hình trụ, nổi bật là 2 trụ phía ngoài cửa của tháp Chính. Các mảng tường ít trang trí hoa văn mà thường để trơn hoặc chạm sâu vào gạch các ô hình chữ nhật. Hoàn toàn không dùng chất liệu đá trong kiến trúc và trang trí nghệ thuật hoặc làm đà tạo lực trên thân và đỉnh tháp. Ngoại trừ bộ thờ Linga - Yoni và một số tượng thần, tượng bò thần Nandin.

Tháp Chính là tháp lớn và cao nhất trong nhóm. Tháp cao 16m; có tất cả 3 tầng, hai tầng trên có kiến trúc gần giống tầng dưới nhưng giảm dần kích thước cũng như các chi tiết kiến trúc và nghệ thuật. Cứ như vậy, nhỏ dần và cao vút lên trên cùng với phần mái tháp. Ở lưng chừng mái tháp có 4 lỗ thông hơi về 4 hướng, nhằm thông hơi và hút khí nóng trong lòng tháp ra ngoài, phần nào tạo sự cân bằng giữa bên trong và bên ngoài, sự hòa hợp giữa thần linh và trời đất. Đây chính là điểm nhấn về tâm linh khi các chức sắc thực hiện lễ nghi và họ tin rằng, các vị thần từ cõi trên đi về bằng con đường này. Tháp Chính cũng là nơi được tập trung những giá trị về kiến trúc vật chất và tinh thần cũng như về tâm linh, tín ngưỡng tôn giáo. Ngày nay ngoài các vị chức sắc đại diện cho tầng lớp tu sĩ người Chăm ở địa phương chủ trì hành lễ ở trong tháp, những người dân thường và du khách cũng có thể vào cầu khẩn thần linh ở bộ thờ Linga - Yoni, kể cả ngày lễ và ngày thường.

Tháp B: Tháp cao 12m, có 3 tầng như tháp A nhưng nhỏ hơn. Trong lòng tháp thờ bò thần Nandin mà từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX người dân địa phương vẫn thấy, sau đó không thấy nữa. Trong đợt khai quật khảo cổ những năm 1991 - 1995, đã tìm thấy một số mảnh và bàn chân của bò thần

Nandin. Trước tháp có một sân lễ lớn, hiện nay dùng dựng rạp trong lễ Katê¹.

Tháp C: Do chức năng nguyên thủy ban đầu là thờ thần Lửa nên kiến trúc chỉ có 1 tầng bao gồm cả chân đế, thân và đỉnh tháp, tháp có chiều cao 5m; chiều rộng mỗi cạnh gần 4m. Dấu vết sụp đổ cho biết hàng trăm năm trước cho đến những năm 80 của thế kỷ XX, phần đỉnh và mái tháp bị sạt đổ cùng với đế tháp bị mủn mục sâu vào bên trong thân tháp. Sau khi tu bổ tôn tạo xong, chức năng của tháp được sử dụng lại, nhưng chủ yếu là nơi người ta để lễ vật trước khi vào hành lễ ở tháp Chính. Cả 3 ngôi tháp trong nhóm Po Sah Inur đã được tu bổ, tôn tạo lại nhiều lần để có được hình dáng kiến trúc và không gian văn hóa như hiện tại.

Lễ nghi và lễ hội: Từ trước cho đến nửa đầu thế kỷ XX người Chăm thường thực hiện nhiều lễ nghi ở đây. Từ năm 2005 lễ hội Katê được phục dựng với đầy đủ các quy trình về không gian, thời gian, hình thức, nội dung và giá trị nguyên gốc như xưa. Từ lúc được phục dựng cho đến nay và mãi sau này, hàng năm lễ hội Katê được tổ chức đều đặn để cùng với tháp Po Sah Inur cổ kính làm nên điểm đến thu hút du khách tạo đà cho phát triển du lịch./.

¹ Katé – Theo từ điển Chăm – Việt - Anh, NXB Tri Thức năm 2014



Trình diễn nhạc cụ Chăm trong lễ hội Katê tại tháp Po Sah Inu
Performing Cham musical instrument during Kate festival at Po Sah Inu tower



Tổng quan kiến trúc tháp Po Sah Inu
Overview of Po Sah Inu tower architecture

ARCHITECTURE ARTISTIC PO SAH INU TOWER

Po Sah Inu is one of three groups of Cham temples and pagodas of Hoa Lai art architecture style dating from the early eighth to the ninth century. This is one of the most ancient temple towers in Binh Thuan (in the style of Hoa Lai art and architecture in Binh Thuan, there is also the Podam (Po Tam) tower in Tuy Phong district and Lang Go tower group in Thuan Hoa commune, district Ham Thuan Bac) are the ancient temple towers of the remaining Champa kingdom to this day in Central Vietnam. The group of towers is located on a hill named Ba Nai hill in Ngoc Lam hamlet, Phu Hai ward (formerly known as Pho Hai) in the past, about 7km to the east of Phan Thiet city. Next to Tower B in the tower group, there is an ancient pagoda named Buu Son pagoda built in the late eighteenth century. At the bottom of the hill is the sea and on the West side of the hill is the surrounding Cai River flowing to the sea.

Po Sah Inu temple tower group has 3 towers including: Main Tower (Tower A), the Tower of the God of Fire (Tower C) and the Tower B worship the cow god Nandin (at the end of the nineteenth century still, then lost). This is a group of temple towers built on a high hill near the sea in the Hoa Lai

architectural style of Champa culture, while all other towers are located on high hills or plain areas far from the sea. Why only this group of towers must be built near the sea, so far this problem is an unanswered question from the scientists. The rare values of historical, chronological, cultural, architectural and other related relics, such as the connection between tangible culture and intangible culture, and the festival ritual of the Cham community with the Po Sah Inu tower from the past until now proves that the temple group plays an important role especially among the architectural monuments in Binh Thuan province in particular and of the Champa cultural heritage, in general.

The Main Tower is dedicated to the god Siva, in the heart of the tower is the pedestal of the Linga - Yoni symbol of god, dating to the same time of the tower until now. From the nineteenth century to the twentieth century many people called the Tower of Comedy coincide with the place here, in the book “Inventaire descriptif des nonumorits Cham by L’annap” by French archaeologist and historian H.Parmentier also called Pho Hai tower. About the twentieth century onwards the Chams called the Po Sah Inu tower as the name of the princess, the elder sister of King Podam and all the children of King Cham ParaChanh that Vietnamese history called La Khai. After the death of Po Sah Inu, the Cham royal family built a temple to worship her in Pho Hai tower. So there was a period when this group of temples existed two names: Pho Hai and Po Sah Inu.

From about the sixteenth century onwards, after the collapse of the Ba temple, at the same time all three towers in the group also gradually collapsed, creating a layer of soil, bricks and stones nearly 2m thick covering the entire tower. At this time, Cham people used the Main tower, which worshiped Siva more than 800 years ago to worship Princess Po Sah Inu. Traces of the temple were discovered through archaeological

excavations from 1991 to 1995 along with the foundations of the temple and many types of roofing tiles, decorative tiles and altar objects. Excavations this time also discovered many precious artifacts associated with rituals, festivals in this period such as: statues of gods, prisoners and pottery, Rasun batau (Pesani), ceramic pots, ear pieces and a table. Nandin cow's feet are made of granite, pipes and earthenware pots, cups, plates, ceramic pots, etc.

General features of architecture can be summarized that all the building blocks and sculptures of the whole tower group are entirely made of baked bricks before construction. The binder is vegetable resin, which is mainly otter oil. The striking cylindrical wall pillars, 2 are outside the main gate of the Main tower. The walls are less decorative, but often slippery or deep into the rectangular tiles. Absolutely do not use stone materials in architecture and art decoration or momentum to create momentum on the body and top of the tower. Except for the pedestal of Linga - Yoni and some idols, Nandin cow statue.

Main Tower is the largest and tallest tower in the group. 16m high tower; There are 3 floors, the two upper floors have the same architecture as the lower floor but gradually reduce the size as well as the architectural and artistic details. Just like that, smaller and taller upwards along the tower roof. In the middle of the tower is 4 vents in 4 directions, to vent and draw hot air inside the tower outward, partly creating a balance between inside and outside, the harmony between gods and heaven. This is the spiritual highlight when the dignitaries perform the ritual and they believe that the gods from the upper realms go back this way. The Main Tower is also a place where the values of material and spiritual architecture, spiritual and religious beliefs are gathered. Today, in addition to the dignitaries representing the Cham religious classes in the locality who preside over the ceremony in the tower, ordinary people and tourists can also

go to the divine invitations at the shrine of Linga - Yoni, both holidays and weekdays.

Tower B: 12m high tower, has 3 floors like Tower A but smaller. In the heart of the tower is worshipping the god Nandin that from the end of the nineteenth century to the beginning of the twentieth century, the locals still see it, then not see it anymore. During archaeological excavations from 1991 to 1995, several pieces and feet of the god Nandin were found. In front of the tower is a large ceremony yard, currently used to set up theaters during the Kate festival.

Tower C: Due to its original function of worshipping the Fire god, the architecture has only 1 floor including the base, body and top of the tower, the tower is 5m high; width of each side is nearly 4m. The traces of collapse indicate that hundreds of years ago until the 80s of the twentieth century, the top and the roof of the tower collapsed along with the base of the tower to decay deeply into the body of the tower. After the renovation and restoration of the tower, the function of the tower was reused, but it was mainly a place where people made offerings before the ceremony in the Main Tower. All 3 towers in the Po Sah Inu group have been renovated and rebuilt many times to get the current architectural shape and cultural space.

Rituals and festivals: until the first half of the twentieth century, the Cham often performed many rituals here. Since 2005, Kate festival has been restored with all the processes of space, time, form, content and original value as before. Since being restored up to now and forever, yearly Kate festival is held regularly to join the ancient Po Sah Inu tower to create a tourist attraction to create momentum for tourism development./.

DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH LÀNG ĐỨC THẮNG

Đình làng Đức Thắng tọa lạc tại phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Nằm cách chợ Phan Thiết khoảng 50m về hướng Đông Nam.

Thế kỷ XVII - XVIII, thực hiện chủ trương Nam tiến của các chúa Nguyễn, vùng đất Phan Thiết đã trở thành nơi quy tụ các bộ phận di dân từ nhiều địa phương khác nhau ở vùng Bắc Trung bộ đến khẩn hoang, lập làng và định cư sinh sống. Các làng, ấp nối liền nhau được hình thành, đồng thời với quá trình đó là những mâu thuẫn liên quan đến việc tranh chấp đất đai giữa các làng. Nổi cộm nhất là mâu thuẫn xảy ra giữa làng Đức Thắng và làng Đức Nghĩa liên quan đến việc tranh chấp đất đai ngày càng gay gắt đã dẫn đến xung đột giữa hai làng.

Năm 1816, nhân một lần tả quân Lê Văn Duyệt kinh lý vùng đất phía Nam có đi ngang qua Phan Thiết, ông Trần Chất - người có vai vế trong làng Đức Thắng cùng dân làng ra chặn đầu ngựa để dâng sớ xin được giải quyết tranh chấp và xin được xây cầu mở chợ. Tả quân Lê Văn Duyệt thấy vô cớ bị dừng xe giữa đường đã giận dữ khép tội dân làng phạm thượng và cho quân lính chém đầu ông Trần Chất ngay tại chỗ. Sau chuyến kinh lý trở về kinh đô đọc lại tờ sớ và xét thấy nhân dân làng Đức Thắng

vô tội, tá quân Lê Văn Duyệt đã tấu trình lên vua xin phong cho ông Trần Chất làm Tiền hiền của làng Đức Thắng. Cảm kích trước hành động dũng cảm, vì dân của ông Trần Chất, người dân làng Đức Thắng đã tiến hành xây dựng đình làng để tôn thờ, xây mộ khắc bia và ghi lại công đức của Ông để tỏ lòng biết ơn và lưu lại cho hậu thế.

Đình làng Đức Thắng ban đầu được dựng bằng tranh lá đơn sơ để thờ Thành hoàng Bồn cảnh và các bậc Tiền hiền có công trong việc quy tụ nhân dân mở mang đất đai lập làng và dựng đình. Hiện nay trên xà cò ở nóc ngôi Chính điện vẫn còn lưu lại những dòng Hán Nôm cổ khắc ghi niên hiệu và thời gian trùng tu đình: “Tân Sửu chí Đình Mùi”. Nghiên cứu các tài liệu liên quan đang lưu giữ tại đình làng có thể xác định thời gian khởi công tạo dựng đình làng từ năm Tân Sửu (1841) năm Thiệu Trị thứ 1, đến năm Đình Mùi (1847) năm Thiệu Trị thứ 7 mới hoàn thành. Quần thể kiến trúc đình làng Đức Thắng được bố trí theo bình đồ chữ tam (≡), trình tự từ ngoài vào là cổng Tam quan, Võ ca, Chính điện và gian thờ Tiền hiền nằm về bên tả Chính điện.

Các hạng mục kiến trúc đình làng Đức Thắng được tạo dựng từ nguyên vật liệu dân gian, kỹ thuật lắp ghép, nối ráp tinh xảo, công phu đã liên kết hàng trăm chi tiết gỗ tạo nên bộ khung vững chắc; nghệ thuật tạo hình, điêu khắc gỗ đặc sắc trong trang trí nội thất được tạo tác công phu và hài hòa. Kết cấu bộ khung gỗ của các hạng mục kiến trúc từ cột, kèo, trính, con đội, đòn tay... đều sử dụng các loại gỗ tốt có kích thước to cao và chắc nặng; hầu hết đều được các nghệ nhân xưa tạo dáng, gờ chỉ sắc nét, chạm trổ nhiều hình tượng, họa tiết dân gian sống động và uyển chuyển bằng kỹ thuật thủ công truyền thống. Nghệ thuật tạo dáng và trang trí đắp nổi trên các nóc mái đình được thể hiện khá công phu và tinh tế; các phù điêu, họa tiết đắp nổi như lưỡng long tranh châu, chim phượng, kỳ lân, giao long, các điển tích xưa... được thể hiện hài hòa và uyển chuyển.

Cổng Tam quan được tạo dựng theo lối kiến trúc truyền thống như một số cổng đình ở các tỉnh phía Bắc, hiện nay ở Bình Thuận chỉ có đình làng Đức Thắng và đình Bình An (Tuy Phong) là hai ngôi đình hiếm hoi còn bảo lưu được cổng Tam quan xưa như thuở mới tạo lập.

Chính điện là một công trình kiến trúc nghệ thuật dân gian to lớn và hoàn mỹ nhất cả về mặt kiến trúc lẫn nghệ thuật điêu khắc, tạo hình trên nóc mái và bên trong nội thất. Bộ khung Chính điện sử dụng 36 cột gỗ tròn bố trí thành 6 hàng dọc chia nội thất làm 3 gian 2 chái và đây là nơi thờ Thành hoàng của làng.

Đình làng Đức Thắng chứa đựng các giá trị về lịch sử và văn hóa, lưu giữ nhiều tư liệu Hán Nôm cổ phản ánh khá đầy đủ hoàn cảnh lịch sử buổi hoang sơ ban đầu trong quá trình khai khẩn, tạo lập làng xã và xây dựng đình ngày trước. Ngoài ra, còn bảo lưu khá nhiều di vật cổ xưa có giá trị sử dụng trong việc thờ phụng và cúng tế từ trước đến nay tại đình; trong đó có 13 sắc phong của các đời vua triều Nguyễn ban tặng cho Thành hoàng Bản cảnh của làng và một số vị thần phối thờ khác tại đình.

Hàng năm tại đình làng Đức Thắng diễn ra 2 kỳ tế lễ chính: lễ hội tế Xuân diễn ra vào ngày 15 - 16 tháng 2, lễ hội tế Thu và giỗ Tiên hiền tổ chức vào ngày 15 - 16 tháng 9 Âm lịch. Lễ hội hàng năm tại đình là dịp thu hút đông đảo người dân địa phương và du khách gần xa về tham dự, dâng hương lên Thành hoàng làng cầu mong cho cộng đồng có cuộc sống no đủ và bình an; cũng như tưởng niệm công ơn của ông bà tổ tiên, nhớ về truyền thống, cội nguồn và thắt chặt mối đoàn kết tương thân tương ái của cộng đồng.

Đình làng Đức Thắng đã được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia tại Quyết định số 1371/QĐ ngày 03/8/1991./.



Tổng thể kiến trúc đình làng Đức Thắng
The overall architecture of Duc Thang village temple



Liên kết bộ khung gỗ ở nội thất Chính điện đình làng Đức Thắng
Linking wooden frame in the main hall of Duc Thang village temple

DUC THANG VILLAGE TEMPLE ARTS ARCHITECTURE

Duc Thang village temple is located in Duc Thang ward, Phan Thiet city, Binh Thuan province. Located about 50m from Phan Thiet market to the Southeast direction.

Duc Thang village temple is located in Duc Thang ward, Phan Thiet city, Binh Thuan province. Located about 50m from Phan Thiet market to the Southeast.

In the seventeenth and eighteenth centuries, implementing the Southern advance policy of the Nguyen Lords, the land of Phan Thiet became a gathering place for immigrants from various localities in the North Central Coast to reclaim the land, set up villages and settled down to live. Concerned villages were formed, at the same time with the process that was the conflict related to land disputes between villages. The most prominent is the conflict between Duc Thang and Duc Nghia villages regarding the increasingly fierce land disputes that have led to conflicts between the two villages.

In 1816, on the left of Le Van Duyet, a soldier of the southern region passed through Phan Thiet, Mr. Tran Chat - a man in Duc Thang village and the villagers stopped the horse's head to offer a solution. disputes and ask to build a bridge to

open the market. Le Van Duyet, the army commander, found that he had no reason to be stopped in the middle of the road, angrily closed off the villagers of blasphemy and allowed soldiers to behead Tran Chat on the spot. After the business trip back to the capital, I read the paper again and found that the people of Duc Thang village were innocent, the leftist Le Van Duyet presented himself to the king to make Mr. Tran Chat become Tien Hien of Duc Thang village. Appreciated by the courageous act, for the people of Mr. Tran Chat, the people of Duc Thang village built a village temple to worship, build a gravestone and record his merit to express gratitude and save for posterity.

Duc Thang village temple was originally erected by simple leaf paintings to worship the tutelary god and patron saints who had merit in gathering people to expand the land to establish a village and build a village temple. Currently, on the stork at the roof of the Palace, there are still ancient Han Nom lines engraved with the date and time of restoration: “Tan Suu Chi Dinh Mui”. The study of related documents stored at the village temple can determine the commencement of the construction of the village temple from the year of Tan Suu (1841) in the year of Thieu Tri to the year of Dinh Mui (1847) of the year of Thieu Tri in the 7th year. just completed. The architectural complex of Duc Thang village temple is arranged in a triangular (≡) plan, from the outside to the gate of Tam Quan, Vo ca, Chinh Dien and Tien Hien worship temples located to the left of the Main Palace.

Duc Thang village temple architecture items are made up of folk materials, sophisticated and meticulous assembly and assembling techniques linking hundreds of wood details to create a solid frame; visual arts, wood sculpture featured in interior decoration are elaborately and harmoniously. Structure of wooden frames of architectural items from columns, trusses, horns, detachments, beams, etc., all using good quality timber, which are large, high and heavy; Most of them are designed

by the ancient artisans, the edges are only sharp, carved many images, vivid and flexible folk motifs by traditional manual techniques. The art of creating designs and embossing on the roofs of houses is shown quite elaborately and subtly; the reliefs, embossed motifs such as the two dragon paintings of pearl, phoenix, unicorn, dragon fruit, the ancient relics ... are expressed harmoniously and flexibly.

Tam Quan gate was built in the traditional architecture like some communal gates in the Northern provinces, currently in Binh Thuan, only Duc Thang and Binh An temples (Tuy Phong) are two rare village temples. save the old Tam Quan port as the time of creation.

The main hall is the largest and most perfect folk art architecture in both architecture and sculpture, shaping on the roof and inside the interior. The main hall uses 36 wooden columns arranged in 6 rows along the interior to divide into 3 compartments and 2 wings and this is the place to worship the tutelary god of the village.

Duc Thang village temple contains historical and cultural values, preserving many ancient Han Nom documents that fully reflect the historical background of the early pristine wilderness during the process of reclaiming, establishing villages and building erected days ago. In addition, there are still many ancient relics worth using in worship and sacrifice so far in the family; including 13 ordinations of the Nguyen dynasties bestowed to the tutelary god the scene of the village and a number of other deities at home.

Every year in Duc Thang village temple, there are 2 main sacrifices: the Spring sacrifice festival takes place on February 15 - 16, the Thu Hien festival and the death anniversary of Tien Hien are held on September 15-16 of the lunar calendar. The annual festival at the village temple attracts a large number of

locals and tourists from near and far to attend, offering incense to the village tutelary village to pray for the community to have a full and peaceful life; as well as commemorating the merits of ancestors, remembering traditions, roots and tightening solidarity and solidarity of the community.

Duc Thang village temple was ranked as a national architectural and artistic monument by the Ministry of Culture and Information (now the Ministry of Culture, Sports and Tourism) in Decision No. 1371 / QĐ of August 3, 1991. / .

DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ NGHỆ THUẬT ĐỀN THỜ PO KLONG MƠH NAI VÀ SƯU TẬP DI SẢN VĂN HÓA HOÀNG TỘC CHĂM

Vua Po Klong Moh Nai

Po Klong Moh Nai là một trong những vị vua cuối cùng của vương quốc Chăm-pa. Theo biên niên sử của người Chăm, gia tộc Ông là người trong Hoàng tộc từ những đời trước. Ông lên ngôi từ đầu thế kỷ XVII đến năm 1627 thì nhường ngôi lại cho con rể là vua Po Klong Gahul. Thời gian trị vì tương đối dài, Ngài đã có những công hiến lớn đối với dân tộc Chăm trên các lĩnh vực. Khi vương quốc ngày càng bị thu hẹp dần về mọi phương diện thì quyền lực của nhà vua ngày càng bị hạn chế, không còn như trước. Lúc này gần như chỉ còn lại vùng Panduranga tức là Ninh Thuận và Bình Thuận ngày nay.

Sinh thời Ngài là nhà vua có công lớn trong việc đã huy động dân khai hoang, mở mang ruộng vườn, làng mạc, cho khai thông và đào mới các hệ thống mương đập tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và các nghề thủ công được truyền lại từ tổ tiên nhiều đời trước, nhất là nghề kim hoàn, dệt và gốm. Trong đó hệ thống mương đập gần Sông Lũy đã phát huy tác dụng ở thời kỳ này và cả về sau. Nhiều đời sau người Chăm ví công lao của Ông chẳng khác nào công lao của vua Pô Klong Garai thế kỷ XIII ở

Phan Rang với những công trình thủy lợi do Ông thiết lập ở vùng đất khô cằn này.

Đền thờ Po Klong Moh Nai

Đền thờ vua Po Klong Moh Nai được xây dựng trên một khu đồi cao, đầu thế kỷ XX thuộc làng Lương Sơn, tổng Vĩnh An, huyện Hòa Đa (nay là thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình). Cách Quốc lộ 1A 250m về phía Đông Bắc (đoạn đường vòng cung). Cách thành phố Phan Thiết 50km về phía Bắc và cách trung tâm huyện Bắc Bình 15km về hướng Đông Nam. Theo quan niệm tôn giáo và truyền thống xưa của người Chăm đạo Bàlamôn, khi các vị vua chúa tạ thế, triều đình và hoàng tộc phải chọn đồi cao để chôn cất và lập đền để thờ phụng. Vì họ tin rằng ở các đỉnh núi cao là nơi cư ngụ của thần linh. Ở vị trí trên đỉnh đồi cao trước là để thỏa mãn các ý tưởng về tôn giáo đối với vua chúa; cũng vị trí này gọi cho người ta thấy về uy lực của các vương triều và vị vua Chăm.

Đền thờ gồm 4 gian phòng xây theo kiểu hình chữ T với cửa mở về hướng Đông và hướng Bắc. Đây là ngôi đền đã được xây dựng và tu bổ lại nhiều lần trên nền của ngôi đền cổ bị cháy, mà vết tích còn lại là nền móng xây bằng gạch với số lượng lớn hiện còn bao quanh đền thờ với chiều cao 1,2m.

Gian điện Chính của đền thờ gồm có 3 tầng và thu nhỏ lại phần đỉnh, dạng như một ngôi tháp. Trên đỉnh có 4 con Makara (dạng như con rồng trên đỉnh làng hay chùa chiền trong văn hóa người Việt) tỏa ra 4 hướng. Cửa chính trở về hướng Đông, bên ngoài chạm trở hình tượng Makara, 2 cánh cửa nặng bằng gỗ có lối kiến trúc như cửa tháp. 2 cửa phụ của đền thờ vua thì một trở về hướng Bắc, một trở về hướng Nam thông qua phòng của hai bà hoàng hậu.

Trung tâm của gian điện Chính đặt tượng vua Po Klong Moh Nai. Tượng được điêu khắc từ một khối đá xanh đen với đầy đủ các loại hoa văn, gờ chỉ của vua chúa Chăm và bệ tượng

được tạc trên một khối đá khác. Đầu đội vương miện, trang trí nhiều họa tiết thuộc nghệ thuật Chăm phổ biến cùng thời trên trang phục; ngực mang một vòng ngọc, một đai thắt lưng lớn trang trí bằng những hình hoa hồng 4 cánh quanh thân.

Điện thờ phía Bắc: Có kết cấu kiến trúc gần giống như điện thờ Chính. Cửa chính trở ra hướng Đông và một cửa phụ trở về hướng Nam thông qua phòng thờ vua. Ở đây đặt tượng hoàng hậu người Chăm là bà Po Bia Sơm. Tượng được tạc từ một khối đá xanh đen. Bộ tượng được thu nhỏ lại thành một cái bệ có trang trí đẹp đẽ, không có rãnh nước chảy như rãnh bệ Yoni ở bộ tượng. Đầu đội vương miện, hai cánh tay thon dài có mang những chiếc vòng xuyên. Bên trái và bên phải hoàng hậu Po Bia Sơm có hai tượng Kut trang trí đẹp. Theo truyền thuyết thì hai tượng Kut đó là thờ các con trai và con gái của hoàng hậu.

Điện thờ phía Nam: Cũng có kết cấu kiến trúc từ hình dáng đến kích thước hoàn toàn trùng lặp của điện thờ phía Bắc. Thiết kế của hai điện thờ này là một, không có điểm nào khác biệt, trừ vị trí. Điểm khác biệt rất cơ bản là tượng thờ bên trong. Tượng bà hoàng hậu người Việt; cho đến nay chưa có sử sách nào ghi chép hoàng hậu người Việt tên gì và làm vợ vua Po Klong Mơ Nai trong hoàn cảnh lịch sử nào. Ngay trong dòng dõi Hoàng tộc Chăm còn lại cũng không ai hay biết, chỉ biết bà là hoàng hậu người Việt. Tượng được tạc rất đẹp, dáng người cao, thon, ngực cân đối. Điểm để phân biệt thành phần dân tộc của hai bà hoàng hậu ngoài những đặc điểm nhân chủng trên nét mặt, vị trí thờ... điểm cơ bản nữa là trên đai hoàng hậu người Chăm chạm trở nhiều họa tiết 4 cánh như ở đai tượng vua thì trên đai tượng lưng bà hoàng hậu người Việt lại chạm trở những hình bông sen rõ nét. Bức họa lớn trên tường phía sau lưng hoàng hậu vẽ một con phượng lớn và hai bên hai con phượng đứng chầu. Điểm này giống các bức họa của các bà hoàng hậu ở triều Nguyễn. Hai bên phải, trái của bà còn có hai tượng Kut chạm trở đẹp. Những người trong Hoàng tộc Chăm cho đó là Kut của hai con bà.

Điện phụ phía Đông trước điện Chính: Đây là gian phòng khá lớn và không có một mảng tường nào, trống trải. Ở vào vị trí các tháp Chăm, ngôi nhà này đóng vai trò tháp cổng trước khi vào tháp Chính, ở đây cũng không ngoài mục đích đó. Nối liền với đền phụ này còn có một ngôi đền lớn hướng Đông mà trong vụ hỏa hoạn giữa thế kỷ XIX đã thiêu rụi toàn bộ. Nền của ngôi điện hiện vẫn còn, các nhà nghiên cứu người Pháp trước đây mô tả rất rõ ngôi điện này. Trước đây ngôi điện thờ được sử dụng để thực hiện các lễ nghi tôn giáo phụ và là nơi chờ đợi hành lễ nơi điện Chính.

Bộ Suu tập di sản văn hóa Hoàng tộc Chăm

Những năm đầu thế kỷ XX khi khảo sát và nghiên cứu văn hóa Chăm ở Bình Thuận, một số nhà khảo cổ người Pháp gọi các Suu tập của các vua Chăm, trong đó có Bộ Suu tập là “Kho tàng các vị vua Chăm”. Trong khoảng thời gian từ nửa cuối thế kỷ XX, Bộ Suu tập di sản văn hóa Hoàng tộc do dòng tộc hậu duệ vua Po Klong Moh Nai đứng đầu là bà Nguyễn Thị Thềm, người trong Hoàng tộc được quyền thừa kế lưu giữ những di sản quý báu này. Nhà Bà ở thôn Tịnh Mỹ, xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Bộ Suu tập di sản còn lại chủ yếu là của vương triều vua Po Klong Moh Nai. Ngoài ra, còn có một số di sản của các bậc vua chúa từ các thế kỷ trước để lại.

Bộ Suu tập có khoảng 100 hiện vật gốc, bao gồm trang phục của vua, hoàng hậu, vương miện, vũ khí, các loại đồ dùng và phương tiện trong Hoàng tộc có niên đại thế kỷ XVII, XVIII. Trong số đó vương miện vua Po Klong Moh Nai và vương miện hoàng hậu Po Bia Som là những hiện vật nguyên gốc còn lại có giá trị cao về nghệ thuật chạm khắc. Đây là vương miện duy nhất còn lại của các vị vua Chăm ở những giai đoạn lịch sử cuối cùng của vương quốc Chăm-pa. Sẽ thiếu sót nếu như không kể đến các loại dấu ấn của triều đình và Suu tập sắc phong của các vị vua triều Nguyễn trong hơn 100 năm đã phong tặng cho vua Po Klong Moh Nai 3 sắc phong từ đời vua Minh Mạng, Duy Tân và Khải Định. Đây là Bộ Suu tập khá đầy đủ và quý hiếm của

Hoàng tộc Chăm ở nửa đầu thế kỷ XVII còn lại, đã thu hút nhiều du khách đến tham quan nghiên cứu./.



Vương miện vua, hoàng hậu trong Bộ Sưu tập di sản văn hóa Hoàng tộc Chăm
Crown and queen crowns in the Collection of Cham royal cultural heritage



Tượng vua Po Klong Moh Nai
Statue of Po Klong Moh Nai

HISTORY AND ART OF THE PEOPLE PO KLONG MOH NAI AND COLLECTIVE HERITAGE OF CHAM ROYAL CULTURE

King Po Klong Moh Nai

Po Klong Moh Nai is one of the last kings of the Champa kingdom. According to the Annals of the Cham people, his family was from the royal family from previous generations. He ascended the throne from the early seventeenth century to 1627 and gave the throne to his son-in-law, King Po Klong Gahul. Relatively long reign, he has made great contributions to the Cham people in the field. As the kingdom became smaller and smaller in every aspect, the king's power became more and more limited, not the same as before. At that time, there was almost only Panduranga region, which is today Ninh Thuan and Binh Thuan.

During his lifetime, he was the king who had great merit in mobilizing people to reclaim, expand gardens and villages, open and dug new irrigation systems to serve agricultural production and handicrafts. He descended from ancestors many generations ago, especially jewelry, weaving and pottery. In particular, the system of dams near Luy River was effective in this period and later. Many generations later the Cham people compared his merit to that of the 13th century King Po Klong Garai in Phan

Rang with the irrigation works established by him in this arid region.

Po Klong Moh Nai Temple

Temple of King Po Klong Mohh Nai was built on a high hill, in the early twentieth century in Luong Son village, Vinh An province, Hoa Da district (now Luong Son town, Bac Binh district). 250m from Highway 1A to the Northeast (arc section) 50km from Phan Thiet city to the North and 15km to the center of Bac Binh district to the Southeast. According to the ancient religious and traditional conception of the Brahmin Cham people, when the kings died, the royal court and the royal family had to choose high hills to bury and set up temples to worship. Because they believed that the high mountains were inhabited by gods. At the top of the hill is to satisfy religious ideas for kings; This position also reminds people of the power of the Cham kings and kings.

The temple consists of 4 rooms built in a T-shape with doors opening to the east and north. This is a temple that has been built and remodeled many times on the base of an old temple that burned, but the remnant is a large brick foundation that still surrounds the temple with a height of 1.2m. .

The main hall of the temple consists of 3 floors and shrinks to the top, like a tower. On the top are 4 Makara (like a dragon on a village temple or a temple in Vietnamese culture) radiating in 4 directions. The main door is sculpted to the east, carved outside the image of Makara, 2 heavy wooden doors with architecture like a tower door. 2 side doors of the king's temple are one to the north, one to the south through the room of the two queens.

In the center of Chinh's temple is the statue of King Po Klong Moh Nai. The statue is sculpted from a dark blue stone block with all kinds of patterns, Cham ledges and the statue are carved on another stone block. Head crown, decorated with

many motifs of popular Cham art on the dress; chest with a pearl necklace, a large waist belt decorated with 4-petaled roses around the body.

Northern Shrine: Has an architectural structure almost like the Main Shrine. The main door opens to the east and an extra door opens to the south through the king's chamber. Here the Cham queen statue is Mrs. Po Bia Rom. The statue is carved from a black green stone. The pedestal was shrunk to a beautifully decorated pedestal, with no gutter flowing like the Yoni pedestal on the pedestal. Head wearing a crown, two slender arms with bangles. To the left and to the right of Queen Po Bia Rom are two beautifully decorated Kut statues. According to legend, the two Kut statues are dedicated to the queen's sons and daughters.

Southern Shrine: There are also architectural structures from the shape to the completely overlapping size of the Northern Shrine. The design of these two shrines is one, there is no difference, except the location. The very basic difference is the statue of worship within. Statue of the Vietnamese queen; To date, no historical record has been recorded of the Vietnamese queen's name and the wife of King Po Klong Moh Nai in any historical context. Even in the remaining Cham royal lineage nobody knows, only knows she is a Vietnamese queen. The statue is carved very beautiful, tall figure, slim, balanced chest. The point to distinguish the ethnic composition of the two queens is in addition to the human characteristics on the facial features, the worshiping position ... Another basic point is that on the Cham queen belt, there are many 4-petal rosettes as in the king's statue. then on the back of the statue, the queen of the Vietnamese woman carvings clear lotus images. The large painting on the wall behind the queen depicts a large phoenix and flanked by two phoenixes. This point resembles paintings of the queens at the Nguyen Dynasty. On the right and left sides of her body are two beautiful sculptured Kut statues. Those of the

Cham royal family consider it the Kut of their two children.

The secondary power to the East in front of the Main Palace: This is a quite large room and does not have a wall, empty. In the location of the Cham towers, this house plays the role of the gate tower before entering the Main Tower, here is no exception for that purpose. Connected to this auxiliary temple is a large temple in the east that was burned down in the middle of the nineteenth century. The ground of the temple is still present, the French researchers have previously described this temple very clearly. In the past, the temple was used to perform religious services and was the waiting area for the temple.

Collection of Cham royal cultural heritages

In the early years of the twentieth century when surveying and studying Cham culture in Binh Thuan, some French archaeologists called Collections of Cham kings, including the Collection as “Treasure of Cham kings”. . In the period from the second half of the twentieth century, the Royal Cultural Heritage Collection was headed by the descendant of King Po Klong Moh Nai, Mrs. Nguyen Thi Tham, a member of the Royal Family. This precious property. Her home is in Tinh My village, Phan Thanh commune, Bac Binh district, Binh Thuan province. The remaining collection of major heritage is mainly of the Po Klong Moh Nai dynasty. In addition, there are some heritage of kings from the previous centuries.

The collection has about 100 original artifacts, including the costume of the king, queen, crown, weapons, tools and means of the royal family dating to the seventeenth and eighteenth centuries. Among them, the crown of King Po Klong Moh Nai and the queen crown of Po Bia Som are the remaining original artifacts with high value on carvings. This is the only remaining crown of Cham kings in the last historical periods of the Champa kingdom. It would be remiss if not to mention the imprints of the

court and Collection of the ordinations of the Nguyen kings over 100 years has awarded to King Po Klong Moh Nai 3 ordinations from the reign of Minh Mang and Duy Tan and Khai Dinh. This is a quite complete and rare Collection of the Cham Royal Family in the first half of the seventeenth century, has attracted many visitors to study.

The collection has about 100 original artifacts, including the costume of the king, queen, crown, weapons, tools and means of the royal family dating to the seventeenth and eighteenth centuries. Among them, the crown of King Po Klong Moh Nai and the queen crown of Po Bia Som are the remaining original artifacts with high value on carvings. This is the only remaining crown of Cham kings in the last historical periods of the Champa kingdom. It would be remiss if not to mention the imprints of the court and Collection of the ordinations of the Nguyen kings over 100 years has awarded to King Po Klong Moh Nai 3 ordinations from the reign of Minh Mang and Duy Tan and Khai Dinh. This is a quite complete and rare Collection of the Cham Royal Family in the first half of the seventeenth century, has attracted many visitors to study.

DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH LÀNG XUÂN AN

Đình làng Xuân An tọa lạc tại khu phố Xuân An, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình và nằm cách thành phố Phan Thiết khoảng 65 km về hướng Bắc. Đây là một trong những ngôi đình có niên đại tạo dựng sớm vào năm Giáp Dần (1794) trên vùng đất Hòa Đa xưa, tại Chính điện hiện đang còn lưu giữ thanh xà cò ghi lại niên đại tạo lập đình bằng chữ Hán Nôm cổ “Giáp Dần niên nhị nguyệt sơ lục nhất chi giao vị liệt kiến tạo”.

Trong quá trình mở đất về phía Nam của các chúa Nguyễn, vùng đất Hòa Đa được các bộ phận cư dân người Việt từ các tỉnh miền Trung vùng “Ngũ Quảng” chọn làm nơi sinh sống và lập nghiệp. Sau khi cuộc sống đi vào ổn định thì bắt đầu xây dựng đình làng Xuân An để tôn thờ Thành hoàng và các bậc tiền nhân theo phong tục truyền thống nơi cổ hương; ngoài ra, còn thờ Thiên Y A Na - vị nữ thần được người Việt tiếp thu từ tín ngưỡng thờ nữ thần Mẹ Xứ Sở của dân tộc Chăm, điều này thể hiện sự hòa hợp và giao thoa, tiếp biến văn hóa Việt - Chăm trên vùng đất Hòa Đa khi người Việt đến đây lập nghiệp.

Đình Xuân An là một quần thể kiến trúc bề thế, có quy mô rộng lớn và lối kiến trúc dân gian độc đáo ở cuối thế kỷ XVIII, gồm các hạng mục: Công chính, đình thờ Thần (Chính điện), gian thờ Tiên hiền và nhà Nhóm.

Công chính của đình được kiến tạo chủ yếu bằng gỗ, có chiều cao 3,5m, rộng 2,2m và mái được lợp bằng ngói âm dương. Hai trụ cổng to lớn làm bằng gỗ lim chắc chắn, được chạm khắc phần đỉnh và tỏa ra bởi các vì kèo, trính để nâng đỡ toàn bộ phần mái.

Chính điện có kết cấu kiến trúc kiểu nhà kép, còn gọi là “Trùng thiềm điệp ốc”, tòa nhà được tạo dựng hai nóc gồm nhà trước và nhà sau nối với nhau bằng hệ thống trần thừa lưu thoát nước. Mái nhà chia làm hai tầng lợp ngói âm dương. Nội thất gồm có 48 cột gỗ chia ngôi đình thành 3 gian 2 chái, bài trí 7 khám thờ được trang trí các bao lam gỗ viền xung quanh, mỗi khám thờ là một tác phẩm nghệ thuật chạm trổ điêu khắc mang tính thẩm mỹ cao, các hình tượng được bố trí hài hòa, phù hợp với kích thước và nội dung thờ phụng. Đây là nơi thờ Thành hoàng làng và các vị thần phối thờ.

Nằm về hướng Đông của Chính điện là gian thờ Tiên hiền có kích thước tương đối lớn. Nội thất cũng được bố trí số cột tương tự như Chính điện nhưng chỉ có một nóc, là nơi thờ Tiên hiền, Hậu hiền và những người có công với làng trong việc khai mở đất lập làng, dựng đình và trông coi bảo quản, phát huy giá trị phục vụ đời sống tinh thần của cộng đồng từ lúc khởi dựng cho đến nay.

Bằng kỹ thuật lắp ghép tinh xảo, các bộ phận kết cấu kiến trúc của đình được liên kết với nhau một cách vững chắc, tất cả tạo nên một công trình kiến trúc nghệ thuật dân gian bề thế. Nghệ thuật điêu khắc, tạo hình trên các bộ phận trong kết cấu kiến trúc ở các nóc nhà như kèo, trính, con đội; cũng như trên các hương án, khám thờ, bao lam, bài trí bên trong nội thất tạo nên những tác phẩm nghệ thuật độc đáo và sống động. Các hạng mục kiến trúc ở đây có sự kết hợp hài hòa giữa kết cấu chi tiết kiến trúc và trang trí mỹ thuật, tạo nên nét đẹp thẩm mỹ và giá trị bền vững cho đình làng Xuân An theo thời gian.

Tại đình làng còn bảo lưu được nhiều hiện vật tư liệu Hán Nôm có giá trị về lịch sử - văn hoá, mỹ thuật như: Câu đối, hoành phi, bài vị, xà cò, đại hồng chung và 8 sắc phong do các vua triều Nguyễn phong tặng cho các vị thần. Đây là nguồn sử liệu quý giá và góp phần quan trọng vào việc nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử hình thành vùng đất Hòa Đa xưa.

Hàng năm đình làng Xuân An diễn ra hai kỳ lễ hội chính: Lễ hội tế Xuân diễn ra ngày 16 - 17 tháng hai và lễ tế Thu vào ngày 16 - 17 tháng 8 Âm lịch. Nội dung, quy trình tổ chức các lễ hội vẫn được các thế hệ tiếp nối nhau trong cộng đồng thực hiện theo phong tục truyền thống do ông cha lưu truyền lại; là không gian sinh hoạt văn hóa tinh thần luôn thu hút đông đảo người dân trong làng tham gia để thoả mãn nhu cầu tâm linh và gửi gắm niềm tin đến các vị thần phù hộ cho gia đình, cộng đồng có cuộc sống như ý, cát tường và no ấm.

Với những giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật nên đình Xuân An được Bộ Văn hoá và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1993./



Tổng thể các hạng mục kiến trúc đình làng Xuân An
Overall architectural items of temple of Xuan An village



Tế lễ tại Chính điện đình làng Xuân An
Sacrifice at the temple hall of Xuan An temple

ARCHITECTURE ART OF XUAN AN TEMPLE

Xuan An temple is located in Xuan An quarter, Cho Lau town, Bac Binh district and about 65 km north of Phan Thiet city. This is one of the temples dating to the early age of the year of the tiger (1794) on the land of ancient Hoa Da, in the main hall, there is still a bar of stork recording the dating of the establishment of the ancient Han Nom script. *“The year of the tiger is the second most common record for the construction of the paralysis.”*

In the process of opening the land to the south of the Nguyen lords, the land of Hoa Da was chosen by parts of the Vietnamese population from the central provinces of the “Ngu Quang” region to live and settle. After life became stable, Temple of Xuan An village was built to worship the tutelary genie and the ancestors in the traditional customs of the homeland; In addition, Thien YA Na is also worshiped - the goddess absorbed by the Vietnamese from the cult of the Goddess Mother of the Land of the Cham people, which shows the harmony, interference and acculturation of Vietnamese - Cham culture. Hoa Da land when the Vietnamese came here to settle down.

Xuan An temple is a superficial architectural complex, large-scale and unique folk architecture in the late eighteenth

century, including items: the main gate, the temple of the God (the Main Hall), the altar of Tien. sage and the Group home.

The main gate of the village temple is mostly wooden, with a height of 3.5m, a width of 2.2m and a roof covered with yin and yang tiles. Two huge pillars made of solid ironwood, carved at the top and radiated by rafters, trusses to support the entire roof.

The main hall has a structure of a double-house structure, also known as “Trung Nguyet snail”, the building is built of two roofs including the front and back houses connected by a redundant ceiling drainage system. The roof is divided into two floors, tiled with yin and yang tiles. The interior consists of 48 wooden columns dividing the village temple into 3 compartments with 2 wings, decorated with 7 shrines decorated with surrounding wooden covers, each of which is a highly artistic sculptural sculpture, the images are arranged in harmony, consistent with the size and content of worship. This is the place to worship the village tutelary god and the gods of worship.

Located to the East of the Main Hall is a relatively large Tien Hien altar. The interior is also arranged the same number of columns as the Front but only has a roof, which is a place of worship of Hien Hien, Hau Hien and people with meritorious services to the village in opening land for establishing a village, building a family and taking care of preservation promote the value to serve the spiritual life of the community from the inception to the present.

By sophisticated assembly techniques, the architectural structural components of the village temple are firmly connected to each other, all creating a superficial folk art architecture. The art of sculpture and shaping on parts of architectural structures in roofs of houses such as trusses, trenches and detachments; as well as on the incense projects, worshiping, balconies, interior

decoration create unique and vivid works of art. The architectural items here have a harmonious combination of architectural details and fine art decoration, creating aesthetic beauty and sustainable values for Temple of Xuan An village over time.

At the village temple, there are still many Han Nom artifacts with valuable historical - cultural, fine arts such as: Couplets, diaphragm, lession, cork, common rose and 8 ordinances issued by kings Nguyen Dynasty bestowed on the gods. This is a valuable historical resource and an important contribution to the research and study of the history of the ancient Hoa Da land.

Every year, Temple of Xuan An village takes place two main festivals: Spring sacrifice festival takes place on February 16-17 and Autumn festival on August 16-17 in the lunar calendar. The content and process of organizing festivals are still followed by generations of the community in accordance with traditional traditions handed down by their fathers; It is a space of cultural and spiritual activities that always attracts a large number of people in the village to participate to satisfy spiritual needs and send their faith to the Gods to bless families and communities with a satisfactory life, auspicious and warm.

With true historical, cultural and architectural values, Temple of Xuan An village was ranked by the Ministry of Culture and Information (now called Ministry of Culture, Sports and Tourism), rank national architectural and artistic monuments in 1993/

DI TÍCH LỊCH SỬ ĐÌNH - VẠN THỦY TÚ

Ở Bình Thuận, từ các làng chài ven biển trong đất liền cho đến vùng hải đảo đều xây dựng các lăng vạn thờ cá Voi (thần Nam Hải hoặc cá Ông). Các lăng vạn ở đây hầu hết được xây dựng từ thế kỷ XVIII - XIX, gắn liền với quá trình di dân, tiếp quản vùng đất cực Nam Trung bộ của người dân các tỉnh Bắc và Trung Trung bộ. Kết quả các đợt khảo sát, kiểm kê cho biết trên địa bàn tỉnh hiện có 29 ngôi lăng vạn thờ cá Ông phân bố ở Phan Thiết, Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Nam, La Gi và đảo Phú Quý.

Vạn Thủy Tú tọa lạc trên đường Ngư Ông, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, xung quanh tiếp giáp với các tuyến đường nội thị và phố phường đông đúc. Từ vị trí cầu Trần Hưng Đạo đi về phía Tây khoảng 80m rẽ trái qua đường Phan Chu Trinh đi về hướng Nam khoảng 100m là đến vạn Thủy Tú.

Căn cứ các tài liệu Hán - Nôm và hiện vật lưu giữ, thờ phụng tại vạn như: Sắc phong, gia phả, xà cò, hoành phi, câu đối và niên đại các bộ xương cá Ông... đã xác định vạn Thủy Tú được tạo lập vào năm Nhâm Ngọ 1762. Trên thanh xà cò ở Chính điện của vạn còn bảo lưu dòng văn tự Hán - Nôm cổ “*Tuế thứ Nhâm Ngọ niên, trọng Đông ngoạt hưng tạo*” (nghĩa là vạn được tạo dựng vào đầu mùa Đông năm Nhâm Ngọ).

Lâu nay, người dân địa phương quen gọi là đình - vạn Thủy Tú. Theo các tài liệu cổ lưu giữ tại vạn cho biết thuở tạo lập ban đầu vạn Thủy Tú có chức năng là ngôi đình làng thờ Thành hoàng Bồn cảnh và các vị tiền hiền, hậu hiền có công quy tụ dân cư tạo lập xóm làng và dựng đình. Về sau khi nghề biển ổn định, phát triển và trở thành nghề kinh tế chính yếu của cộng đồng, thì người dân đã đưa thần Nam Hải vào thờ ở Chính điện và coi đây là vị thần linh bảo trợ chính, Thành hoàng Bồn cảnh chỉ còn mang tính tượng trưng; tiền hiền, hậu hiền và những người có công khai lập, tạo dựng xóm làng vẫn được thờ phụng theo thứ bậc. Thuở mới tạo lập, vạn Thủy Tú tọa lạc trên một khuôn viên đất rộng gần 2ha, các hạng mục chính quay về hướng Nam, phía trước mặt cách vạn khoảng 50m là bờ biển. Phía trước vạn là một khoảnh sân rộng để mai táng xác cá Ông và tổ chức các lễ nghi, lễ hội dân gian theo tập tục. Theo thời gian, do sự phát triển của dân số và quá trình đô thị hóa nên người dân đã xây dựng nhà cửa, phố phường che chắn xung quanh và diện tích của vạn dần bị thu hẹp.

Vạn Thủy Tú được tạo lập khá sớm so với các ngôi lăng vạn khác ở Bình Thuận và đây cũng là nơi tôn thờ Thủy Tổ nghề biển của ngư dân Bình Thuận. Tương truyền trong cộng đồng ngư dân địa phương kể lại rằng: Cuối thế kỷ XVIII, sau khi vạn Thủy Tú được xây dựng xong có một vị cá Ông rất lớn đã lụy (chết) trôi dạt vào bờ biển phía trước cách vạn 50m. Ngư dân vạn Thủy Tú và các vạn chài khác ở Phan Thiết đã hợp sức đưa Ngài vào vạn làm lễ an táng. Vì xác Ngài quá lớn (dài hơn 20m, cao gần 4m) nên ngư dân phải phá dỡ cổng Chính của vạn và mất hơn 2 ngày mới đưa được xác Ngài vào vạn. Đây là Ngài cá Ông có kích thước lớn nhất từ trước đến nay được an táng, thượng ngọc cốt và thờ phụng tại các lăng vạn ở Bình Thuận. Năm 2003, UBND thành phố Phan Thiết đã đầu tư ngân sách để lắp ráp, phục chế hoàn chỉnh những phần đã hư hỏng của bộ xương cốt và xây dựng Nhà trung bày bộ xương trong khuôn

viên vạn Thủy Tú phục vụ du khách tham quan, nghiên cứu. Đây cũng là bộ xương cốt cá Voi lớn nhất tính đến thời điểm hiện nay ở Đông Nam Á được phục chế và trưng bày.

Quần thể kiến trúc vạn Thủy Tú được tạo dựng bằng các loại vật liệu dân gian đương thời sử dụng trong các trình kiến trúc xưa để tạo nên chất kết dính chắc chắn. Trải qua hơn 250 năm tồn tại, các hạng mục của vạn Thủy Tú được trùng tu, tôn tạo nhiều lần nên đến nay vẫn bảo lưu được kiểu dáng, kết cấu kiến trúc, nguyên vật liệu và nét cổ kính. Nét đặc trưng là tất cả các hạng mục chính đều được kiến tạo theo lối kiến trúc dân gian xưa, bằng kỹ thuật lắp ghép công phu, tinh xảo đã nối kết các bộ phận, chi tiết gỗ để tạo nên bộ khung vững chắc.

Các hạng mục chính của vạn Thủy Tú gồm có: Võ ca, Chính điện và gian thờ Tiền vãng được bố trí theo dạng chữ tam (≡) nối liền nhau từ trước ra sau trên một trục thẳng. Đối diện với các hạng mục chính qua một khoảng sân rộng về phía trước là cổng Chính được kiến tạo theo lối Tam quan. Các hạng mục chính đều được lắp ghép theo lối kiến trúc ‘Tứ trụ’, đây là kiểu kiến trúc dân gian đặc trưng, tiêu biểu ở Bình Thuận vào thế kỷ XVIII – XIX ở các tỉnh Nam Trung Bộ và Bình Thuận.

Vạn Thủy Tú đang lưu giữ, bài trí, thờ phụng nhiều hiện vật quý giá có niên đại cổ xưa gắn với lịch sử hình thành, tồn tại của vạn, gồm nhiều chủng loại và chất liệu khác nhau như: Đại hồng chung, khám thờ, hương án, hoành phi, câu đối, bao lam, tượng thờ, hơn 100 bộ cốt cá Voi, rùa da và đặc biệt là 24 sắc phong của các đời vua triều Nguyễn (đời vua Thiệu Trị ban 10 sắc, vua Tự Đức 2 sắc, vua Đồng Khánh 2 sắc, vua Duy Tân 2 sắc và vua Khải Định 8 sắc).

Vạn Thủy Tú là nơi thờ cúng cá Ông và thực hiện các lễ nghi, lễ hội gắn với tín ngưỡng ngư nghiệp như: Nghi lễ mai táng xác cá Ông khi có cá Ông lụy dạt vào vùng biển trước vạn, lễ thượng ngọc cốt cá Ông đưa vào vạn thờ phụng (sau khi mai

táng 24 tháng đối với cá Ông nhỏ và 36 tháng đối với cá Ông lớn), lễ tế Xuân diễn ra vào ngày 20 - 21 tháng hai, lễ hội Cầu ngư đầu mùa xuống vụ cá Nam diễn ra vào ngày 20 - 21 tháng tư, lễ hội Cầu ngư chính mùa diễn ra vào từ ngày 19 - 22 tháng sáu và lễ hội Cầu ngư mãn mùa vụ cá Nam diễn ra vào ngày 20 - 21 tháng tám Âm lịch. Các lễ nghi, lễ hội đã trở thành ngày hội chung của các làng chài ven biển Phan Thiết, có sức thu hút đông đảo ngư dân tham gia, là dịp để ngư dân thể hiện tấm lòng thành kính đối với thần Nam Hải và cầu mong sự phù hộ, độ trì để việc đánh bắt hải sản trên biển luôn gặp bình an, may mắn và tôm cá đầy ghe. Đồng thời, đây cũng là dịp để người dân lao động biển gặp gỡ, thắt chặt mối đoàn kết cộng đồng và tình tương thân, tương ái trong lao động và cuộc sống.

Với những giá trị và ý nghĩa đặc sắc, vạn Thủy Tú đã được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 51/QĐ/BT ngày 12/01/1996./.



Kiến trúc vịnh Thủy Tú
Architecture of Thuy Tu lagoons



Bộ xương cá Voi trưng bày tại vịnh Thủy Tú
Whale skeleton on display at Thuy Tu lagoons

HISTORY OF VAN DINH - THUY TU LAGOONS

In Binh Thuan, from the coastal fishing villages inland to the islands, whales are built to worship whales (Nam Hai or Ong fish). The tombs here are mostly built from the eighteenth to nineteenth centuries, associated with the process of emigration and takeover of the southern-most southern region of the people of the provinces of North and Central of country. The results of the surveys and inventory show that there are 29 lagoonstombs of fish worshipping in the province are distributed in Phan Thiet, Tuy Phong, Bac Binh, Ham Thuan Nam, La Gi and Phu Quy island.

Thuy Tu lagoons is located on Ngu Ong Street, Duc Thang Ward, Phan Thiet City, surrounded by crowded urban streets and streets. From the position of Tran Hung Dao Bridge, go to the West about 80 meters, turn left, cross Phan Chu Trinh street and go South for about 100 meters to reach Thuy Tu lagoons.

Based on the Han - Nom documents and artifacts stored and worshiped in thousands such as: Capsule, descent, stork, raging, Couplets and chronology of the skeletons of Ong have determined thousands of Thuy Tu was created in Nham Ngo 1762. On the bar of the stork in the Palace of lagoonsalso preserved the line of ancient Han - Nom ancient writing “*Tue*

Thu Nham Ngoi Ngo, Trong Dong Ngo Hung Hung” (Means that Nham Ngo’s early winter created van).

For a long time, the locals used to call it Dinh - Thuy Tu lagoons. According to ancient documents kept in the city, it was said that the original creation of Thuy Tu lagoons was the village temple to worship Thanh Hoang Bon and the gentle and benevolent ancestors’ temple. Later, when the sea fishing was stable, developed and became a major economic activity of the community, the people brought Nam Hai god to worship in the Main Palace and considered it the main patron deity, tutelary deity. only symbolic; money sage, kindness and those who publicly established, created villages still worshiped according to the hierarchy. At the time of its creation, Thuy Tu lagoons was located on an area of nearly 2 hectares of land, the main items facing south, in front of the lake about 50 meters away from the shore.

In front of the lagoons is a large yard for burial of Ong fish and organize rituals and folk festivals. Over time, due to the development of the population and the process of urbanization, people have built houses and streets around it and the area of thousands of shrinks.

Thuy Tu lagoons was created quite early compared to other tombs in Binh Thuan and this is also the place to worship Thuy To’s fishery of Binh Thuan fishermen. Legend has it that the local fishermen community recounted that: At the end of the eighteenth century, after the construction of lagoons Thuy Tu was built, a very large Ong fish (dead) drifted to the front beach about 50m away. Fishermen of Thuy Thuy and other fishermen in Phan Thiet joined forces to bring him to the funeral. Because his body was too big (more than 20m long, nearly 4m high), the fishermen had to demolish the main gate of “van” and it took more than 2 days to bring his body to lagoons. This is Mr. Fish he has the largest size ever to be buried, cherished and worshiped

at the tombs in Binh Thuan. In 2003, the People's Committee of Phan Thiet city invested the budget to assemble and restore the damaged parts of the skeleton and build a skeleton exhibition in the Thuy Tu lagoons campus to serve visitors, research. This is also the largest whale skeleton up to the present time in Southeast Asia, restored and displayed.

The architectural complex of Thuy Tu lagoons was created with contemporary folk materials used in ancient architectural works to create a strong adhesive. Over 250 years of existence, the items of Thuy Tu lagoons have been restored and embellished many times, so far, they still retain their designs, architectural structures, materials and ancient features. The feature is that all the main items are created in the ancient folk architecture, with elaborate and sophisticated assembly techniques that connect the wood parts and details to create a solid frame

The main items of Thuy Tu Lagoons include: Vo ca, Chinh Dien and the worshiping space of the ancestors are arranged in the form of a triangle (≡) connected from the front to the back on a straight axis. Opposite the main items through a large yard forward is the Main gate created in the way of the Three Senses. The main items are assembled in the style of the "Four pillars", this is a typical folk architecture typical of Binh Thuan in the eighteenth - nineteenth centuries in the provinces of South Central and Binh Thuan.

Thuy Tu lagoons is preserving, decorating and worshiping many valuable artifacts with ancient antiquities associated with the history of formation and existence of thousands of different types and materials such as: Common rose, examination worship, incense, diaphragm, couplets, lam lam, worship statues, more than 100 sets of whales, da tortoises and especially 24 ordinations of the Nguyen dynasties (Thieu Tri King gave 10 colors, King Tu Duc 2 colors, King Dong Khanh 2 colors, King Duy Tan 2 colors and King Khai Dinh 8 colors).

Thuy Tu lagoons is a place of worshipping Ong fish and performing rituals and festivals associated with fishery beliefs such as: The funeral ceremony of the Ong's body when there are Mr. Ong's fish swamping into the sea before thousands of thousands of fishes. He brought in thousands of worship (after burial for 24 months for small whales and 36 months for big whales), sacrifice to the spring took place on February 20-21, the Fish-Festival at the beginning of the season Nam takes place on April 20-21, the main fishing festival season takes place from June 19-22, and the Fisherman Festival for the completion of the Southern Fish season takes place on August 20-21 of the Lunar calendar. Ceremonies and festivals have become a common festival of fishing villages along Phan Thiet beach, attracting a large number of fishermen to participate, an opportunity for fishermen to show their respect for Nam Hai and the bridge. hope the blessings and perseverance so that the sea fishing always meets peace, luck and fish and shrimp full of boats. At the same time, this is also an opportunity for marine workers to meet and tighten community solidarity and solidarity, solidarity in labor and life.

With special values and meanings, Thuy Tu lagoons has been ranked as a national historical monument by the Ministry of Culture and Information (now the Ministry of Culture, Sports and Tourism) in Decision No. 51 / QD / BT dated 12 January 1996. /.

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA VẠN AN THẠNH

Vạn An Thạnh là nơi thờ thần Nam Hải (cá Voi hoặc cá Ông) theo tập tục của ngư dân, tọa lạc sát cảng biển thuộc làng Triều Dương, xã Tam Thanh, huyện Phú Quý; cách trung tâm huyện 2,5km về hướng Đông Nam, cách thành phố Phan Thiết 56 hải lý (105km). Vạn An Thạnh được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào năm 1996.

Với vị trí tọa lạc sát bờ biển cách cảng Phú Quý khoảng 100m, nên sau khi trải qua hành trình từ đất liền bằng phương tiện đường thủy và đặt chân lên đảo du khách có thể đi bộ đến di tích dễ dàng. Hiện nay, với sự phát triển của giao thông đường thủy, nhiều tàu trung tốc, cao tốc được đầu tư nối liền Phan Thiết với Phú Quý nên chúng ta có thể đến đảo và tìm đến di tích bất kỳ thời gian nào trong năm.

Theo các nguồn tư liệu Hán Nôm cổ còn lưu giữ tại di tích, vạn An Thạnh được tạo dựng vào năm Tân Sửu (1781), là ngôi vạn có niên đại sớm nhất trên đảo Phú Quý. Ngoài chức năng chính thờ thần Nam Hải, vạn còn là nơi thờ và thực hiện các lễ nghi gắn với tín ngưỡng thờ các bậc Tiên hiền, Hậu hiền của làng. Hiện nay trên khám thờ thần Nam Hải ở Chính điện còn lưu giữ bức hoành phi cổ chạm dòng chữ Hán Nôm: “*Nam tế Hải linh*”

cự tộc Ngọc Lân thủy tướng tôn Thân, Tân Sửu niên, thập ngoạt thập ngũ nhật Tỵ thời”.

Thuở mới tạo lập, ngôi vạn chỉ là bộ khung gỗ lợp tranh và vách lá đơn sơ; trải qua nhiều lần tôn tạo ngôi vạn đã trở nên bề thế và trang nghiêm, với đầy đủ các hạng mục kiến trúc của một thiết chế tín ngưỡng dân gian. Tổng thể kiến trúc gồm các hạng mục: Cổng chính, Cột cờ, Bình phong, Võ ca, Chính điện và nhà Tiền hiền được bố trí thành một trục thẳng từ ngoài vào trong. Ở về phía bên tả theo hướng của di tích là nơi an táng cá Ông lụy, bên hữu là Nhà Trung bày bộ xương cá Ông. Năm 2011, Nhà nước đã đầu tư kinh phí tiến hành phục chế bộ xương cá voi Nhà Táng dài 18m và một số loài sinh vật biển phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của ngư dân địa phương và tham quan, tìm hiểu của du khách gần xa. Đây là bộ xương cá voi cổ xưa và lớn nhất trên đảo Phú Quý hiện nay.

Trong tất cả các hạng mục kiến trúc tại vạn An Thạnh, Chính điện được xem là trung tâm, nơi thờ phụng và thực hiện các nghi lễ chính vào các dịp lễ hội trong năm. Nửa phần trước Chính điện là nơi thờ thần Nam Hải và nửa phần sau là tấm thờ hài cốt cá Ông.

Tại vạn An Thạnh hiện lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị như: Hoàn phi, câu đối, bao lam, khám thờ, 10 sắc phong do các vua triều Nguyễn phong tặng cho các vị thần được thờ phụng tại đây. Đặc biệt, vạn An Thạnh được xem như là một Bảo tàng văn hóa biển tại tỉnh Bình Thuận với lịch sử tồn tại gần 250 năm với nhiều sưu tập chủng loại gồm gần 70 bộ xương cá voi và các loài sinh vật biển khác như rùa da, đu gông (bò biển) có niên đại hơn 100 năm; trong đó có bộ xương cá voi Nhà Táng lụy năm 1841 mà người dân địa phương gọi là “Vị Cố”.

Hàng năm tại vạn An Thạnh diễn ra 2 kỳ lễ hội: Lễ hội té Xuân diễn ra khoảng thời gian từ mùng 10 đến 20 tháng giêng, đây cũng là dịp Cầu ngư đầu năm của vạn; lễ hội té Thu (trùng

với ngày giỗ “Vị Cố”) diễn ra vào ngày 15 đến 16 tháng 10 Âm lịch. Trong lễ hội tế Thu có nghi lễ nghinh rước Ông Sanh từ biển khơi về vạn, ngư dân tổ chức đội ghe thuyền, đoàn lễ, kiệu lễ, lễ phục, đội nhạc lễ... ra khơi nghinh đón các vị Hải thần từ biển khơi về vạn chứng giám tế lễ. Trong dịp lễ hội, ngoài phần nghi lễ còn diễn ra nhiều loại hình diễn xướng văn hóa dân gian như chèo Bả trạo, hát Bội, múa Tứ linh... là những loại hình nghệ thuật diễn xướng cổ truyền rất độc đáo của ngư dân Phú Quý và không thể thiếu trong các lễ hội truyền thống tại các làng vạn, đình làng, đền miếu trên đảo. Lễ hội cũng là dịp để mọi người ôn lại truyền thống khai phá xây dựng đảo hàng trăm năm qua, tăng cường tình đoàn kết, mối tương thân tương ái trong cộng đồng ngư dân trên đảo, củng cố và tăng cường sức mạnh trong sự nghiệp lao động và xây dựng đảo Phú Quý ngày càng giàu đẹp và sung túc hơn./.



Bài trí bên trong Chính điện vạm An Thạnh
Arrangement inside the Great Wall of An Thanh Palace



Kiến trúc vạm An Thạnh
Architectural An Thanh lagoons

HISTORY - CULTURE

AN THANH LAGOONS

An Thanh lagoons is the place to worship Nam Hai god (Whale or Ong fish) according to fisherman's customs, located close to the seaport in Trieu Duong village, Tam Thanh commune, Phu Quy district; 2.5 km southeast of the district center, 56 nautical miles (105 km) from the city of Phan Thiet. An Thanh lagoons was ranked a national historical-cultural monument in 1996

With a location close to the coast about 100m from Phu Quy port, after going through the journey from the mainland by waterway and setting foot on the island, visitors can walk to the ruins easily. Currently, with the development of waterway transport, many high-speed and high-speed trains are invested connecting Phan Thiet with Phu Quy so we can go to the island and look to the ruins any time of the year.

According to ancient Han Nom records preserved in the relics, An Thanh lagoons were created in Tan Suu (1781), the earliest throne on Phu Quy island. In addition to the main function of worshipping Nam Hai god, the city is also a place to worship and perform rituals associated with the beliefs of the precepts of the Sage and Hau Sages of the village. Currently, on the worship of Nam Hai deity in the Main Palace, the ancient

diaphragm still retains the Han Nom inscription: “Nam Te Hai Linh resisted the Ngoc Lan ethnic group, the General Ton Than, Tan Suu Nien, and the fifties of the year of the Snake” .

When newly created, the throne is only a wooden frame with thatched roofs and simple leaf walls; After many times of embellishment, the throne has become superficial and solemn, with all architectural items of a folk belief institution. The overall architecture consists of items: Main gate, Flagpole, Phong phong, Vo ca, Chinh Dien and Tien Hien houses arranged in a straight line from outside to inside. On the left side, in the direction of the monument, is the burial place of Ong fish, on the right is the Gallery of Ong fish skeleton. In 2011, the State invested in the restoration of the 18m-long Whale whale skeleton and a number of marine species to meet the needs of cultural and spiritual activities of local fishermen and to visit and explore. of travelers from near and far. This is the oldest and largest whale skeleton on Phu Quy island today.

Of all architectural items in the city of Van Thanh, the main hall is considered the center, the place of worship and performs the main rituals during the festivals of the year. Half of the front part of the Main Hall is the place to worship Nam Hai and the second half is to worship the remains of the Ong fish.

At An Thanh lagoons currently store many valuable artifacts such as Hoanh Phi, couplet, how lam, worshipping, 10 colors conferred by the Nguyen Dynasty kings for the gods to be worshiped here. In particular, An Thanh lagoons is considered as a Marine Cultural Museum in Binh Thuan Province with a history of nearly 250 years with many collections of nearly 70 whale skeletons and other marine creatures such as turtles. leather, weevils (dugong) dating back more than 100 years; including the Cremated whale skeleton in 1841 that the local people called “Vi Co”.

Every year in An Thanh lunar calendar, there are 2 festivals: The Spring Festival takes place from the 10th to the 20th of January, this is also the occasion of the New Year's Fishing Bridge; The Thu sacrifice festival (coinciding with the anniversary of the "Vi Co" death anniversary) takes place on October 15 to 16 of the Lunar Calendar. During the Thu festival, there is a ritual to welcome Ong Sanh from the sea to lagoonspeople, fishermen organize a boat, a delegation, a ceremony, a ceremony, a music band ... About lagoonswitnesses sacrifices. On the occasion of the festival, apart from the ritual, there are also many types of folklore performances such as Cheo Ba cheo, Boi singing, Tu linh dance ... which are very unique traditional performing arts of Phu fishermen. You are indispensable and indispensable in the traditional festivals at the mausoleums, village temples, temples on the island. The festival is also an opportunity for people to review the tradition of island development for hundreds of years, strengthen solidarity, solidarity in fishing communities on the island, strengthen and strengthen the strength in the island. Phu Quy island labor and construction industry is becoming richer and more prosperous.

DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT NHÓM ĐỀN THÁP CHĂM PODAM

Nhóm đền tháp Chăm tọa lạc dưới chân núi đá có tên gọi là núi Ông Xiêm (hay còn gọi là Núi Ngài) cao 600m so với mặt nước biển thuộc địa bàn thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Nằm cách Quốc lộ 1A khoảng 6km về phía Tây, cách thành phố Phan Thiết khoảng 120km về phía Bắc.

Thực ra nhóm tháp này được xây dựng vào những năm đầu của thế kỷ VIII và thuộc phong cách kiến trúc nghệ thuật Hòa Lai để thờ thần chủ Siva. Ở đây vẫn còn 2 bệ thờ Linga - Yoni là biểu tượng của thần Siva cũng có niên đại cùng thời với tháp ở thế kỷ VIII. Theo lịch sử và truyền thuyết dân tộc Chăm, Pô Tầm là vị vua trẻ, người Việt gọi là Trà Duyệt, ông là con của vua Chăm Para Chanh (sử Việt gọi là La Khải). Khi vua cha Para Chanh mất, Pô Tầm lên ngôi vua năm Bính Dần 1445 và mất năm Nhâm Thìn 1472. Khi nhà vua mất, Hoàng tộc Chăm thời đó đã xây đền thờ để thờ ông cạnh tháp thờ thần chủ Siva. Dấu tích của đền thờ thấy rõ qua đợt khai quật khảo cổ năm 2013 - 2014 với nền móng đền thờ và rất nhiều các loại ngói lợp, vật trang trí kiến trúc bằng đất nung. Đầu thế kỷ XX một số nhà khảo cổ, kiến trúc Pháp đến đây nghiên cứu đã phiên âm chữ Pô Tầm thành Podam. Từ

đó đến nay Podam trở thành tên gọi thông dụng quen thuộc của nhiều người và trong các công trình nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài nước.

Về kiến trúc: Tháp Podam được người Chăm chọn vị trí xây dựng ở cuối dãy núi Ông Xiêm. Đây là ngọn núi đá cao và dài, bắt nguồn từ dãy Trường Sơn đổ xuống. Với ý tưởng xây dựng nhóm đền tháp ở đây vừa có nền móng đá chắc chắn vừa tạo nên sự hùng vĩ cho di tích; về tôn giáo lại phù hợp với quan niệm của Ấn Độ giáo bởi các ngọn núi là nơi cư ngụ của các vị thần linh, xây đền tháp ở đây phù hợp với ý tưởng đó. Điều này cũng giải thích vì sao di tích lại xây dựng quá xa làng mạc, đường sá khó khăn, phương tiện vận chuyển lại càng khó hơn. Trong lúc cả khu vực rộng lớn hàng ngàn hecta bao gồm nhiều gò đồi, khoảng đất rộng có nhiều điều kiện thuận lợi bên cạnh họ lại không xây dựng.

Từ những năm đầu thế kỷ XX, khi các nhà khoa học người Pháp nghiên cứu đến nay nhóm đền tháp Podam được biết đến có 6 ngôi tháp, chia thành hai nhóm (nhóm Bắc và nhóm Nam) theo hai trục song song hướng về phía Nam chệch Tây $15^{\circ}30'$. Thời điểm đó, họ đã căn cứ vào những ngôi tháp hiện còn trên mặt đất để công bố về số lượng. Về phía người Chăm địa phương cũng không có một nguồn tài liệu nào nói đến số lượng các tháp trong nhóm. Mãi đến năm 2013 - 2014, Trung tâm Khảo cổ học thuộc Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ và Bảo tàng Bình Thuận khai quật mới phát hiện thêm nhiều nền móng kiến trúc và 2 đế tháp khác ở về phía Nam của nhóm tháp Nam. Như vậy, số lượng tháp trong nhóm là 8 tháp chứ không phải 6 như lâu nay chúng ta vẫn thấy. Cũng qua khai quật khảo cổ đã phát hiện lối đi ở hướng Đông, với hàng chục bậc bằng gạch xây đi thẳng vào hướng ở cửa chính tháp D. Lối đi này đã bị vùi lấp hàng thế kỷ nay, không có tài liệu nào nhắc đến, người Chăm tại địa phương cũng không hay biết.

Nhóm tháp Nam gồm các tháp B, C, D cách nhóm tháp Bắc 11m, cả 3 tháp có diện tích và chiều cao gần giống các tháp ở nhóm Bắc nhưng vị trí và kiểu dáng kiến trúc đến những chi tiết điêu khắc, trang trí nghệ thuật lại hoàn toàn khác các tháp trong nhóm Bắc.

Về phong cách nghệ thuật và niên đại: nhóm đền tháp được các nhà khoa học Pháp trước đây xác định thuộc phong cách kiến trúc nghệ thuật Hòa Lai (lấy tên của nhóm Ba Tháp ở Ninh Thuận để đặt tên cho phong cách nghệ thuật này, từ cuối thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ IX), tuy nhiên dựa vào kết quả khai quật những năm gần đây (đặc biệt là việc phát hiện bia đá ở tháp Podam năm 2014 có niên đại năm 710) nên niên đại chung của phong cách này được xác định lại là từ đầu thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ IX.

Về tôn giáo tín ngưỡng: người Chăm xây dựng với chức năng công trình là để thờ thần chủ Siva. Vị thần chính thức và thiêng liêng nhất trong Ấn Độ giáo tượng trưng cho sự hủy diệt và sáng tạo của muôn loài, tạo nên kiếp luân hồi theo quan niệm của Bàlamôn giáo. Đây là một trong những nhóm đền tháp cổ kính nhất ở khu vực Ninh Thuận - Bình Thuận.

Theo niên đại được khắc ghi trong bia đá phát hiện được ở đây năm 2014, thì nhóm tháp được xây dựng năm 710. Tính đến nay (2019) đã được 1309 năm. Mặc dù đã bị thời gian tàn phá nặng nề, tất cả các tháp trong nhóm sụp đổ quá nửa. Nguy hại nhất là tháp E, F ở nhóm Bắc chỉ còn lại phần đế tháp và một đoạn tường phía Đông cao khoảng 80cm. Cửa chính quay về hướng Nam như tháp Chính. Cả hai ngôi tháp này đều là tháp Phụ trong nhóm. Tuy tháp bị sụp đổ như vậy nhưng trong lòng vẫn còn đặt bệ thờ Linga - Yoni bằng đá xanh. Tháp D ở nhóm Nam chỉ còn mảng tường phía Nam và phía Tây. Các tháp A, C sụp đổ mất phần đỉnh. Chỉ còn lại tháp B còn phần đỉnh nhưng sạt đổ hết phần kiến trúc xung quanh.

Tuy nhiên, những gì còn lại trên thân tháp A (tháp Chính) cho ta thấy rõ ràng những đặc trưng của phong cách nghệ thuật Hòa Lai. Đó là: lối trang trí nghệ thuật điêu khắc độc đáo hiếm thấy ở toàn bộ tầng trệt, hình hoa lá, hoa văn sóng, hình chữ nhật, hình vuông... khắc chạm đầy vào tường tháp rậm rịt, xoắn xít. Ở góc Đông Nam đoạn tiếp giáp giữa tầng 1 và tầng 2, nghệ nhân Chăm xưa đã chạm khắc hình Makara tượng trưng cho vị thần bảo hộ đền tháp. Tất cả các mảng tường còn lại của tầng 1 được tô điểm chạm khắc rục rờ trên từng khoảng tường. Đặc biệt cửa giả hướng Tây có vòm cuốn hình vòng cung úp lên cửa giả, chạm trổ nhiều hình tượng sinh động hai bên mang vẻ đẹp rất hùng mạnh và uyển chuyển. Trước đây gần một thế kỷ, trong công bố của ông Henri Parmentier thì trong lòng tháp Chính A có đặt một bệ thờ Linga - Yoni. Về sau không biết vì lý do gì và ai đã đưa ra đặt ngoài tháp E ở về phía Bắc tháp Chính (A).

Điểm khác biệt ở đây là gần như tất cả các đền tháp Champa đều quay cửa chính về hướng Đông. Dù là phong cách nghệ thuật nào, thuộc niên đại nào. Riêng nhóm tháp Podam thì lại quay cửa chính về hướng Nam là điều hiếm thấy và khó giải thích. Không phải chỉ có tháp Chính A mà các tháp B, C, E, F đều trở cửa chính về hướng Nam. Ngoại trừ tháp D là trở cửa chính về hướng Đông, hướng của các vị thần linh. Sự xây dựng không theo hướng định sẵn của truyền thống có thể giải thích phần nào bởi hình thế của mô đất núi chạy dài về hướng Nam. Dĩ nhiên là có những lý do đặc biệt để giải thích mà ngày nay không biết được và giá trị thiêng liêng của tôn giáo về vấn đề này cũng đã biến mất cùng với sự lãng quên của các thế hệ người Chăm hàng chục thế kỷ qua.

Về lễ hội: Hằng năm, tại đây đồng bào Chăm vẫn tổ chức lễ hội Yuer Yang (lễ Cầu an) với các nghi thức cúng tế diễn ra vào tháng tư Chăm lịch (tức khoảng tháng 7 Dương lịch). Lễ hội bao gồm các hình thức và nội dung, như nghi lễ rước y phục, lễ tống ôn, nghi thức tắm tượng kút, mặc trang phục, cầu

an, đại lễ, đốt lửa thiêng, thả bè với sự tham gia của các vị chức sắc và đông đảo các tầng lớp nhân dân địa phương và du khách tham gia.

Nội dung của một chuỗi nghi lễ diễn ra liên tiếp đã gói gọn những ước vọng của nhân dân và chính nó cũng là phần hồn của di tích từ bao đời nay. Mặc dầu các di tích ngày càng bị hủy hoại, nhưng về tôn giáo, tín ngưỡng dân gian vẫn được bảo lưu và giữ gìn một cách cẩn trọng. Hiện nay, Podam là một trong những điểm đến hấp dẫn của du khách, bởi ngoài vẻ đẹp cổ kính của kiến trúc nghệ thuật, nét huyền bí trong tâm linh thì sau lưng tháp là một dãy núi cao với rừng cây rùng xanh, xen lẫn núi đá cũng là nơi tham quan lý tưởng của du khách./.



Tổng thể kiến trúc tháp Podam
Overall architecture of the Podam tower



Bia ký phát hiện tại tháp Podam
Trong đợt khai quật khảo cổ học năm 2014
Stele found at Podam tower
During an archaeological excavation in 2014

ARCHITECTURAL ART ARCHITECTURE THE PODAM TOWER GROUP

The group of Cham temple towers is located at the foot of a rocky mountain called Ong Xiem mountain (also known as Ngai mountain) 600m above sea level in Lac Tri village, Phu Lac commune, Tuy Phong district, Binh Thuan province. . Located about 6km from National Highway 1A to the West, about 120km from Phan Thiet City to the North.

In fact, this tower group was built in the early years of the eighth century and belongs to Hoa Lai's architectural style of art to worship the god Siva. There are still 2 Linga - Yoni altars that symbolize the god Siva also dating to the time of the tower in the 8th century. According to Cham history and legend, Po Tam was a young king, the Vietnamese called Tra Duyet, he was the son of King Cham Para Chanh (Vietnamese history called La Khai). When the father of Para Chanh died, Po Tam took the throne in the year of tiger in 1445 and died in Nham Thin 1472. When the king died, the Cham royal family at that time built a temple to worship him next to the tower of the god Siva. Traces of the temple are clearly visible through archaeological excavations from 2013 to 2014 with the foundation of the temple and many types of terracotta roofing tiles and architectural decoration items. In the early twentieth century, a number of French archaeologists and

architects came here to transcribe the word Po Tam into Podam. Since then, Podam has become a common name of many people and in scientific research projects at home and abroad.

Regarding architecture: Podam tower was chosen by the Cham people at the end of Ong Siam mountain range. This is a long and high rocky mountain, originating from the Truong Son mountain range. With the idea of building a group of temples and pagodas here, they have both a firm stone foundation and majestic monument. Religion is in accordance with the concept of Hinduism because the mountains are the residence of the gods, building temples here in accordance with that idea. This also explains why monuments are built too far from villages, roads and difficulties, even more difficult transportation. While the whole area of thousands of hectares consists of many hills, large land with many favorable conditions next to them is not built.

From the early years of the twentieth century, when French scientists studied until now, the group of Podam temple towers is known to have 6 towers, divided into two groups (North and South groups) in two parallel axes facing South West 15030 °. At that time, they based on the towers still on the ground to announce the number. On the local Cham side, there is no source of reference to the number of towers in the group. It was not until 2013 - 2014 that the archaeological center of Southern Institute of Social Sciences and Binh Thuan Museum unearthed more new architectural foundations and two other pylons to the south of the South tower group. . Thus, the number of towers in the group is 8 towers, not 6 as we have always seen. Also through archaeological excavation discovered a path in the east, with dozens of brick steps going straight in the direction of the main door of Tower D. This walkway has been buried for centuries, no documents mention Come, the local Cham people are not aware.

The South Tower consists of B, C and D towers, 11m from the North Tower group, all 3 towers have an area and height

similar to the towers in the North Group, but the location and architectural style to the sculpting and decoration details. The art is completely different from the towers in the North group.

About art style and dating: the temple tower group was previously determined by the French scientists to belong to Hoa Lai art architectural style (taking the name of the Ba Thap group in Ninh Thuan to name this art style. , from the end of the eighth to the ninth century), however, based on the results of excavations in recent years (especially the discovery of stone stelae in Podam tower in 2014 dating to 710), the general date of This style was redefined from the beginning of the 8th century to the 9th century.

Regarding religious beliefs: Cham people built with the function of the project to worship the god Siva. The most official and sacred deity in Hinduism symbolizes the destruction and creation of all beings, creating rebirth according to the concept of Brahmanism. This is one of the oldest temple towers in Ninh Thuan - Binh Thuan area.

According to the date inscribed in the stone inscriptions discovered here in 2014, the tower group was built in 710. Up to now (2019) has been 1309 years. Despite the time of heavy devastation, all the towers in the group collapsed more than half. The most dangerous is that the E and F towers in the North group only have the base of the tower and an eastern wall about 80cm high. The main door faces south like the main tower. Both towers are secondary tower in the group. Although the tower collapsed like that, there was still a blue stone Linga - Yoni altar. Tower D in the South group only has the South and the Western wall. The towers A, C collapse lost the top. Only tower B left the top but collapsed all the surrounding architecture.

However, what is left on the body of Tower A (Main Tower) clearly shows the characteristics of Hoa Lai art style.

They are: unique decoration of sculptural art found rarely on the entire ground floor, in the shape of flowers, wave patterns, rectangles, squares ... carved into the dense, twisted tower wall. In the southeast corner of the junction between the first and second floors, the ancient Cham artisans carved a picture of Makara symbolizing the guardian deity of the temple. All the remaining walls of the 1st floor are beautifully carved on each wall. Especially, the west false door has arched arc facing up the fake door, carved many vivid images on both sides with very strong and flexible beauty. Nearly a century ago, in the announcement of Henri Parmentier, in the heart of Chinh A tower, there was a Linga - Yoni altar. Later, it was unknown for what reason and who put it outside of E Tower to the North of Main Tower (A).

The difference here is that almost all Champa temples and pagodas turn the main gate to the east. Whatever style of art, any chronology. As for the Podam tower group, turning the main door to the South is rare and hard to explain. Not only Chinh A tower but B, C, E, F towers all open the main door to the South. Except for D tower is the main door to the east, the direction of the gods. The traditional non-predatory construction can be partly explained by the shape of the mountain ridge stretching to the south. Of course, there are special reasons for the explanation that are not known today and the spiritual value of religion on this issue has disappeared with the oblivion of the Cham generations for decades. .

About the festival: Every year, here the Cham people still organize the Yuer Yang festival (Peaceful Praying ceremony) with rituals taking place in April of Cham calendar (ie around July of the solar calendar). The festival includes forms and content, such as the procession of costumes, ceremonies, ceremonial bathing of statues, costumes, prayers, ceremonies,

sacred fires, rafts with the participation of dignitaries and numerous local people and visitors.

The content of a series of rituals that took place continuously encapsulated the wishes of the people and it is also the soul of the relics for generations. Although the relics are increasingly destroyed, but about religion, folk beliefs are still reserved and preserved carefully. Currently, Podam is one of the attractive destinations for tourists, because in addition to the ancient beauty of artistic architecture, the mysterious spirit in the spirit, the back of the tower is a high mountain range with green forest, alternating and rocky mountains are also ideal places to visit.

DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH BÌNH AN

Đình làng Bình An tọa lạc tại thôn Bình An, xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; nằm cách UBND xã Bình Thạnh khoảng 600m và cách trung tâm huyện Tuy Phong khoảng 7 km về hướng Nam.

Đình làng Bình An được tạo lập vào năm Canh Thìn (1700) để thờ Thành hoàng Bốn cảnh cùng các bậc Tiên hiền, Hậu hiền là những người có công trong việc lập làng và dựng đình ngày trước. Lúc mới tạo lập, nhân dân địa phương gọi là “miếu Thành hoàng”.

Quần thể kiến trúc đình làng Bình An tọa lạc trên trong một khuôn viên thoáng đãng và rộng khoảng 1.400m². Từ di tích nhìn về phía Đông là những đồi cát vàng nhấp nhô nối tiếp tựa như những dải lụa mềm mại và cao hẳn so với nóc đình. Về phía Tây và Nam là đại dương mênh mông phủ sóng, dọc theo bờ biển là những bãi đá đen bóng được sóng biển “gọt dũa” thành nhiều hình thù trông lạ mắt. Địa linh nơi đây có dáng tựa “Phượng hoàng ẩm thủy” (chim Phượng hoàng uống nước) như một bức tranh sơn - thủy - thạch đẹp trữ tình và nên thơ.

Đình Bình An là di tích có niên đại vào loại sớm nhất trong số các đình làng ở Bình Thuận với nhiều giá trị nổi bật

trên các mặt lịch sử, văn hóa và kiến trúc, nghệ thuật tiêu biểu cho loại hình kiến trúc nghệ thuật dân gian thế kỷ XVIII - XIX ở Bình Thuận. Trong tổng thể chung, các công trình kiến trúc chính của đình gồm 3 nóc: đình Chính, đình Trung và Bái đình được bố trí ở trung tâm giữa khuôn viên theo bình đồ dạng chữ tam (≡). Bên cạnh đó còn có các công trình kiến trúc phụ trợ khác: Thông Linh quan (Cổng chính), Hạng Thái môn (Cổng bên hữu), Hàm Tụy môn (Cổng bên tả), nhà Tiền hiền, nhà thờ Bình sĩ, nhà thờ ông Đoàn Xuân Thao (người giàu có và đức độ ở trong làng), nhà Khánh y và nhà Nhóm. Tất cả được tạo dựng từ những nguyên vật liệu cổ truyền trong dân gian, bằng kỹ thuật lắp ghép tinh xảo đã liên kết hàng trăm chi tiết gỗ tạo nên bộ khung vững chắc. Nghệ thuật tạo hình, điêu khắc gỗ ở nội thất với các đề tài “Tứ linh”, hình tượng rồng châu, phượng múa, xen kẽ là giao long, hoa lá, muông thú và các điển tích xưa dần trải liên tục, sắc nét; bằng đôi bàn tay tài hoa, các nghệ nhân xưa đã chăm chút tạo nên các tác phẩm nghệ thuật sắc sảo với các đề tài trang trí đa dạng, phong phú và sinh động, vừa hài hòa với cảnh sắc thiên nhiên, vừa gắn với các công trình kiến trúc, cũng như bổ trợ cho chức năng thờ phụng của di tích.

Trải qua hơn 300 năm tồn tại kể từ lần đại tu vào năm Minh Mạng thứ 13 (1832), đến nay các hạng mục kiến trúc chính của di tích được bảo tồn nguyên vẹn; mặc dù chịu nhiều tác động của thời gian, mưa bão, môi trường thẩm thấu, sự phong hóa, bào mòn bởi hơi mặn nước biển và trải qua hai cuộc chiến tranh tàn khốc hủy hoại.

Bên cạnh những giá trị kiến trúc nghệ thuật vô giá, tại đình làng còn lưu giữ nhiều cổ vật, di vật, đồ tế khí được tạo tác hoàn chỉnh và hầu hết đều có niên đại từ lúc khởi dựng đình như: Tấm bia đá được lập năm Minh Mạng thứ 13 (1832), 5 sắc phong các vua triều Nguyễn ban tặng cho các vị thần thờ phụng tại đình, 2 đại hồng chung được vua Gia Long ban tặng, 2 pho tượng Quan Thánh Đế Quân bằng gỗ trầm hương và còn nhiều hiện vật quý

như: khám thờ, hương án, trảng kỷ, hoành phi, câu đối...

Với những giá trị tiêu biểu về lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, đình làng Bình An đã được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia tại Quyết định số 1460/QĐ/VH ngày 28 tháng 6 năm 1996.

Từ lúc khởi dựng đến nay, đình Bình An là trung tâm sinh hoạt văn hóa tâm linh, tín ngưỡng không thể thiếu của cộng đồng cư dân vùng biển nơi đây. Hàng năm diễn ra 2 kỳ lễ hội chính: Lễ hội tế Xuân diễn ra vào tháng 2 và lễ hội tế Thu diễn ra vào tháng 8 Âm lịch. Lễ hội tại đình là không gian để người dân gửi gắm niềm tin, đề đạt nguyện vọng lên các vị thần linh về một cuộc sống sung túc và bình an; gắn liền là các hoạt động sinh hoạt văn hóa dân gian như hát Bội, múa Lân, múa Liễn... Đây cũng là dịp để các cá nhân trong cộng đồng giao lưu kết nối tình thân ái, vui chơi nghỉ dưỡng sau những ngày lao động mệt nhọc; là nơi giáo dục truyền thống, tình yêu quê hương đất nước và trao truyền các bí quyết thực hành lễ hội đối với thế hệ trẻ.

Trong những năm gần đây, hệ thống cụm di tích ở xã Bình Thạnh như chùa Cổ Thạch, đình làng Bình An, lăng Ông Nam Hải, miếu Bà, Bãi đá Bảy Màu... luôn là điểm đến thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan, bái lễ, nghỉ dưỡng. Trong đó, đình làng Bình An được du khách biết đến ngày càng nhiều thông qua mô hình du lịch tâm linh, kết hợp nghỉ dưỡng, trải nghiệm sinh hoạt thực tế tại di tích; đặc biệt, Ban Quản lý các di tích chuẩn bị các món ăn phục vụ du khách với các loại hải sản đặc sản tại địa phương và điều này làm cho du khách càng thích thú tìm đến các điểm di tích này ngày một tăng dần./.



Cổng chính và vòng thành đình làng Bình An
Main gate in Binh An temple



Bài trí bên trong nội thất Chính điện đình làng Bình An
The interior of the temple hall of Binh An temple

BINH AN TEMPLE' ARCHITECTURE

Binh An temple is located in Binh An village, Binh Thanh commune, Tuy Phong district, Binh Thuan province; It is about 600m from Binh Thanh Commune People's Committee and about 7 km south of Tuy Phong district center.

Binh An temple was created in Canh Thin year (1700) to worship the tutelary genie deity and the ancestors of the Sage and the Sage who were credited with setting up the village and setting up the village temple. At the time of its creation, the local people called it "Thanh Hoang temple".

The architectural complex of Binh An temple is located on an open and spacious campus of about 1,400m². From the ruins looking to the East, the golden sand hills undulating in succession like soft silk strips and taller than the roof. To the West and South is a vast ocean covered, along the coast are shiny black rock beaches that are "trimmed" by waves to look fancy. The spirit here is shaped like "Phoenix moist water" (Phoenix bird drinking water) as a picture of painting - water - beautiful lyrical and poetic.

Binh An Temple is a relic dating back to the earliest among the village temples in Binh Thuan with many outstanding values in the fields of history, culture and architecture, typical of the art architecture type. Folk XVIII - XIX century in Binh Thuan. In

general, the main architecture of the village temple consists of 3 roofs: Chinh Dinh, Trung Trung and Bai Dinh are arranged in the center of the campus in the shape of a triangle (≡). Besides, there are other auxiliary structures: Thong Linh Quan (Main Gate), Hang Thai Mon (Right Gate), Ham Tuy Mon (Left Gate), Pre-Sage House, Soldier Church, and House. To worship Mr. Doan Xuan Thao (the rich and virtuous person in the village), Khanh Khanh and Group houses. All are made from traditional materials in folk, with sophisticated assembling techniques, linking hundreds of wood details to create a solid frame. The visual arts, wood sculptures in the interior with the themes “Four Spirit”, the images of dragon adoration, phoenix dance, alternating with dragon fruit, leaves, animals and ancient relics spread continuously and sharply. sharp; With talented hands, the ancient artisans took care to create exquisite works of art with diverse, rich and vivid decorative themes, both in harmony with the natural scenery and attached to architectural works, as well as supporting the worship function of the monument.

Over 300 years of existence since the overhaul in the 13th Minh Mang year (1832), up to now the main architectural items of the monument have been preserved intact; Despite the effects of time, storms, osmotic environments, weathering, erosion by saltwater salinity and two devastating

Besides the priceless artistic values, the village temple still preserves many antiques, relics and sacrifices made entirely of artifacts and most of them date from the time of the construction of the village temple such as: Stone stele. was established in the 13 th year of Minh Mang (1832), 5 titles conferred by the Nguyen dynasties to the worshipping gods at the village temple, 2 common roses donated by Gia Long king, 2 statues of Quan Thanh De’s army in agarwood. incense and many precious artifacts such as: worship praying, praying book, couch, diaphragm, couplet ..

With typical values of cultural history, artistic architecture, Binh An temple was ranked as an architectural monument by the Ministry of Culture and Information (now the Ministry of Culture, Sports and Tourism). National Committee at Decision No. 1460 / QD / VH of June 28, 1996.

Since its inception, Binh An temple is an indispensable center of spiritual and cultural activities of the coastal community here. There are 2 main festivals every year: the Spring Festival takes place in February and the Autumn Festival takes place in the 8th lunar month. The festival at the village temple is a space for people to express their beliefs and wishes to the gods for a life of abundance and peace; attached to folklore activities such as Boi singing, Lan dance, Lien dance ... This is also an opportunity for individuals in the community to exchange cordiality, play and relaxation after working days. tired; It is a place of traditional education, love for the homeland and passing on the secrets of festival practice to the younger generation.

In recent years, the system of monuments in Binh Thanh commune such as Co Thach pagoda, Binh An temple, Ong Nam Hai mausoleum, Ba Temple, Seven Colored stone beach ... has always been a popular tourist attraction in and abroad visiting, worshipping and relaxing. In particular, Binh An temple is becoming more and more popular with tourists through the model of spiritual tourism, combining relaxation and real life experiences at the monument; In particular, the Monuments Management Board prepares dishes to serve tourists with local specialties and this makes visitors increasingly interested in these relics increasingly.

DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT DINH THẦY THÍM

Dinh Thầy Thím tọa lạc giữa một khu rừng yên tĩnh có tên là rừng dầu Bàu Cái ở làng Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã La Gi. Nằm cách UBND xã Tân Tiến khoảng 2km về hướng Đông Bắc, cách bãi biển Tam Tân - nơi an dưỡng, nghỉ mát nổi tiếng của thị xã La Gi 2km về hướng Bắc.

Từ khi được tạo lập đến nay, người dân địa phương quen gọi là dinh Thầy Thím. Tên gọi này xuất phát từ sự tích dân gian về Thầy Thím được lưu truyền từ xưa đến nay, Thầy Thím là cách gọi thể hiện sự tôn kính của nhân dân đối với hai vợ chồng người đạo sĩ tài đức, giàu lòng nhân ái đã từng cứu giúp người dân nghèo trong cuộc sống. Do không rõ họ tên của vợ chồng người đạo sĩ, nên sau khi họ qua đời nhân dân địa phương kính cẩn gọi là Thầy và Thím. Để ghi tạc công ơn đó, các thế hệ ông cha ngày trước đã lập dinh thờ Thầy Thím.

Sự tích về Thầy Thím và dinh Thầy Thím gắn liền với quá trình khai lập và hình thành làng Tam Tân, kể rằng: Thầy là một đạo sĩ, quê ở làng La Qua, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Thầy cưới vợ người làng Yên Nê cùng tỉnh, Thầy là người giàu lòng nhân ái, có phép thuật cao siêu được mọi người ngưỡng mộ; thường dùng những phép thuật để trừng trị bọn cường hào, ác bá và cứu giúp người nghèo bị áp bức. Làng quê của Thầy

Thím quanh năm hạn hán, mất mùa, đời sống của người dân cơ cực, cơm không đủ no, khi ốm đau kể như tuyệt vọng; trước cơn nắng hạn, đồng lúa có nguy cơ bị cháy nắng, Thầy đã đứng ra khẩn nguyện, lập tức trời chuyển mây đen và mưa tầm tã, ruộng lúa hồi sinh như một phép lạ. Lòng nhân ái của Thầy trước cảnh tai ương đã khiến mọi người thán phục, cảm kích và danh tiếng Thầy lan rộng khắp nơi. Có lần Thầy dùng pháp thuật dịch chuyển ngôi đình của một làng khác về làng mình để nhân dân có nơi trang nghiêm thờ phụng Thành hoàng và tổ tiên của làng. Vì tội danh đó, triều đình nhà Nguyễn đã khép Thầy vào tội chết. Trước giờ thi hành án, Thầy xin một ân huệ cuối cùng là được cấp cho một tấm lụa đào để vợ chồng Thầy múa một bài tạ tội cùng vua; tấm lụa quán lấy Thầy Thím và linh diệu thay biến thành con rồng từ từ bay lượn trên không trung rồi xuôi về hướng Nam trước sự kinh ngạc của vua quan và dân làng. Rồng lụa đưa Thầy Thím đến làng Tam Tân thì đáp xuống. Từ đó Thầy Thím dưới lớp áo người dân xa quê đi lập nghiệp bằng nghề dẫn gỗ, đóng ghe, bốc thuốc chữa bệnh cứu giúp dân nghèo.

Người dân địa phương vẫn còn lưu truyền rất nhiều chuyện kể về sự linh hiển của Thầy trong việc cứu người bị nạn, giúp tiền bạc và chữa bệnh cho người dân lao động nghèo khó. Nghe tiếng đồn về công đức và những nghĩa cử cứu nhân độ thế cao đẹp của Thầy, đến đời vua Thành Thái năm thứ 18 (1906) nhà vua đã xem xét lại án xử trước đây và ban sắc phong cho Thầy Thím “*Chí đức tiên sinh, chí đức nương nương, tôn thần*”.

Sống ẩn dật trong rừng làm nghề dẫn gỗ, đóng thuyền, bốc thuốc chữa bệnh giúp dân nghèo một thời gian; một hôm dân làng Tam Tân được tin Thầy Thím đã thác, mọi người đến nơi thấy có sẵn hai chiếc quan tài khiến lòng ai cũng ngậm ngùi thương xót, cùng nhau làm lễ an táng Thầy và Thím ở khu rừng Bàu Thông. Để tỏ lòng biết ơn công đức của Thầy Thím, người dân đã chung sức lập đình thờ Thầy Thím tại khu rừng Bàu Cái. Những năm sau khi Thầy Thím qua đời, cứ đến ngày mùng 5

tháng giêng hàng năm người ta thường thấy có đôi bạch hổ từ trong rừng sâu về canh giữ mộ Thầy Thím. Về sau khi đôi bạch hổ qua đời, người dân đã an táng xác bạch hổ bên cạnh mộ Thầy Thím.

Sự tích Thầy Thím là một di sản văn hóa dân gian có nhiều giá trị và nổi tiếng ở địa phương được sản sinh ra từ trong cuộc sống, lao động và đấu tranh của ông cha ngày trước, phản ánh được nỗi khát khao chính đáng của nhân dân lao động về một xã hội công bằng và hạnh phúc. Nội dung của sự tích mang đậm tính nhân văn, góp phần giáo dục truyền thống, đạo lý và nhân cách sống cho các thế hệ đương thời và mai sau.

Tổng thể di tích dinh Thầy Thím tọa lạc ở hai khu vực: Khu dinh thờ Thầy Thím và khu mộ Thầy Thím. Khu dinh Thầy Thím bao gồm: Chính điện, Võ ca, gian thờ Tiền hiền, gian thờ Hậu hiền, Cổng chính, Bình phong. Khu mộ Thầy Thím tọa lạc giữa khu rừng Bàu Thông, ở vị trí cách Dinh khoảng 3km về phía Tây gồm có: Mộ Thầy, Thím, mộ đôi bạch hổ và Điện thờ Thầy Thím.

Dinh Thầy Thím thuở ban đầu được tạo dựng bằng tranh lá đơn sơ, về sau khi cuộc sống ổn định người dân địa phương đã tôn tạo lại Dinh khang trang và đàng hoàng hơn. Căn cứ vào truyền thuyết và những dòng văn tự Hán - Nôm cổ chạm khắc trên thanh xà cò ở Chính điện “*Kỷ Mão niên thập nhị nguyệt nhị thập ngũ nhật cấu tạo*”, chúng ta có đủ cơ sở để xác định niên đại tôn tạo dinh Thầy Thím vào ngày 25 tháng 12 năm 1879 (năm Tự Đức thứ 32). Các hạng mục kiến trúc được lắp ghép theo lối kiến trúc “Tứ trụ” - kiểu kiến trúc dân gian đặc trưng, tiêu biểu ở Bình Thuận vào thế kỷ XVIII - XIX. Trong kháng chiến chống Pháp, do vị thế tọa lạc giữa khu rừng già nên dinh Thầy Thím trở thành cơ sở quan trọng, nơi liên lạc, nuôi giấu, cung cấp lương thực, thực phẩm và thuốc men cho cách mạng. Để tránh bị địch chiếm đóng làm đồn bốt, nhân dân đã tháo dỡ các bộ phận kiến trúc chính của Chính điện, Võ ca, gian thờ Tiền

hiền, gian thờ Hậu hiền theo chủ trương “Tiêu thổ kháng chiến” của Mặt trận Việt Minh.

Để khôi phục lại diện mạo kiến trúc, nguyên vật liệu truyền thống vốn có trước đây; năm 2010 - 2012 dinh Thầy Thím đã được đầu tư trùng tu, tôn tạo hoàn chỉnh theo lối kiến trúc “Tứ trụ” như trước đây. Đồng thời, nhiều hạng mục phụ cận như: vòng thành, sân vườn, nhà vệ sinh, đường nội bộ, sân khấu cũng được đầu tư tu bổ đồng bộ, nâng cao vẻ mỹ quan và nét kang trang cho di tích.

Khu mộ Thầy Thím với các hạng mục: Tường thành bao, Điện thờ Thầy Thím, sân vườn, đường nội bộ cũng được trùng tu, tôn tạo vào năm 2013 đảm bảo nét kang nghiêm, thành kính, phục vụ tốt hơn nhu cầu thăm viếng, dâng hương của nhân dân và du khách.

Dinh Thầy Thím đã được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia tại Quyết định số 2890/QĐ-VH ngày 27/9/1997.

Hàng năm tại dinh Thầy Thím tổ chức hai kỳ lễ hội có sức thu hút đông đảo nhân dân địa phương, du khách trong và ngoài nước đến thăm viếng: Lễ Tảo mộ Thầy Thím tổ chức vào ngày mùng 5 tháng giêng và lễ giỗ Thầy Thím diễn ra từ ngày 14 - 16 tháng chín Âm lịch. Trong lễ giỗ Thầy Thím diễn ra nhiều nghi lễ truyền thống nối tiếp nhau như: Nghinh thần, rước sắc phong và bằng công nhận di tích, lễ dâng hương, nhập điện an vị, cúng ngọ chay, thí thực phát lộc, thỉnh sanh, giỗ tiên hiền, cúng gia binh. Bên cạnh đó là phần hội với nhiều trò chơi, trò diễn dân gian và hoạt động văn hóa thu hút người xem như: Thi đấu cờ người, thi làm bánh, đan lưới, khiêng thúng ra khơi, gánh cá, kéo co, giải việt dã, giải bóng chuyền bãi biển, biểu diễn lân - sư - rồng, triển lãm mô hình sự tích Thầy Thím, trình diễn trống hội, chương trình nghệ thuật dân tộc.

Với những giá trị về kiến trúc nghệ thuật, tín ngưỡng và tâm linh nên dinh Thầy Thím trở thành nơi nghỉ mát, an dưỡng nổi tiếng, hấp dẫn du khách đến chiêm ngưỡng ngày càng đông. Sau thời gian du ngoạn cảnh Dinh và núi rừng, du khách ghé thăm bãi biển Tam Tân để ngâm mình thỏa thích trong những con sóng bạc đầu, phơi mình trên bãi cát trắng mịn màng, ngắm nhìn những rặng dừa xanh trải dài, thưởng thức những món hải sản tươi sống đậm đà hương sắc vùng quê duyên hải trù phú và sôi động./.



Tổng thể các hạng mục kiến trúc dinh Thầy Thím
Overall architectural items of Thim professor palace

ARCHITECTURAL ART OF THIM PROFESSOR PALACE

Thim professor Palace is located in the middle of a quiet forest named Bau Cai oil forest in Tam Tan village, Tan Tien commune, La Gi town. It is located about 2km from the People's Committee of Tan Tien to the Northeast, from Tam Tan Beach - a famous resort and resort of La Gi Town 2km to the North.

Since its creation, the locals used to call it Thim professor's palace. This name comes from the folk tale of Teacher Thuy that has been handed down from the past to the present, Teacher Thuy is a way of expressing the people's respect for the talented and loving Taoist couple ever help the poor people in their lives. Do not know the full name of the Taoist couple, so after they died, the local people respectfully called Thay and Thuy. To record such merit, generations of his ancestors set up a temple to worship Thim professor.

The legend of Thim professor and Thim professor's temple is closely linked to the process of founding and forming Tam Tan village, telling that: He is a Taoist, hometown in La Qua village, Dien Ban district, Quang Nam province. He married the people of Yen Ne village in the same province. He was a kind-hearted person with great magic admired by everyone; often use

magic to punish the bullies, the evildoers, and to help the poor oppressed. Thim professor's village is year-round drought, crop failure, the life of destitute people, the rice is not enough, when sick, as desperate; Before the drought, the rice fields were in danger of sunburn, the Master stood up to pray, immediately the sky turned dark clouds and pouring rain, the rice field revived like a miracle. His kindness in the face of the disaster has made people admire, appreciate and spread his reputation everywhere. Once, he used magic to move the village temple of another village to his village so that the people could have a solemn place to worship the tutelary god and ancestors of the village. Because of that crime, the Nguyen court closed Teacher to death. Before the execution time, Thay asked for a final favor of being granted a peach silk so that he and his wife would dance a confession to the king; the silk wrapped around Thay Thut and miraculously changed into a dragon slowly hovering in the air and then heading south to the amazement of the king and the villagers. The silk dragon brought Thim professor to Tam Tan village and landed. Since then Thim professor under a coat of people away from home went to make a career with a wooden craft, boats, and medicine to help the poor.

Local people still circulate a lot of stories about master's spirituality in saving victims, helping with money and healing poor working people. Upon hearing the rumors of merit and the noble sentiments of saving the noble people of the Master, during the 18th year of King Thanh Thai (1906), the king reviewed the previous trial and bestowed Teacher Thuy "Chi Duc". First born, even virtuous and upland God."

Living in seclusion in the forest to make a living, making boats, loading medicine to help poor people for a while; One day, Tam Tan villagers learned that Thim professor had fallen. Everybody came to see that there were two coffins available to make everyone feel pity and mercy, together to perform

the funeral of Thay and Thuy in Bau Thong forest. In order to express the gratitude to Thay Thy's merit, the people have joined forces to set up a temple to worship Thim professor in Bau Cai forest. In the years after Thim professor passed away, every year on the 5th of January every year, people often see a pair of white tigers coming from the deep forest to guard Thay Them's grave. Later, after the death of the couple, the people buried the body of a white tiger beside Thay Them's grave.

The legend of Thim professor is a valuable and popular folklore heritage in the locality that was born from the life, labor and struggle of the previous father, reflecting the legitimate desire of the people working for a fair and happy society. The content of the story is deeply humane, contributing to traditional education, morality and personality for the present and future generations.

The overall heritage of Thim professor's palace is located in two areas: Thim professor palace and Thim professor tomb. Thim professor Palace consists of: Main hall, Vo ca, Tien Hien worship space, Hau Hien worship hall, Main gate and Binh phong. Thay Them tomb is located in the middle of Bau Thong forest, located about 3km from the Palace to the West including Thay grave, Thuy, double tiger white tomb and Thim professor Shrine.

At the beginning, Thim professor's Palace was created by simple leaf paintings, after the stable life, the local people have restored the Palace to be more spacious and more decent. Based on the legend and the ancient Han - Nom scripts carved on the bar of the stork in the Main Hall "The Rabbit Year of the Twelve Decades of the Five Elements", we have enough grounds to determine the religious year. created Thim professor's palace on December 25, 1879 (the 32nd year of Tu Duc). Architectural items are assembled in the style of "Four pillars" - a typical folk architecture typical of Binh Thuan in the eighteenth and nineteenth centuries. During the anti-French resistance war, because of its

position in the middle of the old forest, Thim professor's palace became an important base, a place of communication, farming, supplying food, food and medicine for the revolution. In order to avoid being occupied by the enemy as a base post, the people dismantled the main architectural parts of the Main Palace, Vo ca, Tien Hien worship and Hau Hien worship areas under the policy of "Destroying resistance" of the Vietnamese Front. Minh.

In order to restore the traditional appearance, traditional materials; In 2010 - 2012, Teacher Thù's palace was completely restored and embellished in the "four pillars" architecture as before. At the same time, many adjacent items such as the citadel, the garden, the toilet, the internal roads, the stage have also been invested in a synchronized renovation, improving the beauty and spaciousness of the monument.

Thay Them tombs with items such as the wall, Thim professor Shrine, garden, internal roads were restored and embellished in 2013 to ensure solemnity, respect, better serve the needs of visiting. visit and offer incense of people and tourists.

Thim professor's Palace was ranked by the Ministry of Culture and Information (now the Ministry of Culture, Sports and Tourism) to rank the national architectural and artistic monuments in Decision No. 2890 / QĐ-VH of September 27, 1997.

Every year at Thim professor's Palace, organize two festivals that attract a great deal of local people, domestic and foreign tourists to visit: Thim professor's Tomb Ceremony held on the 5th of January and the anniversary of Thay's death. Aunt takes place from September 14 to 16 in the lunar calendar. During the death anniversary, Thim professor took place many traditional ceremonies in succession such as: Nghinh spirit, procession and recognition of relics, incense offering, peace of mind, offerings to veggies, offering food, giving birth, gentle money anniversary, worship family. Besides, there is a festival with many games,

folk shows and cultural activities that attract viewers such as: Playing chess, making bakes, knitting nets, carrying baskets out to sea, carrying fish, pulling tights, prizes cross-country, beach volleyball tournament, lion - dragon - dragon performance, an exhibition of the legend of Thim professor, drum performance, national art show.

With the values of artistic architecture, beliefs and spirituality, Teacher Thim's palace has become a famous resort and convalescence, attracting tourists to admire more and more. After visiting the Palace and mountains, tourists visit Tam Tan beach to take a dip in the silver waves, bask on the smooth white sand, watch the stretches of green coconut, reward Wake up with fresh seafood dishes rich in the rich and vibrant coastal countryside.

DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐỀN THỜ PO NIT

Vua Po Nit

Theo biên niên sử của người Chăm và một số tài liệu của các học giả người Pháp từ những năm đầu thế kỷ XX, thì trước khi lên ngôi vua, Po Nit xuất thân từ một viên tướng tài giỏi, có tài cầm quân chống lại sự xâm lăng của các lân quốc từ phía Bắc vào và từ phía Nam ra. Nhất là chống lại quân của triều đình nhà Nguyễn đang trên đà mở rộng đất đai về phương Nam trong khí thế hùng mạnh. Với những khả năng đó Po Nit được tôn vinh làm vua và chính thức lên ngôi từ năm 1603 - 1613. Trong 10 năm trị vì đất nước Po Nit đã có những đóng góp đáng kể, đất nước thời kỳ này được yên bình trong những khoảng thời gian nhất định, nhân dân được yên ổn làm ăn, họa xâm lăng của các lân quốc lảng giềng cũng bớt đi sự đe dọa. Cũng trong thời kỳ này Po Nit cũng đã cho khôi phục và phát triển lực lượng quân đội để bảo vệ phần đất còn lại của vương quốc về phía Nam.

Trong giai đoạn này, nhiều lần quân Chăm đánh lấn ra mãi tận tỉnh Phú Yên đang trong tầm kiểm soát của triều Nguyễn. Để giữ thế hòa hoãn và tạo tiền đề cho mối bang giao hai nước được êm đẹp, chúa Nguyễn đã gả công chúa cho Pônit làm thứ phi và sau này được phong là hoàng hậu. Điều đó cũng chứng

tổ uy quyền và sức mạnh của vương quốc Chăm pa dưới triều Po Nit, khiến cho chúa Nguyễn phải dùng đến nghệ thuật ngoại giao mềm mỏng, nhờ đó đã củng cố được nền hòa hiếu một thời gian khá dài giữa hai nước Đại Việt - Chăm pa.

Ở ngôi báu và trị vì thiên hạ được 10 năm, Po Nit nhường ngôi lại cho người em trai là Chài Pran tiếp tục trị vì, còn ông lui lại phía sau triều chính cho đến lúc qua đời. Sau khi mất, theo truyền thống và phong tục tập quán của người Chăm Balamôn thì hài ông được thiêu. Triều đình và dòng tộc đã lập đền thờ và tạc tượng để thờ phụng ông mãi cho đến ngày nay.

Đền thờ vua Po Nit

Giữa thế kỷ XVII đền thờ Po Nit được xây dựng trên một ngọn đồi cao bên hữu ngạn sông Phan Rí (đoạn cuối của Sông Lũy) nay thuộc xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình. Nếu như trước đây khi đất nước còn yên bình và nhân tài vật lực đầy đủ, kỹ thuật xây dựng tháp còn bảo lưu thì chắc chắn Po Nit sẽ xứng đáng được thờ trong lòng những ngôi tháp. Nhưng vì những lý do khách quan đó mà người Chăm thời kỳ này đã quyết định xây dựng đền thờ, tạc tượng để thờ phụng Ngài cùng hai bà hoàng hậu, cận thần trong triều. Nhiều thợ giỏi được huy động từ các nơi đến để xây dựng đền thờ, nhất là để tạc tượng và trang trí ngôi đền.

Năm 1973, tức là hơn 300 năm sau do chiến tranh ở khu vực này ngày càng ác liệt, mặt khác việc đi lại chăm nom ngôi đền thờ cũng như việc thực hiện các lễ nghi tôn giáo, lễ hội của đồng bào Chăm gặp nhiều khó khăn và nguy hiểm, nên các vị chức sắc sau khi có ý kiến của nhân dân đã cho dời ngôi đền từ vị trí này về địa điểm gần làng Thanh Hiếu, xã Phan Hiệp hiện nay. Địa điểm này đến trung tâm huyện lỵ Bắc Bình khoảng 2km về hướng Đông, cách thành phố Phan Thiết 67 km theo hướng Bắc dọc theo Quốc lộ 1A.

Theo truyền thống xưa của người Chăm, những đền tháp

thờ thần thì công và cửa chính thường quay về hướng Đông. Ngôi đền có 4 gian phòng thờ tương ứng với 4 nóc bên trên. Trong 4 gian thờ thì có 3 nóc hướng về phía Đông. Đó là nơi thờ vua Po Nit, nơi thờ hoàng hậu và gian sảnh. Riêng nơi thờ vị tướng Po Kay Mách (người Hồi giáo) thì cửa trở về hướng Bắc. Cả 4 nóc của đền thờ đều có trang trí phần đỉnh, trong đó có 3 nóc gắn Makara (giống như rồng trên nóc chùa Việt) còn đền thờ 2 bà hoàng hậu lại trang trí bằng đôi chim phượng lớn trên nóc.

Gian phòng trung tâm của đền thờ đặt tượng vua Po Nit. Theo các nguồn tài liệu lưu truyền trong dòng tộc hậu duệ nhà vua, lúc Po Nit còn sống các nhà điêu khắc tài giỏi của người Chăm được mời đến để họa hình và làm tượng mẫu. Đây là việc hệ trọng nên các số liệu rất chuẩn mực, do vậy pho tượng nhà vua có thân hình đẹp, cân đối và giống với Ngài lúc sinh thời. Pho tượng mô tả vị vua đang ngồi, đầu đội vương miện hình ống chếch về phía trước, chạm nổi nhiều hoa văn xung quanh. Đây là một trong những pho tượng đá cuối cùng của nghệ thuật điêu khắc đá. Ngoài tượng vua Po Nit sau đó vài chục năm có thêm tượng vua Po Klong Moh Nai, vua Po Klong Gahul, vua Po Rô Mê và vua Po Nraup. Từ thời gian này trở về sau không còn một tượng nào được tạo tác nữa, và cũng từ đây nghề điêu khắc tạc tượng đá nổi tiếng có hơn một thiên niên kỷ của người Chăm đã chấm dứt.

Nối liền với đền thờ vua Po Nit về phía Bắc và thông cửa với nhau là gian phòng thờ hai bà hoàng hậu (một hoàng hậu Chăm và một hoàng hậu Việt). Trong đền thờ đặt 8 tượng đá có thể khối tương đối lớn, trong đó có 2 pho tượng của hai bà hoàng hậu, còn lại 6 tượng chia thành hai hàng, hàng đầu 4 tượng Kut và tượng 2 bà hoàng hậu; hàng sau 2 tượng Kut khác. Tất cả đều quay mặt về hướng chính của đền thờ; cũng như tượng vua Po Nit, hai pho tượng hoàng hậu được chạm khắc công phu tinh tế, thể hiện rõ nét thân thể của người phụ nữ và cách trang phục.

Phía bên tả và bên hữu đền thờ còn có 2 khu đặt 10 tượng

Kut bằng đá màu xanh xám. Đây là những người có công lớn trong việc xây dựng triều chính, được vương triều công nhận. Do quy định chung trong Bàlamôn giáo: chỉ có nhà vua, hoàng hậu mới được tạc tượng giống với người thật. Còn lại những người có thứ bậc trong vương triều cũng được tạc tượng Kut bằng đá, nhưng tượng cũng chỉ có những nét cơ bản mà thôi, không mô tả kỹ về khuôn mặt hay các bộ phận khác của cơ thể. Đa phần số tượng Kut này có dạng giống như hình người, có đầu và có hai vai, phần trước gần như được chạm khắc toàn bộ với nhiều hoa văn nổi dày.

Bộ sắc phong: Do có nhiều công hiến cho tính hòa hiếu giữa hai vương triều và hai Nhà nước phong kiến Việt - Chăm nên vua Po Nit đã được một số vua triều Nguyễn ban tặng 8 sắc phong dưới các triều vua: Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân và Khải Định. Hiện những điệu sắc này đang được dòng tộc hậu duệ vua Po Nit lưu giữ cùng với những kỷ vật của nhà vua và vương triều. Hàng năm khi đến các ngày giỗ, hay lễ lạt, những kỷ vật này được đưa ra.

Đền thờ Po Nit là một trong những điểm chính để đồng bào Chăm lưu giữ các nghi thức tôn giáo, lễ hội văn hóa dân gian cả văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Việc tồn tại đền thờ Po Nit đồng nghĩa với sự bảo lưu vốn văn hóa truyền thống một phần quan trọng về di sản văn hóa của người Chăm không chỉ ở Bắc Bình mà cho cả đại bộ phận người Chăm hôm nay và những thế hệ mai sau.

Lễ hội

Ở đền thờ Po Nit lễ hội Katê được tổ chức theo thời gian như ở các đền tháp khác của người Chăm. Lễ được tổ chức vào ngày mừng một tháng 7 Chăm lịch. Quy trình của lễ hội từ hình thức đến nội dung tương ứng như các nơi khác. Nhưng thuận lợi hơn vì ngôi đền ở gần làng nên công tác hậu cần và phương tiện phục vụ lễ hội đầy đủ và tốt hơn các đền tháp khác. Ngoài lễ hội

Katê tại đền thờ Po Nit thỉnh thoảng dân làng mới làm lễ Cầu đảo khi có những năm quá hạn hán. Lễ được tổ chức vào tháng 4 Chăm lịch chuẩn bị cho việc xuống cày gieo hạt. Đền thờ Po Nit chứa đựng đầy đủ các giá trị văn hóa đặc sắc của người Chăm từ đầu thế kỷ XVII đến nay đã hơn 400 năm. Tiêu biểu là bộ sưu tập tượng đá với 21 tượng, thể hiện trình độ và nghệ thuật điêu khắc tại đây đã thực sự đem lại cho nghệ thuật Chămpa nhiều kiệt tác có thể sánh được với những tác phẩm trong lịch sử của tổ tiên là điểm đến cho du khách tham quan, nghiên cứu và tìm hiểu về lịch sử, văn hóa đặc sắc của người Chăm./.



Tổng thể kiến trúc đền thờ Po Nit
Overall architecture of Po Nit temple



Lễ hội Katê tại đền thờ Po Nit
Kate Festival at Po Nit Temple

ARCHITECTURAL ART OF PO NIT TEMPLE

Po Nit King

According to the Annals of the Cham people and some documents of French scholars from the early years of the twentieth century, before coming to the throne, Po Nit came from a talented general, capable of fighting against invasion of neighboring countries from the North to the South and from the South. Especially against the troops of the Nguyen Dynasty who are on the way to expand the land to the South in a mighty atmosphere. With these abilities, Po Nit was honored as king and officially crowned from 1603 to 1613. During the 10 years of Po Nit's country, there were significant contributions, the country was peaceful in this period. For a certain period of time, the people were able to do business quietly, the invasion of neighboring countries also lessened the threat. Also during this period Po Nit also restored and developed its army to protect the rest of the kingdom to the south.

During this period, many Cham invaders invaded Phu Yen province, under the control of the Nguyen Dynasty. In order to keep the postponement and create a premise for a good relationship between the two countries, Lord Nguyen married the princess to Ponit as a concubine and later became the queen. It also proves the power and power of the Champa kingdom under

the Po Nit dynasty, causing Lord Nguyen to resort to the soft diplomatic art, thereby strengthening the long-time peaceability between the two countries. Dai Viet - Champa.

At the throne and reigning for 10 years, Po Nit ceded the throne to his brother, Chai Pran, who continued to reign, and he retreated behind the main government until his death. After his death, according to the Cham Balamon tradition and customs, his body was burned. The court and clan established temples and statues to worship him to this day.

Po Nit King Temple

In the middle of the seventeenth century, Po Nit temple was built on a high hill on the right bank of Phan Ri river (the end of Luy River) now in Phan Ri Thanh commune, Bac Binh district. If in the past when the country was still peaceful and full of human resources, tower construction techniques were still reserved, Po Nit would surely deserve to be worshiped in the heart of the towers. But for these objective reasons, the Cham people in this period decided to build temples and statues to worship Him and their two queens and courtiers. Many skilled craftsmen were mobilized from all over the places to build temples, especially to sculpt and decorate the temple.

In 1973, that is, more than 300 years later due to war in this area more and more fierce, on the other hand, traveling to take care of the temple as well as performing religious rituals and festivals of the Cham people met a lot. difficult and dangerous, so the dignitaries after the opinion of the people moved the temple from this position to the location near Thanh Hieu village, Phan Hiep commune today. It is about 2 km to the center of Bac Binh district town, to the East, 67 km from Phan Thiet city to the North along National Road 1A.

According to the ancient tradition of the Cham people, the temples worshiping the gods, the gate and the main gate often turn

to the East. The temple has 4 altar rooms corresponding to the 4 roofs above. In 4 altars, there are 3 roofs facing to the East. It is the place to worship King Po Nit, the place to worship the queen and the hall. Particularly for the place of worshipping General Po Kay Mach (Muslims), the door is carved to the North. All 4 roofs of the temple are decorated with the top, including 3 roofs attached to Makara (like a dragon on the roof of a Vietnamese temple) and the temple of the two queens are decorated with large phoenixes on the

The central chamber of the temple houses the statue of King Po Nit. According to the sources circulated in the lineage descended from the king, when Po Nit was alive, talented Cham sculptors were invited to paint and model. This is a very important statistic so the figures are very standard, so the statue of the king has a beautiful, balanced body and resembles him during his lifetime. The statue depicts the king sitting, his head wearing a tubular crown tilted forward, embossing with surrounding patterns. This is one of the last stone statues of stone sculpture. In addition to the statue of King Po Nit a few dozen years later, there is a statue of King Po Klong Moh Nai, King Po Klong Gahul, King Po Ro Me and King Po Nraup. From this time on, no more statues have been created, and from here, the famous stone sculptures with more than a millennium of the Cham people have ended.

Connected to the temple of King Po Nit to the North and open to the door is a room to worship two queen queens (one Cham queen and one Vietnamese queen). In the temple, there are 8 stone statues of relatively large mass, including 2 statues of the two queens, the remaining 6 are divided into two rows, leading 4 Kut and 2 queens; row after 2 other Kut objects. All turned to face the main direction of the temple; as well as the statue of King Po Nit, the two statues of the queen are elaborately carved, clearly showing the woman's body and how to dress.

On the left and right side of the temple there are 2 areas with 10 Kut images made of gray-green stone. These were the people who had made great contributions to the construction of the main dynasty, which was recognized by the dynasty. Due to the general provisions in Brahmanism: only the king and queen can sculpt statues that resemble real people. The remaining people of the royal hierarchy are also sculpted with stone Kut, but the statue also has only basic features, not describing the face or other parts of the body. Most of these Kut figures are humanoid, have heads and have two shoulders, the front is almost entirely carved with many thick embossed patterns.

Ordination set: Due to many contributions to the peaceability between the two dynasties and the two feudal states of Vietnam - Champa, King Po Nit has been granted 8 ordinations under the kings of Minh Mang, Minh Mang, Thieu Tri, Tu Duc, Dong Khanh, Duy Tan and Khai Dinh. Currently these tones are kept by the descendants of King Po Nit, along with the memorabilia of the king and the dynasty. Every year when the anniversary of the anniversary, or ceremonies, these memorabilia are given.

Po Nit Temple is one of the main points for Cham people to preserve religious rituals, folklore festivals, both tangible and intangible. The existence of the Po Nit temple is synonymous with the reservation of traditional cultural capital, an important part of Cham cultural heritage not only in Bac Binh but also for the majority of Cham people today and generations to come. after.

Festival

At Po Nit temple, Kate festival is celebrated from time to time like in other temples of Cham people. The ceremony is held on the first day of the seventh month of Cham calendar. The process of the festival ranges from the form to the corresponding content as elsewhere. But it is more convenient because the

temple is near the village so the logistics and facilities for the festival are more complete and better than the other temples. In addition to the Kate festival at the Po Nit temple, the villagers sometimes do the island bridge when there are years of drought. Ceremony is held in April Cham calendar to prepare for plowing and sowing. Po Nit Temple contains full of unique cultural values of the Cham people from the early seventeenth century to now more than 400 years. Typically, the collection of stone statues with 21 statues, showing the level and sculpture here, has really brought Champa art with many masterpieces that can be compared with works in the history of ancestors. destination for tourists to visit, research and learn about the unique history and culture of the Cham people.

DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN THỜ CÔNG CHÚA BÀN TRANH

Đền thờ Công chúa Bàn Tranh hay còn được người dân trên đảo gọi là đền thờ Bà Chúa Xứ, là ngôi đền cổ do người Chăm xây dựng từ cuối thế kỷ XVI. Đền thờ được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 227/QĐ-BVHTTDL ngày 28/01/2015.

Theo truyền thuyết, Bàn Tranh là công chúa vương quốc Chăm-pa, do phạm tội đã bị vua cha đày ra đảo khi còn rất trẻ cho đến về già cũng không một lần được trở về đất liền và sau khi mất, xác Bà đã được an táng tại đây. Khoảng đầu thế kỷ XVII ngôi đền được người Việt tiếp quản, gìn giữ và thờ phụng cho đến ngày nay.

Đền thờ công chúa Bàn Tranh tọa lạc tại xã Long Hải, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận và có hướng chính quay về phía Nam; cách núi Cao Cát khoảng 500m về phía Tây - đây là ngọn núi hùng vĩ, nên thơ và được coi là thắng cảnh đẹp nổi tiếng của đảo Phú Quý. Từ cảng Phan Thiết theo đường biển về hướng Đông Nam 56 hải lý (105km) là đến đảo Phú Quý, từ đây theo con đường nhựa liên xã đi qua xã Long Hải khoảng 8km là đến di tích.

Đền thờ công chúa Bàn Tranh thể hiện bước kế thừa, tiếp biến và dung hợp văn hóa của cộng đồng người Việt khi đến tiếp

quản và xây dựng cuộc sống trên đảo Phú Quý. Điều đặc biệt ở đây là tín ngưỡng thờ công chúa Bàn Tranh đã trở thành tín ngưỡng chung và thiêng liêng nhất của người dân trên toàn đảo; việc trông coi, thờ phụng và cúng tế hàng năm được diễn ra luân phiên giữa các làng trên đảo, mỗi làng được lưu giữ sắc phong, phụng thờ và cúng tế trong thời gian 1 năm, qua năm sau sẽ luân chuyển sang làng khác và cứ thế luân chuyển khắp các làng trên đảo theo trình tự.

Từ khi tạo lập đến nay, đền thờ công chúa Bàn Tranh đã trải qua gần 400 năm tồn tại, do tác động của môi trường biển đảo khắc nghiệt nên ngôi đền đã được các thế hệ người Chăm và người Việt tiếp nối tu bổ, tôn tạo nhiều lần nhưng vẫn giữ nguyên được hướng của ngôi đền và phần mộ của công chúa Bàn Tranh trong đền thờ, lấy đó làm cốt để đặt khám thờ bên trên. Trong đó, đợt trùng tu năm 2009 đã làm cho diện mạo đền thờ trở nên bề thế và trang nghiêm với các hạng mục: Cổng chính, Cột cờ, Bình phong, Võ ca và Chính điện được phân bố trên một trục thẳng; ở về phía bên hữu hơi lệch về phía sau theo hướng nhìn từ trước vào là nhà Khói, bao bọc di tích là hệ thống tường thành kiên cố.

Đền thờ công chúa Bàn Tranh còn lưu giữ 3 bia Kut thờ công chúa Bàn Tranh được tạc từ đá hoa cương màu xám xanh có niên đại khoảng 400 năm. Các di vật là hoành phi, câu đối, chiêng, trống, chuông, chân đèn, đỉnh đồng, lư hương và 5 sắc phong của các đời vua triều Nguyễn phong tặng cho công chúa Bàn Tranh. Ngoài ra, còn có 3 sắc phong chung cho cả công chúa Bàn Tranh và thầy Sài Nại. Thầy Sài Nại là thương gia sống vào thế kỷ XVI, thường theo các thương thuyền vượt đại dương đến nhiều nước để buôn bán và bên cạnh nghề buôn ông còn là một thầy thuốc giỏi. Trong một chuyến hải trình, thuyền bị bão tố đẩy dạt vào đảo Phú Quý và lúc này trên đảo đã có công chúa Bàn Tranh; Thầy Sài Nại đã kết nghĩa chị em với công chúa, ở lại đảo sinh sống, hành nghề bốc thuốc chữa bệnh cứu giúp dân nghèo. Sau khi qua đời, ông đã được người dân an táng, lập đền thờ trên đảo.

Lễ hội đền thờ công chúa Bàn Tranh diễn ra vào ngày mùng 3 tháng giêng hàng năm và đây cũng là ngày giỗ Bà. Vào dịp lễ hội, Ban Quản lý đền thờ tổ chức nghi lễ thỉnh rước sắc phong của công chúa Bàn Tranh tại làng đang lưu giữ, thờ phụng sắc về đền thực hiện tế lễ. Đoàn lễ khởi hành nghinh rước sắc phong tại làng đang giữ sắc rồi đi qua các ngõ đường trong làng, sau đó thẳng tiến về đền thờ công chúa Bàn Tranh. Khung cảnh rước sắc phong diễn ra trang nghiêm, thành kính; nhưng cũng không kém phần đông vui, nhộn nhịp hòa với âm thanh rộn rã của nhạc lễ nổi lên liên tục trên đường đi. Âm sắc của lễ hội hòa vào giữa những dòng người trực tiếp tham gia đoàn lễ với những dòng người từ khắp các làng quê trên đảo cùng tề tựu hai bên đường và đi theo đoàn lễ. Đây là nét đẹp riêng biệt thể hiện sắc thái văn hóa độc đáo mang tính đặc thù gắn với đời sống tín ngưỡng, tâm linh thiêng liêng của người dân xứ đảo từ bao đời nay, khó có thể tìm thấy ở trên đất liền hay các hòn đảo khác ở Việt Nam.

Vào các dịp lễ hội, còn diễn ra nhiều loại hình diễn xướng văn hóa dân gian như chèo Bả trạo, hát Bội, múa Tứ linh... là những loại hình diễn xướng dân gian độc đáo của người dân đảo Phú Quý./.



Cổng chính đền thờ công chúa Bàn Tranh
The main gate is the temple of Ban Tranh princess



Kiến trúc Chính điện và cảnh quan đền thờ công chúa Bàn Tranh
The main hall architecture and the temple landscape of Ban Tranh princess

HISTORIC

THE TEMPLE OF “BAN TRANH” PRINCESS

Ban Tranh Princess Temple, also known by the people on the island as Ba Chua Xu temple, is an ancient temple built by the Cham people in the late XVI century. The temple was ranked as a national historical monument by the Ministry of Culture, Sports and Tourism in Decision No. 227 / QD-BVHTTDL dated January 28, 2015.

According to legend, Ban Tranh was the princess of the Champa kingdom. She was exiled to the island by her father when she was very young, even when she was very young, she never returned to the mainland and after her death, her body was safe. burial here. Around the beginning of the seventeenth century, the temple was taken over, preserved and worshiped by the Vietnamese to this day.

Ban Tranh Princess Temple is located in Long Hai commune, Phu Quy district, Binh Thuan province and has the main direction to the south; about 500m west of Cao Cat Mountain - this is a majestic, poetic mountain and is considered a famous beauty spot of Phu Quy Island. From Phan Thiet port by sea to the southeast 56 nautical miles (105km) is to Phu Quy island, from here follow the inter-commune asphalt road passing Long Hai commune about 8km to the monument.

Ban Tranh Princess Temple expresses the inheritance, acculturation and cultural integration of the Vietnamese community when it comes to taking over and building life on Phu Quy island. The special thing here is that the worship of Princess Ban Tranh became the most common and sacred belief of the people on the whole island; The annual supervision, worship and sacrifices take place between villages on the island, each village is kept ordained, worshiped and sacrificed for 1 year, after the next year, it will be transferred to another village. and so on and so forth around the island villages in sequence.

Since its creation, the temple of Ban Tranh princess has spent nearly 400 years of existence, due to the impact of the harsh sea and island environment, the temple has been renovated by the Cham and Vietnamese generations. embellished many times but still keep the direction of the temple and the tomb of Princess Ban Tranh in the temple, which is used as a base to place a search of the above worship. In particular, the restoration of 2009 has made the appearance of the temple become superficial and solemn with items: Main gate, Flagpole, Phong phong, Vo ca and Chinh Dien are distributed on a straight axis; on the right side, slightly deflected backward in the direction from the front to the smoke house, surrounded by relics is a fortified wall system.

The temple of Ban Tranh princess still retains 3 Kut beer to worship Ban Tranh princess carved from blue gray granite dating back about 400 years. The relics are raging, couplets, gongs, drums, bells, candlesticks, bronze peaks, incense burners and 5 ordinations of the Nguyen dynasties bestowed on Princess Ban Tranh. In addition, there are 3 ordained general for both Princess Ban Tranh and teacher Sai Nai. Mr. Sai Nai is a merchant living in the sixteenth century. He often followed merchant ships across the ocean to many countries to do business. Besides being a trader, he is a good physician. During a voyage, the boat was pushed by storms to Phu Quy island and now on the island, there

is princess Ban Tranh; Teacher Sai Nai has made sister with the princess, stayed on the island to live, practicing medicine to help the poor. After his death, he was buried and set up a temple on the island.

“Ban Tranh” Princess Temple Festival takes place on January 3rd every year and this is also the anniversary of the death of Ba. On the occasion of the festival, the temple management board held a ceremony to receive the ordination of princess Ban Tranh in the village that is keeping and worshipping the colors of the temple to perform the sacrifice. The delegation departed to receive the ordained ordinance at the village holding the identity and then went through the alleys in the village, then headed straight to the temple of Ban Tranh princess. The scene of procession is solemn and respectful; but also no less crowded, bustling with the bustling sound of festive music emerging constantly along the way. The timbre of the festival merges among the people who directly participate in the ceremony with people from all villages on the island gathered along the road and follow the ceremony. This is a unique beauty that expresses a unique cultural nuance that is specific to the religious and spiritual life of the islanders for many generations, hard to find on the mainland or the Other islands in Vietnam.

On festive occasions, there are still many types of folklore performances such as Cheo Ba cheo, Boi singing, and four dance dances ... which are unique types of folk choreography of the people of Phu Quy island.

DI TÍCH THẮNG CẢNH CHÙA NÚI

Chùa Núi tọa lạc trên sườn phía Nam núi Tà Cú thuộc xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, ở cao độ 475m so với mực nước biển trung bình.

Năm 1872, nhà sư Trần Hữu Đức (1812 - 1887) pháp danh Thông Ân, pháp hiệu Hữu Đức đã một mình vượt cao sơn hẻo lánh lên núi Tà Cú tìm nơi thanh tịnh để tu hành. Sau khi dò dẫm nhiều nơi, cuối cùng Nhà sư đã chọn một hang đá ẩn sâu vào núi làm tịnh thất để tu hành, hang này về sau có tên gọi là Hang Tổ. Một mình ẩn dật tu hành trên núi, mãi đến 7 năm sau người dân địa phương mới phát hiện ra chỗ ẩn dật của nhà sư Hữu Đức. Để có chốn cho Nhà sư tu hành, người dân trong vùng đã huy động công sức để dựng lên một ngôi thảo am nhỏ đơn sơ trên núi. Tu hành trên núi Tà Cú thêm 9 năm nữa, nhà sư Trần Hữu Đức qua đời vào ngày mùng 5 tháng 10 năm Đinh Hợi (1887). Để tưởng nhớ công lao của vị Sư Tổ có công khai lập Chùa Núi, giới tín đồ phật tử và người dân địa phương đã lấy ngày mùng 5 tháng 10 Âm lịch hàng năm làm ngày giỗ Tổ của chùa.

Trong những năm tu hành trên núi Tà Cú, nhà sư Trần Hữu Đức còn là thầy thuốc giỏi từng bốc thuốc chữa bệnh cứu giúp dân nghèo. Theo truyền thuyết, vào năm Tự Đức thứ 33 (1880), Nhà sư đã cứu Hoàng Thái Hậu khỏi cơn bệnh hiểm nghèo, cảm kính trước công lao, tài đức của Nhà sư, vua Tự Đức đã ban cho

Ông danh hiệu “*Đại Lão Hòa Thượng*”, riêng ngôi chùa do Sư Tổ Trần Hữu Đức khai sơn được vua ban tên “*Linh Sơn Trường Thọ tự*” và tên gọi này được lưu truyền mãi đến ngày nay.

Quần thể Chùa Núi gồm có 2 ngôi chùa: Linh Sơn Trường Thọ và Linh Sơn Long Đoàn. Chùa Linh Sơn Trường Thọ còn được người dân địa phương quen gọi là Chùa Tổ hay Chùa Trên. Cách chùa Linh Sơn Trường Thọ khoảng 300m về hướng Đông Nam là chùa Linh Sơn Long Đoàn, người dân địa phương quen gọi là Chùa Dưới. Chùa Linh Sơn Long Đoàn do nhà sư Tâm Hiền (hiệu Thái Bình) - đệ tử của nhà sư Hữu Đức tạo dựng vào năm 1890 theo ý nguyện của Sư Tổ Hữu Đức, cả 2 chùa đều thờ chung vị Sư Tổ Hữu Đức.

Vị trí tọa lạc của Chùa Núi cách trung tâm huyện lỵ Hàm Thuận Nam khoảng 5km về phía Đông Nam. Trên Quốc lộ 1A từ Phan Thiết đi Thành phố Hồ Chí Minh, đến mốc Km28 có con đường nhựa rẽ trái dẫn vào Khu du lịch Chùa Núi Tà Cú, theo đường bộ đi về hướng Đông khoảng 3km là đến chân núi Tà Cú. Từ năm 2003 trở về trước, khi hệ thống cáp treo Tà Cú chưa được xây dựng thì du khách và mọi người phải đi bộ và leo núi theo con đường mòn có từ lâu nay để lên chùa. Từ năm 2004 đến nay, hệ thống cáp treo núi Tà Cú được lắp đặt hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng đã tạo điều kiện thuận lợi cho du khách và nhân dân đến văn cảnh chùa. Chỉ mất khoảng 10 phút ngồi cáp treo là du khách từ chân núi có thể lên đến chùa hoặc ngược lại.

Trải qua 130 năm tồn tại, do tác động của môi trường tự nhiên nên các hạng mục kiến trúc cổ xưa của chùa Linh Sơn Trường Thọ đã bị xuống cấp trầm trọng. Trước thực trạng đó, được sự đồng ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND tỉnh Bình Thuận, từ năm 2007 các hạng mục của chùa Linh Sơn Trường Thọ đã từng bước được trùng tu, tôn tạo lại khang trang, bề thế hơn để phục vụ nhu cầu tham quan, viếng phật và chiêm ngưỡng cảnh chùa của du khách thập phương.

Khu Chính điện chùa Linh Sơn Trường Thọ có diện tích rộng hơn 500m² gồm nhiều hạng mục được kiến tạo theo dạng cổ lầu với nhiều tầng mái ngói đỏ vút cao tạo nên một quần thể kiến trúc thâm nghiêm, đồ sộ giữa chốn núi rừng như: Tiền đường, Chính điện, Trai đường và Giảng đường; bên cạnh khu Chính điện còn có nhiều hạng mục kiến trúc độc đáo khác như: Ngôi Bảo tháp 7 tầng, Đông chung, Tây cổ, Cổng Tam quan, Nghi phương trượng, Đông khách đường và Tây khách đường. Các góc mái chùa được uốn cong cao vút, trên các góc mái trang trí hình tượng giao long, giữa các đỉnh nóc trang trí hình tượng đầu rồng đội bình nước cam lồ đắp nổi bằng vôi vữa trang nghiêm.

Chùa Linh Sơn Trường Thọ còn nổi tiếng cả trong và ngoài nước bởi pho tượng Phật Thích Ca nhập niết bàn có kích thước lớn nhất ở Đông Nam Á với chiều dài 49m và chiều cao 6m, nặng hàng trăm tấn. Pho tượng do điêu khắc gia Trương Đình Ý thiết kế và chủ trì thực hiện từ năm 1962. Tượng Phật Thích Ca nhập niết bàn trong tư thế nằm nghiêng về bên phải, đầu gối lên tay phải, 2 chân duỗi thẳng, mặt quay về hướng khu Chính điện, lưng dựa vào vách núi. Vị trí của pho tượng tọa lạc về phía sau cách chùa hơn 100m. Phía trước pho tượng Thích Ca nhập niết bàn, cách chùa về phía sau khoảng 30m là nhóm Tam Thế Phật trong tư thế đứng cao khoảng 7m, mặt nhìn về khu Chính điện: Ở giữa là tượng A Di Đà, bên phải là tượng Quan Âm, bên trái là tượng Đại Thế Chí, các đường nét trên cả 3 pho tượng được tạc khá uyển chuyển, hài hòa và cân đối. Cách chân pho tượng Phật Thích Ca nhập niết bàn khoảng 50m về phía Đông là Hang Tổ, đây là nơi Sư Tổ Trần Hữu Đức đã ẩn dật và thiền định trong suốt 7 năm đầu khi Nhà sư lên núi Tà Cú tu hành, hang sâu thăm thẳm và tương truyền hang ăn thông qua núi đến tận cửa biển phía Đông.

Ở ngay phía trước khu Chính điện đến nay vẫn còn lưu lại Tháp mộ Sư Tổ Trần Hữu Đức và các nhà sư trụ trì kế tục từ trước đến nay. Bên cạnh ngôi Tháp mộ Sư Tổ có năm mộ của 1 con bạch hổ, tương truyền xưa kia khi Sư Tổ tu niệm một mình

trong hang đá, con bạch hổ này thường đến nằm trước cửa hang để nghe Ông tụng kinh niệm Phật. Dần theo thời gian bạch hổ trở thành vệ sĩ, người bạn thân thiết của Sư Tổ. Sau khi Sư Tổ qua đời, bạch hổ buồn rầu bỏ cả ăn uống, ngày đêm nằm phủ phục bên Thập mộ Sư Tổ rồi chết tại đó. Cảm kích trước sự trung thành đối với Sư Tổ Trần Hữu Đức, các nhà sư của chùa đã an táng xác bạch hổ bên cạnh Thập mộ Sư Tổ.

Đến với chùa Linh Sơn Trường Thọ, du khách còn được chiêm ngưỡng những pho tượng Phật, tượng Sư Tổ Trần Hữu Đức, đài sen, bàn thờ bài trí trong Chính điện được chạm khắc từ những tảng đá núi ở xung quanh chùa và những bức tranh chạm khắc trên gỗ độc đáo miêu tả các điển tích xưa của Phật giáo.

Quần thể kiến trúc Chùa Núi ẩn mình giữa rừng cây cổ thụ bạt ngàn xanh tốt quanh năm và thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên núi Tà Cú. Đến với chùa du khách như lọt vào vườn tiên cõi Phật, được tận hưởng một bầu không khí mát mẻ trong lành, một khung cảnh thanh tịnh và nên thơ giúp mọi người có được sự nhẹ nhàng, thanh thản và trút bỏ hết những lo toan trong cuộc sống đời thường.

Chùa Núi Tà Cú được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng thắng cảnh quốc gia tại Quyết định số 43/VH/QĐ- ngày 07/01/1993./.



Kiến trúc và cảnh quan chùa Núi
Architecture and view of Chua Nui (Mountain Pagoda)



Tượng phật Thích Ca nhập niết bàn dài 49m
Shakyamuni Buddha statues niếtban 49m long

LANDSCAPE OF CHUA NUI (MOUNTAIN PAGODA)

Chua Nui (Mountain Pagoda) is located on the southern slope of Ta Cu Mountain in Tan Thuan Commune, Ham Thuan Nam District, at an altitude of 475m above average sea level.

In 1872, the monk Tran Huu Duc (1812 - 1887), known by the name Thong An, the name of Huu Duc alone went beyond the mountain to go to Ta Cu mountain to find a pure place to practice. After groping many places, the monk eventually chose a cave deep into the mountain to make a retreat, which later became called Hang To. A hermit alone on a mountain, until 7 years later local people discovered the hiding place of the monk Huu Duc. In order to have a place for monks to practice, the people in the area mobilized their efforts to erect a small, simple workshop on the mountain. Practicing on Ta Cu Mountain for another 9 years, the monk Tran Huu Duc passed away on October 5, Dinh Hoi year (1887). In commemoration of the great monk's merit in establishing Chua Nui Temple, Buddhist followers and local people have taken the 5th lunar month of the lunar calendar every year to celebrate the death anniversary of the temple.

During this years of practice on Ta Cu Mountain, Tran Huu Duc was also a good physician who used to cure medical

problems to help the poor. According to legend, in the 33rd year of Tu Duc (1880), the monk saved the Empress Hoang Hau from a critical illness, respect for the merits and merit of the monk, King Tu Duc bestowed upon him the title “Dai”. Elder Venerable, “the pagoda was founded by Master Tran Huu Duc and given the name” Linh Son Truong Tho Tu “and this name has been handed down to this day.

Chua Nui (Mountain Pagoda) population consists of 2 temples: Linh Son Truong Tho and Linh Son Long Doan. Linh Son Truong Tho Pagoda is also known by locals as To Chua or Chua Tren. About 300m from Linh Son Truong Tho pagoda to the southeast is Linh Son Long Doan pagoda, known locally as Chua Below. Linh Son Long Doan Pagoda was created in 1890 by the monk Tam Hien (Thai Binh) - a disciple of Huu Duc monk at the request of Su To Huu Duc.

The position is located at Nui Chua, about 5km southeast of Ham Thuan Nam district center. On National Highway 1A from Phan Thiet to Ho Chi Minh City, to the Km28 landmark, there is a paved road to the left that leads to Ta Cu Chua Nui (Mountain Pagoda) Resort, following the road going east about 3km to the foot of Ta Cu mountain. From 2003 and earlier, when the Ta Cu cable car system was not built, visitors and everyone had to walk and climb along the long-established path to the temple. From 2004 to present, Ta Cu cable car system has been completely installed and put into use, creating favorable conditions for tourists and people to visit the temple. It only takes about 10 minutes by cable car to visitors from the foot of the mountain can reach the temple or vice versa.

Over 130 years of existence, due to the impact of the natural environment, the ancient architectural items of Linh Son Truong Tho Pagoda have been seriously degraded. Facing that situation, with the consent of the Ministry of Culture, Sports and Tourism and the People’s Committee of Binh Thuan Province,

since 2007, the items of Linh Son Truong Tho Pagoda have been gradually restored and re-embellished. more superficial to serve the needs to visit, visit the Buddha and contemplate the pagoda of the cross tourists.

The main hall of Linh Son Truong Tho Pagoda has an area of more than 500m², including many items created in the form of an ancient floor with many soaring red roof tiles creating a profound and massive architectural complex in the middle of mountains and forests. : Front Street, Main Hall, Trai Road and Amphitheater; Besides the Main Palace, there are many other unique architectural items such as: 7-storey Stupa, Eastern common, Western ancient, Tam Quan Gate, Nghi Phuong trung, East of the road and West of the road. The corners of the temple roof are soaring, on the roofs decorated with images of dragon fruit, between the tops of the roofs decorated with the image of a dragon wearing a huge vase of orange juice floating with solemn mortar.

Linh Son Truong Tho Pagoda is also famous both at home and abroad because the statue of Shakyamuni Buddha entered nirvana has the largest size in Southeast Asia with a length of 49m and a height of 6m, weighing hundreds of tons. The statue was designed and presided over by sculptor Truong Dinh Y since 1962. Shakyamuni Buddha entered nirvana in a reclining position on his right side, his knee on his right hand, his legs straightened, his face facing back. in the direction of the Main Palace, back against the cliff. The position of the statue is located more than 100m from the back of the temple. In front of the statue of Thich Ca enter nirvana, about 30m behind the pagoda is the Tam The Buddha group in a standing posture about 7m high, facing the Main Palace: In the middle is the statue of Amitabha, on the right is the Quan statue Yin, on the left is Dai The Chi statue, the contours on all 3 statues are sculpted quite flexible, harmonious and balanced. About 50 meters to the east of Shakyamuni statue

to the east is Hang To, where Master Tran Huu Duc hid and meditated during the first 7 years when the monk went to Ta Cu mountain to practice, deep cave. chasms and caves feed through the mountains all the way to the East Sea.

In front of the main hall, the tomb of Master Tran Huu Duc and the abbot's monks still remain so far. Next to the tomb of the Great Patriarch there is the tomb of a white tiger, once it was said that when he was alone in the cave, the white tiger often came to the front of the cave to listen to him recite Buddhist recitations. Gradually, white tiger became a bodyguard and close friend of Su To. After the death of the Patriarch, the white tiger sadly gave up eating and drinking, day and night lying prostrate by the Patriarch's Tomb Tower and died there. Appreciated by the loyalty to Master Tran Huu Duc, the monks of the temple buried the white tiger corpse next to the Great Patriarch's Tower.

Coming to Linh Son Truong Tho pagoda, visitors can admire the Buddha statues, the statue of Master Tran Huu Duc, the lotus, the altar decorated in the main hall carved from the mountain rocks around the temple and the Unique wood carvings depicting ancient Buddhist relics.

Nui Chua architectural complex is nestled among lush green trees all year round and belongs to Ta Cu Mountain Nature Reserve. Coming to the pagoda, visitors like entering the Buddha's paradise garden, enjoying a cool and fresh air, a peaceful and poetic setting helps people to be gentle, serene and take care of all worries. attempt in daily life.

Ta Cu Chua Nui (Mountain Pagoda) was ranked as a national landscape by the Ministry of Culture and Information (now the Ministry of Culture, Sports and Tourism) in Decision No. 43 / VH / QD- January 7, 1993.

DI TÍCH THẮNG CẢNH CỔ THẠCH TỰ (CHÙA HANG)

Chùa Cổ Thạch tọa lạc trên đồi Cổ Thạch thuộc xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Với hệ thống giao thông đường bộ kết nối nhiều tuyến đường, nhiều điểm du lịch ở Bình Thuận hiện nay nên có thể đến chùa Cổ Thạch bằng nhiều con đường từ nhiều hướng khác nhau.

Cổ Thạch tự có nghĩa là chùa đá xưa, tên gọi này có từ khi chùa mới được khai lập đến nay gắn liền với địa hình địa thế của một vùng đồi núi. Ngoài ra, chùa còn được người dân địa phương quen gọi là Chùa Hang vì các hạng mục của chùa được tạo lập dựa vào địa thế của các tảng đá, hang động tự nhiên.

Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), Thiền sư Bảo Tạng (sinh năm 1818) quê ở Phú Yên, sau một thời gian quy y thọ giới ở quê nhà đã tìm đường vào phương Nam để hoằng dương Phật pháp, Thiền sư đã tìm đến vùng đồi núi Cổ Thạch, chọn hang đá để lập am tu hành. Khai sơn và tu hành ở Cổ Thạch tự được 5 năm, đến năm 1839 Thiền sư giao chùa cho các đệ tử trông nom, một mình tiếp tục vân du hoằng hóa vào phía Nam. Ngày 25/5/1872, Thiền sư Bảo Tạng viên tịch tại chùa Ngọc Tuyền trên núi Kỳ Viên, thành phố Vũng Tàu. Để tưởng nhớ công lao của vị sư Tổ có công sáng lập chùa Cổ Thạch, nhà chùa đã lấy ngày 25/5 Âm lịch hàng năm làm ngày giỗ Tổ của chùa.

Vùng đồi núi Cổ Thạch có nhiều tầng đá lớn nguyên sơ độc đáo nối tiếp và chồng lên nhau tạo thành nhiều hang động kỳ vĩ. Vị thế tọa lạc của chùa nằm trên các tầng đá, trong các vòm đá, hang động; sát cạnh bên dưới về hướng Đông và Nam là biển cả tạo nên một thiên cảnh hữu tình. Nơi đây quanh năm chan hòa ánh sáng, khí hậu mát mẻ trong lành được chất lọc bởi những luồng gió biển mặn mà, mát lạnh tạo nên một thiên cảnh trầm mặc rất lý tưởng cho việc thiền định.

Quần thể thắng tích chùa Cổ Thạch trải rộng trên một vùng đồi núi có diện tích khoảng 4ha. Lối vào chùa qua Cổng chính trở về phía Tây, qua khỏi Cổng chính ở về phía bên tả là nhà Cổ lai khá bề thế và trang nghiêm. Từ đây theo lối vào chùa khoảng 100m là đến khu Chính điện. Trước khi vào khu Chính điện phải leo lên 36 bậc thang xây bằng phiến thạch lên Cổng Tam quan, ở phía dưới hai bên tả hữu chân bậc thang bài trí đôi rồng đứng chầu oai nghiêm, hai bên tả hữu phía trước Cổng Tam quan bài trí hình tượng hổ chầu, voi phục.

Qua khỏi Cổng Tam quan là bước vào sân chùa, những hạng mục kiến trúc chính được bố trí bao quanh sân chùa. Đối diện với Cổng Tam quan là 3 phiến đá tự nhiên nổi lên cao vút như xếp sẵn thành một hàng ngang, phiến đá bên phải có hình dáng giống con cá kinh, kinh Phật gọi là con “Ma Kiệt” - một loại thủy vật được xem là hóa thân từ Quan Thế Âm Bồ Tát thường giúp đỡ ngư dân khi gặp nạn ngoài khơi, tảng đá này được sử dụng để xây Lầu chuông hình tháp 2 tầng bên trên. Phía bên tả là tảng đá có hình dáng như chiếc thuyền Bát Nhã được sử dụng để xây Lầu trống có kiểu dáng tương tự như Lầu chuông. Tảng đá ở giữa có dáng giống như con cóc, kinh Phật gọi là con “Thiên Trùng” - con vật hiền lành tượng trưng cho sự thanh tịnh nơi cửa Phật.

Đối diện Cổng Tam quan qua một khoảnh sân chùa là Ngọ môn, bước vào Ngọ môn là một loạt các hang động được tạo thành bởi những phiến đá tự nhiên cao hơn 10m xếp thành một

vòng cung hình bán nguyệt, được tận dụng để chỉnh trang thành các hang cốc thờ Phật, trình tự từ phải qua trái là hang Tổ (thờ Tổ Sư Bảo Tạng), hang thờ Phật Chuẩn Đề, hang Tam Bảo và Chính điện. Bước vào các hang đá trong khu Chính điện chúng ta mới cảm nhận được không khí trang nghiêm, mỗi hang động có một hình thù và vẻ đẹp hoang sơ khác nhau, được bàn tay con người khéo léo cải tạo, chỉnh trang để sử dụng làm nơi thờ Phật hết sức độc đáo và lạ lẫm, trong mỗi hang động bài trí, thờ phụng rất nhiều pho tượng Phật cổ.

Bên phải Cổng Tam quan nhìn từ trong ra là một loạt các hạng mục kiến trúc gồm: nhà Thiền, Tụ đường, Giảng đường, nhà Tăng, nhà Chủng... Vòng ra phía sau chùa về hướng Bắc và Đông Bắc trong phạm vi bán kính khoảng vài trăm mét, du khách sẽ được chiêm ngưỡng nhiều công trình kiến trúc lạ đẹp hiện ra trước mắt hoặc ẩn mình trong các hang đá. Đó là khu Tam Thế Phật, hang thờ Tam Thế Mẫu, hang thờ Cửu Thiên Huyền Nữ, hang thờ Bà Chúa Ngọc và nhiều am cốc thờ khác.

Mỗi hang động, am cốc thờ Phật ở đây là những công trình kiến trúc thạch động lạ đẹp được con người tạo dáng, chỉnh sửa lại để làm nơi thờ tự trang nghiêm và huyền bí. Ở đây tính nguyên sơ của tự nhiên bao trùm lên tất cả các công trình kiến trúc, bằng bàn tay khéo léo tài hoa của mình, con người đã cải dáng, tôn tạo những hang động của tự nhiên thêm phần hoàn chỉnh. So với các chùa khác, quy mô kiến trúc của chùa Cổ Thạch không lớn nhưng đa dạng và muôn vẻ. Cái hay, cái đẹp của chùa Cổ Thạch là tọa lạc trong một quần thể hang động rộng lớn muôn hình muôn vẻ nối tiếp nhau chen chúc giữa đá và cây rừng nhấp nhô. Sự hòa hợp giữa nghệ thuật hoa viên, kiến trúc và điêu khắc hài hòa với cách bài trí thờ phụng ở bên trong càng làm tăng thêm nét thanh tịnh và trang nghiêm.

Chùa Cổ Thạch còn bảo lưu nhiều di vật, cổ vật có giá trị gắn liền với lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của ngôi chùa từ trước đến nay như: Hàng chục pho tượng Phật cổ chất liệu

gỗ, đồng, đá; 1 chiếc đại hồng chung đúc năm Đinh Mùi 1847; 1 chiếc trống sấm được chế tác năm Mậu Thân 1848, chiếc trống này đã được sử dụng để thúc quân trong trận đánh đồn cầu Đại Hòa trong kháng chiến chống Pháp; hàng chục bức hoành phi, câu đối, đại tự; đặc biệt là 10 sắc phong do các vua triều Nguyễn ban tặng cho chùa.

Ở về hướng Bắc, Nam và Đông Nam chùa Cổ Thạch là những phiến đá, hang động và rừng cây bụi trải dài; sát dưới về phía Nam và Tây Nam có nhiều ghềnh đá, bãi cát xen kẽ với các bãi đá tự nhiên chạy dọc theo bờ biển đã tạo nên một quần thể thắng cảnh sinh động, nên thơ có sức hấp dẫn đối với du khách. Đặc biệt, cách chùa khoảng 500m về hướng Tây Nam là khúc eo biển khá rộng có bãi cát trắng tinh từ lâu đã trở thành bãi tắm lý thú của du khách khi đến thăm viếng chùa. Dọc theo bờ biển phía trên bãi tắm là bãi đá hình cánh cung chạy dài hơn 200m có tên là Bãi đá Bảy Màu, với những viên đá nhỏ dày đặc đủ hình dạng, kích cỡ và nhiều màu sắc như: xám trắng, nâu, đen, đỏ, xám xanh... Nối tiếp Bãi đá Bảy Màu về phía Đông là Bãi Rêu tự nhiên bám trên các tảng đá nằm dưới nước biển ven bờ đã trở thành nơi chụp ảnh lưu niệm lý thú; đến tham quan, nghỉ dưỡng tại chùa Cổ Thạch du khách vừa được chiêm ngưỡng vẻ đẹp tự nhiên hoang sơ, vừa thoải mái tắm biển, thưởng thức những món hải sản tươi sống, sưu tầm những viên đá cuội đủ màu sắc, hình hài đưa về nhà để làm kỷ niệm.

Chùa Cổ Thạch đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng thắng tích cấp quốc gia tại Quyết định số 1207/QĐ-BT ngày 11/9/1993./.



Các hạng mục kiến trúc chùa Cổ Thạch
Co Thach Pagoda architectural items

LANDSCAPE OF CO THACH PAGODA (HANG PAGODA)

Co Thach Pagoda is located on Co Thach hill in Binh Thanh commune, Tuy Phong district, Binh Thuan province. With the road system connecting many roads and many tourist destinations in Binh Thuan nowadays, it is possible to reach Co Thach Pagoda by many roads from many different directions.

Co Thach Pagoda means ancient stone pagoda, this name has been from the time the pagoda was newly established until now associated with the topography of a mountainous region. In addition, the temple is also known by locals as Hang Pagoda because its items are created based on the terrain of natural rocks and caves.

In the 16th year of Minh Mang's reign (1835), Bao Thien Zen master (born in 1818) was born in Phu Yen. After a long time of taking the precepts at home, he found his way to the South to propagate the Buddha Dharma. Go to Co Thach mountainous area, choose a cave to establish a religious life. Khai Son and practiced in Co Thach Tu for 5 years. In 1839, the Zen master entrusted the pagoda to his pupils to take care

of him. He continued traveling to the South alone. On May 25, 1872, Zen Master Bao Tang passed away at Ngoc Tuyen Pagoda on Ky Vien Mountain, Vung Tau City. In commemoration of the great monk's meritoriousness to the founder of Co Thach Pagoda, the pagoda has taken the 5th of the 5th lunar month every year as the death anniversary of the temple.

Co Thach mountainous region has many unique unique pristine rocks that follow and overlap to form many magnificent caves. The position of the pagoda is located on the rocks, in the rock arches, caves; Next to the East and the South is the sea creating a charming landscape. The place is full of light all year round, the cool and fresh climate is filtered by the cool, salty sea breeze creating a quiet landscape that is ideal for med

The population of Co Thach pagoda is spread over a hilly area of about 4 ha. The entrance to the pagoda through the Main Gate is to the west, past the Main Gate to the left is the quite and dignified Ancient House. From here, follow the entrance to the pagoda about 100 meters to reach the Main Palace. Before entering the main hall, you must climb 36 steps made of plaster to Tam Quan Gate. the image of the tiger and elephant image.

Beyond Tam Quan Gate, you will enter the pagoda yard, main architectural items will be arranged around the temple yard. Opposite the Gate of the Three Gates is a natural stone rising soaring like a line, the right stone is shaped like a whale, Buddhist scriptures called the "Ma Kiet" - a type of aquatic creature Considered to be an incarnation from Guan Yin Bodhisattva who often helps fishermen in distress at sea, this rock is used to build the 2-storey tower bell tower above. On the left is a rock shaped like a Bat Nha boat used to build an empty floor similar to the bell floor. The stone in the middle is like a toad, the Buddhist scripture is called the "Thien Trung" - a gentle animal that symbolizes the purity of the Buddha's door.

Opposite the Gate of Tam Quan through a yard of the pagoda is Ngo Mon, entering Ngo Mon Gate is a series of caves formed by natural stones higher than 10 meters arranged in a semicircular arc, used to adjust to form caves for worshipping Buddha, the order from right to left is Hang To (worship Su Bao Tibet), Chua De Chua Buddha, Tam Bao cave and Main Palace. Entering the stone caves in the main hall, we can feel the solemn atmosphere, each cave has a different shape and wild beauty, skillfully renovated and decorated by human hands to use. making a very unique and strange place of worshipping Buddha, in each decorated cave, worship many ancient Buddha statues.

To the right of the Three-Gate, the view from the inside is a series of architectural items, including: the Zen house, the Tang temple, the amphitheater, the Tang house, and their houses. radius of a few hundred meters, visitors will admire many strange architectural works appear before or hidden in the cave. That is the Tam The Buddha area, Tam The Mau church, Cuu Thien Huyen Nu cave, Ba Chua Ngoc worship cave and many other worshipping amam.

Each cave, am worshipping Buddha here are beautiful and strange stone structures constructed by man, modified to make a solemn and mysterious place of worship. Here the primitive nature of nature covers all architectural works, with his ingenious hands and talents, man has reformed and embellished the caves of nature to be more complete. Compared to other pagodas, the architectural scale of Co Thach pagoda is not large but diverse and colorful. The beauty of Co Thach pagoda is that it is located in a large complex of caves shaped like a series of shapes crammed between rock and undulating forest trees. The harmony between flower garden art, architecture and sculpture harmonizing with the interior arrangement of worship adds to the serenity and solemnity.

Co Thach Pagoda also preserves many valuable relics and

antiques associated with the history of formation, existence and development of the temple so far such as: Dozens of ancient Buddha statues made of wood, copper and stone ; 1 common rose cast in Dinh Mui 1847; A thunder drum was created in the Year of the Monkey in 1848, this drum was used to push troops in the battle of Dai Hoa bridge post in the resistance against the French; dozens of diaphragm pictures, couplets, great words; especially 10 ordinations conferred by the kings of the Nguyen Dynasty.

In the North, South and Southeast of Co Thach pagoda are stalagmites, caves and shrubs; closer to the south and southwest there are many rocky rapids, sandy beaches interspersed with natural rocky beaches running along the coastline, creating a lively and poetic landscape of beauty and attraction that attract tourists. In particular, about 500m from the pagoda to the southwest is a fairly wide strait with pure white sand that has long been an interesting beach for visitors to visit the temple. Along the coast above the beach is a bow-shaped rock beach running over 200m long called Bay Mau Rock Beach, with small dense stones of all shapes, sizes and colors such as gray, white, brown, black, red, gray blue ... Following the Seven Colored Rock Beach to the East is the Mossy Beach, which naturally clings to the rocks under the coastal water and has become an interesting souvenir photo spot; Visiting and resting at Co Thach Pagoda, tourists can both admire the wild natural beauty, just enjoy swimming, enjoying fresh seafood dishes, collecting colorful pebbles and figures. Take it home as a souvenir.

Co Thach pagoda was ranked national achievement in Decision No. 1207 / QĐ-BT on September 11, 1993 by the Minister of Culture and Information (now Ministry of Culture, Sports and Tourism).

DI TÍCH THẮNG CẢNH LINH QUANG TỰ

Chùa Linh Quang tọa lạc tại xã Tam Thanh, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận; nằm cách Cảng Phú Quý 1,5km về hướng Đông Bắc, cách trung tâm huyện Phú Quý khoảng 2km về hướng Đông Nam. Từ cảng Phú Quý theo đường Ngô Quyền đến vòng xoay giao nhau với đường Võ Văn Kiệt, rẽ trái vào đường Võ Văn Kiệt đi về hướng Tây Bắc khoảng 2km là đến chùa Linh Quang.

Từ khi tạo dựng đến nay, chùa được người dân trên đảo gọi tên là Linh Quang tự, ý nghĩa của tên gọi này nhằm cầu mong hào quang, ánh sáng của Đức Phật luôn hiển linh soi sáng để cứu độ cho dân chúng trên đảo có cuộc sống an lành và hạnh phúc.

Nguồn gốc và lịch sử ra đời các ngôi chùa ở Bình Thuận nói chung và Phú Quý nói riêng gắn liền với quá trình di dân về phía Nam khẩn hoang, tạo lập cuộc sống mới của người dân từ các tỉnh Bắc và Trung Trung bộ vào thế kỷ XVII - XVIII. Trong các đoàn di dân ấy có nhiều nhà sư, họ mang theo giáo lý của đạo Phật vào khai sáng, lấy đạo hạnh và từ bi để cứu giúp con người khỏi bể khổ trầm luân. Ở một vị thế cách trở, biệt lập như đảo Phú Quý thì giáo lý của đạo Phật càng dễ dàng thấm nhuần vào tâm thức của người dân lao động và được họ đón nhận nhanh chóng để bù đắp vào những thiếu thốn trong đời sống văn hóa tinh thần, tín ngưỡng tâm linh của mình.

Chùa Linh Quang được tạo lập sớm nhất trên đảo Phú Quý, là khởi đầu của quá trình truyền bá Phật giáo từ đất liền ra hải đảo. Theo gia phả lưu truyền lại thì chùa Linh Quang được tạo dựng vào đời Cảnh Hưng năm thứ 8 (1747). Vị Sư Tổ có công khai lập chùa là ông Nguyễn Cảnh, thuở sơ khai ban đầu chỉ là ngôi tiểu am tranh lá đơn sơ. Trước khi qua đời, Sư Tổ Nguyễn Cảnh đã lập gia phả giao lại cho con trai là Nguyễn Khách kế thừa ngôi tiểu am và một số di vật quý. Kế tục cha, nhà sư Nguyễn Khách cùng người dân trên đảo đã sửa sang, mở rộng ngôi tiểu am thành ngôi chùa tranh, tuy còn đơn sơ nhưng được coi là chốn Phật trang nghiêm hơn trước. Đến cuối thế kỷ XVIII, một cơn hỏa hoạn bất ngờ ập đến đã thiêu rụi hoàn toàn ngôi chùa tranh, hầu hết những di vật quý bị thiêu cháy, chỉ còn sót lại một số pho tượng Phật bằng đồng được cứu thoát mang trên mình nhiều vết cháy loang lổ. Sau vụ hỏa hoạn, giới tín đồ Phật tử và người dân trên đảo đã phát tâm xây dựng lại ngôi chùa mới trang nghiêm hơn theo lối kiến trúc tôn giáo cùng thời ngay trên nền ngôi chùa cũ để có nơi chiêm bái Phật.

Đến nay, người dân trên đảo vẫn còn lưu truyền rất nhiều huyền thoại linh hiển gắn với chùa Linh Quang. Đáng chú ý nhất là huyền thoại về tảng linh thạch nổi ở bên đảo Hòn Tranh cách đảo Phú Quý (đảo chính) khoảng 1km về hướng Đông Nam. Truyền thuyết kể rằng: Sau khi ngôi chùa tranh bị thiêu rụi bởi cơn hỏa hoạn, khi ngôi chùa mới được xây xong thì có một điềm lạ tại một khúc eo biển bên đảo Hòn Tranh nổi lên một tảng linh thạch vào những ngày lành tháng tốt, sau đó lại chìm xuống, hiện tượng này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Cho đây là điềm lành mà Trời Phật báo đáp, giới tín đồ Phật tử và người dân trên đảo cùng nhau đến chùa cầu nguyện Đức Phật, rồi đưa ghe thuyền qua đảo Hòn Tranh làm lễ thỉnh tảng linh thạch về chùa. Tảng linh thạch đã được các nghệ nhân dày công đục đẽo, tạc thành pho tượng Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni đưa vào thờ tại chùa Linh Quang. Pho tượng này đến nay vẫn được lưu giữ, thờ phụng tại

điện thờ trong Chính điện. Còn khúc eo biển bên đảo Hòn Tranh, nơi tảng linh thạch nổi lên được người dân trên đảo gọi tên là “Vũng Phật”.

Nhiều truyền thuyết kể về Nguyễn Ánh trong những trận giao tranh ác liệt trên biển với quân Tây Sơn, nhiều lần thất bại bị quân Tây Sơn truy đuổi đã phải bôn tẩu ra đảo Phú Quý. Trong thời gian ẩn náu trên đảo, Nguyễn Ánh đã từng đến chùa Linh Quang để khẩn niệm và cầu mong Đức Phật bảo bọc, chở che và phù hộ cho vận mệnh của mình.

Chùa Linh Quang tọa lạc giữa một khung cảnh thanh tịnh và thích nghi để thiền định. Một quần thể các công trình kiến trúc dân gian bề thế với những hình khối vừa cổ kính vừa hiện đại đứng trầm mặc giữa khung cảnh nên thơ có sức hấp dẫn mọi người. Trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, chùa Linh Quang đã được trùng tu, tôn tạo nhiều lần. Đợt trùng tu, tôn tạo vào năm 1992 đã đưa đến một diện mạo khang trang và bề thế. Các hạng mục chính đều có hướng chính quay về phía Tây Bắc, gồm: Chính điện, Hậu Tổ, Đại môn, Hội quán, Nhà tăng. Trên đỉnh nóc các hạng mục Chính điện, Hậu Tổ, Đại môn trang trí các hình tượng lưỡng long tranh châu, các góc mái điểm xuyên hình tượng giao long đắp bằng vôi vữa ghép mảnh sành trang nghiêm.

Cửa Đại môn nằm về phía trước kiến tạo 3 lối vào theo dạng Cổng Tam quan, qua Đại môn cách một khoảng sân rộng là Chính điện được xây theo kiểu dáng kiến trúc hình khối to lớn, với 2 nóc cổ lầu vút cao đối xứng nhau qua một nóc trệt ở giữa, các góc mái uốn cong lên kiểu tàu đao. Điện thờ Phật đặt ở trung tâm nội thất Chính điện, nghệ thuật điêu khắc, hội họa ở đây được thể hiện khá công phu, uyển chuyển khiến ta có cảm giác như đang ở giữa cõi bồng lai Tiên Phật đang ngự trị. Nơi đây đặt thờ 3 pho tượng Phật đang thiền định trong cảnh bồ đề huyền ảo: ở giữa là tượng Thích Ca Mâu Ni an tọa trên đài sen, bên tả là tượng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cưỡi trên lưng sư tử và bên hữu là tượng Phổ Hiền ngồi trên lưng bạch tượng. 3 pho

tượng trong ba tư thế khác nhau nhưng cùng toát lên nét mềm mại, mặt hiền từ độ lượng nhìn bao quát thế gian và sẵn sàng cứu nhân độ thế. Nổi liền điện thờ Phật về phía sau là Hậu Tổ, thờ vị Sư Tổ Nguyễn Cảnh, Nguyễn Khách và những nhà sư có công với chùa.

Đặc biệt năm 2008 - 2010, nhà chùa đã xây dựng ngôi Bảo tháp 9 tầng cao 37m, đây được coi là công trình nghệ thuật quy mô, bề thế và trang nghiêm không chỉ đối với chùa Linh Quang mà còn đối với tất cả các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng hiện có trên đảo Phú Quý; năm 2019 Tổ chức Xác lập kỷ lục Việt Nam đã xác lập ngôi Bảo tháp chùa Linh Quang là Bảo tháp trên đảo lớn nhất Việt Nam. Trên hành trình từ Cảng Phan Thiết ra đảo, ngôi trên tàu biển cách Cảng Phú Quý khoảng 2 hải lý là chúng ta có thể nhìn thấy rõ ngọn Bảo tháp của chùa Linh Quang vút cao sừng sững, uy nghi như thách thức trước phong ba bão tố nơi biển cả. Năm 2019, chùa Linh Quang tiếp tục triển khai công trình Đạo tràng Phật tích trong khuôn viên chùa với các hạng mục như: Vườn Lâm tỳ ni, vườn Thái tử xuất gia cắt tóc bên bờ sông A Nô Ma, Khổ hạnh lâm, vườn Lộc uyển, vườn Nhập Niết Bàn... đã góp phần tô điểm và tạo nên cảnh Phật tràng thanh tịnh và thâm nghiêm.

Chùa Linh Quang còn lưu giữ nhiều di vật cổ có giá trị về lịch sử, khảo cổ, nghệ thuật như: Đại hồng chung, trống đại phổ bát nhã, hoành phi, liễn đối, bao lam, sắc phong, gia phả, tư liệu Hán Nôm cổ; giá trị nhất là sưu tập tượng Phật cổ do các bậc tiền nhân tạo nên từ nhiều chất liệu khác nhau bằng đá, đồng, gỗ, đất nung và 5 sắc phong do các vua triều Nguyễn ban tặng cho chùa. Đây là những tư liệu cổ quý góp phần để nghiên cứu nguồn gốc dân cư và lịch sử khai lập đảo Phú Quý ngày trước.

Từ bao đời nay, chùa Linh Quang đã trở thành chỗ dựa không thể thiếu trong đời sống tín ngưỡng tâm linh của người dân trên đảo như tiếp thêm sức mạnh cho người dân Phú Quý trong quá trình xây dựng và bảo vệ hải đảo thân yêu của Tổ quốc.

Với những giá trị và ý nghĩa tiêu biểu, chùa Linh Quang đã được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng thắng cảnh cấp Quốc gia tại Quyết định số 51 QĐ/BT ngày 12/01/1996./.



Bảo tháp chùa Linh Quang
The stupa of Linh Quang pagoda



Điện thờ Phật chùa Linh Quang
Shrine to worship Linh Quang Pagoda

LANDSCAPE OF LINH QUANG PAGODA

Linh Quang Pagoda is located in Tam Thanh Commune, Phu Quy District, Binh Thuan Province; It is located about 1.5 km northeast of Phu Quy Port, about 2 km from the center of Phu Quy district to the Southeast. From Phu Quy port, follow Ngo Quyen street to the roundabout intersecting Vo Van Kiet street, turn left to Vo Van Kiet street and go about 2 km northwest to Linh Quang pagoda.

Since its builded, the pagoda has been called Linh Quang Tu by the people on the island, the meaning of this name is to pray for the glory and light of the Buddha always illuminating to save people on the island, have a peaceful and happy life.

Origin and history of temples in Binh Thuan in general and Phu Quy in particular are associated with the process of emigrating to the South, creating new lives of people from the provinces of North and Central Central. 17th century - XVIII. Among those migrant groups, there are many monks who bring the teachings of Buddhism into enlightenment, taking virtue and compassion to save people from the pit of suffering. In an isolated and isolated position like Phu Quy island, the teachings of Buddhism became more and more easily absorbed in the minds of working people and were quickly accepted by them to make up for the deprivations in literary life, spirit, his spiritual beliefs.

Linh Quang Pagoda was created the earliest on Phu Quy island, the beginning of the process of spreading Buddhism from the mainland to the island. According to the genealogy handed down, Linh Quang pagoda was created in Canh Hung life in the 8th year (1747). The Founder monk publicly established the pagoda as Mr. Nguyen Canh, in the beginning, it was just a small cottage. Before his death, the patriarch Nguyen Canh made a genealogy and handed over to his son, Nguyen Khach, to inherit the small throne and some precious relics. Following his father, the monk Nguyen Khach and the people of the island have renovated and expanded the small house to a picturesque pagoda, though still simple but considered a more solemn Buddhist place. By the end of the eighteenth century, a sudden fire struck and completely burned the picturesque pagoda, most of the precious relics were burned, leaving only a few bronze Buddha statues saved on them. many patchy burnt spots. After the fire, Buddhist followers and islanders were determined to rebuild the pagoda more solemnly following the contemporary religious architecture on the base of the old temple to have a place to worship Buddha.

Until now, people on the island still handed down many legends of theophany associated with Linh Quang Pagoda. Most notably is the legend of a floating rock platform on Hon Tranh Island, about 1km southeast of Phu Quy Island (main island). Legend has it that: After the pagoda was burned down by a fire, when the pagoda was newly built, there was a strange sign in a strait on Hon Tranh Island, there was a floating rock formation on the good days. well, then sink again, this phenomenon repeated many times. Considering this is a good omen that God recalls, Buddhists and people on the island come to the temple to pray to the Buddha, then take a boat to Hon Tranh Island to make a solemn ceremony to bring the spirit to the temple. The rock of the spirit was carved by the artisans, carved into a statue of Guru

Shakyamuni and brought to worship at Linh Quang Pagoda. This statue is still preserved and worshiped at the temple in the Main Palace. And the strait on Hon Tranh Island, where the floating rock mass was called, was called “Vung Buddha” by the people on the island.

Many legends tell of Nguyen Anh in fierce sea battles with Tay Son troops, many failed times chased by Tay Son troops who fled to Phu Quy island. During his time on the island, Nguyen Anh used to go to Linh Quang Pagoda to pray and pray for Buddha to protect, protect and protect his destiny.

Linh Quang Pagoda is located amidst a tranquil setting and is suitable for meditation. A complex of superficial folk architecture with both ancient and modern shapes standing in the middle of a poetic setting that attracts people. Experiencing many ups and downs of history, Linh Quang Pagoda has been restored and embellished many times. The restoration and renovation in 1992 brought a spacious and superficial appearance. The main items have the main direction facing the Northwest, including: Main Hall, Hau To, Dai Mon, Hoi Quan, and Tang Dynasty. On the top of the roofs of the main buildings, Hau To, Dai Mon decorated the pictures of the dragon and phoenix paintings, the corners of the torso, the images of the dragon and dragon grafted together with the solemn and groutly gravestone.

Dai Mon Gate is located in front of creating three entrances in the form of the twice Gate, across the Gate is a large courtyard, the Main Hall built in the form of a large cubic architecture, with two roofs soaring symmetrical. each other through a central roof in the middle, the roof corners bend up to the type of executioner. The Buddha Shrine is located in the interior center of the Main Hall, the sculpture, painting here are shown quite meticulously and flexibly, making us feel like we are in the middle of the realm of Buddha. There are 3 statues of Buddha meditating in the fanciful Bodhi scene where the statue

of Shakyamuni is seated on the lotus in the center, on the left is the statue of Manjushri Bodhisattva riding on the back of the lion and on the right is the statue of Samantabhadra sitting on the back of a white statue. 3 statues in three different positions but with the same soft, gentle face from the generosity of the world and ready to save humanity. Connecting the Buddhist temple to the back is Hau To, worshipping the ancestors Nguyen Canh, Nguyen Khach and the monks who have contributed to the temple.

Especially in 2008-2010, the pagoda built a 9-floors 37m high storey Stupa, which is considered a large-scale, superficial and solemn work of art not only for Linh Quang pagoda but also for all existing religious and belief establishments on Phu Quy island; In 2019, the Vietnam Record Setting Organization established the temple tower of Linh Quang pagoda which is the largest stupa in Vietnam. On the journey from Phan Thiet Port to the island, sitting on a ship about 2 nautical miles from Phu Quy Port, we can clearly see the Stupa of Linh Quang Pagoda soaring, majestic as a challenge before the wind. storm in the sea. In 2019, Linh Quang pagoda will continue to carry out the Buddhist ashram project in the temple premises with items such as: Garden of Lumbini, a royal garden of monks and nuns to cut hair on the banks of the A Noma River, Austerities of the forest, the garden of Loc, the garden of Nirvana ... contributed to make up and create a pure and profound Buddha image.

Linh Quang pagoda still preserves many ancient relics of historical, archeological and artistic value such as: Ordinary set, drum of the universal bowl, Diaphragm, tureen, ordained, Genealogy, Ancient Han Nom Literature. The most valuable is the collection of ancient Buddha statues made by precursors made from many different materials of stone, copper, wood, earthenware and 5 ordinations bestowed by the Nguyen kings. These are ancient documents that contribute

to the study of the origin of the population and the history of founding Phu Quy island.

For many generations, Linh Quang Pagoda has become an indispensable support in the spiritual life of the people on the island as it strengthens the people of Phu Quy in the process of building and protecting the beloved island. of the Fatherland.

With typical values and meanings, Linh Quang pagoda has been ranked as a national landscape by the Ministry of Culture and Information (now the Ministry of Culture, Sports and Tourism) in Decision No. 51 QD / BT dated 12/01/1996.

DANH LAM THẮNG CẢNH BÀU TRẮNG

Bàu Trắng xung quanh được bao bọc bởi các triền cát rộng mênh mông chạy dài xen lẫn với nhiều cây rừng thấp. Nơi đây được ví như là “tiểu sa mạc Sahara” ở Bình Thuận. Giữa một vùng cát khô nóng bỏng với hàng trăm hécta rừng thấp ven biển tưởng chừng như thiếu sự sống, nhưng thiên nhiên lại ưu đãi và ban tặng cho vùng đất này hồ nước ngọt trải dài trên vùng cát trắng mênh mông ngút ngàn. Sự kết hợp kỳ diệu của thiên nhiên giữa hồ nước và những dải cồn cát nơi vùng đất hoang sơ đầy nắng và gió đã tạo nên cảnh quan Bàu Trắng như một bức họa kỳ vĩ, tuyệt đẹp, đầy sức lôi cuốn. Đồng thời, tạo nên sự đối lập giữa cát và nước, giữa sự khô cằn và làn nước mát lành hồi sinh vạn vật, giữa nóng và lạnh, tạo nên vẻ đẹp mang triết lý âm dương đầy mê hoặc của sa mạc và ốc đảo. Bàu Trắng gắn liền với đời cát hàng nghìn năm qua, bàu nước mang đến làn nước mát dịu, còn đời cát mang lại nguồn cát vô tận và cả hai kết hợp thành chốn nên thơ hữu tình đẹp đến tuyệt vời.

Sự hình thành Bàu Trắng nằm trong hoạt động biển tiến, biển thoái cực Nam Trung bộ - Đông Nam bộ, chịu những tác động địa chất trong các hoạt động kiến tạo nâng cao, hạ thấp lớp vỏ trái đất, các hoạt động trầm tích lấp đầy các bồn trũng và các hoạt động xâm nhập phun trào của đá gốc. Tham gia cấu tạo móng và địa tầng có mặt các thành tạo đá gốc và trầm tích bờ rời

có tuổi từ Mezozoi đến Đệ Tứ. Các thành tạo trầm tích Kainozoi có tuổi từ Neogen đến Đệ Tứ chiếm diện tích chủ yếu, với sự đa dạng về nguồn gốc được lấp đầy các cấu trúc sụt võng để thành tạo nên địa hình Bàu Trắng ngày nay.

Thắng cảnh Bàu Trắng xưa kia thuộc làng Bình Nhơn, phủ Hòa Đa, tỉnh Bình Thuận. Ngày nay Thắng cảnh tọa lạc ở thôn Hồng Lâm, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Bàu Trắng cách trung tâm thành phố Phan Thiết 48,5km về hướng Đông Bắc, cách UBND huyện Bắc Bình 30,7km về hướng Tây Nam. Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết về Bàu Trắng, có ghi: “Hồ Trắng có hai hồ, hồ trên và hồ dưới, ở phía Tây Nam huyện Hòa Đa, phía Tây Ba Động. Hồ trên chu vi 8 dặm linh, hồ dưới chu vi 22 dặm linh, nước trong ngọt bốn mùa không tăng không giảm. Phía Tây Bắc là động cát, phía Tây Nam là chân rừng trên bờ có đền thờ thần Chúa Động”.

Quần thể thắng cảnh Bàu Trắng bao gồm hai hồ nước (Bàu Ông, Bàu Bà), đồi cát (đồi Trinh Nữ) nằm ở phía Đông Bắc của Bàu Bà và hệ sinh thái rừng bao quanh hai bàu nước. Địa hình Bàu Trắng chạy dọc theo hướng Tây Bắc sang Đông Nam với chiều dài hơn 5,6km. Tổng diện tích của Bàu Trắng là 371,88ha, với chiều dài hơn 5km, tổng diện tích mặt nước hơn 154,7ha; lưu lượng nước của hai bàu hơn 12 triệu mét khối; độ sâu nhất của Bàu Ông 14,5m, Bàu Bà nơi sâu nhất 22,5; Bàu Bà rộng hơn và chứa lượng nước nhiều hơn Bàu Ông.

Ngoài vẻ đẹp thiên nhiên vốn có, Bàu Trắng còn gắn ngôi đền thờ Thiên Y A Na nổi tiếng linh thiêng nằm cách bờ Bàu Bà về phía Nam khoảng 100m. Trước thế kỷ XVIII, xung quanh Bàu Trắng có nhiều làng mạc của người Chăm sinh sống, quá trình cư trú họ đã tạo lập thiết chế tín ngưỡng thờ nữ thần Po Inur Nagar làm chỗ dựa tinh thần. Theo dòng thời gian, do sự tác động của yếu tố lịch sử nên người Chăm đã rời làng đi nơi khác sinh sống. Thế kỷ XVIII, người Việt khi đến định cư trên vùng đất này đã tiếp quản đền thờ Po Inur Nagar của người Chăm

và Việt hóa tín ngưỡng bản địa của người Chăm thành đền thờ Thiên Y A Na và thờ cúng theo phong tục của mình.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Bàu Trắng nằm trong vùng căn cứ địa cách mạng Lê Hồng Phong. Tận dụng ưu thế của địa hình hoang mạc, đồi cát nắng hạn và hàng ngàn hecta cây rừng thập, thuận lợi cho chiến tranh du kích, đặc biệt là dựa vào nguồn nước ngọt nơi đây để sống và chiến đấu. Bàu Trắng trở thành điểm tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Quân và dân Bình Thuận đã đổ không ít xương máu để bảo vệ nguồn nước nhưng đồng thời cũng lập được nhiều chiến công vẻ vang góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến.

Ngày nay, Bàu Trắng không chỉ là nơi cung cấp nguồn nước phục vụ sinh hoạt đời sống nhân dân xã Hòa Thắng mà còn là thắng cảnh tự nhiên tuyệt đẹp, là tặng vật được thiên nhiên ban cho vùng đất này đã thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước đến thưởng ngoạn, khám phá. Đến đây, du khách hòa mình vào các trò chơi trượt cát, cưỡi đà điểu, câu cá, đặc biệt trải nghiệm với xe địa hình chinh phục những đồi cát; hay đắm mình trong hương sen thơm ngát trên những chiếc thuyền độc mộc lênh đênh trên mặt hồ tìm cảm giác thư thái giữa khung cảnh thiên nhiên thanh bình để cảm nhận hết vẻ đẹp huyền bí của sa mạc và ốc đảo.

Chính cái hoang dã, mộc mạc, bình yên ấy mà cảnh quan Bàu Trắng như có nguồn ma lực thu hút những người say mê cái đẹp, yêu thiên nhiên về với nơi đây tìm cảm hứng vô tận cho sự thăng hoa trong sáng tác nghệ thuật (thơ ca, nhiếp ảnh, hội họa...). Năm 1867 nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông (1827 - 1884), từ Long An ra Bình Thuận ty địa, khi ngang qua đây đã bị chinh phục bởi cảnh sắc mây trời non nước tuyệt đẹp của Bàu Trắng (mà cụ gọi là Bạch Hồ) đã sáng tác nhiều bài thơ như “Bạch Hồ nhàn hành” (Dạo chơi Bàu Trắng) và “Quá Bình Nhơn sa mạc” (Qua bãi cát Bình Nhơn). Qua ống kính nghệ thuật, cảnh sắc thiên nhiên Bàu Trắng trở nên lung linh, huyền ảo đầy

sức lôi cuốn mời gọi du khách. Nổi bật với tác phẩm “Dốc” (ảnh đạt Huy chương Vàng quốc tế tại Thổ Nhĩ Kỳ); “Đường đời” (ảnh đạt Huy chương Bạc quốc tế tại Ý năm 2016) của nhiếp ảnh gia Trần Tâm Mỹ. Tác phẩm nghệ thuật không chỉ mang đến tên tuổi cho các nhà nhiếp ảnh mà còn góp phần quảng bá hình ảnh du lịch Bà Rịa, khơi dậy niềm đam mê khám phá du lịch trên vùng đất này đối với du khách trong nước và quốc tế.

Với vẻ đẹp hoang sơ đầy sức lôi cuốn, trong những năm qua Bà Rịa trở thành điểm đến có sức hút rất đông lượng khách du lịch trong và ngoài nước, mang đến danh hiệu cho du lịch Bà Rịa: Top 100 điểm đến ấn tượng Việt Nam 2013; Điểm đến được ưa thích ASEAN do Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch trao tặng năm 2014; Top 100 điểm du lịch được yêu thích khu vực phía Nam năm 2016. Với những giá trị nổi bật thắng cảnh Bà Rịa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng thắng cảnh cấp Quốc gia tại Quyết định số 3040/QĐ-BVHTTDL ngày 03/9/2019./.



Xe mô tô địa hình trên đồi cát Trinh Nữ ở thắng cảnh Bàu Trắng
Motorbike terrain on Trinh Nu sand hill in Bau Trang landscape



Cảnh quan thắng cảnh Bàu Trắng
Landscape of Bau Trang

LANDSCAPE OF BAU TRANG

Bau Trang around it is surrounded by vast sand banks running along with many low forest trees. This place is like the “sub-Sahara Desert” in Binh Thuan. In the middle of a hot dry sandy area with hundreds of hectares of lowland coastal forests seemingly lacking life, but nature offers and endowed this land with a freshwater lake stretching on the vast white sand. The miraculous combination of nature between the lake and the sand dunes in the pristine land full of sunshine and wind has created Bau Trang landscape as a magnificent, beautiful and charismatic painting. At the same time, creating an opposition between sand and water, between the arid and cool water revives everything, between hot and cold, creating the beauty of an enchanting philosophy of desert and oasis. Bau Trang has been associated with sand dunes for thousands of years, Bau Trang brings cool water, while sand dunes bring endless sources of sand and the two combines to become a beautiful and beautiful poetic place.

The formation of Bau Trang is located in forward sea movement, the sea in the South-Central Coast - Southeast region, subject to geological impacts in the tectonic activities to raise and lower the earth's crust and sedimentary activities. fill basins and erupting intrusive activities of the bedrock. Joining the structure

and stratigraphy, there are original rock formations and loose shore sediments aged from Mezozoi to Quaternary. Cenozoic sedimentary formations aged from Neogene to Quaternary occupy a major area, with the diversity of origin filled with sagging structures to form Bau Trang terrain today.

Bau Trang landscape used to be in Binh Nhon village, Hoa Da district, Binh Thuan province. Today, the Landscape is located in Hong Lam hamlet, Hoa Thang commune, Bac Binh district, Binh Thuan province. Bau Trang is 48.5km from Phan Thiet city center to the Northeast, 30.7km from Bac Binh District People's Committee to the Southwest. *Dai Nam Nhat Thong Chi* book wrote about Bau Trang, writing: "White Lake has two lakes, the upper lake and the lower lake, in the southwest of Hoa Da district, in the west of Ba Dong. Lake on the circumference of 8 miles Linh, lake below the circumference of 22 miles Linh, fresh water in four seasons does not increase or decrease. To the Northwest is the sand cave, the Southwest is the foot of the forest on the shore with the temple of God Dong Dong."

The Bau Trang landscape complex consists of two lakes (Bau Ong, Bau Ba), sand dunes (Trinh Nu hill) located in the Northeast of Bau Ba and the forest ecosystem surrounding the two basins. Bau Trang terrain runs along the northwest to southeast with a length of over 5.6 km. The total area of Bau Trang is 371.88 ha, with a length of more than 5 km, a total water surface of more than 154.7 ha; the water flow of the two basins is over 12 million cubic meters; the depth of Bau Ong is 14.5m, Bau Ba is at the deepest of 22.5; Bau Ba is wider and contains more water than Bau Ong.

In addition to the inherent natural beauty, Bau Trang also attaches a famous sacred Thien Y ANa temple located about 100m from Bau Ba shore to the South. Before the eighteenth century, around Bau Trang, there were many Cham villages inhabiting, the process of their residence created the religious establishment

of Po Inu Nagar goddess as a spiritual support. Over time, due to the impact of historical factors, the Cham people left the village to live elsewhere. In the eighteenth century, Vietnamese who settled this land took over the Po Inu Nurgar temple of the Cham people and Vietnamized the indigenous beliefs of the Cham people into Thien Y A Na temple and worshiped according to their customs.

During the two wars against the French and the Americans, Bau Trang was in the revolutionary base of Le Hong Phong. Take advantage of desert terrain, sand dunes and thousands of hectares of low forest trees, favorable for guerrilla warfare, especially based on fresh water here to live and fight. Bau Trang became a fierce dispute between us and the enemy. The army and people of Binh Thuan shed a lot of blood and bones to protect the water but at the same time made many glorious feats contributing to the overall victory of the resistance.

Nowaday, Bau Trang is not only a place to provide water for daily life of people in Hoa Thang commune but also a beautiful natural landscape and a gift of nature for this land, which has attracted a lot of people. domestic and foreign tourists come to enjoy and explore. Coming here, visitors immerse in the games of sand sliding, ostrich riding, fishing, especially experience with terrain vehicles conquering sand dunes; Or immerse yourself in the fragrant lotus fragrance on the canoe floating on the surface of the lake to find a relaxing feeling in the peaceful natural scenery to feel all the mysterious beauty of the desert and oasis.

It is the wild, rustic and peaceful that Bau Trang landscape seems to have a magical source of attracting people who love beauty, love nature to come here to find endless inspiration for sublimation in art creation art (poetry, photography, painting...). In 1867, the patriotic poet Nguyen Thong (1827 - 1884), from Long An to Binh Thuan, where he was conquered by

the beautiful scenery of Bau Trang sky (which is called Bach Ho) has composed many poems such as “White Ho Xuan Ho” (Walking Bau Trang) and “Past Binh Nhon Desert” (Through the sand of Binh Nhon). Through the lens of art, Bau Trang natural scenery becomes sparkling, fanciful and inviting to attract visitors. Outstanding with the work “Slope” (photo won the International Gold Medal in Turkey); “Road of Life” (photo won the International Silver Medal in Italy in 2016) by photographer Tran Tam My. The artwork not only gives photographers a name, but also contributes to the promotion of Bau Trang tourism image, arousing the passion of exploring this land for domestic and international tourists.

With the pristine wild charm, Bau Trang in recent years has become a destination that attracts a large number of domestic and foreign tourists, bringing the title to Bau Trang tourism: Top 100 impressive destinations. Vietnam 2013; Popular ASEAN destination awarded by the Ministry of Culture, Sports and Tourism in 2014; Top 100 favorite tourist destinations in the southern region in 2016. With outstanding values of Bau Trang landscape, the national landscape, sport and tourism ranked as national landscape in Decision No. 3040 / QD- BVHTTDL September 3, 2019.

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐÌNH LÀNG LẠC TÁNH

Nói đến văn hóa truyền thống Việt Nam, người ta không thể không nói đến ngôi đình làng. Đình làng là nơi phản ánh những giá trị văn hóa bao đời của làng quê Việt Nam, nơi thể hiện những giá trị về cuộc sống tinh thần của cư dân nông nghiệp với việc thờ Thành hoàng Bôn xứ - vị thần che chở, bảo trợ cho làng xã và cuộc sống ấm no, bình an của nhân dân.

Theo các nguồn tài liệu lưu giữ tại di tích và các bậc cao niên địa phương thì đình làng Lạc Tánh được tạo dựng vào năm Canh Thìn (1940). Thuở mới tạo lập, đình có tên là đình làng Lạc Hóa, đến những năm 1994 - 1995 ngôi đình được đổi tên là đình làng Lạc Tánh và tồn tại cho đến ngày nay. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng Bôn xứ của nhân dân địa phương đã được vua Bảo Đại thừa nhận bằng việc chuẩn y cấp cho làng 2 sắc tứ với danh hiệu: “Thành hoàng Bôn xứ” và “Quan Thánh đế quân”. Đình làng Lạc Tánh đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31/8/2009.

Đình làng Lạc Tánh tọa lạc tại số 326 Trần Hưng Đạo, khu phố Lạc Tín, thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Hướng chính của đình nhìn về hướng Đông Nam. Từ thành phố Phan Thiết tỉnh lỵ Bình Thuận theo Quốc lộ 1A về hướng thành phố Hồ Chí Minh 58km, đến Căn cứ VI rẽ phải

theo đường ĐT.710 về hướng Bắc khoảng 35km là đến ngã tư Lạc Tánh, từ đây đi theo đường Trần Hưng Đạo khoảng 1km là đến di tích.

Thuở sơ khai, ngôi đình được tạo dựng đơn sơ với bộ khung gỗ, được lợp tranh theo kiểu nhà 1 nóc và 2 mái. Bấy giờ ngoài chức năng thờ phụng và tế lễ Thành hoàng Bản xứ, các bậc Tiên và Hậu hiền, đình còn là nơi làm việc của Ban Ngũ hương làng. Năm 1950, ngôi đình bị bom đạn chiến tranh thiêu hủy hoàn toàn, từ đó trở đi tuy không còn đình làng nhưng Ban Nghi lễ của đình vẫn duy trì việc tế lễ hàng năm đầy đủ và chu tất theo đúng nghi thức như trước đó. Việc tế lễ diễn ra ở bất cứ một nơi nào bất kỳ trong làng miễn là đảm bảo sạch sẽ và thanh khiết.

Đến năm 1967, nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh, tín ngưỡng nên người dân địa phương đã đóng góp xây dựng lại ngôi đình tại địa điểm hiện nay. Tuy nhiên, năm 1974 một lần nữa đình làng Lạc Tánh bị bom đạn làm sụp đổ hoàn toàn, nhưng việc cúng tế hàng năm vẫn được duy trì như trước. Năm 1978, nhân dân địa phương mới dựng tạm ngôi đình trên nền cũ bằng chính những vật liệu của ngôi đình đã bị hủy hoại còn giữ lại. Sau khoảng 12 năm tồn tại, do ngôi đình đã bị xuống cấp trầm trọng, được sự chấp thuận của chính quyền địa phương, năm 1990 nhân dân đã xây dựng lại ngôi đình. Năm 2019, đình làng Lạc Tánh đã được Nhà nước đầu tư kinh phí để tiến hành đợt trùng tu, tôn tạo lớn nhất từ trước đến nay. Sau nhiều lần tu bổ, đến nay đình làng Lạc Tánh đã trở thành thiết chế tín ngưỡng dân gian bề thế và trang nghiêm với đầy đủ các hạng mục như: Cổng chính, Cột cờ, Bình phong, Tiên đường, Chính điện được bố trí theo một trục thẳng từ ngoài vào trong; bên hữu và phía sau Chính điện là nhà Khói và nhà Kho.

Tại di tích hiện đang lưu giữ nhiều hiện vật với nhiều chủng loại, chất liệu và kích thước khác nhau như: khám thờ, hoành phi, câu đối, chân đèn, đỉnh đồng, lư hương, cỗ bồng,

chiêng, chuông đồng, trống, văn tế và quan trọng là 2 sắc phong của vua Bảo Đại phong cho các thần thờ tại đình làng.

Hàng năm, tại đình làng Lạc Tánh diễn ra nhiều lễ nghi, lễ hội theo tập tục truyền thống; trong đó lớn nhất là lễ hội Kỳ Yên diễn ra từ ngày 15 - 16 tháng hai Âm lịch; trong lễ hội diễn ra nhiều nghi lễ như: Nghinh thần, Chánh lễ tế thần, Cầu quốc thái dân an. Ngoài ra, còn có các nghi lễ cúng tế khác vào dịp Tết Nguyên đán, Rằm tháng giêng, Rằm tháng bảy, Rằm tháng mười và lễ cúng Tất niên vào ngày 25 tháng mười hai Âm lịch.

Lễ hội văn hóa dân gian tại đình Lạc Tánh không chỉ là lễ hội riêng của người Việt, mà còn là lễ hội chung của một số dân tộc anh em khác sinh sống lân cận. Trong dịp lễ hội Kỳ Yên, ngoài sự tham gia của người Kinh còn có sự góp mặt của các dân tộc vốn là cư dân sinh sống lâu đời ở vùng đất này như: người Chăm, Cờho, Raglai...; trong đó đông đảo nhất là người Chăm Lạc Tánh, họ đến với lễ hội không chỉ có các chức sắc tôn giáo mà có cả người dân Chăm, đặc biệt họ mang đến lễ hội một đội múa quạt nữ và các nghệ nhân chơi trống Ginăng, kèn Saranai, chiêng để trình diễn các làn điệu độc đáo và sinh động. Điều đó thể hiện mối giao lưu văn hóa, tinh thần cộng cảm trong đời sống văn hóa của các cộng đồng dân tộc ở Tánh Linh, đây là nét độc đáo hiếm có mà rất ít khi thấy được ở các địa phương khác./.



Cổng chính đình làng Lạc Tánh
Main gate of Lac Tanh temple



Người Chăm tham gia múa quạt trong lễ hội tại đình làng Lạc Tánh
The Cham people participate in fan dance at the festival
at Lac Tanh communal house

HISTORY - CULTURE

LAC TANH TEMPLE

Speaking of traditional Vietnamese culture, one cannot help but mention the village temple. The village temple is a place that reflects the cultural values of the Vietnamese villages, showing the values of the spiritual life of agricultural residents with the worship of the tutelary god of the land - the guardian and protective deity for the village and the prosperous and peaceful life of the people.

According to documents stored at the relics and local seniors, Lac Tanh temple was created in Canh Thin year (1940). At the time of its creation, the village temple was named Lac Hoa temple. In the years of 1994 - 1995, the village temple was renamed Lac Tanh temple and survived to this day. The worship of the tutelary god of the local people was recognized by King Bao Dai by approving to grant the village two colors with the titles: “Emperor tutelary god” and “Emperor Quan Thanh”. Lac Tanh temple was classified as a historical-cultural site at provincial level in Decision No. 2492 / QD-UBND dated August 31, 2009.

The village temple is located at 326 Tran Hung Đạo, Lac Tin town, Lac Tanh town, Tanh Linh district, Bình Thuận province. The main direction of the village temple is looking to the Southeast. From Phan Thiet city, Binh Thuan provincial

town, along National Highway 1A to Ho Chi Minh City 58km, to Base VI turn right along DT.710 to the North about 35km to Lac Tanh intersection, from here follow the road Tran Hung Dao is about 1km to the monument.

In the early days, the village temple was built simply with wooden frames, roofed with thatched roof style with 1 roof and 2 roofs. At that time, besides the function of worship and sacrifice to the tutelary genie of the Patriarch of the country, the ancestors and the gentlemen, the village temple was also the working place of the village's Five Boards of Homeland. In 1950, the village temple was completely destroyed by war bombs, from then on, although there was no longer a village temple, the communal committee still maintained the full annual sacrifices and completed in the same manner as before. . The sacrifice takes place anywhere in the village as long as it is clean and pure.

By 1967, in order to meet the needs of spiritual and cultural activities, the local people contributed to rebuild the house at the present location. However, in 1974, Lac Tanh temple was completely destroyed by the bombs, but the annual sacrifices were maintained as before. In 1978, the local people built the temporary house on the old foundation with the same damaged house materials. After about 12 years of existence, because the village temple was seriously degraded and approved by local authorities, in 1990 the people rebuilt the house. In 2019, Lac Tanh village village temple was invested by the State to conduct the largest restoration and embellishment phase ever. After many renovations, until now Lac Tanh temple has become a superficial and solemn folk belief institution with all items such as the Main Gate, Flagpole, Binh Phong, Tien Duong, and the Main Palace are announced. position in a straight line from outside to inside; on the right and behind the main hall are the smoke house and the warehouse.

At the monument are currently preserving many artifacts with many types, materials and different sizes such as: worshipping, diaphragm, couplets, lampstands, bronze peaks, incense burners, cradles, gongs, bronze bells, drum, sacrifice and important are the two ordinances of King Bao Dai bestowing the gods to worship at the village temple.

Every year, at Lac Tanh village temple, there are many rituals and festivals according to traditional practices; in which the biggest is Ky Yen festival takes place from February 15-16 in the lunar calendar; During the festival, there were many rituals such as: Nghinh spirit, Chief of the sacrificial sacrifice, National peace and security. In addition, there are other ritual sacrifices on the occasion of Lunar New Year, full moon in January, full moon in July, full moon in October and New Year offerings on the 25th of the second lunar month.

The folklore festival at Lac Tanh temple is not only a Vietnamese one, but also a festival of some other ethnic groups living nearby. In the occasion of Ky Yen festival, in addition to the participation of the Kinh people, there are also the presence of ethnic groups who are long-term residents in this land such as the Cham, Coho, Raglai ...; Among them are the Cham Lac Tanh people, they come to the festival not only religious dignitaries but also Cham people, especially they bring to the festival a team of female fan dance and gin drum playing artists. , Saranai, gong to perform unique and lively songs. This shows the cultural exchange, sympathetic spirit in the cultural life of the ethnic communities in Tánh Linh, this is a unique and rare feature that is rarely seen in other localities.

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐÌNH LÀNG VÕ ĐẤT

Đình làng Võ Đất là di tích lịch sử - văn hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xếp hạng tại Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 04/9/2013. Đây cũng là ngôi đình duy nhất trên địa bàn huyện Đức Linh, tọa lạc trên đường 3 tháng 2 thuộc khu phố 9, thị trấn Đức Tài. Hướng chính của đình nhìn về phía Đông Nam, cách UBND thị trấn Đức Tài khoảng 350m và UBND huyện Đức Linh khoảng 11 km về hướng Tây Nam.

Từ thành phố Phan Thiết đi theo Quốc lộ 1A về hướng Thành phố Hồ Chí Minh 58km, đến Ngã ba Căn cứ VI rẽ phải theo đường ĐT.720 khoảng 40km là đến thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh. Từ đây đi theo đường ĐT.710 về phía Tây Bắc khoảng 20km là đến Ngã ba giao nhau giữa đường ĐT.710 và ĐT.713 (thị trấn Võ Xu), rồi rẽ trái đi theo đường ĐT.713 khoảng 12km là đến đình làng Võ Đất.

Theo tập tục của cha ông ngày trước, tên đình làng thường lấy theo tên gọi của làng nơi họ sinh sống và đình làng Võ Đất cũng không ngoại lệ. Võ Đất là địa danh kể từ khi vùng đất này được các thế hệ đầu tiên của người Việt đến khai phá, tạo lập cuộc sống. Về sau, khi tạo dựng đình làng người dân nơi đây đã

lấy tên làng để đặt tên đình là đình làng Võ Đất. Đến nay, tuy địa danh làng Võ Đất không còn nhưng tên gọi ấy vẫn được người dân lưu giữ cho đến ngày nay.

Hiện nay, người dân địa phương còn lưu truyền nhiều truyền thuyết liên quan đến tên gọi làng Võ Đất, truyền thuyết kể rằng: “Xưa kia có một người dân tộc thiểu số tên là Mang Đất sống vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Ông sinh ra trong một gia đình giàu có, thông minh, có học vấn và biết nói thành thạo tiếng Việt. Chính vì vậy, ông đã được thực dân Pháp tuyển dụng vào quân đội để phục vụ cho âm mưu cai trị của mình. Tuy nhiên, sau một thời gian phục dịch cho Pháp, chứng kiến sự tàn ác của giặc đối với đồng bào, ông đã bỏ trốn khỏi quân đội Pháp. Dưới thời Bảo Đại, ông là người có nhiều công lao trong việc tập hợp đồng bào đánh Pháp để bảo vệ xóm làng, đồng thời có công giúp nhà vua xây dựng một khu săn bắn tại vùng đất Đức Linh xưa. Nhờ công lao đó ông đã được vua Bảo Đại phong chức vào hàng ngũ quan võ cai quản vùng đất Đức Linh. Sau khi qua đời, để tưởng nhớ công ơn, người dân đã lấy tên ông để đặt cho vùng đất mà họ đang sống”.

Theo nhiều nguồn tư liệu hiện còn lưu giữ trong một số họ tộc sinh sống lâu đời tại thị trấn Võ Đất và các bậc cao niên có am hiểu về lịch sử, văn hoá truyền thống của vùng đất Đức Linh xưa cho biết, đình làng Võ Đất được tạo lập vào năm 1968. Lúc mới tạo lập, đình làng Võ Đất gồm có các hạng mục như: Tiền đường, Chính điện, Hậu tẩm, nhà Khói, Bình phong và Cổng chính được bố trí trên khuôn viên đất có diện tích khoảng 5.000m², xung quanh có tường thành bao bọc trang nghiêm. Cuối năm 1974 và đầu năm 1975, ngôi đình đã bị bom đạn chiến tranh hủy hoại gần như hoàn toàn chỉ còn lại Cổng chính, Bình phong và nền móng các hạng mục chính của đình.

Sau năm 1975, do điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn; hơn nữa dưới thời bao cấp, cũng như nhiều địa phương khác trong tỉnh nói riêng và cả nước nói chung do nhận thức chung

của xã hội lúc bấy giờ về vai trò, giá trị của các thiết chế tín ngưỡng, tôn giáo còn nhiều lệch lạc, cho đó là những tàn tích của xã hội phong kiến còn sót lại nên trong thời kỳ này từ chính quyền cho đến người dân không ai chú trọng đến việc bảo quản, tu bổ các cơ sở tín ngưỡng mà bỏ mặc hư hỏng và mai một theo thời gian. Đình làng Võ Đất cũng chịu chung số phận đó, từ năm 1976 - 1983, chính quyền địa phương đã giao khuôn viên đất của ngôi đình cũ cho cơ quan Quân sự huyện Đức Linh hoạt động. Từ năm 1983 - 1985, chuyển giao cho Trung tâm Văn hóa Thiểu nhi huyện sử dụng. Từ sau năm 1985, đất đai của ngôi đình cũ bị bỏ hoang, các hoạt động lễ nghi, lễ hội hoàn toàn không được thực hiện. Mãi đến năm 2003, đáp ứng nguyện vọng thiết tha và chính đáng của nhân dân, chính quyền địa phương đã cho phục hồi lại ngôi đình trên nền cũ để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần và tâm linh tín ngưỡng của cộng đồng. Từ đó đến nay, người dân địa phương đã quan tâm đóng góp công sức, tiền của để khôi phục lại đình làng Võ Đất khang trang và bề thế trên nền móng cũ. Qua nhiều năm khôi phục, đến nay về cơ bản đình làng Võ Đất đã được phục hồi lại theo đúng kiểu dáng và kết cấu kiến trúc dân gian truyền thống vốn có trước đây, gồm các hạng mục: Cổng chính, Bình phong, Chính điện, nhà Khách, nhà Kho và nhà Khói. Các hạng mục kiến trúc của đình được bố trí trên khuôn viên đất có diện tích 1.068,2m², xung quanh là hệ thống tường thành bảo vệ vững chắc và trang nghiêm.

Đình làng Võ Đất còn lưu giữ các hiện vật để phục vụ cho việc thờ phụng và tế lễ trong các dịp lễ hội, như: Bài vị, bát bửu, bao lam, hoành phi, câu đối, chiêng đồng, trống đại, trống tiêu, chim hạc chất liệu gỗ, đỉnh đồng, bình hoa, chân đèn, chuông đồng, lư hương, quả bông, tượng quan võ, tượng quan văn...

Hàng năm, tại đình làng Võ Đất diễn ra 2 kỳ lễ hội chính: Lễ hội tế Xuân hay còn gọi là lễ Kỳ Yên được tổ chức trong 2 ngày 15 - 16 tháng hai, lễ hội tế Thu diễn ra vào ngày 8 - 9 tháng

chín Âm lịch. Ngoài ra, ở đây còn có các nghi lễ khác như: Lễ giỗ Tổ Hùng Vương vào ngày 10 tháng ba Âm lịch; nghi lễ dâng hoa quả, hương đèn lên thần linh và ông bà tổ tiên vào các ngày Rằm và đầu tháng...

Lễ hội hàng năm tại đình làng Võ Đất luôn thu hút đông đảo bà con nhân dân địa phương đến tham gia, là không gian sinh hoạt văn hóa không chỉ của người dân thị trấn Đức Tài mà còn là ngày hội chung của nhân dân các xã Đức Hạnh, Đức Tín và những địa phương lân cận. Đến với lễ hội mọi người đều thể hiện tấm lòng thành kính và biết ơn đối với thần Thành hoàng Bồn cảnh, các bậc Tiên hiền, Hậu hiền đã có công khai mở đất đai, lập làng và tạo dựng đình Võ Đất ngày trước. Đây là nét đẹp văn hóa độc đáo, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” mang tính nhân văn sâu sắc của các thế hệ hôm nay đối với các bậc tiền nhân. Vào dịp lễ hội tại đình làng Võ Đất, bên cạnh phần lễ còn diễn ra nhiều hoạt động như trình diễn nghệ thuật dân gian như: hát Bội, Đờn ca tài tử, hô Bài Chòi, múa Lân... đã mang đến cho lễ hội một không khí hào hứng, vui tươi và nhộn nhịp; góp phần thắt chặt tình đoàn kết, tương thân tương ái giữa các thành viên trong cộng đồng lại với nhau hơn và cùng chung tay xây dựng quê hương ngày càng thêm phồn thịnh./.



Cổng chính đình làng Võ Đất
Main gate of Vo Dat temple



Chính điện đình làng Võ Đất
Main hall of Vo Dat temple

HISTORY - CULTURE

VO DAT TEMPLE

Vo Dat temple is a historical-cultural relic ranked by the People's Committee of Binh Thuan Province in Decision No. 2134 / QD-UBND dated September 4, 2013. This is also the only village temple in Duc Linh district, located on February 3 in Quarter 9, Duc Tai town. The main direction of the village temple is looking to the Southeast, about 350m from Duc Tai Town People's Committee and Duc Linh District People's Committee about 11 km to the Southwest.

From Phan Thiet city, take National Highway 1A to the direction of Ho Chi Minh City 58km, to the intersection of Base VI, turn right along DT.720 about 40km to Lac Tanh town, Tanh Linh district. From here, take the road DT.710 to the northwest about 20km to the junction intersecting DT.710 and DT.713 (Vo Xu town), then turn left to follow DT.713 about 12km to reach village temple Vo Dat village.

According to the practices of his father in the past, the name of the village temple is often taken from the name of the village where they live and Vo Dat village is no exception. Vo Dat is a place since this land was discovered and created life by the first generations of Vietnamese people. Later, when creating the village temple, the people here took the village's name to

name it village temple. Up to now, although the name of Vo Dat village is no longer available, that name is still preserved by the people to this day.

Currently, local people still pass on many legends related to the name of Vo Dat village, the legend said: “Once upon a time, there was an ethnic minority named Mang Dat living in the late nineteenth and early centuries. XX century. He was born in a wealthy, intelligent, educated and fluent Vietnamese family. Therefore, he was recruited by the French to the army to serve his conspiracy to rule. However, after a period of service to France, witnessing the cruelty of the enemy to his compatriots, he fled from the French army. Under Bao Dai’s reign, he was the man who made great contributions in gathering compatriots to fight the French to protect their neighbors and at the same time helped the king build a hunting ground in the former Duc Linh land. Thanks to that merit, he was ordained a king of martial arts by the Emperor Bao Dai. After his death, in memory of his gratitude, the people took his name to give to the land they live in.”

After 1975, due to difficult economic conditions; Moreover, under the subsidy period, as well as many other localities in the province in particular and the whole country in general due to the general awareness of society at that time on the role and value of religious and religious institutions, there were still many deviations. lost, because they were the remnants of feudal society left, so during this period, from the government to the people, nobody paid attention to preserving and renovating the religious facilities and neglecting the damage. fade over time. The village temple of Võ Đản also suffered the same fate, from 1976 to 1983, the local government handed over the land area of the former village temple to the Military Authority of Duc Linh district. From 1983 to 1985, transferred to the district Children’s Cultural Center for use. Since 1985, the land of the old village temple has been abandoned, ritual activities and festivals have

not been performed at all. Until 2003, in response to the earnest and legitimate aspiration of the people, the local government restored the house on the old foundation to meet the needs of cultural, spiritual and spiritual beliefs of the community. copper. Since then, the local people have paid attention to contributing effort and money to restore the spacious and spacious Vo Dat village temple on the old foundation. After many years of restoration, Vo Dat village has basically been restored to the traditional style and structure of traditional folk architecture, including the following items: Main Gate, Binh Phong and Chinh. Electricity, Guest houses, Warehouses and Smoke houses. The architecture of the village temple is arranged on the land area of 1,068.2m², surrounded by a solid and dignified protective wall system.

The village temple of Vo Đan also preserves artifacts for worshipping and sacrifices on festive occasions, such as: tablets, bowls of bowls, bao lam, diaphragm, couplets, gongs, drums and drums. small, wooden material cranes, copper peaks, vases, lamp platforms, copper bells, incense burners, cradles, martial arts statues, religious statues ...

Every year, at the Vo Dat temple, there are 2 main festivals: Spring sacrifice festival, also known as Ky Yen festival held on February 15-16, the Thu festival takes place on Lunar September 8-9. In addition, there are other rituals such as: The death anniversary of To Hung King on the 10th day of the third lunar month; ritual of offering fruits and incense to spirits and ancestors on the Full Moon Days and the 1st date of the month ...

The annual festival at Vo Dat temple always attracts a large number of local people to participate, which is a cultural living space not only for the people of Duc Tai town but also a general festival of the people Đức Hạnh commune, Đức Tín and surrounding localities. Coming to the festival, everyone showed their respect and gratitude to the tutelary god Deity, the gentle

and gentle people, who had openly opened the land, established a village and built Vo Dat village temple. This is a unique cultural beauty, demonstrating the deep “drinking water to remember the source” ethic of today’s generations for the predecessors. On the occasion of the festival at Vo Dat village temple, besides the ceremony, many activities such as performing folk arts such as: Boi singing, Don ca tuong, ho Bai Choi, Lan dance ... were brought to the festival. an atmosphere of excitement, joy and bustle; contribute to tightening solidarity, solidarity between members of the community together and join hands to build an increasingly prosperous homeland./.

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA THÁP NƯỚC PHAN THIẾT

Tháp nước Phan Thiết tọa lạc trong khu vực Công viên Vườn hoa, nằm bên tả ngạn sông Cà Ty thuộc phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết. Đây là công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo chứa đựng nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa và đã trở thành hình ảnh, biểu tượng thân quen đã in sâu vào tâm thức của bao thế hệ người dân Phan Thiết và Bình Thuận

Tháp nước được Hoàng thân Xuphanuvông (sau này là Chủ tịch nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào) thiết kế khi còn theo học tại Trường Anbe Xarô ở Hà Nội - một ngôi trường nổi tiếng ở Đông Dương do thực dân Pháp xây dựng dành riêng cho người Pháp và con em quan lại cao cấp, doanh nhân trên toàn cõi Đông Dương theo học. Ý tưởng xây dựng Tháp nước gắn với chủ trương quy hoạch chỉnh trang các đô thị ở Việt Nam và trong đó có thị xã Phan Thiết của thực dân Pháp vào những thập niên đầu thế kỷ XX nhằm cung cấp nước cho Tòa Công sứ của Pháp (trụ sở UBND tỉnh Bình Thuận ngày nay) và người dân nội thị Phan Thiết. Tháp nước được đưa ra đấu thầu để thi công, kết quả nhà thầu Ứng Du trúng thầu khởi công xây dựng vào năm 1928 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 1934.

Tháp nước được xem là công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo, có giá trị mỹ thuật cao so với các tháp nước được xây

dựng cùng thời ở các tỉnh, thành khác trong nước. Với lối kiến trúc hình trụ bát giác cao 32m, được chia thành 3 phần: Phần thân tháp có hình trụ bát giác cao 22m, càng lên cao càng thu nhỏ, đường kính chân Tháp 9m; phần bầu đài (bồn nước) hình bát giác cao 5m, đường kính 9m; trên cùng là phần nóc, được kiến tạo theo dạng hình bát giác với 3 tầng mái lợp bằng ngói móc. Xung quanh bầu đài đắp nổi các mảnh sứ men xanh, xếp theo kiểu chữ hình tròn với 4 chữ quốc ngữ “UEPT” (viết tắt của dòng chữ Usine des Eaux de Phan Thiet - Nhà máy nước Phan Thiết) và trang trí các ô thông gió bằng các hoa văn chữ “Triện” gồm 5 chữ: Hỷ, Phúc, Thọ, Kiết, Lộc (với hàm ý là vui vẻ, hạnh phúc, trường sinh, thịnh vượng và no ấm) dọc thân tháp rất cầu kỳ tạo tạo cho Tháp nước Phan Thiết một vẻ đẹp rất riêng; được giới kiến trúc đánh giá là đẹp và độc đáo nhất trong các tháp nước ở Việt Nam bởi sự thanh thoát, sang trọng kiểu kiến trúc phương Đông.

Trong quá trình xây dựng tháp nước, các chuyên gia và nhân công đã tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật như: Sỏi phải dùng toàn sỏi trắng đem rửa 5 lần cho sạch cát bụi, cát xây đúc phải rửa 3 lần cho sạch chất bẩn, sắt đúc phải dùng giấy nhám chà xát cho hết hoen rỉ, ván dùng làm cốt pha phải bào láng như ván nằm khi tháo ra không phải tô trét gì thêm. Việc tuân thủ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn kỹ thuật nói trên đã bảo đảm chất lượng vững chắc của công trình và tồn tại theo thời gian.

Tháp nước ra đời và tồn tại đến nay trải qua hơn 2/3 thế kỷ đã chứng kiến bao đổi thay của thành phố Phan Thiết. Mặc dù không còn chức năng cung cấp nước sinh hoạt cho người dân nội thành Phan Thiết; nhưng Tháp nước vẫn được bảo vệ, gìn giữ như một phần của Phan Thiết xưa, gắn với ký ức của các thế hệ người dân địa phương, là hình ảnh gần gũi thân thương, biểu tượng thiêng liêng trong mỗi người dân Phan Thiết và Bình Thuận. Trở thành nguồn cảm hứng sáng tác của nhiều nhà văn, nhà thơ, các nhiếp ảnh gia, các họa sỹ...

Điều đặc biệt vào các ngày làm việc trong tuần đúng 7 giờ sáng và 17 giờ chiều, từ đỉnh Tháp nước vang lên tiếng còi hụ báo hiệu bắt đầu và kết thúc một ngày làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Phan Thiết; điều này chắc hẳn lạ lẫm với những du khách lần đầu đến Phan Thiết nhưng lại rất quen thuộc và gần gũi với người dân nơi đây. Bởi tiếng còi hụ không chỉ là âm thanh đơn thuần báo hiệu và kết thúc một ngày làm việc mà nó còn là dấu ấn về thắng lợi vĩ đại của dân tộc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, cũng vào thời khắc lịch sử thiêng liêng đó, lần đầu tiên trên đỉnh Tháp nước lá cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới trước sự chứng kiến của đông đảo nhân dân Phan Thiết.

Năm 2005, Tháp nước được UBND tỉnh ra quyết định công nhận là Lôgô - biểu tượng của tỉnh Bình Thuận. Đây được xem là một công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo chứa đựng nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa; là món quà quý giá mà Hoàng thân Xuphanuvông đã để lại trên vùng đất Phan Thiết. Năm 2018, tháp nước được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, đây là điểm đến không thể bỏ qua của du khách khi đến Phan Thiết. Ngày nay, Tháp nước không chỉ là biểu tượng của tỉnh Bình Thuận mà còn là một công trình hữu nghị, thể hiện tình đoàn kết, gắn bó keo sơn của hai dân tộc Việt - Lào anh em./.



Cảnh quan Tháp nước Phan Thiết về đêm
Landscape of Phan Thiet water tower at night



Cảnh quan Tháp nước Phan Thiết
Landscape of Phan Thiet water tower

HISTORY - CULTURE

PHAN THIET WATER TOWER

Phan Thiet water tower is located in the Flower Park area, on the left bank of the Ca Ty River in Binh Hung Ward, Phan Thiet City. This is a unique art architecture containing many historical and cultural values and has become an image and familiar symbol that has been imprinted on the minds of generations of people in Phan Thiet and Binh Thuan.

The water tower was designed by Prince Xuphanuvong (later President of the Lao People's Democratic Republic) when he was studying at Anbe Xaros School in Hanoi - a famous school in Indochina built by French colonialists. especially for Frenchmen and children of high-ranking mandarins and businessmen from all over Indochina. The idea of building the Water Tower was associated with the policy of embellishment and urbanization in Vietnam and including the town of Phan Thiet of the French colonialists in the early twentieth century to supply water for the French Embassy. (headquarters of Binh Thuan People's Committee today) and the people of Phan Thiet city. The water tower was put up for bidding for construction, the result that Ung Du contractor won the bid to start construction in 1928 and completed and put to use in 1934.

The water tower is considered a unique architectural work of high artistic value compared to the water towers built at the same time in other provinces and cities in the country. With the 32m high octagonal architecture, divided into 3 parts: The body of the tower has an octagonal height of 22m, the higher it gets, the smaller the tower diameter is 9m; the part of the podium (water tank) is octagonal, 5m high and 9m in diameter; The top is the roof, formed in an octagonal shape with 3 roofs with tile roofs. Around the podium covered with pieces of blue enamel porcelain, arranged in a circular pattern with 4 national characters “UEPT” (short for the words Usine des Eaux de Phan Thiet - Phan Thiet Water Plant) and decorative boxes ventilated by the letters “Trien” with 5 words: Hy, Phuc, Tho, Kiet and Loc (with the meaning of joy, happiness, longevity, prosperity and prosperity) along the tower’s body. giving Phan Thiet Water Tower a very unique beauty; The architecture is rated as the most beautiful and unique among the water towers in Vietnam by the elegant, elegant oriental architecture style.

During the construction of the water tower, experts and workers strictly adhered to technical quality standards such as: Gravel must be washed with white pebbles 5 times to clean dust, cast sand must be washed 3 times. clean dirt cast iron must use sandpaper to rub all rusty, planks used as reinforcement must be smoothed as planks when removed without any additional plaster. Strict compliance with the above technical standards has ensured the solid quality of the building and has survived over time.

The water tower was born and survived to date over more than 2/3 of a century has witnessed many changes of the city of Phan Thiet. Although it no longer has the function of supplying daily-life water for people in Phan Thiet city; but the Water Tower is still protected and preserved as a part of ancient Phan Thiet, associated with the memories of generations of local

people, as a close, dear, sacred symbol in each Phan Thiet people and Binh Thuan. Become the inspiration for writing of many writers, poets, photographers, artists ...

Especially on weekdays at 7 am and 17 pm, from the top of the Water Tower, a siren sounds to signal the start and end of a working day of officials, public servants and officials in the locality. Phan Thiet city table; This is probably strange to first-time visitors to Phan Thiet but very familiar and close to the people here. Because the siren is not only a simple sound that signals and ends a working day, it is also a sign of the great victory of the nation during the August Revolution in 1945, also at the sacred historical moment. That, for the first time on the top of the water tower, the red flag with yellow stars fluttered in the eyes of the large population of Phan Thiet people.

In 2005, the Water Tower was recognized by the Provincial People's Committee as a Logo - a symbol of Binh Thuan Province. This is considered a unique architectural work containing many historical and cultural values; is a valuable gift that Prince Xuphanuvong has left on the land of Phan Thiet. In 2018, the water tower was recognized as a historical-cultural site at the provincial level, this is a destination not to be missed by visitors to Phan Thiet. Today, the Water Tower is not only a symbol of Binh Thuan province but also a friendship project, showing the solidarity and stickiness of the two ethnic groups of Vietnam - Laos.

THẮNG TÍCH HÒN BÀ

Thắng tích Hòn Bà là sự tích hợp giữa thắng cảnh và ngôi đền thờ do người Chăm xây dựng vào khoảng thế kỷ XV - XVI để thờ Po Ina Nagar - vị thần được người Chăm tôn kính gọi là Mẹ Xứ Sở và người Việt gọi là Thiên Y A Na. Do những biến động của lịch sử nên người Chăm chuyển đến nơi khác sinh sống, đến khoảng nửa cuối thế kỷ XIX người Việt đã tiếp quản ngôi đền, trông nom và thờ phụng theo tập tục của mình cho đến ngày nay.

Hòn Bà là một hòn đảo nhỏ nằm giữa biển khơi thuộc phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Xung quanh chân đảo được bao bọc bởi những bãi đá ngầm nhiều hình thù cao thấp khác nhau, bên trên đảo được bao phủ bởi những bóng cây cổ thụ xanh ngát tạo nên một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, vừa hùng vĩ, hoang sơ và thơ mộng.

Từ thành phố Phan Thiết theo Quốc lộ 1A về hướng Nam 46km, hoặc từ thành phố Hồ Chí Minh theo Quốc lộ 1A về hướng Bắc khoảng 152km là đến địa danh Ngã Ba 46 thuộc huyện Hàm Tân. Từ đây theo Quốc lộ 55 về hướng Đông 16km đến chợ La Gi, tiếp tục đi về hướng Tây Nam 500m là đến cửa biển La Gi, du khách lên thuyền theo đường biển về hướng Đông Nam 4,6km là đến đảo Hòn Bà.

Đối tượng thờ phụng chính của di tích là nữ thần Po Ina

Nagar, Chúa Chàng Râu (chồng Bà), 2 người con và những người theo hầu Bà khi còn sống. Ngoài ra, đền còn là nơi thờ các vị Tiên hiền, Hậu hiền của người Việt đã có công khai phá đảo và tạo lập cuộc sống trên vùng đất La Gi xưa. Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Hòn Bà được sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* ghi rằng: “*Đảo Thiên Y, tục gọi là Đảo Bà, trên đỉnh có thờ một hòn đá Thiên Y Diển Bà*”.

Thuở mới tạo lập, đền thờ chỉ là ngôi thảo am nhỏ đơn sơ bằng gỗ, trải qua thời gian, môi trường tự nhiên khắc nghiệt đã làm cho ngôi đền xuống cấp nặng nề; đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngôi đền đã bị bom đạn tàn phá làm sụp đổ hoàn toàn. Đến năm 1969, người dân địa phương đã phục dựng lại ngôi đền và mãi đến năm 1989 mới tu bổ ngôi đền hoàn chỉnh như ngày nay. Từ đó đến nay, đền thờ được người dân địa phương trông nom, bảo quản và tu bổ thường xuyên. Trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo ngôi đền đã trở nên khang trang với đầy đủ các hạng mục, gồm: Chính điện, Võ ca, gian thờ Chúa Chàng Râu, nhà Khách, nhà Khói, Cổng chính, Cột cờ và một số hạng mục phụ cận khác.

Hiện nay, người dân địa phương vẫn còn lưu truyền truyền thuyết về nữ thần Thiên Y A Na như sau: Thiên Y A Na là người Chăm, xuất thân tại Khánh Hòa, Bà hóa thân vào khúc gỗ trầm hương trôi theo biển đến đảo Phú Quý sinh sống một thời gian. Sau đó, Bà tiếp tục hóa thân vào khúc gỗ trầm hương trôi theo sóng biển đến đảo Hòn Bà; tại đây, Bà sống với một vị chức sắc người Chăm có tên là Chúa Chàng Râu. Một hôm Ông cùng đám tùy tùng đi săn bắn tại một khu rừng ở phía Tây Nam đảo Hòn Bà (nay thuộc khu vực suối nước nóng Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu). Sau nhiều ngày không thấy chồng trở về, Bà đã dẫn đoàn tùy tùng đi tìm. Khi vào đến nơi săn bắn, Bà mới biết chồng mình đang sống với một người đàn bà khác. Vì quá tức giận nên Bà đã hất đổ chảo nước đang sôi mà đám tùy tùng của Ông đang đun tại đây

và bỏ về. Chảo nước sôi sau khi bị đổ xuống đất đã chảy lan ra và trở thành suối nước nóng Bình Châu thuộc địa phận huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay. Trên đường về, Bà đi đến đâu là dòng nước chảy theo đến đó và trở thành con sông ngăn cách đảo Hòn Bà nơi Bà trú ngụ với đất liền mà sau này người dân ở đây quen gọi là sông Phân Li. Việc Bà tạo ra con sông Phân Li nhằm ngăn cách Chúa Chàng Râu để không cho Ông trở về với Bà nữa. Một thời gian sau, Bà hóa đá bay về cõi tiên, để tưởng nhớ công ơn Bà, người dân địa phương đã xây đền trên đảo Hòn Bà để thờ Bà. Sau này, vì hối hận với việc làm của chính mình, Chúa Chàng Râu đã đi đến một ngọn núi cao (ở huyện Tánh Linh ngày nay) ẩn dật và về sau ngọn núi này được người dân trong vùng gọi tên là núi Ông. Từ đó, mới xuất hiện địa danh đảo Hòn Bà và núi Ông để nói lên sự ngăn cách, chia ly giữa hai người.

Đền thờ Thiên Y A Na ở Hòn Bà còn lưu giữ nhiều di vật có giá trị như: pho tượng Thiên Y A Na bằng đá xám xanh, thanh xà cò khắc chữ Hán Nôm, câu đối, đại hồng chung, đỉnh đồng, chuông đồng, chân đèn, quả bông chất liệu đồng, tượng Chúa Chàng Râu, 2 Chiết Atâu, 3 bộ cung tên, 2 chiếc chà gạc, 1 chiếc gậy đầu rồng, 2 chiếc gùi đan bằng mây tre.

Hàng năm, tại đền thờ Thiên Y A Na diễn ra nhiều lễ nghi gắn liền với tín ngưỡng thờ cúng Bà của người dân địa phương; trong đó lễ hội vía Bà diễn ra từ ngày 21 đến 23 tháng 3 và lễ tế Chúa Chàng Râu diễn ra vào ngày 16 tháng mười Âm lịch là hai lễ hội chính. Vào dịp lễ hội đền thờ đón hàng ngàn du khách và nhân dân ở khắp mọi miền đến chứng kiến và bày tỏ tấm lòng tri ân, thành kính đối với Bà./.



Cổng chính đền thờ Thiên Y A Na ở Hòn Bà
Main gate of Thien Y A Na temple at Hon Ba



Toàn cảnh Hòn Bà
Hon Ba overall view

HON BA HISTORY - CULTURE

Hon Ba is an integration of landscapes and temples built by the Cham people in the XV - XVI century to worship Po Ina Nagar - a god revered by Cham people called Mother Motherland and Vietnamese people called Thien YA Na. Due to the fluctuations of history, the Cham moved to other places, until about the second half of the 19th century the Vietnamese took over the temple, looked after and worshiped according to their customs to this day.

Hon Ba is a small island located in the middle of the open sea in Binh Tan ward, La Gi town, Binh Thuan province. Surrounding the foot of the island is surrounded by rocks of different shapes, high and low, on the island is covered with ancient green trees creating a beautiful picture of nature, both majestic and pristine and dreaming.

From Phan Thiet city, along National Highway 1A to the South for 46km, or from Ho Chi Minh City to National Highway 1A to the North about 152km to Nga Ba 46 in Ham Tan district. From here, follow Highway 55 East 16km to La Gi market, continue going Southwest 500m to La Gi estuary, tourists take a boat by sea to the Southeast 4.6km to Hon Ba Island.

The main object of worship of the monument is the goddess Po Ina Nagar, the Lord of the Beard (her husband), her

two children and her followers. In addition, the temple is also a place of worship of the pre-sage, post-sage of the Vietnamese who had openly cleared the island and created life on the ancient La Gi land. Belief in worshipping Thien Y A Na in Hon Ba was written by *Dai Nam Nhat Thong Chi* books: “Thien Y Island, called Dao Ba Island, worshiped a Thien Y Dien Ba stone on the top.”

At the time of its creation, the temple was just a simple wooden hut, over time, the harsh natural environment made the temple severely degraded; especially during the anti-American resistance war, the temple was completely destroyed by bombs and bombs. By 1969, the local people had restored the temple and it was not until 1989 that the temple was completely renovated. Since then, the temple has been regularly looked after, preserved and repaired by the locals. After many times of restoration and embellishment, the temple has become spacious and full of items, including: the Main Hall, the Martial Arts, the worshipping place of Lord Chua Rau, the guest house, the Smoke house, the main gate, the flagpole and a number of other neighborhood items.

Nowaday, the locals still keep the legend of the goddess Thien YA Na as follows: Thien YA Na is a Cham, originally from Khanh Hoa, She incarnated into a log of frankincense drifting along the sea to Phu Quy Island. live for a while. After that, she continued to incarnate into the log of sandalwood drifting along the waves to Hon Ba Island; Here, she lived with a Cham dignitary named Lord Rau Ten. One day, he and his entourage hunted in a forest on the southwest of Hon Ba island (now belonging to Binh Chau hot spring area, Xuyen Moc district, Ba Ria Vung Tau province). After several days of not seeing her husband return, she took her entourage in search. When she entered the hunting ground, she realized her husband was living with another woman. Because she was so angry, she threw away the pan of boiling water that his entourage was

boiling here and left. Boiling water pan after being poured into the ground has spread and became Binh Chau hot spring in the territory of Xuyen Moc district, Ba Ria - Vung Tau province today. On the way back, where she went was the flow of water there and became a river separating the island of Hon Ba where she resided with the mainland, which the people here used to be called Phan Li river. Her creation of the river Li Li was to separate the Lord from the Beard Lord so that he would not return to her. Some time later, she petrified to fly to the realms, to pay tribute to her, the local people built a temple on Hon Ba Island to worship her. Later, out of remorse for his own work, Lord Guy Rau went to a high mountain (in today's Tánh Linh district) and later this mountain was called by the people in the area called Ong mountain. Since then, the name of the island of Hon Ba and Mount Ong appears to indicate the separation and separation between the two.

Thien YA Na Temple at Hon Ba still preserves many valuable relics such as: Thien YA Na statues made of blue-gray stone, stork bars engraved with Han Nom characters, couplets, common rose, bronze peaks, bronze bells, candelabra, copper ball, Lord the Beard, 2 Atau extract, 3 sets of bows and arrows, 2 antlers, 1 dragon head stick, 2 baskets made of rattan and bamboo.

Every year, at Thien YA Na temple, there are many rituals associated with the worship of Ba people of local people; in which the festival of Ladya takes place from March 21 to 23 and the Lord sacrifice ceremony takes place on October 16 of the lunar calendar are two main festivals. On the occasion of the temple festival, welcoming thousands of tourists and people from all over the region to witness and express their gratitude and respect for her./.

THẮNG CẢNH ĐÒI CÁT BAY

Sự kiện nhật thực toàn phần năm 1995 ở Bình Thuận - Mũi Né đã thu hút hàng ngàn người từ khắp mọi miền đất nước đổ về đây chiêm ngưỡng hiện tượng tự nhiên hiếm thấy trong đời người. Từ đó những cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp ở vùng biển Phan Thiết - Mũi Né vốn hoang sơ, mộc mạc, tĩnh lặng như nàng công chúa đang ngủ trong rừng bỗng bừng tỉnh, thức giấc được du khách chú ý biết đến và tìm đến khám phá, nghỉ dưỡng ngày một tăng dần. Trong đó, Đồi Cát Bay ở Mũi Né là địa điểm tham quan lý thú, luôn thu hút sự quan tâm của du khách tìm đến ngày càng nhiều để chiêm ngưỡng cảnh đẹp của Đồi Cát, trải nghiệm các hoạt động thể thao trên cát và sáng tác ảnh nghệ thuật...

Đồi Cát Bay là một trong những đồi cát có diện tích lớn, trải dài và không có hình dáng nhất định ở Mũi Né. Tên gọi này bắt nguồn từ sự thay đổi diện mạo, hình dáng liên tục của những cồn cát theo từng giờ, từng ngày, từng tháng dưới tác động của yếu tố tự nhiên là gió mùa Tây Nam và Đông Bắc bào mòn làm bay lớp cát mỏng bên trên; vì thế, nơi đây được gọi là thiên đường của gió - cát - nắng. Ngoài ra, nơi đây còn có tên gọi khác là Đồi Cát Mũi Né, gắn liền với địa danh hành chính nơi tọa lạc; hoặc có tên gọi là Đồi Hồng, do sự kết hợp gam màu sắc hồng nổi bật của cát mịn và mỏ sắt.

Thắng cảnh đồi Cát Bay tọa lạc tại Khu phố 5, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết; nằm cách trung tâm thành phố Phan Thiết khoảng 25km về hướng Đông và cách UBND phường Mũi Né 2,6km về hướng Đông Bắc.

Đồi Cát Bay ở Phan Thiết nói riêng và các cồn cát đỏ ở Bình Thuận nói chung là trầm tích nguồn gốc của gió và biển, được hình thành trong thời kỳ “Đệ tứ”, liên quan trực tiếp đến sự dao động mực nước biển trong các đợt biển tiến - biển lùi. Trong lịch sử phát triển địa chất, bề mặt trái đất từng trải qua thời kỳ băng hà, khi mà khí hậu trên trái đất lạnh làm cho nước ở các cực và nhiều nơi khác đóng thành băng, kết quả là mực nước biển hạ thấp, đường bờ biển lùi dần về phía biển, được gọi là quá trình “biển lùi”. Ngược lại, trong giai đoạn khí hậu trái đất nóng lên, các khối băng dần tan ra làm cho mực nước biển dâng cao, đường bờ biển tiến dần về phía lục địa, được gọi là quá trình “biển tiến”. Dấu ấn của những đợt biển tiến và biển lùi như thế để lại những cồn cát ven biển, trong đó có Đồi Cát Bay ở Mũi Né.

Đồi Cát Bay ở Mũi Né được đánh giá là đồi cát tuyệt đẹp mà thiên nhiên ban tặng có “một không hai” ở Việt Nam, có nguồn gốc bắt nguồn từ mỏ sắt cổ tồn tại hàng trăm năm kiến tạo nên cát có rất nhiều màu, trong đó màu đỏ, hồng, vàng là màu phổ biến nhất và cũng chính vì thế mà nơi này đã khai sinh ra môn nghệ thuật tranh cát ở Việt Nam. Với những cồn cát mềm mông trải dài, cùng những đường cong uốn lượn nhấp nhô toát lên vẻ đẹp lung linh không chỉ làm say lòng những nhà nhiếp ảnh, những họa sĩ, cùng các thi nhân; mà còn là nơi các đoàn ca nhạc, đoàn phim dùng làm bối cảnh...

Từ trên đồi cát có thể ngắm trọn vẹn Mũi Né và bờ biển xung quanh. Ngoài việc ngắm nhìn khung cảnh thiên nhiên kỳ diệu, đến du lịch Đồi Cát Bay còn có thể được trải nghiệm cảm giác đi dạo trên cát mịn bằng chân trần hoặc tham gia các loại hình vui chơi giải trí đầy thú vị như: trượt ván trên cát - đây là trò chơi phổ biến nhất, thả diều... Hàng năm vào ngày mùng 4

Tết Nguyên đán tại đây diễn ra cuộc thi vượt chày vượt đồi cát thu hút nhiên vận động viên ở các địa phương trong tỉnh tham gia. Đặc biệt, trong cuộc Hội ngộ kỷ lục gia toàn quốc lần thứ X năm 2007, Đồi Cát Bay vinh dự được xác lập kỷ lục là Đồi Cát thay đổi hình dạng tự nhiên nhiều nhất Việt Nam. Tất cả những điều hấp dẫn trên đã biến nơi đây trở thành một danh thắng nổi tiếng, là điểm tham quan du lịch hấp dẫn thu hút du khách trong và ngoài nước.

Qua những giá trị mà thắng cảnh Đồi Cát Bay mang lại, cùng với mục đích gìn giữ, tôn tạo và phát huy vẻ đẹp tự nhiên nơi đây; từ năm 2016 đến nay, thắng cảnh Đồi Cát Bay đã được UBND tỉnh Bình Thuận giao cho Trung tâm Dã ngoại thanh thiếu niên - Tỉnh đoàn Bình Thuận quản lý và khai thác phục vụ phát triển du lịch. Năm 2018, Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (trong đó có việc quy hoạch Đồi Cát Bay để phục vụ phát triển du lịch).

Viện Tài nguyên và Môi trường - Đại học Huế đã triển khai Đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh: “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm gìn giữ, tôn tạo và phát huy vẻ đẹp tự nhiên của Đồi Cát Bay ở Mũi Né, góp phần phát triển du lịch Bình Thuận”. Đề tài đã nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề ra những giải pháp tốt nhất nhằm quản lý, khai thác tiềm năng vẻ đẹp cũng như tiếp tục khẳng định thương hiệu du lịch của thắng cảnh.

Năm 2019, UBND tỉnh Bình Thuận đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu khu vực Đồi Cát Bay và khu vực phục cận. Trong đó, khu vực Đồi Cát Bay 37,4ha; khu vực đất lâm nghiệp 21ha và khu vực liền kề tuyến đường ĐT.706B khoảng 45,6ha (gồm khu thương mại dịch vụ, khu vui chơi giải trí, quảng trường, bãi đỗ xe và khu dự trữ bổ sung Đồi Cát Bay). Thắng cảnh Đồi Cát Bay hiện nay đang được triển khai khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học để trình Nhà nước xếp hạng là di tích cấp tỉnh. Trên đây, là những cơ sở pháp lý quan trọng để gìn giữ, bảo

tôn, phát huy giá trị Đồi Cát Bay phục vụ phát triển du lịch văn hóa của địa phương trong thời gian đến./.



Cảnh quan thẳg cảnh Đồi Cát Bay
Landscape of Cat Bay Hill

LANDSCAPE OF CAT BAY HILL

The total solar eclipse event in 1995 in Binh Thuan - Mui Ne attracted thousands of people from all over the country to come here to admire the rare natural phenomenon in life. From there, the beautiful natural landscapes in Phan Thiet - Mui Ne waters that are wild, rustic and quiet like a sleeping princess in the forest suddenly wake up, wake up to be known and sought by tourists. discover and relax on the rise. In particular, Sand Dunes Bay in Mui Ne is an interesting place to visit, always attracting the attention of more and more tourists looking to admire the beauty of Sand Dunes, experiencing sports activities on the sand and composing collages ...

Cat Bay hill is one of the sand hills with a large area, stretching and without a certain shape in Mui Ne. This name comes from the change of appearance, continuous shape of sand dunes by the hour, day by day, and month by the influence of natural factors: the southwest and northeast monsoon winds erode the layer. thin sand above; Therefore, this place is called the paradise of wind - sand - sunshine. In addition, this place is also known as Mui Ne Sand Dunes, associated with the administrative place where it is located; or called Doi Hong, due to the striking pink color combination of fine sand and iron mines.

Cat Bay hill landscape is located in Quarter 5, Mui Ne Ward, Phan Thiet City; It is located about 25km from the center of Phan Thiet City to the East and 2.6km to the People's Committee of Mui Ne Ward to the Northeast.

Cat Bay hill in Phan Thiet in particular and red sand dunes in Binh Thuan in general are sedimentary sources of wind and sea, formed during the "Quaternary" period, directly related to the fluctuation of sea level. In forward waves - the sea recedes. In the history of geological development, the surface of the earth has experienced an ice age, when the climate on the earth was cold, causing the water in the poles and many other places to freeze, resulting in lower sea levels. , the coastline recedes towards the sea, called the "back sea" process. In contrast, during the period of global warming, the ice sheets gradually melt, causing the sea level to rise, the coast line towards the continent, called the process of "rising sea". The imprint of such waves of advancing and reversing sea leaves sand dunes along the coast, including Sand Dunes in Mui Ne.

Doi Cat Bay in Mui Ne is considered as a beautiful sand hill that is bestowed by nature in Vietnam, originating from the ancient iron mine that existed for hundreds of years to create sand. color, in which red, pink, yellow are the most popular colors and that's why this place gave birth to sand art in Vietnam. With immense sand dunes stretching, with undulating curves bouncing up the shimmering beauty not only captivates photographers, painters, and poets; but also where the music troupes and film crews use as a backdrop ...

From the sand hill, you can watch the whole Mui Ne and surrounding beaches. In addition to watching the marvelous natural scenery, traveling to Sand Dunes, you can also experience the feeling of walking on smooth sand with bare feet or participating in interesting entertainment types such as skateboarding. on the sand - this is the most popular game, flying

kites ... Every year on the 4th day of the Lunar New Year, there is a competition to cross the sand hill to attract many athletes in the provinces in the province to participate . In particular, during the Tenth National Record Reunion in 2007, Cat Bay hill was honored to set a record as S Cat Bay hill and Dunes changing the most natural shape in Vietnam. All of the above attractions have turned this place into a famous attraction, an attractive tourist attraction to attract domestic and foreign tourists.

Through the values that Cat Bay hill brings, along with the purpose of preserving, embellishing and promoting the natural beauty here; From 2016 to the present, the Sand Hill landscape has been assigned by the People’s Committee of Binh Thuan Province to the Youth Picnic Center - Binh Thuan Youth Union for management and exploitation for tourism development. In 2018, the Government approved the master plan for the development of Mui Ne National Tourist Area in Binh Thuan Province until 2025, with a vision to 2030 (including the planning of Cat Bay hill to serve tourism development).).

The Institute of Natural Resources and Environment - Hue University has implemented the provincial scientific and technological project: “Studying and proposing solutions to preserve, enhance and promote the natural beauty of Cat Bay hill in Mui Ne , contributing to Binh Thuan tourism development “. The topic has studied, assessed the situation and proposed the best solutions to manage and exploit the beauty potential as well as continue to affirm the tourist brand of the landscape.

In 2019, the People’s Committee of Binh Thuan Province approved the task of zoning Cat Bay hill and the surrounding area. In particular, Sand Dunes Bay area 37.4ha; the area of forestry land is 21ha and the area adjacent to DT.706B is about 45.6ha (including trade and service area, entertainment area, square, parking lot and additional sand hill). Cat Bay hill landscape is currently being surveyed, researched to prepare

scientific records to submit to the Government as a provincial monument. Above, are the important legal bases for preserving, preserving and promoting the values of Sand Hill in service of local cultural tourism development in the coming time./.

THẮNG CẢNH SUỐI TIÊN

Suối Tiên hay Suối Hồng là thắng cảnh tọa lạc trên địa phận của hai xã Thiện Nghiệp và phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; nằm cách trung tâm thành phố Phan Thiết khoảng 20km về hướng Đông, cách UBND phường Hàm Tiến 1,3km và UBND xã Thiện Nghiệp 4,6km về hướng Đông Nam.

Vẻ đẹp của Suối Tiên tạo ấn tượng cuốn hút, kỳ thú với dòng nước đỏ cam nhuộm màu của cát đẹp mắt và tạo nên con suối có nhiều màu sắc ở những đoạn khác nhau; kết hợp với những nhũ cát được cấu tạo từ đất sét pha cát bị bào mòn theo thời gian với các gam màu đỏ, nâu, vàng, trắng và mang nhiều hình thù lạ mắt như những tòa lâu đài; cát ở đây không giống như cát ở các vùng khác, mà cát được tạo thành những vách núi cứng cáp được bàn tay tự nhiên đục đẽo tạo thành những ngọn tháp, thạch nhũ và những tòa lâu đài óng ánh sắc màu. Tất cả kết hợp tạo nên bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp hoang sơ, kỳ vĩ và lý thú tựa chốn tiên cảnh nên thơ, hữu tình. Với những yếu tố tuyệt đẹp đó, Suối Tiên được du khách ví như chốn “Bồng lai tiên cảnh”.

Với chiều dài khoảng 1,8km theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, Suối Tiên bắt nguồn từ làng Dừa xã Thiện Nghiệp chảy qua phường Hàm Tiến rồi đổ ra biển. Đoạn chảy qua xã Thiện

Nghiệp có chiều dài khoảng 450m và đoạn chảy qua phường Hàm Tiến có chiều dài khoảng 1.350m. Bề rộng lòng suối trung bình khoảng 6m, nơi rộng nhất lên đến 14m. Độ sâu trung bình khoảng 10cm, nơi sâu nhất là hơn 0,5m. Bên cạnh dòng suối chính, nơi đây còn có những nguồn nước mạch nhĩ tuôn trào từ những đồi cát chảy hòa vào với dòng suối giúp cho Suối Tiên chảy mãi không bao giờ cạn dù là vào mùa khô.

Đoạn suối thực sự tạo dòng chảy từ đoạn thác cách phía đầu nguồn hơn 300m về hạ nguồn, thác nước cao khoảng 6m đổ xuống dưới kết hợp các mạch nhĩ từ động cát đã hình thành dòng suối nhỏ màu đỏ cam chạy dài uốn lượn theo vách đồi rồi đổ ra biển. Dọc theo con suối, có nhiều lối dẫn lên đồi cát đỏ để ngắm nhìn toàn cảnh Suối Tiên và cảm nhận được nét đẹp pha trộn giữa sự hùng vĩ và sự mượt mà. Từ trên cao nhìn xuống, một bên là những hàng dừa xanh bát ngát, xen lẫn những bụi dứa dại mọc um tùm tạo thành một mảng xanh mượt; đối lập phía bên kia là những động cát đỏ tự nhiên khô cằn với những tháp cát (đất sét pha cát), tường cát sừng sững hai màu đỏ trắng, trải qua thời gian mưa, gió bào mòn hàng ngàn năm đã tạo nhiều hình thù tuyệt đẹp.

Bên cạnh giá trị về cảnh quan, Suối Tiên được các nhà địa chất đánh giá là một geosite có giá trị cao về mặt khoa học địa chất, địa mạo và giá trị thẩm mỹ (*Hà Quang Hải và nnk*). Geosite Suối Tiên thuộc tiêu chí độc đáo (duy nhất) và phức hợp (địa mạo - địa tầng) có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong việc nhận thức về lịch sử cấu tạo trái đất. Và bản thân đáy suối là cát có màu đỏ cam do trầm tích sườn đồi phía Tây chảy xuống cũng là con đường mòn địa chất (geotrail) rất thú vị.

Từ lâu, thắng cảnh Suối Tiên đã là điểm tham quan hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước khi đặt chân đến Phan Thiết. Chính vẻ đẹp hoang sơ, mộc mạc của bức tranh thiên nhiên ngập tràn sắc màu độc đáo từ dòng suối với các gam màu trắng, đỏ, cam và hàng trăm nhũ cát lô nhô chìa thẳng lên trời

như những tòa lâu đài trong truyện cổ tích; kết hợp với việc lộ bộ trên nền suối cát mát lạnh giúp cho du khách quên đi các ưu tư, phiền muộn trong lòng, nhất là trong cái tiết trời oi bức của vùng khí hậu đầy nắng và gió. Thắng cảnh Suối Tiên hứa hẹn sẽ là một điểm du lịch mang đến nhiều trải nghiệm mới lạ và đầy thú vị đến với du khách trong nước và quốc tế khi đến Phan Thiết./.



Cảnh quan thẳng cảnh Suối Tiên
Landscape overview of Suoi Tien

LANDSCAPE OF SUOI TIEN

Suoi Tien or Suoi Hong is a landscape located in the territory of two communes Thien Nghiep and Ham Tien ward, Phan Thiet city, Binh Thuan province; It is located about 20km from the center of Phan Thiet City to the East, 1,3km from the People's Committee of Ham Tien Ward and the People's Committee of Thien Nghiep Commune to the Southeast.

The beauty of Suoi Tien creates an attractive, interesting impression with the orange-red water stained by beautiful sand and creates a colorful stream in different sections; combined with sand stalactites made of sandy clay, which have been eroded over time with colors of red, brown, yellow, and white with many fancy shapes like castles; The sand here is unlike the sand in other regions, but the sand is made up of rugged cliffs carved by the natural hand to form spiers, stalactites and castles. All combined to create a picture of nature with wild beauty, wonders and interesting places like poetic, charming. With these beautiful elements, Suoi Tien is like a place of “Bong Lai fairy scene”

With a length of about 1.8 km in the direction of Northeast - Southwest, Suoi Tien originates from Dua village, Thien Nghiep commune, which runs through Ham Tien ward and flows into the sea. The section running through Thien Nghiep commune is

about 450m long and the section running through Ham Tien ward has a length of about 1,350m. The average width of the stream bed is about 6m, the widest place is up to 14m. The average depth is about 10cm, the deepest place is more than 0.5m. In addition to the main stream, there are also spring water streams flowing from the sand hills to merge with the stream to help Suoi Tien flow forever and ever even in the dry season.

The stream actually makes the flow from the waterfall more than 300m from the headwaters downstream, the waterfall is about 6m high downwards, combining the veins from the sand cave that has formed a small stream of orange-red color running along winding. the hill then flows into the sea. Along the stream, there are many paths leading up to the red sand hill to admire the panoramic view of Suoi Tien and feel the beauty blending between grandeur and smoothness. Looking down from above, on one side are rows of green coconut trees, interspersed with luxuriant wild pineapple bushes to form a green patch; opposite the other side are the arid natural red sand dunes with sand towers (sandy clay), sand walls with two colors of red and white, undergoing rain, wind eroded for thousands of years has created many shapes gorgeous enemy.

Besides the landscape value, Suoi Tien is considered by geologists to be a geosite of high geological, geomorphological and aesthetic value (Ha Quang Hai et al.). Suoi Tien Geosite belongs to the unique (unique) and complex criteria (geomorphology - stratigraphy), which is particularly important in the awareness of the history of earth structure. And the bottom of the stream itself is orange-red due to the west hillside sediment flowing down which is also an interesting geotrail.

For a long time, Suoi Tien has been an attractive destination for domestic and foreign tourists when arriving in Phan Thiet. It is the wild and rustic beauty of the natural picture filled with unique colors from the stream with the colors of white, red,

orange and hundreds of sand dunes protruding straight to the sky like the castles in the fairy tale. calculus; Combined with the walk on the cool sandy background helps visitors forget the worries, sorrow in the heart, especially in the hot weather of the sunny and windy climate. Suoi Tien Landscape promises to be a tourist destination that brings many new and exciting experiences to domestic and international visitors to Phan Thiet./.

THẮNG CẢNH THÁC BÀ

Thắng cảnh Thác Bà tọa lạc tại xã Đức Thuận, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; nằm cách thành phố Phan Thiết hơn 100km về hướng Tây Nam và cách trung tâm huyện lỵ Tánh Linh khoảng 5km về hướng Đông Bắc; là một trong những thắng cảnh nổi tiếng ở huyện Tánh Linh nằm giữa núi rừng hoang sơ của Khu bảo tồn thiên nhiên Núi Ông có nhiều loại gỗ quý hàng trăm năm tuổi và nhiều loài động vật quý hiếm.

Nằm ở điểm cuối cùng phía Nam của dãy Trường Sơn, rừng nguyên sinh của Khu bảo tồn thiên nhiên Núi Ông có nhiều dãy núi cao hơn 1.000m, từ lâu nổi tiếng với bao huyền sử đan xen giữa Núi Ông và Thác Bà.

Núi Ông có nhiều con suối nhỏ nước chảy quanh năm, là khởi nguồn của các con sông như: Sông Phan, sông Kap Êt, sông Các... Đây là yếu tố để khí hậu ở Núi Ông thường xuyên ẩm ướt trong mùa khô, nhờ đó thực vật trong rừng sinh trưởng và phát triển tốt; cũng chính là lý do để rừng ở đây có độ che phủ hơn 91% diện tích, trữ lượng khoảng 2,6 triệu m³ gỗ. Đặc biệt, còn tìm thấy cây Kim Giao, một loại gỗ màu trắng ngà, khi khô vừa dai vừa cứng mà các vua chúa Việt Nam trước đây dùng làm đũa để khử độc; đũa Kim Giao khi gặp chất độc trong thức ăn sẽ chuyển sang thâm đen... vì vậy trở nên rất quý. Qua đó, cho thấy Núi Ông chứa đựng kho tàng tài nguyên thiên nhiên quý giá của

Việt Nam, không những có giá trị về bảo vệ môi trường, mà còn có giá trị về nghiên cứu khoa học và về đa dạng sinh học.

Điểm cuốn hút ở Núi Ông chính là dải thác nước mang tên Thác Bà cao gần 1.500m nằm trong lòng núi như một dải lụa mềm mại ẩn hiện giữa núi rừng bao la, tạo nên bức tranh thiên nhiên sơn thủy đẹp mê hồn và làm say lòng người khi đặt chân đến chốn này.

Trong dân gian, người dân địa phương ở Tánh Linh lưu truyền truyền thuyết huyền bí về Núi Ông và Thác Bà về câu chuyện tình đầy cảm động. Chuyện kể rằng: “Xưa rất xưa ở Núi Ông có cặp vợ chồng yêu nhau thắm thiết, một hôm người chồng rời nhà đi đánh cò với bạn, ván cò kéo dài trong sự chờ đợi mỏi mòn của người vợ, chờ đến khi tóc trắng như mây rồi cô đơn chết hóa thành dòng thác. Khi cò tàn cuộc, người chồng trở về vì quá thương nhớ vợ nên chết theo và hóa thành Núi Ông để mãi được ôm ấp người vợ hiền chung thủy”. Khi đặt chân đến đây, được lắng nghe câu chuyện tình về Núi Ông và Thác Bà mới cảm nhận được thấu đáo vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên nơi đây.

Con đường dẫn từ ngoài vào Thác Bà dễ đi với đường nhựa bằng phẳng, không khí mát dịu với những rừng cao su và vườn thanh long xanh mát làm say mê lòng người. Mùi hương của hoa, của rừng quyện vào nhau tạo nên một mùi hương dân dã đặc trưng của vùng rừng núi. Chính điều này đã tăng thêm phần kích thích, quyến rũ đối với những tâm hồn phiêu lưu tìm về với thiên nhiên nơi đây.

Thác Bà có 9 ngọn thác cao vọt vọt chồng lên nhau từ đỉnh Núi Ông đổ xuống chia thành 3 tầng, mỗi tầng cao từ 15 - 25m với những tảng đá tiếp nối nhau, nhìn xa trông giống như dải lụa trắng khổng lồ mềm mại chảy giữa núi rừng bao la hùng vĩ; dưới chân thác tiếng nước chảy róc rách nhẹ như mây khói, trên tán cây rừng mây trời lững lờ trôi bâng khuâng ẩn trong bóng nước tạo nên phong cảnh hoang sơ, hữu tình và cuốn hút

đến kỳ lạ. Màu xám mạnh mẽ của núi đá, màu trắng muốt của dòng thác nước cùng màu xanh của cây rừng đã tô điểm cho bức tranh thiên nhiên trở nên kỳ vĩ, mang vẻ bình yên và ấm áp. Trên đỉnh cao nhất của Thác Bà có hồ nước sâu khoảng một sải tay có rất nhiều cá chép và cá trắng ánh bạc; do đó du khách có thể câu cá, để rồi bên bếp lửa hồng trong cái se lạnh và tìm về cõi nguyên sơ, hoang dã.

Muốn đến Thác Bà, phải men theo con đường mòn nhỏ ẩn sâu dưới những tán cổ thụ to hơn hai người ôm và trải nghiệm cảm giác thót tim khi men qua những tảng đá lớn trơn trượt. Tuy nhiên, có như vậy mới chiêm ngưỡng trọn vẹn vẻ đẹp của dòng nước trắng xóa uốn lượn gập ghềnh qua các dốc đá, ghềnh đá bồng bênh trông như mái tóc xõa của người phụ nữ.

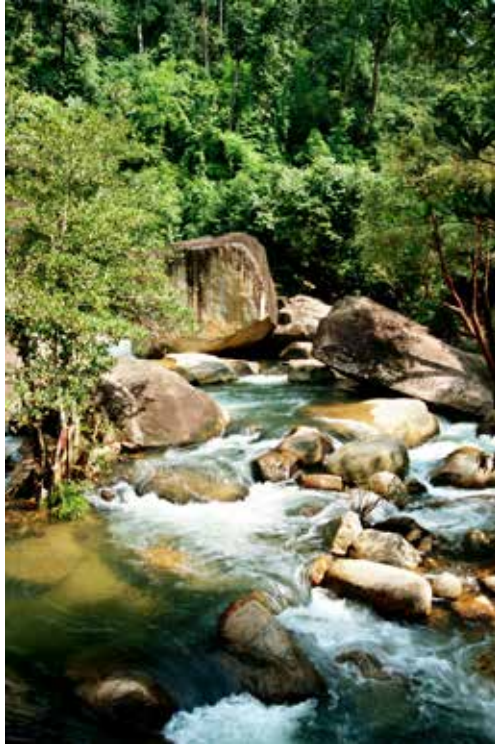
Do địa thế hiểm trở, khó đi nên đến với Thác Bà hiện nay chỉ có thể chinh phục được 3 trong số 9 con thác; đó là thác số 7, 8 và 9. Thác số 7 mạnh mẽ với những dòng nước lớn nhỏ chảy xiết từ trên cao 15m đổ xuống gập ghềnh đá ngọn nước tung tóe trắng xóa. Thác số 8 tựa như một cô thiếu nữ với dáng hình mảnh mai và dịu dàng, nhìn xa như một dải lụa trắng xóa uốn lượn, luồn lách qua những tảng đá lớn rồi phình rộng thành một hồ nước trong vắt. Từ hồ nước này, dòng nước vượt qua những ghềnh đá nhỏ lúc chảy mạnh dữ dội, lúc nhẹ nhàng uốn lượn qua các dốc đá cao khoảng 20m, rồi hòa vào cùng dòng suối nhỏ dưới chân thác tạo thành thác số 9. Sau khi khám phá trọn vẹn vẻ đẹp của 3 tầng thác, du khách sẽ dừng chân ở thác giữa, ngâm mình trong hồ nước trong vắt, mát lạnh, thả hồn thư giãn, lắng nghe tiếng chim rừng hót ríu rít.

Từ trên cao nhìn xuống, những tảng đá mọc san sát nhau dưới chân Thác Bà cho chúng ta cảm nhận được nét tôn kính, uy nghiêm như những người lính canh gác cho giấc ngủ ngàn năm của chủ nhân mái tóc bạc. Trông xa những tán cây rừng xanh muốt đan xen tạo nên một bức tranh thiên nhiên sơn thủy hữu tình. Bước chân xuống thác sẽ cho ta một cảm giác vỡ òa trước

vẻ đẹp kỳ vĩ mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất này với dòng suối trong xanh, mát lạnh cực lớn đổ xuống các mỏm đá, ghềnh đá, dốc đá tạo thành từng tầng rất đẹp mắt, cuốn hút cho ta cảm giác bình yên và tĩnh lặng.

Với những giá trị chứa đựng về cảnh quan thiên nhiên kết hợp với khu bảo tồn thiên nhiên đa dạng sinh học, nên Núi Ông - Thác Bà rất thích hợp cho phát triển hoạt động du lịch sinh thái; năm 2009, UBND tỉnh Bình Thuận đã phê duyệt Thác Bà là Điểm du lịch sinh thái, đây là tiền đề quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch của huyện Tánh Linh nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung, góp phần tạo nên sản phẩm du lịch sinh thái mới để phục vụ du khách khi đến với du lịch tỉnh nhà. Năm 2017, UBND tỉnh đã giao Khu du lịch sinh thái Thác Bà cho Công ty Green Dragon quản lý. Khu du lịch hiện nay đang từng bước hoàn thiện, chỉnh trang về hạ tầng, cảnh quan, vệ sinh môi trường và các loại hình dịch vụ để phục vụ du khách. Ngoài ra, Ban Quản lý Khu du lịch sinh thái Thác Bà còn tổ chức một số trò chơi dân gian cho du khách, tổ chức biểu diễn văn nghệ ở sân khấu nên ngày càng thu hút nhiều khách tìm đến đây; bố trí những chiếc xích đu treo trên những cành cây ven những con suối để du khách vừa ngồi và vừa thả chân xuống nghịch dòng nước chảy.

Trong những năm gần đây, với cảnh sắc đẹp tuyệt vời mà thiên nhiên đã ban tặng nên mỗi năm Khu du lịch sinh thái Thác Bà đã đón hơn 60.000 lượt khách đến tham quan và dã ngoại. Đến với Thác Bà - Núi Ông, du khách sẽ được nghỉ dưỡng, trải nghiệm, khám phá, học hỏi rất nhiều điều từ thiên nhiên, đặt hết mình vào tình yêu thiên nhiên và gắn bó với thiên nhiên hơn./.



Cảnh quan thẳng cảnh Thác Bà
Landscape view of Thac Ba

LANDSCAPE OF THAC BA

Thac Ba is located in Duc Thuan commune, Tanh Linh district, Binh Thuan province; located more than 100 km from Phan Thiet city to the Southwest and from the center of Tánh Linh district to about 5km to the Northeast; is one of the famous landscapes in Tanh Linh district in the middle of pristine mountains of Nui Ong Nature Reserve with many hundreds of years old precious woods and many rare and precious animals.

Located at the southern end of the Truong Son mountain range, the primeval forest of Nui Ong Nature Reserve has many mountain ranges higher than 1,000m, long known for its legendary history interwoven between Nui Ong and Thac Ba.

Nui Ong has many small streams that flow year-round, which is the origin of rivers such as Phan River, Kap Ét River, Cac River ... This is a factor for the climate in Nui Ong is often wet during the dry season, thanks to That plants in the forest grow and develop well; This is also the reason why the forest here covers more than 91% of the area, with a reserve of about 2.6 million m³ of wood. In particular, Kim Giao tree, an ivory-white wood, was found to be dry and tough while the former Vietnamese kings used it as chopsticks to detoxify. Kim Giao chopsticks when poisoned in food will turn black ... so become very precious. Thereby, it shows that Nui Ong contains valuable

treasures of natural resources of Vietnam, not only valuable for environmental protection, but also for scientific research and biodiversity.

The attraction of Nui Ong is the strip of waterfall named Thac Ba, nearly 1,500m high, located in the heart of the mountain like a soft silk strip hidden in the middle of immense mountains and mountains, creating a beautiful picture of nature and painting. captivated people when setting foot here.

In folklore, local people in Tân Linh circulate mystical legends about Nui Ong and Thac Ba about a touching love story. The story goes: “Once upon a time in Nui Ong, there was a couple in deep love, one day the husband left home to play chess with his friends, the game lasted in the exhausted waiting of the wife, waiting until the hair white as clouds and then lonely, turned into a waterfall. When the flag ended, the husband returned because he missed his wife so much that he died and turned into Nui Ong to forever embrace the loyal wife. When arriving here, listening to the story about Nui Ong and Thac Ba can feel the beauty of the natural picture here.

The road leading from outside to Thac Ba is easy to go with a flat asphalt road, cool air with rubber forests and lush green dragon garden that fascinates people. The scent of flowers, of the forest intertwined to create a typical aroma typical of the mountains. This has increased the stimulation, seduction for the adventurous soul to find nature here.

Thac Ba has 9 amazing waterfalls that overlap each other from the top of Nui Ong Mountain to be divided into 3 layers, each floor is 15 - 25m high with successive boulders, looking away like a giant white silk. flowing between majestic vast mountains; At the foot of the waterfall, the sound of the water is murmuring gently like clouds of smoke, on the canopy of the clouds, the sky and the sky wanders in the shadow of the water to create a

pristine, charming and strange landscape. The strong gray color of the rocky mountain, the whitish color of the waterfall and the green color of the forest trees have adorned the natural picture to become magnificent, peaceful and warm. On the highest peak of Thac Ba is a deep lake about an arm span with lots of silver carp and silver fish; so visitors can fish, then cook on the fire in the cold and find the pristine, wild realms. Want to Thac Ba, must follow the small trail hidden deep under the ancient canopy bigger than two people hugging and experience the feeling of heart pounding through the large slippery rocks. However, there is such a way to fully admire the beauty of the white water undulating undulations through the rocky slopes, rocky rapids that look like the hair of a woman.

Due to the difficult and difficult terrain, coming to Thac Ba can only conquer 3 out of 9 waterfalls now; it is the No. 7, 8 and 9. Waterfall 7 strong with large and small currents flowing from 15m high from above to meet rapids of white splashing water. Waterfall No. 8 is like a young woman with a slender and gentle figure, looking away like a winding white silk, weaving through large rocks and expanding into a clear lake. From this lake, the water flows through small rocky rapids when flowing violently, sometimes gently winding through rocky slopes of about 20m high, then merging with the small stream at the foot of the waterfall to form No. 9 waterfall. fully explore the beauty of the 3-storey waterfall, visitors will stop at the middle waterfall, soak in the clear, cool lake, relax souls, listen to the birds chirping.

Looking down from above, the rocks growing close to each other at the foot of Thac Ba makes us feel the reverence and solemnity as the guards guarding the thousand-year-old sleep of the owner of silver hair. Far away the lush green forest canopy creates a charming picture of nature. Stepping down the waterfall will give you a feeling of bursting with the wonderful beauty that nature has bestowed on this land with the cool, blue stream

flowing down the cliffs, rapids and rock slopes. Each floor is very beautiful, attractive and gives us a feeling of peace and quiet.

With the values contained in the natural landscape combined with the biodiversity nature reserve, Nui Ong - Thac Ba is very suitable for the development of eco-tourism activities; In 2009, the People's Committee of Binh Thuan Province approved Thac Ba as an eco-tourism site, this is an important premise to promote the economic and tourism development of Tanh Linh district in particular and Binh Thuan province in general, contributing to creating should ecotourism products to serve other travelers when traveling to the province. In 2017, the Provincial People's Committee assigned Thac Ba Ecotourism Area to Green Dragon Company for management. The current tourist area is gradually improving, embellishing infrastructure, landscapes, environmental sanitation and other types of services to serve tourists. In addition, the Management Board of Thac Ba Ecological Tourism Area also organizes a number of folk games for tourists, organizing musical performances on stage, so it is increasingly attracting more visitors to come here; arrange swings hanging on the branches of the streams to let visitors sit and drop their feet against the flowing water.

In recent years, with the wonderful beauty that nature has bestowed every year, Thac Ba Ecotourism Area has welcomed more than 60,000 visitors to visit and picnic. Coming to Thac Ba - Nui Ong, visitors will be rested, experienced, discovered, learned a lot of things from nature, put their best in natural love and stick with nature./.

CHÙA PHẬT QUANG

Phật Quang là ngôi chùa cổ được tạo lập sớm nhất so với các ngôi chùa khác ở Phan Thiết nói riêng và Bình Thuận nói chung. Những tư liệu Hán Nôm cổ còn lưu giữ tại chùa cho biết chùa Phật Quang được khai lập vào năm Giáp Dần (1734). Thuở mới tạo lập, chùa nằm giữa một bãi cát trắng rộng rãi, thoáng mát xung quanh chưa có nhà dân nên trong dân gian ngày trước gọi tên là chùa Cát. Tên gọi chính thức của chùa là chùa Phật Quang, có nghĩa là giáo lý nhà Phật luôn soi rọi và chiếu sáng để hướng con người đến cõi thiện.

Trong buổi đầu đến tiếp quản, khản hoang và xây dựng cuộc sống trên vùng đất mới, các thế hệ ông cha rất cần đến một chỗ dựa về mặt tinh thần và tôn giáo tín ngưỡng để giúp họ vững lòng tin vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Sự ra đời của chùa Phật Quang trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ đã có sức thu hút mạnh mẽ người dân địa phương và trở thành nơi truyền bá ánh sáng Phật giáo đầu tiên trên vùng đất Bình Thuận.

Chùa Phật Quang tọa lạc trên đường Trần Quang Khải thuộc phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; ở vị trí cách UBND phường Hưng Long khoảng 600m về hướng Tây Bắc và cách vòng xoay Tượng đài Chiến thắng khoảng 1,5km về hướng Đông Nam.

Chùa Phật Quang nằm trên khuôn viên có tường thành

bao bọc rộng khoảng 0,5ha, với nhiều hạng mục kiến trúc bề thế, bao gồm: Chính điện, gian thờ Tổ, Đông lang, Tây lý, nhà Trụ trì, nhà Khói, nhà Tăng, Cổng chính, vườn Đạo tràng Phật tích được phân bố cân đối ở phía trước và hai bên sân chùa tạo nên một Phật cảnh thanh tịnh và trang nghiêm.

Các hạng mục kiến trúc có hướng chính quay về phía Tây Nam. Cổng chính nằm về phía trước được kiến tạo thành 3 lối vào theo dạng cổng Tam quan, đỉnh nóc cổng trang trí vòng Pháp luân bao bọc lấy chữ Vạn ở giữa, dọc theo 4 trụ cổng ở cả hai mặt trước sau đều đắp nổi câu đối bằng chữ Hán Nôm. Qua khỏi Cổng chính, ở ngay phía trước và hai bên sân chùa là cảnh Đạo tràng Phật tích với nhiều cụm tượng Phật bài trí trang nghiêm xen kẽ với vườn hoa và cây cảnh.

Do trải qua nhiều thế kỷ tồn tại, trước tác động của môi trường tự nhiên không thuận lợi nên các hạng mục kiến trúc chính của chùa như Chính điện và gian thờ Tổ bị xuống cấp trầm trọng. Trước thực trạng đó, từ năm 2002 - 2005 Trụ trì chùa Phật Quang đã trùng tu, tôn tạo lại ngôi Chính điện và xây mới lầu Chuông, lầu Trống ở hai bên tả hữu Chính điện, góp phần tôn thêm nét kang trang của chùa.

Ngôi Chính điện xây theo dạng cổ lầu với 2 tầng mái có diện tích rộng lớn và vút cao, các góc mái được uốn cong lên có dạng hình mũi thuyền, bên trên trang trí 1 con rồng. Đỉnh nóc tầng trên trang trí lưỡng long tranh châu, bên mỗi đầu hồi gắn 1 con chim phượng tung cánh mềm mại. Mặt trước cổ lầu Chính điện trang trí đắp nổi nhiều hình tượng, họa tiết đan xen nhau trên các dải lan can, ô gió và bao lam như: rồng, phượng, dơi, hoa lá... Các thân cột mặt trước và hai bên tả hữu Chính điện đắp nổi 1 con rồng cuốn quanh theo kiểu long trụ. Bộ nóc Chính điện, lầu Chuông và lầu Trống hai bên được lợp ngói vảy cá. Đỉnh nóc lầu Chuông, lầu Trống trang trí hình tượng lưỡng long châu vòng Pháp luân, các góc mái uốn cong và bên trên điểm xuyên 1 con giao long, các ô gió và hệ thống lan can mặt tiền lầu

Chuông, lầu Trống trang trí đắp nổi các họa tiết rồng, phượng, dơi, hoa lá... đan xen nối tiếp nhau. Phía trước và hai bên tả hữu Chính điện bài trí 1 đôi kỳ lân đứng chầu ngay trước bậc thềm bước lên Chính điện khá oai nghiêm.

Chùa Phật Quang bảo lưu nhiều di vật, cổ vật có giá trị, đặc biệt là những di sản Hán Nôm cổ quý hiếm mà không ngôi chùa nào ở Bình Thuận có được. Ngoài hàng chục câu đối, hoành phi, minh chuông..., nơi đây đang lưu giữ Bộ kinh Pháp Hoa khắc bằng chữ Hán Nôm cổ, gồm 60 vạn lời khắc trên 118 tấm mộc bản, mỗi bản gỗ đều được khắc chữ trên cả 2 mặt rất sắc nét. Bên cạnh đó, còn lưu giữ 7 bức tranh cổ khắc trên các bản gỗ tả lại cảnh Phật A Di Đà, Quan Âm Bồ Tát đang thuyết pháp trước dân chúng rất hoàn hảo, sắc nét, khi in ra sẽ có được những bức tranh cổ tuyệt mỹ mà ngày nay khó có nghệ nhân nào có khả năng thực hiện được. Đường nét chạm khắc các bản mẫu này tương tự như nét chạm bản mẫu tranh Đông Hồ nổi tiếng ở phía Bắc nước ta.

Tất cả những bản khắc gỗ ấy do 2 Thiền sư và 12 Phật tử đã dày công chạm khắc ròng rã trong suốt 28 năm (từ 1706 - 1734) mới hoàn tất. Trong đó có bản khắc cuối cùng ghi rõ Bộ kinh Pháp Hoa hoàn thành vào ngày mùng 1 tháng tư năm Long Đức thứ 3 - tức năm Giáp Dần 1734. Long Đức là niên hiệu của vua Lê Thuần Tông (1732 - 1735) đời nhà Hậu Lê. Tương truyền ngày xưa, đức Phật đã thuyết pháp trong suốt 8 năm trời mới xong bộ kinh này. Trong bản khắc cuối cùng của Bộ kinh có ghi lại công trạng của 2 vị Thiền sư cùng 12 Phật tử chạm khắc Bộ kinh này trong suốt 28 năm. Bộ kinh Pháp Hoa tại chùa Phật Quang đã được Đài Truyền hình Việt Nam quay phim và phát sóng trên kênh VTV3 trong Chương trình Chuyện lạ Việt Nam năm 2006 và được xếp vào sách Kỷ lục Việt Nam.

Bộ kinh Pháp Hoa ở chùa Phật Quang là di sản Hán Nôm quý không chỉ đối với nhà chùa, mà còn là di sản văn hóa quý hiếm của Phật giáo Bình Thuận và của Quốc gia. Đây là nguồn sử liệu quý góp phần nghiên cứu về lịch sử sơ khai của Bình

Thuận và lịch sử hình thành, phát triển Phật giáo ở Bình Thuận trong buổi đầu người Việt đến tiếp quản vùng đất này.

Ngoài Bộ kinh Pháp Hoa và 7 bức tranh cổ kể trên, chùa Phật Quang còn lưu giữ một số di sản Hán Nôm có giá trị khác như: 5 khám thờ, 12 câu đối, 1 đại hồng chung cổ có khắc bài minh chuông bằng chữ Hán Nôm và một số hoành phi. Chiếc đại hồng chung đúc đồng có kích thước khá lớn được đúc vào năm Canh Ngọ (1750) dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát.

Tại chùa Phật Quang hàng năm diễn ra các kỳ lễ Phật chính vào các dịp Rằm tháng tư, tháng bảy và tháng mười Âm lịch, ngoài ra các ngày mừng 1, ngày Rằm còn lại trong năm cũng như dịp Tết Nguyên đán chùa đều có tụng kinh niệm Phật. Giới tín đồ Phật tử, nhân dân địa phương và du khách đến chùa dâng hương viếng Phật và cầu nguyện rất đông./.



Cổng chính chùa Phật Quang
Main gate view of Phat Quang Buddha Pagoda



Bản khắc gỗ bộ kinh Pháp Hoa
bằng chữ Hán Nôm cổ tại chùa Phật Quang
Woodblock set of Buddhist scriptures
in ancient Han Nom characters at Phat Quang Buddha pagoda

PHAT QUANG PAGODA

Phat Quang pagoda is an ancient temple created earlier than other temples in Phan Thiet in particular and Binh Thuan in general. Ancient Han Nom records preserved at the temple indicate that Phat Quang Pagoda was established in the year of the tiger (1734). At the time of its creation, the pagoda was located in the middle of a spacious, cool white sand around without a house so in the past, people called it Cat Pagoda. The official name of the pagoda is Phat Quang Pagoda, which means that the teachings of the Buddha always shine and shine to guide people to the realms of goodness.

In the early days of taking over, reclaiming and building a life on a new land, the generations of fathers desperately needed a spiritual and religious support to help them firmly overcome difficulties. in life. The birth of Phat Quang pagoda in the context of the society at that time had a strong attraction to the local people and became the first place to spread the light of Buddhism in Binh Thuan.

Phat Quang pagoda is located on Tran Quang Khai Street in Hung Long Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province; located about 600m from Hung Long Ward People's Committee to the Northwest and about 1.5km from the Victory Monument roundabout to the Southeast.

Phat Quang Pagoda is located on the precinct with a wall of about 0.5ha, with many superficial architectural items, including: the main hall, the worshipping hall of the To, Dong lang, Tay Ly, the abbot's house, the Smoke house, The house of the Sangha, the main gate, the Buddhist temple of Buddhism are distributed evenly in the front and on both sides of the temple yard, creating a pure and solemn Buddha image.

Architectural items with main directions facing southwest. The main gate on the front is made up of 3 entrances in the form of the Tam Quan gate, the top of the gate is decorated with a Falun circle that surrounds the swastika in the middle, along the 4 pillars on both the front and back are covered with sentences. in Han Nom characters. Past the Main Gate, right in front and on both sides of the temple grounds is a Buddhist temple with many stately Buddha statues alternating with flower gardens and bonsai.

Due to centuries of existence, due to the impact of the unfavorable natural environment, the main architectural items of the temple such as the Main Hall and the altar of To Su are seriously degraded. Facing that situation, from 2002-2005, the abbot of Buddha Quang pagoda restored and renovated the main hall and built a new bell tower and empty floor on the two left-hand sides of the main hall, contributing to enhance the spaciousness of the temple. .

The Main Hall is built in the form of an ancient floor with 2 floors of roof with a large area and soaring high, the roof corners are curved up to form a bow shape, above is decorated with a dragon. The top of the top floor is decorated with the picturesque dragon dragon, each side is gable with a phoenix to spread its soft wings. The front of the ancient floor The main hall is decorated with many images and motifs interwoven on the balustrades, wind umbrellas and balustrades such as dragons, phoenixes, bats, leaves, flowers ... The columns of the front and

the left side Property The main hall covered a dragon dragged around in a dragon-like shape. The roof of the main hall, the bell floor and the empty floor are covered with tiles of fish scales on both sides. The top of the bell-floor and the drum-floor decorated with the image of a dragon flanking the Falun, the corner of the roof bends and above the point of a dragon, the wind cells and the handrail system of the bell-floor and decorated drum floor. embossed with motifs of dragon, phoenix, bat, flower, leaf... interwoven with one another. In front of and on the left side, the main hall decorated a couple of unicorns standing right in front of the steps to step on the main hall quite majestic

Phat Quang Buddha Pagoda preserves many valuable relics and antiques, especially rare and ancient Han Nom heritage that no temple in Binh Thuan has. In addition to dozens of couplets, diaphragm, bell, etc., this place is keeping the Chinese Sutras carved in ancient Han Nom script, including 60,000 words engraved on 118 woodblocks, each woodblock is engraved on both 2 Very sharp face. Besides, there are also 7 ancient paintings engraved on wooden plates depicting the scene of Amitabha Buddha and Guan Yin Bodhisattva preaching in front of the people very perfectly and sharply, when printed, there will be paintings. This is a beautiful ancient art that hardly any artisans have in mind today. The lines of these patterns are similar to those of the famous Dong Ho painting in the north of our country.

All these wood carvings were made by two Zen masters and 12 Buddhists, who worked hard for 28 years (from 1706 to 1734) to complete them. Including the last inscription stating that the Lotus Sutra was completed on April 1, the third Long Duc year - the year of Giap Tiger in 1734. Long Duc is the reign of King Le Thuan Tong (1732 - 1735). Hậu Lê. Legend has it that the Buddha preached for 8 years to finish this sutta. In the last inscription of the Sutta, the merits of two Zen masters

and 12 Buddhists have been engraved with the Sutta during 28 years. The Dharma Sutra at the Buddhist Temple was filmed and broadcasted on VTV3 by Vietnam Television Station in the Vietnam Strange Program in 2006 and placed in the Vietnamese Record Book.

The Dharma Sutra at the Phat Quang Buddha Pagoda is a precious Han Nom heritage not only for the temple, but also a rare cultural heritage of Binh Thuan Buddhism and the Nation. This is a valuable historical resource that contributes to the study of the early history of Binh Thuan and the history of formation and development of Buddhism in Binh Thuan in the first time Vietnamese came to take over this land.

In addition to the Lotus Sutra and the seven ancient paintings mentioned above, Phat Quang Buddha Pagoda also retains a number of other valuable Han Nom heritage such as: 5 worshipping worship, 12 couplets, 1 ancient common rosary with engraved bell cards. Han Nom characters and some diaphragm. The great bronze casting of the large size was cast in the lunar year of horse Canh Ngo (1750) during the reign of Lord Nguyen Phuc Khoat.

At Phat Quang Buddha Pagoda every year, there are major Buddhist festivals on the occasion of the full moon in April, July and October of the lunar calendar, in addition to the first and last full moon days of the year as well as the Lunar New Year. reciting Buddhist scriptures. Buddhists, local people and tourists come to the temple to offer incense and pray to the Buddha.

HẢI ĐĂNG KÊ GÀ

Hải đăng Kê Gà có rất nhiều tên gọi khác nhau, nhưng hết thảy đều gắn liền với địa danh của đảo từ trước đến nay. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, quyển 12 nói về địa chí tỉnh Bình Thuận thì đảo này có tên là “Kê Dũ”. “Kê Dũ” có nghĩa là “đảo Gà” vì trước đây trên đảo có rất nhiều gà rừng, ngày nay những đồi cát trên bờ vẫn còn gà rừng sinh sống. Xuất phát từ ý nghĩa sâu xa đó, người dân địa phương gọi là đảo Kê Gà. Mặt khác giữa hòn đảo Kê Gà và đất liền phía Đông Bắc cách nhau 500m, có một dòng nước chảy mạnh khi thủy triều lên, ở đây có nhiều tảng đá tự nhiên do tác động của nước biển và mưa gió đã tạo thành các khe đá, hang động có nhiều hình dáng khác nhau, nên từ đó đảo còn được gọi tên là đảo “Khe Gà”. Hiện nay hải đăng Kê Gà thuộc thôn Văn Khê, xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Vùng biển Bình Thuận có nhiều bãi đá ngầm nguy hiểm, nhất là khu vực biển xung quanh đảo Kê Gà cũng là đường biển từ Phan Rang đi Vũng Tàu. Trước khi có ngọn hải đăng đã có nhiều tàu thuyền qua lại bị đắm trong khu vực này do không xác định được tọa độ, vị trí. Vùng biển này đã được đánh dấu xác định trên bản đồ là nơi có rất nhiều xác tàu bị đắm. Qua thăm dò, nghiên cứu, và để giúp tàu bè qua lại xác định được tọa độ, hướng đi an toàn, tránh những tai nạn đã xảy ra, các kỹ sư hàng

hải người Pháp đã chọn đảo Kê Gà để xây dựng ngọn hải đăng. Vì đảo này có kiến tạo toàn bộ bằng đá có độ cao trung bình hơn các khu vực xung quanh lại nhô ra ngoài biển nên cũng gọi là “Mũi”. Mực nước biển ở khu vực Kê Gà lâu nay được coi là chuẩn mực để xác định độ chênh lệch của mực nước biển trên vùng biển từ Nha Trang đến Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hải đăng Kê Gà chính thức khởi công xây dựng từ tháng 2 năm 1897 đến cuối năm 1899, sau 3 năm khẩn trương xây dựng ngọn tháp đá hình bát giác mới hoàn thành. Năm 1900, hải đăng Kê Gà chính thức đi vào hoạt động và được coi là một trong những hải đăng có quy mô kiến trúc độc đáo, bề thế nhất và trên hòn đảo đá có cảnh quan nên thơ, có chức năng và vai trò quan trọng trong hệ thống hải đăng hiện có ở Việt Nam thời điểm đó. Cho đến nay sau hơn 120 năm xây dựng, ngọn hải đăng đã trở thành di tích kiến trúc độc đáo và cổ kính trên hòn đảo đá có cảnh quan nên thơ.

Người đứng ra khảo sát, thiết kế và trực tiếp hướng dẫn, giám sát thi công hải đăng Kê Gà là một kỹ sư chính Sở Cầu đường người Pháp tên là Chanavat. Để xây dựng hoàn chỉnh ngọn hải đăng hoàn toàn bằng đá tằm cỡ giữa một hòn đảo hoang sơ như đảo Kê Gà, chắc chắn thực dân Pháp phải cần đến lực lượng lao động thủ công không nhỏ. Họ chính là những người nông dân, công nhân bản xứ nghèo khổ bị bắt phu, là những tù nhân từ các nơi trên đất nước Việt Nam bị điều động, thúc ép về đây đem sức lao động của mình ngày đêm khuân vác, xây dựng nên ngọn hải đăng để phục vụ cho ý đồ và quyền lợi trước mắt và lâu dài của bọn thực dân. Trong 3 năm xây dựng hải đăng Kê Gà, dưới đòn roi và sự hà hiếp tàn bạo của thực dân Pháp, đã có nhiều người lao động bản xứ ngã xuống vì bệnh đau, đói khát và những tai nạn thương tâm ập xuống đầu họ vào bất cứ lúc nào. Đó là một thực tế mà ngày nay khi nói đến hải đăng Kê Gà, không ít các cụ cao niên và người dân địa phương vẫn ghi nhớ những thảm cảnh đau thương do các thế hệ ông cha đi trước

truyền lại. Đã hơn một thế kỷ trôi qua nhưng ngày nay dấu tích khu nghĩa địa của những công nhân xây dựng hải đăng Kê Gà xấu số vẫn còn đó, ở phía sau bãi phi lao trên đất liền cách đảo Kê Gà khoảng 600m.

Vật liệu chính xây dựng ngọn hải đăng là một loại đá hoa cương màu trắng ngà hoặc vàng nhạt. Qua tìm hiểu được biết loại đá này không có ở khu vực Bình Thuận. Vì vậy để xây dựng hoàn chỉnh ngọn hải đăng Kê Gà theo thiết kế, người Pháp đã huy động một lượng tàu thủy không nhỏ để chuyên chở những tảng đá hoa cương từ nơi khác đến. Những tảng đá to lớn, rắn chắc, bằng công sức lao động và phương pháp thủ công như cưa, đục, chạm, mài... những người công nhân xây dựng Việt Nam trước kia đã miệt mài ngày đêm trong nhiều năm ròng rã để chế tác thành những viên đá đủ kích cỡ, hình dáng và nhiều góc cạnh khác nhau theo thiết kế ở từng vị trí xếp đặt trên thân hải đăng. Tùy thuộc vào vị trí ở góc cạnh, ở chân đế hay trên đỉnh mà mỗi viên đá được chế tác theo một kích thước, thể dáng và góc cạnh phù hợp. So với phần thân và đỉnh hải đăng, phần chân đế ở đây được xây dựng công phu, vững chắc bằng những tảng đá có thể khối rất to và nặng gấp mấy lần so với những viên đá bên trên và càng lên cao kích cỡ các viên đá giảm dần theo một tỉ lệ thích hợp. Không biết là bằng cách nào để những người thợ đưa được một số lượng đá rất lớn lên cao để xây dựng hải đăng.

Hàng ngàn viên đá lớn, nhỏ đều được tạo sẵn góc cạnh ở mặt ngoài phù hợp với vị trí từng nơi và số đo các góc cạnh của hải đăng, vừa đảm bảo nét mỹ quan, lại vừa có công năng chịu lực. Kỹ thuật gờ cạnh, tạo kích thước và lắp đặt các viên đá ở 8 góc cạnh đều trùng khớp và đạt đến độ chính xác cao, chính vì vậy mà khi nhìn từ dưới lên hay trên xuống, các góc cạnh của hải đăng sắc nét và tạo thành một đường gấp thẳng tắp không một chút xô dịch.

Hải đăng có chiều cao 42,8m tính từ mặt đất đến đỉnh đèn, trong đó phần thân tháp xây bằng đá hoa cương cao 34,6m; nếu

so với mặt nước biển thì đỉnh đèn hải đăng ở cao độ 65m. Mặt ngoài được xây theo dạng hình bát giác đều kích thước cạnh thu nhỏ dần theo tỉ lệ chiều cao từ đáy lên đỉnh, mặt trong tô vữa xây theo dạng hình tròn đường kính 3m từ đế lên đỉnh không thay đổi.

Hải đăng đứng trên một mỏm đồi cao của đảo Kê Gà, từ dưới đây nhà làm việc sinh hoạt của những người điều khiển và bảo vệ đèn biển phải leo lên 54 bậc thang xây bằng đá mới đến hải đăng. Hai bên đường lên hải đăng là hai hàng cây sứ được trồng cùng thời khi xây dựng ngọn hải đăng. Đến nay rừng sứ cổ thụ này vẫn tốt tươi, xanh ngắt dưới trời nắng và hơi mặn từ biển. Dưới chân đế hải đăng có một cửa ra vào trở về hướng Tây. Bên trên mí cửa chạm khắc năm khánh thành hải đăng 1899. Con số khắc sâu vào một tảng đá có kích thước lớn hơn các tảng đá xung quanh. Trong lòng ngọn tháp từ dưới nhìn lên là một hệ thống cầu thang bằng thép được lắp đặt theo vòng xoắn ốc. Cầu thang được đưa từ Pháp qua, có 184 bậc từ đáy lên đỉnh đèn.

Trên đỉnh có 2 bóng đèn có kích thước rất lớn, mỗi bóng có công suất thiết kế 1000W. 1 trong 2 bóng đèn đặt trong lồng kính, phát sáng liên tục vào ban đêm còn bóng kia tắt, khi bóng phát sáng gặp sự cố trục trặc thì bóng nọ sẽ tự động phát sáng thay thế. Cả 2 bóng đèn được đặt trên một trục tự động xoay 360° phát tín hiệu hướng dẫn cho tàu thuyền qua lại an toàn hơn 120 năm nay.

Đồng thời một số bến cảng, đèn báo biển đã được người Pháp chú trọng xây dựng ở những vị thế trọng yếu nhất dọc theo bờ biển nước ta để đảm bảo an toàn hàng hải cho các tàu buôn của Pháp và các nước phương Tây đi lại vận chuyển tài nguyên từ Việt Nam về nước và hàng hóa từ chính quốc sang buôn bán ở nước ta. Bên cạnh đó còn phục vụ và đảm bảo an toàn cho tàu thuyền các nước qua lại và các tàu thuyền khác đánh bắt hải sản của ngư dân địa phương./.



Cảnh quan của Hải đăng Kê Gà
Overview of Ke Ga lighthouse

KE GA LIGHTHOUSE

Ke Ga Lighthouse has many different names, but all are associated with the island's name so far. According to *Dai Nam Nhat Thong Chi*, volume 12 talks about the geography of Binh Thuan province, this island is called “Ke Dat”. “Statistics” means “Chicken Island” because previously on the island there were many wild chicken, today the sand dunes on the shore are still wild chicken living. Originating from that profound meaning, the locals call Ke Ga island. On the other hand, between Ke Ga island and the northeastern mainland, 500m apart, there is a strong water flow at high tide, there are many natural rocks here due to the impact of sea water and wind and rain. rocks, caves have many different shapes, so from there the island is also known as “Khe Ga” island. At present, Ke Ga lighthouse belongs to Van Ke village, Tan Thanh commune, Ham Thuan Nam district, Binh Thuan province.

Binh Thuan has many dangerous reefs, especially the sea area around Ke Ga Island is also the sea route from Phan Rang to Vung Tau. Before the lighthouse, many ships were sunk in this area due to the lack of coordinates and location. This sea area has been marked on the map as where many wrecks are wrecked. Through exploration, research, and to help ships to determine coordinates, safe directions, avoid accidents, French

marine engineers chose Ke Ga island to build the sea. to post. Because the island is made entirely of rocks of an average height than surrounding areas protruding out to the sea, it is also called the “Cape”. Sea level in Ke Ga area has long been considered the standard to determine the difference of sea level in the waters from Nha Trang to Ba Ria - Vung Tau.

Ke Ga Lighthouse officially started construction from February 1897 to the end of 1899, after 3 years of urgently building a new octagon stone tower was completed. In 1900, Ke Ga Lighthouse was officially put into operation and is considered one of the lighthouses with the unique architectural scale, the most superficial and on the rocky island with poetic landscape, functions and roles. important in the existing lighthouse system in Vietnam at that time. So far after more than 120 years of construction, the lighthouse has become a unique and ancient architectural monument on the rocky island with poetic scenery.

The person who surveyed, designed and directly instructed and supervised the construction of Ke Ga Lighthouse is a main engineer of the French Road and Bridge Department named Chanavat. In order to completely build a full-sized lighthouse in the middle of a pristine island such as Ke Ga, surely the French needed a large manual labor force. They are the poor peasants and indigenous workers, prisoners from all parts of Vietnam who are mobilized and pressured to bring their labor day and night to carry and build. building a lighthouse to serve the intention and interests of the colonists in the short and long term. During the 3 years of building Ke Ga lighthouse, under the whip and brutal oppression of the French colonialists, many local laborers fell down because of pain, hunger and heartbreaking accidents. At any time. It is a fact that today when it comes to Ke Ga lighthouse, many elderly people and locals still remember the traumatic tragedies passed down by generations of ancestors. More than a century has passed, but today vestiges of the

cemetery of the ill-fated Ke Ga lighthouse workers are still there, behind the casuarina beach on the mainland, about 600m from Ke Ga island. The main building material for the lighthouse is an ivory-white or pale yellow marble. Through knowledge, this stone is not found in Binh Thuan area. Therefore, to build Ke Ga lighthouse as designed, the French mobilized a large number of ships to transport granite rocks from other places. Big, solid stones, by labor and manual methods such as sawing, chiselling, carving, grinding ... Vietnamese construction workers have been working day and night for years and years to manufacture them. forming stones of different sizes, shapes and different angles according to the design in each position placed on the lighthouse body. Depending on the position at the corner, at the base or on the top that each stone is manipulated in a suitable size, shape and angle. Compared to the body and the top of the lighthouse, the base here is elaborately built, solid with rocks that can be very big and several times heavier than the stones above and the higher the size of the The stone descends in a proportional manner. It is not known how the workers brought a huge amount of stone up to build the lighthouse

Thousands of stones types are made available on the outside to suit each location and measure the angles of the lighthouse, ensuring both beauty and strength. Edge engineering, dimensioning and installation of stones at 8 angles coincide and achieve high accuracy, so that when viewed from the bottom up or top down, the edges of the lighthouse are sharp and form a straight line that does not move at all.

The lighthouse has a height of 42.8m from the ground to the top of the light, of which the body of the tower built of granite is 34.6m high; If compared with the sea level, the top of the lighthouse is at an altitude of 65m. The outer surface is built in an octagonal shape with the size of the edge gradually reduced in proportion to the height from the bottom to the top.

The lighthouse stands on a high hill of Ke Ga Island, from the bottom of the working houses of the people who control and protect the lighthouse, they have to climb 54 new stone steps to the lighthouse. On the two sides of the road to the lighthouse are two rows of porcelain trees planted at the same time when the lighthouse was built. So far this ancient porcelain range is still fresh, green under the sun and slightly salty from the sea. At the base of the lighthouse is a door facing out to the West. Above the eyelid is carved the inauguration of the lighthouse in 1899. The number carved into a rock is larger than the surrounding rocks. Inside the tower from the bottom looking up is a system of steel stairs installed in a spiral. The staircase is taken from France, there are 184 steps from the bottom to the top of the lamp.

On the top there are 2 very large bulbs, each bulb has a design power of 1000W. 1 of the 2 light bulbs in the glass cage, glowing continuously at night while the other light is off, when the light bulb has a problem, the bulb will automatically light instead. Both bulbs are mounted on a 360 ° rotating shaft that automatically signals instructions for vessels to travel safely for more than 120 years.

At the same time, some ports and lighthouses have been built by the French in the most important positions along the coast of our country to ensure maritime safety for French merchant ships and Western countries. to transport resources from Vietnam to the country and goods from the country to trade in our country. Besides, it also serves and ensures the safety of ships and boats from other countries and other fishing boats of local fishermen./.

LỄ HỘI CÂU NGƯ Ở VẠN THỦY TÚ

Thế kỷ XVII - XVIII, nhiều luồng di dân lớn từ các tỉnh Bắc - Trung bộ do chúa Nguyễn khởi xướng vào khai khẩn, tiếp quản vùng đất mới phía Nam. Bình Thuận là mảnh đất cực Nam Trung bộ được khai khẩn, tạo lập và hình thành trong thời điểm đó. Do có ngư trường rộng lớn và nguồn hải sản dồi dào, nên những vùng đất ven biển như: Phan Thiết, Tuy Phong, La Gi... luôn thu hút cư dân quần tụ làm ăn, sinh sống. Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* viết: “Còn như thuyền chài cá, thuyền buôn bán qua lại tấp nập, cư dân trù mật, phố xá liền nhau, thì Phan Thiết là một nơi đô hội nhỏ mà Phan Rí là thứ hai”.

Đức Thắng là một làng biển được hình thành sớm ở Phan Thiết, đi đôi với nó là sự hình thành các lăng vạn thờ thần Nam Hải (cá Voi), một loại hình tín ngưỡng dân gian phổ biến ở vùng biển Nam Trung bộ. Theo các di sản Hán Nôm còn lưu giữ ở vạn Thủy Tú, ngôi vạn được tạo dựng vào năm Nhâm Ngọ (1762); tính đến nay đã được hơn 250 năm tuổi. Điểm đặc biệt hiện nay vạn đang lưu giữ và trưng bày bộ xương cá Voi lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á đã được phục hồi nguyên trạng cho đến ngày nay; thu hút đông đảo người dân và du khách đến tham quan, nghiên cứu.

Vạn Thủy Tú tọa lạc ở số 54 đường Ngư Ông, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết; xung quanh tiếp giáp với các

tuyến đường nội thị và phố phường đông đúc nên các phương tiện giao thông đường bộ đều có thể đến di tích rất thuận lợi và dễ dàng.

Lễ tế cá Ông (hay còn gọi là thần Nam Hải) ở vịnh Thủy Tú diễn ra theo thông lệ hàng năm dưới hình thức lễ hội Cầu ngư. Lễ hội Cầu ngư ở đây được tỉnh Bình Thuận xác định là một trong 6 lễ hội truyền thống tiêu biểu, đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh, tín ngưỡng của ngư dân ven biển Bình Thuận. Mỗi năm ở vịnh diễn ra 3 kỳ lễ hội, gồm: Lễ hội Cầu ngư đầu mùa ngày 20/4, Đại lễ cầu ngư chính mùa cứ định kỳ 3 năm đáo lệ một lần vào ngày 19 - 22/6 và lễ hội Cầu ngư mãn mùa vào ngày 23/8 Âm lịch.

Mỗi kỳ lễ hội Cầu ngư ở vịnh Thủy Tú diễn ra trong hai ngày liên tiếp và cách thức tổ chức lễ tương đồng nhau (những năm Đại lễ có quy mô, trang trọng và dài ngày hơn). Các cụ cao niên có uy tín, đạo đức và không phạm tang chế sẽ đại diện cho dân làng dâng lễ tế thần Nam Hải để tỏ lòng biết ơn đối với công đức của Ngài và cầu xin ban cho một năm trời yên biển lặng, tôm cá đầy ghe.

Ngày đầu là lễ Tiên thường, mọi người dân trong làng sẽ đến trang hoàng ngôi vịnh cho sạch đẹp, lau dọn khám thờ, bày biện mâm lễ và dâng hương cẩn cáo mời Thần Nam Hải về thọ hưởng lễ. Tiếp nối những ngày sau là lễ tế chính thức với nhiều nghi thức lễ đa dạng và độc đáo như: Nghi lễ Nghệ sắc, Nghinh Ông Sanh, Khai kinh thỉnh chư vị thủy thần và tiên hiền, Thỉnh thập điện và cầu siêu cho chư vị hương linh, Phóng sanh, Phóng đăng, Cầu quốc thái dân an, Khai xá thuyền rồng, Khai đàn chẩn tế âm linh, Khai diên hát Bội, Thả thuyền rồng trên biển, Chánh lễ tế thần và tế tiên hiền, Nghệ sắc hoàn mãn. Trong đó, nghi lễ Nghinh Ông Sanh ngoài biển về vịnh là điểm nhấn của lễ hội Cầu ngư; hội vịnh tổ chức đoàn thuyền lễ ra khơi nghinh đón thần Nam Hải, các tàu thuyền đều được trang trí cờ hoa rực rỡ và nhiều thành phần tham gia gồm các Nhà sư

Phật giáo, Ban Nghi lễ, Lễ sanh, Chấp sự và đông đảo ngư dân trong cộng đồng.

Ngoài phần lễ với sự thành kính và trang nghiêm, phần hội cũng thể hiện sự đặc sắc không kém. Diễn xướng Bả trạo và trình diễn hát Bội là hai hình thức múa hát đặc trưng và không thể thiếu trong lễ hội Cầu ngư. Ngoài tính chất là múa hát tế lễ, thể hiện được tinh thần đoàn kết của ngư dân khi ra khơi bám biển và còn là hoạt động nghệ thuật thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân.

Lễ hội Cầu ngư chứa đựng hệ thống các giá trị văn hóa phi vật thể được ra đời, tồn tại song song với các giá trị văn hóa vật thể của tín ngưỡng thờ cá Ông nơi đây trong quá trình hình thành, phát triển. Cùng với các thiết chế tín ngưỡng và tôn giáo khác, lễ hội Cầu ngư đã tạo nên những giá trị lịch sử, văn hóa tinh thần mang đặc trưng riêng ở vùng biển Phan Thiết; không chỉ mang đầy đủ đặc trưng, diện mạo, yếu tố văn hóa biển trong dòng chảy văn hóa khu vực miền Trung mà ở đó còn có sự sáng tạo, bồi đắp thêm cho phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên, xã hội nơi đây và có nội dung không lẫn vào đâu được. Đến với lễ hội Cầu ngư ở Vạn Thủy Tú, những sinh hoạt và lao động trên biển của ngư dân như được tái hiện một cách rõ nét và sống động thông qua các nghi thức tế lễ.

Lễ hội Cầu ngư thể hiện khát vọng chính đáng của ngư dân cầu mong cho hoạt động kinh tế biển bình an và được mùa, trong đó cá Ông đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần, là chỗ dựa để họ đặt niềm tin và an tâm khi lao động trên biển. Giúp cho họ tự tin trước những cơ cực, vất vả, hiểm nguy, đối mặt với phong ba bão tố để tăng cường nghị lực, tinh thần trong những chuyến ra khơi tiếp theo; luôn đặt hết niềm tin, hy vọng thần Nam Hải và các vị hải thần sẽ luôn bên mình trợ giúp vượt qua những bất trắc, đánh bắt cá được mùa, cuộc sống gia đình và cộng đồng phát triển.

Lễ hội Cầu ngư là không gian để những người cùng chung ngành nghề, môi trường sinh kế có dịp gặp gỡ, trao đổi thông tin, kinh nghiệm nghề nghiệp, củng cố tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi đang lao động trên biển và chia sẻ vui buồn trong cuộc sống; là chất kết dính tạo nên giá trị cố kết cộng đồng, nếp sống cao đẹp và tình làng nghĩa xóm bền chặt hơn. Qua đó, tinh thần đoàn kết xóm giềng, bầu bạn dễ dàng thực hiện trong cộng đồng, họ xích lại gần nhau, thông cảm nhau hơn, từ đó có thể bỏ qua những mâu thuẫn nhỏ trong quá khứ và dù trong cuộc sống, môi trường sinh kế mang tính cạnh tranh có lúc quay lưng lại với nhau ở đâu đó.

Ngày nay, cùng với xu hướng tìm hiểu về văn hóa và hướng về cội nguồn dân tộc thông qua hình thức du lịch văn hóa tâm linh luôn được du khách ngày càng quan tâm, tìm đến. Năm 2018, vịnh Thủy Tú đã đón tiếp khoảng 28.500 lượt khách đến tham quan và chiêm bái. Từ đó, tạo nên chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội của làng chài, ngư dân bắt đầu biết tận dụng lợi thế từ sản phẩm lễ hội để phát triển du lịch văn hóa, ổn định tình hình xã hội, đem lại cuộc sống sung túc hơn và góp phần thúc đẩy du lịch văn hóa tại địa phương phát triển. Hiện nay, lễ hội Cầu ngư ở vịnh Thủy Tú đang được tiến hành lập hồ sơ khoa học đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia./.



Đoàn thuyền lễ tham gia nghi lễ Nghinh Ông Sanh
trong lễ hội Cầu ngư ở vịnh Thủy Tú
The delegation of the boat participated in the Nghinh Ong Sanh ritual
in the Fishing Praying Festival at Thuy Tu lagoons



Đoàn lễ trong nghi lễ Nghinh Ông Sanh
của lễ hội Cầu ngư ở vịnh Thủy Tú
Ceremony in Nghinh Ong Sanh ritual
of the Fishing Praying Festival at Thuy Tu Lagoons

FISHING PRAYING FESTIVAL IN THUY TU LAGOONS

In the XVII - XVIII centuries, large flows of immigrants from the North - Central provinces initiated by Lord Nguyen began to take over and take over the new southern land. Binh Thuan was the southernmost land of Central Vietnam which was excavated, created and formed in that time. Due to the large fishing ground and abundant sources of seafood, coastal areas such as Phan Thiet, Tuy Phong, La Gi ... always attract residents to do business and live. *Dai Nam Nhat Thong Chi* Book writes: “As for fishing boats, busy trading boats, busy residents, adjacent streets, Phan Thiet is a small place of town where Phan Ri is second”.

Duc Thang is a marine village formed early in Phan Thiet, along with it is the formation of lagoons tombs to worship Nam Hai (Whale), a popular folk belief in the South Central Coast. According to the Han Nom heritage still preserved in Thuy Tu Lagoons, the shrine was created in Nham Ngo year (1762); has been more than 250 years old to date. A special feature of the current whales currently storing and displaying the largest whale skeletons in Vietnam and Southeast Asia has been restored to its original state to this day; attract a lot of people and tourists to visit and research.

Thuy Tu lagoons is located at 54 Ngu Ong Street, Duc Thang Ward, Phan Thiet City; Surrounding the surrounding roads and crowded streets around the city, the vehicles can reach the relics very conveniently and easily.

The sacrifice ceremony of Ong fish (also known as Nam Hai god) in Thuy Tu lagoons takes place according to the annual practice in the form of the Fishing Praying Festival . Fishing Praying Festival here is determined by Binh Thuan province as one of 6 typical traditional festivals, playing an important role in the spiritual and religious life of coastal fishermen in Binh Thuan. Every year, thousands of festivals take place in 3 festivals, including: April 20, April 4, the main ceremony for the main fisherman ceremony every 3 years, on June 19-22 and the Bridge festival. fishing seasonality on August 23 of the Lunar Calendar

Each fishing festival in Thuy Tu lagoons takes place in two consecutive days and the way of organizing the ceremony is similar (the years of the Great Festival are larger, more formal and longer). The prestigious, ethical and non-bereaved elderly people will represent the villagers to sacrifice Nam Hai sacrifices to express gratitude for his merit and pray for a year of quiet sea, shrimp and fish are full of boats.

On the first day of the traditional ceremony, everyone in the village will come to decorate the throne to clean and clean, examine and worship, present the tray and offer incense to carefully invite the Nam Hai to enjoy the ceremony. Following the following days, there was an official ceremony with many diverse and unique rituals such as: Ritual Art Ceremony, Nghinh Ong Sanh, Khai Kinh praying to the gods and mages, Occasionally collecting power and praying for them. spirit flavor, Reported birth, Reported release, National welfare and security people, Opening of the dragon boat, Khai te sound spiritual diagnosis, Khai singing singing Boi, Drop dragon boat at sea, Chief of the Sacrifice and sage money, Art sharp perfect. In particular, the

ritual of Nghinh Ong Sanh at sea about lagoons is the highlight of the Fishing Praying Festival ; the lagoons festivals organized a boat trip to the sea to welcome Nam Hai gods, the boats were decorated with colorful flags and many participants including Buddhist monks, the Ritual Committee, the Ceremony, the Deacon and the East fisherman island in the community.

In addition to the ceremony with respect and solemnity, the assembly also shows an equally special. Ba Trao performing and Boi singing are two typical and indispensable forms of dance and singing in the Cau Giay festival. In addition to the nature of dancing and singing sacrifices, showing the solidarity of fishermen when going out to sea and being an artistic activity to meet the needs of cultural and spiritual activities of the people.

Fishing Praying Festival containing the system of intangible cultural values was born, existing in parallel with the tangible cultural values of the worship of Ong fish here in the process of formation and development. Along with other religious and religious institutions, the Fishing Praying Festival has created historical and cultural values unique to Phan Thiet seas; Not only does it bring all the features, appearance and elements of marine culture in the cultural flow of the Central region, but also there is creativity and enrichment to suit the natural and social environment conditions. here and there is unmistakable content. Coming to the Fishing Praying Festival at Thuy Tu lagoons, the activities and labor at sea of fishermen seem to be clearly and vividly reproduced through rituals.

Fishing Festival expresses the legitimate aspiration of fishermen to pray for peaceful and prosperous marine economic activities, in which the Ong fish plays an important role in the spiritual life, is a support for them to trust. and peace of mind when working at sea. Helping them to be confident before the hard, hard, and dangerous situations, facing the storm to strengthen their spirit and spirit in the next voyages; Always put all faith, hope Nam Hai and the gods will always be there to help

overcome the uncertainties, catch seasonal fish, family life and community development.

Fishing Praying Festival is a space for people who share the same profession, the living environment to have the opportunity to meet, exchange information, career experience, strengthen the spirit of solidarity to help each other while working at sea. and share the joys and sorrows of life; is a binder that creates community cohesion, a high lifestyle and a stronger sense of neighborliness. Thereby, the spirit of solidarity of neighbors and companions is easy to perform in the community, they get closer together and sympathize with each other so that they can ignore small conflicts in the past and even in life, Competitive livelihood environment sometimes turns away from each other somewhere.

Nowadays, along with the tendency to learn about the culture and toward the ethnic roots through the form of spiritual cultural tourism, tourists are increasingly interested. In 2018, Thuy Tu lagoons welcomed about 28,500 visitors to visit and admire. Since then, creating positive changes in the social life of the fishing village, fishermen began to take advantage of the festive products to develop cultural tourism, stabilize the social situation, bring about live more affluent and contribute to promoting local cultural tourism development. Currently, the Fisheries Festival in Thuy Tu lagoons is being conducted to compile scientific records into the National Intangible Cultural Heritage List.

LỄ HỘI CẦU NGƯ Ở VẠN AN THẠNH

Vạn An Thạnh là nơi thờ cá Ông (cá Voi hoặc thần Nam Hải), tọa lạc tại xã Tam Thanh, huyện Phú Quý. Nơi đây còn lưu giữ đầy đủ các giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật và lễ hội dân gian; vạn An Thạnh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích quốc gia năm 1996.

Cộng đồng cư dân đảo Phú Quý có nguồn gốc từ các tỉnh Bắc và Trung Trung bộ, trong quá trình thiên di đến những vùng đất mới ở phía Nam để khai canh tạo lập cuộc sống thì tín ngưỡng, tôn giáo và phong tục tập quán truyền thống ở cổ hương cũng được họ mang theo và trong đó có tín ngưỡng thờ cá Ông. Phú Quý là một hòn đảo nhỏ ở cách xa đất liền, nằm chơ vơ, đơn độc giữa đại dương mênh mông, cuộc sống mưu sinh của người dân luôn gắn bó mật thiết với biển đảo, đối mặt với biết bao phong ba bão tố đầy gian nan vất vả nên họ luôn cầu mong được thần Nam Hải che chở trong những chuyến đi biển; từ đó tín ngưỡng thờ cá Ông trở nên quan trọng, gắn bó mật thiết với đời sống tâm linh và niềm tin của người dân lao động biển.

Vạn An Thạnh có niên đại hình thành tương đối sớm so với các lăng vạn khác trên đảo, căn cứ gia phả để lại thì ngôi vạn được tạo dựng vào năm Tân Sửu (1781), nơi đây còn bảo lưu hơn 70 bộ cốt Ông. Cũng như bao lăng vạn khác ở Bình Thuận, tại vạn An Thạnh hàng năm diễn ra nhiều lễ hội gắn với tín ngưỡng

ngư nghiệp của ngư dân như: lễ hội té Xuân (Cầu ngư đầu mùa), lễ té “Ông Bà lớn” (Cầu ngư chính mùa) và lễ kỵ Cỏ (Cầu ngư mãn mùa).

Mục đích của lễ hội Cầu ngư đầu mùa và Cầu ngư chính mùa là nhằm dâng lễ vật và cầu mong thần Nam Hải phù hộ, chở che cho ngư dân bước vào vụ mùa chính của năm mới làm ăn thuận lợi và gặp nhiều may mắn, tôm cá đầy ghe; còn lễ hội Cầu ngư mãn mùa nhằm dâng tế lễ vật để tạ ơn, báo đáp công ơn của thần Nam Hải đã phù hộ, độ trì cho ngư dân một năm làm ăn được mùa và bình an. Lễ hội Cầu ngư bao hàm một hệ thống các nghi lễ mang nội dung thể hiện khát vọng chính đáng của ngư dân cầu mong một mùa biển bình an và được mùa; nói lên lòng quý trọng biển và sự biết ơn những gì biển đưa lại cho con người, trong đó thần Nam Hải là chỗ dựa tinh thần để ngư dân đặt niềm tin, ước mong mang lại yên bình, ấm no cho bản thân và cộng đồng.

Lễ hội Cầu ngư tại vịnh An Thạnh từ trước đến nay được xem là không gian sinh hoạt văn hóa tinh thần chung của tất cả người dân trên đảo, luôn thu hút đông đảo các thành phần, độ tuổi về tham gia bái tế và hòa vào không khí lễ hội truyền thống gắn với nghề nghiệp đánh bắt thủy hải sản. Giá trị văn hóa tâm linh của lễ hội ở đây thể hiện ở chỗ, cho dù 9 ngôi làng vịnh ở các làng khác trên đảo cũng được xây dựng gắn với quá trình khai mở đất lập làng, cũng được bao thế hệ ngư dân trong các làng gìn giữ, phát huy giá trị phục vụ nhu cầu văn hóa tâm linh của cộng đồng và hàng năm vẫn tổ chức các lễ Cầu ngư đầu mùa, giữa mùa, cuối mùa. Tuy nhiên, đối với người dân 9 làng trên đảo Phú Quý từ trước đến nay thì lễ hội Cầu ngư và cả tín ngưỡng thờ cá Ông tại vịnh An Thạnh mang giá trị văn hóa tâm linh rất quan trọng, luôn được xem là không gian sinh hoạt văn hóa tâm linh không thể thiếu, nơi gởi gắm niềm tin, kỳ vọng, ước mơ vươn đến cuộc sống sung túc và bình an trong những chuyến đi biển.

Lễ hội Cầu ngư tại vịnh An Thạnh diễn ra với nhiều nghi thức long trọng như: nghi lễ Nghệ sắc phong, Nghinh thần, Cáo

yết, Thịnh rước Ông Sanh từ biển khơi về vạn chứng giám và hưởng lễ, tế Tiên - Hậu hiền, Chánh lễ tế thần Nam Hải và Hoàn mãn. Trong lễ Nghinh rước Ông Sanh và Chánh lễ tế thần Nam Hải có diễn xướng chèo Bả trạo từ biển khơi về vạn và diễn xướng tại sân khấu nhà Võ ca trước Chính điện.

Bên cạnh những nghi lễ cổ truyền là những sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí có sức thu hút đông đảo bà con ngư dân xứ đảo. Là dịp để mọi người dân trên đảo gặp gỡ, trao đổi những kinh nghiệm trong nghề đánh bắt hải sản, cùng ôn lại quá trình khai khẩn đất đai, lập làng và dựng vạn của cha ông ngày trước; thắt chặt mối đoàn kết, tình tương thân tương ái trong quá trình chung lưng đấu cật để xây dựng và bảo vệ vùng biển đảo quê hương, hướng mọi người quay về với cội nguồn, tổ tiên và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Tuy nhiên, trải theo thời gian nhiều nghi lễ trong lễ hội Cầu ngư tại vạn An Thạnh đã bị biến thể và mai một dần. Cụ thể như trước đây nghi lễ nghinh Ông Sanh ngoài biển khơi được tổ chức đoàn lễ gồm: kiệu lễ, cờ lọng, trống, chiêng, học trò lễ, Chánh bái, Bồi bái, đội chèo Bả trạo, đội múa Tứ linh... trong trang phục lễ hội chỉnh tề, tổ chức thành đoàn thuyền vài chục chiếc ra khơi cách đảo khoảng 2 - 3 hải lý rồi dừng lại thực hiện các nghi thức nghinh thỉnh theo tập tục và quay trở về bờ nghinh rước Ông Sanh về vạn an vị. Nhưng do những tác động từ đặc điểm xã hội, đặc thù kinh tế ngư nghiệp của ngư dân phải đi đánh bắt khơi xa, bám biển dài ngày... nên trong thời gian dài sau năm 1975 nghi lễ Nghinh Ông Sanh ngoài biển khơi không còn thực hiện; thay vào đó chỉ tổ chức đoàn lễ đơn giản gồm kiệu lễ, chiêng trống, cờ lọng, Chánh bái, Bồi bái để ra bờ biển thực hiện nghi thức thỉnh rước và quay trở về vạn.

Với vai trò và ý nghĩa của lễ hội Cầu ngư tại vạn An Thạnh trong đời sống sinh hoạt văn hóa tâm linh, cũng như phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa truyền thống của du khách khi đến tham quan đảo Phú Quý, thúc đẩy hoạt động du lịch huyện đảo phát

triển. Đồng thời để quảng bá hình ảnh, đặc trưng văn hóa dân gian của vùng đất này đến với du khách, thể theo yêu cầu của UBND huyện Phú Quý và toàn thể người dân trên đảo về việc cần thiết phải nghiên cứu để khôi phục lại những nghi thức lễ đã bị biến thể và mai một, để lễ hội Cầu ngư của người dân Phú Quý tại vịnh An Thạnh thực sự trở thành một lễ hội văn hóa dân gian mang dấu ấn đặc trưng và tiêu biểu gắn với tín ngưỡng ngư nghiệp theo đúng tập tục do ông cha để lại. Trong năm 2013, Bảo tàng Bình Thuận đã tiến hành khảo sát, thu thập tư liệu, nghiên cứu và phục dựng các nghi thức, nghi lễ trong lễ hội Cầu ngư tại vịnh An Thạnh đã bị mai một và biến thể và tổ chức thành công thu hút sự tham gia, sự đồng tình của ủng hộ của người dân trên đảo Phú Quý. Các nghi thức, nghi lễ trong lễ hội Cầu ngư tại vịnh được thực hiện theo đúng quy trình như nó vốn đã từng diễn ra và được các thế hệ cha ông đi trước thực hiện. Trong đó đã phục dựng lại nghi lễ Nghinh rước Ông Sanh ngoài biển khơi với đoàn thuyền lên đến vài chục chiếc, sự tham gia của đội chèo Bả trạo, đội múa Tứ linh và đông đảo ngư dân trên đảo cùng ra khơi trong không khí vừa trang nghiêm vừa rộn ràng của không gian lễ hội mang giá trị tín ngưỡng tâm linh của ngư dân toàn đảo Phú Quý. Lễ hội Cầu ngư tại vịnh An Thạnh sau khi được nghiên cứu và phục dựng đã thu hút hàng ngàn ngư dân khắp các làng trên đảo cùng tề tựu về tham gia lễ hội./.



Đoàn thuyền lễ tham gia nghi lễ Nghinh Ông Sanh
trong lễ hội Cầu ngư ở vịnh An Thạnh
The delegation of the boat participated in the Nghinh Ong Sanh ritual
in the Fishing Praying festival at An Thanh Lagoon



Đoàn lễ tham gia Nghinh rước Ông Sanh từ biển khơi về vịnh
trong lễ hội Cầu ngư ở vịnh An Thạnh
The delegation joined Nghinh to pick up Mr. Sanh from the sea to the lagoon in
the Fishing Praying festival at An Thanh lagoons

FISHING PRAYING FESTIVAL IN AN THANH LAGOONS

An Thanh lagoons is a place of worship of Ong (Whale or Nam Hai god), located in Tam Thanh commune, Phu Quy district. It also preserves the full values of history, culture, art architecture and folk festivals; An Thanh lagoons was classified as a national monument by the Ministry of Culture, Sports and Tourism in 1996.

The community of Phu Quy island residents originated from the provinces of North and Central Central, in the process of moving to new lands in the South to cultivate and create life, beliefs, religions and customs. traditions in the homeland are also brought by them and including the worship of Ong fish. Phu Quy is a small island far away from the mainland, lying lonely, lonely in the immense ocean, the livelihoods of the people are always closely associated with the island, facing many storms. full of hardships, so they always prayed for the protection of Nam Hai god on sea trips; Since then, the belief of worshipping Ong fish has become important, closely linked to the spiritual life and beliefs of the sea-working people.

An Thanh lagoons dating back to relatively early age compared to the other tombs on the island, the genealogy base left the lagoons seats were built in Tan Suu (1781), where more than

70 sets of Ong remains are preserved. Like many other tombs in Binh Thuan, every year in An Thanh, there are many festivals associated with fishermen's beliefs such as the sacrifice to the Spring Festival (Cau Ong at the beginning of the season) and the "Great grandparents" sacrifice ceremony. (Fisherman's main season) and Cavalry Festival (Fisherman's fishing season).

The purpose of the fishing season and the ceremony is to offer gifts and pray for the blessing of Nam Hai, to protect fishermen from entering the main crop of the new year to make a good business and to have good luck. , shrimp and fish full of boats; and the "Cau Giay" fishing festival in order to offer sacrifices to pay back, repaying the thanks of the god Nam Hai for blessing, helping the fishermen a year to earn a harvest and peace. The Fisherman's Festival involves a system of rituals expressing the legitimate aspirations of the fishermen to pray for a peaceful and prosperous sea season; expresses the appreciation of the sea and appreciation for what the sea gives to people, in which the Nam Hai spirit is a spiritual support for fishermen to place their beliefs and wishes to bring peace and prosperity to themselves and the community copper.

The Cau Giay Festival at An Thanh lagoons has been considered a common cultural and spiritual living space for all people on the island, always attracting a large number of members and age groups to participate in the cult and harmony. into the traditional festival atmosphere associated with the profession of fishing. The spiritual cultural value of the festival here is shown that, even though the nine thousand tombs in other villages on the island are also built in association with the process of opening the land to establish a village, many generations of fishermen in The villages preserve and promote the value to meet the spiritual and cultural needs of the community and annually organize the Fisherman Bridge at the beginning of the season, the middle of the season and the end of the season. However, for the people of

9 villages on Phu Quy island so far, the Fishing Praying festival and the belief of worshipping Ong fish in An Thanh lagoons has very important spiritual cultural values, always considered as space. indispensable spiritual cultural activities, a place of faith, expectation, dreams of a prosperous and peaceful life on sea trips.

The Fishing Praying festival at An Thanh Lagoon took place with many solemn rituals such as rituals of Sac phong, Nghinh spirit, Fox report, Sometimes welcoming Ong Sanh from the sea to thousands of witnesses and enjoying the ceremony, sacrifice to Tien - Hau Hien. , Chief of Nam Hai Sacrifice and Perfection. During the Nghinh procession of Mr. Sanh and the chief of the Nam Hai sacrifice ceremony, there was a cheo Ba trach from the sea to lagoons and a performance at the stage of Vo anthem in front of the Palace.

Besides traditional rituals, cultural and entertainment activities attract a lot of fishermen from the island's fishermen. An opportunity for everyone on the island to meet and exchange experiences in the fishing industry, to review the process of land reclamation, setting up villages and building lagoons of his fathers in the past; tightening solidarity, solidarity in the process of fighting hard to build and protect the homeland islands, to guide people back to the roots, ancestors and fine traditions of the nation.

However, over time many rituals in the Fishing Praying festival at An Thanh Lagoon has been transformed and gradually lost. Specifically, the ritual of Ong Sanh nghinh at sea was held with a delegation of ceremonies: flag, flag, drum, gong, pupils, Chanh Bai, Boi Bai, Ba Trao rowing team, Tu Linh dance team, etc. dressed in a decent festival dress, organized a couple of dozen boats out to sea about 2-3 nautical miles from the island and then stopped performing rituals and rituals and returned to the shore to welcome Ong Sanh to lagoons contentment. But due to the impacts from the social and economic characteristics of the fishermen, they had to go fishing long distances, sticking to

the sea for a long time ... so for a long time after 1975 the ritual of Nghinh Ong Sanh at sea was no longer performed; Instead, only simple ceremonies were held, including palanquin, gong drum, parasols, Chanh Bai and Boi Bai to go to the coast to perform the procession of inviting and returning to the lagoons.

With the role and significance of the Cau Giay festival at An Thanh Lagoons in the cultural and spiritual life, as well as serving the needs of enjoying traditional culture of tourists visiting Phu Quy Island, promoting island district tourism activities develop. At the same time, to promote the image and folklore characteristics of this land to visitors, according to the request of the People's Committee of Phu Quy district and all people on the island about the need for research to restore it. rituals have been transformed and disappear, so that the Cau Quy festival for the people of Phu Quy at An Thanh Lagoons will truly become a folklore festival with typical and typical imprints associated with the beliefs of fishermen. according to the traditions that were left by his father. In 2013, Binh Thuan Museum conducted a survey, collected materials, researched and restored rituals and rituals at the Fishing Praying festival at An Thanh Lagoons, which was lost and transformed into The public attracts the participation and support of the people on Phu Quy island. The rituals and rituals of the Cau Giay festival in the city are performed according to the same process as it used to be and was performed by generations of ancestors. In which, the ritual of reclaiming Ong Sanh in the sea with the convoy of up to several dozen boats was restored, the participation of the Ba Trach rowing team, the Tu Linh dance team and the numerous fishermen on the island to sail in the air. both solemn and bustling festive space with spiritual values of fishermen throughout Phu Quy island. The Fishing Praying festival at An Thanh Lagoons after being studied and restored has attracted thousands of fishermen throughout the island villages to gather to join the festival./.

LỄ HỘI DINH THẦY THÍM

Dinh Thầy Thím tọa lạc tại khu rừng Bàu Cái, làng Tam Tân xã Tân Tiến, thị xã La Gi và nằm cách thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận khoảng 60km về hướng Nam.

Lễ hội dinh Thầy Thím được hình thành gắn liền với sự tích về Thầy Thím làm nghề dẫn gỗ, đóng thuyền, bốc thuốc chữa bệnh giúp dân nghèo ở làng Tam Tân; sau khi Thầy Thím qua đời, đệ tử nhớ đến công đức của họ nhân dân địa phương đã chung sức lập đền thờ phụng cúng. Ban đầu đền thờ được tạo dựng bằng tranh lá đơn sơ, về sau người dân địa phương đã tôn tạo lại Dinh khang trang và đàng hoàng hơn vào những năm cuối thế kỷ XIX (1879). Từ đây những lễ nghi dân gian mà dân làng dành cho Thầy Thím đã được diễn ra, ban đầu là những lễ nghi đơn giản, dần dần được bồi đắp thêm về nội dung và cả hình thức. Nhu cầu tâm linh được nuôi dưỡng và thực hành liên tục, theo thời gian cứ lớn dần mãi lên theo sự phát triển và nhận thức của xã hội. Và từ những lễ nghi đơn sơ ban đầu đến cao điểm của sự hoàn thiện về cả kiến trúc đền thờ và lễ hội suốt hàng chục năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cao điểm là thời gian hơn 20 năm trở lại đây. Hàng năm tại dinh diễn ra 2 kỳ tế lễ chính: Lễ tạ mộ Thầy Thím vào ngày mùng 5 tháng giêng; lễ hội giỗ Thầy Thím diễn ra từ ngày 14 - 16 tháng 9 Âm lịch.

Sau giải phóng đất nước năm 1975 cho đến năm 2001, lễ

hội tại dinh Thầy Thím vẫn diễn ra theo định kỳ. Tuy nhiên, thời kỳ này về kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nhận thức về lễ hội nói chung và ở dinh Thầy Thím gặp không ít trở ngại. Do đó, nội dung và hình thức của các nghi lễ dần bị mai một theo thời gian, một số lễ cũng còn chưa phù hợp, vẫn còn mang tính chất mê tín đơn thuần đối với người dân địa phương và khách thập phương đến đây lễ bái.

Trong giai đoạn này, đền thờ chính với diện tích nhỏ hẹp, sân bãi chật chội, đường đi vào khu mộ Thầy Thím khó khăn. Những đặc điểm này dù phù hợp với nhu cầu tín ngưỡng của người dân địa phương, nhưng lại là điều khó khăn của du khách khi đến đây. Tuy nhiên, chính đặc điểm khó khăn như vậy lại là điều lý thú đối với một bộ phận nhân dân địa phương và du khách; đó là việc đi bộ từ dinh vào mộ Thầy Thím khoảng 3km, tuy vất vả nhưng việc đi bộ qua những rừng cây tràm, cây mua, cây sim và bạt ngàn các loại cây rừng khác lại là một hình thức trải nghiệm lý thú. Đặc biệt là du khách từ miền Nam ra, họ rất thích cảnh núi rừng ở vùng đất linh thiêng cộng với cảnh sắc thiên nhiên đẹp cuốn hút, làm cho họ lý thú hơn và quên đi mệt mỏi của đường xa. Những du khách có điều kiện kinh tế hơn hoặc muốn thử nghiệm một phương tiện du lịch đường rừng thì họ thuê một chiếc xe bò đưa vào khu mộ Thầy Thím; vào thời điểm đó, phương tiện này gần như duy nhất để băng rừng vào, bởi con đường đất rất xấu và gập ghềnh.

Tiếng lành và sự linh thiêng từ người dân về tâm linh tín ngưỡng của dinh Thầy Thím ngày càng vang xa, lan tỏa qua báo chí và mạng xã hội. Nhờ đó, người dân trong tỉnh và các nơi khác đến đây ngày càng đông qua mỗi mùa lễ hội. Xuất phát từ sự quá tải của du khách khi đến đây ngày một tăng cao cũng như đòi hỏi phải có một lễ hội lớn với đầy đủ những phương tiện di chuyển phù hợp cả về vật chất và hình thức sinh hoạt cho phù hợp với nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Đồng thời phải tu bổ tôn tạo cho dinh Thầy Thím đủ chỗ cho du khách lễ

bái, thỏa mãn được nhu cầu tâm linh với Thầy Thím và có chỗ nghỉ ngơi sau chuyến đi dài từ các nơi đến. Đảm bảo những yêu cầu đó cần phải có nguồn kinh phí lớn, thời gian dài để từng bước nâng cấp về vật chất và phục dựng lễ hội.

Năm 2002, Bảo tàng Bình Thuận phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Hàm Tân (nay là thị xã La Gi) và Ban Quản lý di tích dinh Thầy Thím nghiên cứu, phục dựng lại lễ hội theo đúng với truyền thống và tập tục vốn có của địa phương. Lễ hội vừa mang tính hiện đại qua các phương tiện giao thông, âm thanh kết hợp với hình thức và phương tiện rước, trang phục... ở mức độ lớn hơn, quy mô rộng lớn hơn, đảm bảo đáp ứng được cùng một kỳ lễ hội có thể đón trên 200.000 người ở cả 2 khu vực là dinh Thầy Thím và khu mộ Thầy Thím.

Trong nghiên cứu và phục dựng lại, những nghi thức tế lễ trong lễ hội dinh Thầy Thím đều được giữ gìn nguyên vẹn như xưa. Thực tế lễ hội dinh Thầy Thím sau khi phục dựng đã được thực hành liên tục nhiều năm, đã được nhân dân và du khách hưởng ứng mạnh mẽ, nhiệt tình bằng việc tham dự đông đảo khi mỗi kỳ lễ hội đến. Đã có những chỉnh sửa nhỏ về hình thức rước cho phù hợp với một lễ hội vừa hiện đại vừa dân gian, diễn ra trên chặng đường khá dài, có đoạn qua khu dân cư như là một lễ hội đường phố. Trong đoàn rước, không biết ai là dân địa phương, ai là du khách vì không phân biệt là chủ hay khách, đều có thể tham gia vào đám rước, nên đoàn rước kiệu bao giờ cũng dài hàng cây số, được dẫn đầu bởi hàng đoàn xe rước, nhạc lễ vang rền. Ở đây lễ hội đã phô diễn nội dung qua hình thức độc đáo bằng trang phục dân gian cổ xưa với màu sắc rực rỡ, đã thu hút sự quan tâm của hàng chục ngàn người tham dự. Không khí lễ hội làm du khách cảm thấy lòng lâng lâng một niềm vui kín đáo pha lẫn với sự tôn kính và thán phục.

Trong lễ hội giỗ Thầy Thím diễn ra nhiều nghi lễ truyền thống nối tiếp nhau như: nghi lễ Nghinh thần, rước Sắc phong và Bông công nhận di tích, Dâng hương, Nhặt điện an vị, cúng

Ngọ chay, Thí thực phát lộc, Thỉnh sanh, giỗ Tiên hiền, cúng Gia binh. Bên cạnh đó là phần hội với nhiều trò chơi, trò diễn dân gian và hoạt động văn hóa - thể thao như: Thi đấu cờ người, thi làm bánh, đan lưới, khiêng thúng ra khơi, gánh cá, kéo co, giải việt dã, giải bóng chuyền bãi biển, biểu diễn lân - sư - rồng, triển lãm mô hình sự tích Thầy Thím, trình diễn trống hội, chương trình nghệ thuật dân tộc... có sức cuốn hút người xem.

Hàng năm, lễ hội dinh Thầy Thím chính thức diễn ra từ ngày 14 - 16 tháng 9 Âm lịch, nhưng nhân dân và du khách đến thăm viếng và lễ bái trong cả tháng 9 Âm lịch. Trong những ngày lễ hội chính, số lượng người đến tham dự đông tới mức khó có vùng đất thiêng nào trong vùng sánh nổi. Chúng ta bắt gặp ở đây du khách đến từ các vùng miền trong nước, các địa phương trong tỉnh đủ mọi thành phần trong xã hội. Họ đến đây với lòng tin xuất phát từ tâm linh và sự ngưỡng mộ Thầy Thím. Chiếm quá nửa lượng người đến là thanh niên nam nữ, họ vừa dự lễ hội vừa du lịch, thưởng ngoạn các danh lam thắng cảnh. Xung quanh Dinh là những thắng cảnh, những điểm du lịch lý tưởng: bãi biển Đồi Dương, ngã Tam Tân, Hòn Bà...

Ngoài lòng sùng bái, ngưỡng mộ Thầy Thím, khách hành hương về đây còn có mục đích xin được cầu tài phát lộc. Chính những tục lệ này là điểm độc đáo cuốn hút khách thập phương, phần lớn du khách đã đến từ năm trước năm sau họ vẫn đến.

Trong khoảng những năm gần đây, hàng năm dinh Thầy Thím đã đón hàng trăm nghìn lượt khách đến tham quan và lễ bái. Riêng trong những dịp tổ chức lễ hội, dinh đã thu hút hơn 200.000 lượt khách; từ đó góp phần thúc đẩy du lịch địa phương phát triển, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và ngân sách cho địa phương./.



Nghi lễ rước sắc phong và bằng công nhận di tích
trong lễ hội đình Thầy Thím
Ceremony to receive ordination and recognition of monuments
in the festival of Thim professor's palace

THIM PROFESSOR FESTIVAL

Thim professor Palace is located in Bau Cai forest, Tam Tan village, Tan Tien commune, La Gi town and is located about 60 km south of Phan Thiet city, Binh Thuan province.

The festival of Thim professor was formed in association with the legend of Thim professor working as a logger, boat builder, medicine collector to help poor people in Tam Tan village; after Thim professor died, in commemoration of their merit the local people joined hands to establish a temple of worship. Initially the temple was made of simple leaf paintings, later the local people renovated the palace to be more spacious and more decent in the late nineteenth century (1879). From here the folk rituals that the villagers have for Thim professor have been taking place, initially simple rituals, gradually gaining more in content and form. Spiritual needs are nurtured and practiced continuously, over time, growing with the development and awareness of society. And from the initial simple rituals to the peak of the completion of both temple architecture and festivals during the last decades of the late nineteenth century and the early twentieth century, the peak was over 20 years. Every year at the palace, there are 2 main ceremonies: The tomb of Thim professor's tomb on the 5th of January; Thim professor's death

anniversary takes place from September 14-16 of the Lunar Calendar.

After the national liberation in 1975 until 2001, the festival at Thim professor palace still happens periodically. However, during this period, the economy still faced many difficulties in awareness of the festival in general and at Thim professor's palace, there were many obstacles. Therefore, the content and form of the rituals gradually faded over time, some ceremonies are still inappropriate, and still of pure superstition for the local people and visitors coming here. worship.

During this period, the main temple with a small area, cramped yard and road, the road to Thim professor tombs was difficult. These characteristics, although suitable for the religious needs of local people, are difficult for visitors to come here. However, such difficult characteristics are interesting for a part of local people and tourists; It is about a 3-minute walk from the palace to Thim professor's grave, but walking through the forests of melaleuca, cajuput, myrrh and myriad other forest trees is another form of interesting experience. Especially tourists from the South, they like the mountains and forests in the sacred land plus the beautiful natural scenery, making them more interesting and forget the fatigue of the distance. Those who are more economically viable or want to try a jungle trail then hire a bullock cart to go to Thim professor's grave; At that time, this vehicle was almost the only way to cross the forest, because the dirt road was very bad and bumpy.

The good name and the sacredness from the people on the spiritual and spiritual beliefs of Thim professor's temple are increasingly widespread, spread through newspapers and social networks. As a result, people in the province and other places come here increasingly crowded through each festive season. Stemming from the overload of visitors when coming here is increasing as well as requiring a big festival with adequate

means of transportation both in material and living form to suit the needs. bridge to enjoy the culture of the people. At the same time, it must be renovated and embellished to Thim professor's palace to have enough space for visitors to worship, to satisfy the spiritual needs of Thim professor and to have a rest after a long trip from the destination. Ensuring that these requirements require a large amount of funding, long time to gradually upgrade the material and restore the festival.

In 2002, Binh Thuan Museum collaborated with Ham Tan District's Department of Culture and Information (now La Gi town) and the Management Board of Thim professor Palace to research and restore the festival in accordance with tradition and inherent customs of the locality. The festival has just been modernized through means of transport, sound combined with the form and means of procession, costumes ... to a larger extent, a larger scale, ensuring the same holiday. The festival can welcome over 200,000 people in both areas: Thim professor palace and Thim professor tomb.

In research and restoration, the rituals and rituals at the festival of Thim professor's temple are kept intact as before. In fact, the festival of Thim professor's palace has been practiced continuously for many years, and has been strongly and enthusiastically responded by the people and tourists by attending numerous festivals when each festival period comes. There have been minor adjustments to the procession form to suit a festival that is both modern and folk, taking place on a fairly long way, with a passage through the residential area as a street festival. In the procession, not knowing who is the local, who is a tourist because regardless of whether it is a host or a visitor, they can participate in the procession, so the procession is always long for many kilometers, led by The convoy of the procession and the music of the festival resound. Here the festival has displayed its content in a unique form with ancient folk costumes in bright

colors, which has attracted the attention of tens of thousands of attendees. The festive atmosphere makes visitors feel self-absorbed in a secret joy mixed with reverence and admiration.

During the death anniversary, Thim professor took place many traditional rituals such as: Nghinh spirit ceremony, procession of the Sac room and Certificate of relics recognition, Offering incense, Entering the peace, worshipping Ngo vegetarian food, Excessive fortune, Sometimes born, money gentle Hien, worshipping Gia Binh. Besides, there is a festival with many games, folk shows and cultural and sports activities such as: Playing chess, making baker, knitting net, carrying baskets out to sea, carrying fish, tug of war, and Vietnamese prizes. Wild, beach volleyball tournament, lion - dragon - dragon show, An aunt's legend model exhibition, drum performance festival, ethnic art program ... have attracted the viewers.

Every year, Thim professor's official festival takes place from September 14-16 of the lunar calendar, but people and visitors visit and pay homage to the whole lunar month. During the main festive days, the number of people attending was so crowded that it was difficult for any sacred land in the region to rival. We see here visitors from all regions in the country, localities in the province of all walks of life. They come here with a belief that comes from their spirituality and admiration for Master Aunty. Occupying more than half of the people who come to visit are young men and women, they both attend festivals and travel, enjoying the beautiful landscapes. Around the Palace are the beautiful landscapes, tourist attractions: Doi Duong beach, Tam Tan trench, Hon Ba

In addition to worshipping and admiring Thay Thuy, pilgrims coming here also have the purpose of asking for fortune. It is these customs that uniquely attract tourists, most visitors who come from the previous year they still come.

In recent years, Thim professor's Palace has welcomed hundreds of thousands of visitors every year to visit and worship. Particularly in the occasion of the festival, the palace has attracted more than 200,000 visitors; thereby contributing to promoting local tourism development, creating jobs, increasing incomes for workers and local budgets./.

LỄ HỘI GIỖ TỔ CÁC VUA HÙNG TẠI ĐỀN THỜ HÙNG VƯƠNG

Thời đại Hùng Vương đã mở đầu cho lịch sử, được xem là gốc rễ, cội nguồn của dân tộc; là thời đại bắt đầu sản sinh ra một nền văn hóa, văn minh rực rỡ xuyên suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, trở thành nền tảng tinh thần bền vững của dân tộc. Do đó, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương có từ ngàn đời nay, là phong tục, biểu tượng văn hóa thiêng liêng và hồn cốt của dân tộc Việt Nam. Trong suốt tiến trình lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong tư tưởng, tình cảm và đời sống văn hóa tinh thần, tâm linh của mỗi người dân. Người Việt Nam dù ở đâu, làm gì và sống trong môi trường, hoàn cảnh nào cũng luôn hướng về cội nguồn, luôn tâm niệm mình là anh em cùng sinh ra từ một bọc trăm trứng, luôn tự hào là con Hồng cháu Lạc.

Giỗ Tổ Hùng Vương là ngày lễ trọng đại, là biểu tượng văn hóa tâm linh, sợi dây vô hình tạo nên sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam. Với những giá trị to lớn đó, năm 2007 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định cho người lao động trong cả nước được nghỉ làm việc trong ngày Giỗ Tổ Hùng Vương mừng 10 tháng ba Âm lịch hàng năm.

Đền thờ Hùng Vương ở thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong ngày nay vốn trước kia là ngôi đình của làng Cam Hải được nhân dân địa phương xây dựng và hoàn tất vào năm 1859 để thờ Thành hoàng Bản cảnh và các bậc tiền, hậu hiền có công khai khẩn đất đai, quy tập nhân dân lập làng trên vùng đất Phan Rí Cửa. Trong những năm 1945 - 1954, để tránh tình trạng đình làng bị giặc chiếm đóng, biến thành đồn bốt để trấn giữ và đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng nên người dân địa phương đã đưa Phật vào thờ trong đình làng Cam Hải, đồng thời sử dụng nơi đây làm cơ sở hoạt động của Hội Phật học Phan Rí Cửa. Đến năm 1958, người dân đã đưa thêm các vị vua Hùng vào thờ phụng tại đình làng Cam Hải. Năm 1964, sau khi chùa Hải Hội được xây dựng hoàn chỉnh, Hội Phật học Phan Rí Cửa đã chuyển tất cả chức năng thờ Phật qua chùa và di tích chỉ còn lại chức năng chính là tôn thờ Quốc Tổ Hùng Vương; từ đó tên gọi đền thờ Hùng Vương đã ra đời trở thành tên gọi chính thức của di tích và tồn tại cho đến ngày nay.

Việc trông coi, bảo quản di tích, thờ phụng và tổ chức lễ hội Giỗ Tổ tại đền thờ Hùng Vương ở Phan Rí Cửa do Ban Quản lý di tích và nhân dân địa phương trực tiếp đảm nhận và thực hiện. Nội dung và hình thức các nghi lễ trong lễ hội diễn ra hết sức đơn giản theo tập tục riêng của người dân địa phương và chịu ảnh hưởng của lễ hội đình làng; cả về nội dung, lễ vật dâng tế, trình tự, thời gian, không gian và cách thức thực hiện các nghi lễ còn mang tính tự phát theo lối “Xưa bày nay làm”. Từ hình thức cho đến nội dung và cách thức tiến hành các lễ nghi chưa đủ sức thuyết phục, chưa phù hợp với tập tục và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương trên phạm vi toàn tỉnh.

Năm 2016, tỉnh Bình Thuận đã xây dựng Đề án Tổ chức lễ hội Giỗ Tổ tại đền thờ Hùng Vương ở Phan Rí Cửa từ lễ hội riêng của cán bộ và nhân dân nơi đây lên thành lễ hội chung của cán bộ và nhân dân trong tỉnh.

Nội dung, hình thức, thời gian, không gian, trình tự các

nghi lễ, lễ vật và cách thức thực hiện các nghi lễ trong lễ hội Giỗ Tổ đền thờ Hùng Vương thành lễ hội cấp tỉnh đã thể hiện nét trang nghiêm, thành kính, đảm bảo vừa phù hợp với tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương chung của cả nước, vừa thích nghi với phong tục tập quán của người dân Bình Thuận. Đồng thời, đa dạng hóa nội dung và hình thức phân hội với các nghi thức rước kiệu lễ vật từ các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn thị trấn Phan Rí Cửa về đền thờ Hùng Vương, tổ chức các trò chơi, trò diễn, hội thi hấp dẫn và có nhiều ý nghĩa, tạo điều kiện để người dân các địa phương trong tỉnh tham gia giao lưu, tạo không khí phấn khởi, vui tươi, lành mạnh. Đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần và niềm mong mỏi của người dân trong tỉnh; góp phần giáo dục truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, tình yêu quê hương đất nước cho các thế hệ; góp phần củng cố, tăng cường khối đoàn kết, gắn bó, hòa hợp giữa các cộng đồng dân cư.

Ngoài những nội dung các nghi lễ truyền thống theo phong tục địa phương được tiếp tục duy trì thực hiện trong lễ hội như nghi lễ Sơ tế cổ lễ và Đại tế cổ lễ. Nội dung điều chỉnh, bổ sung một số nghi lễ trong lễ hội giỗ Tổ các vua Hùng tại đền thờ Hùng Vương ở thị trấn Phan Rí Cửa thành lễ hội cấp tỉnh như sau:

- Sắp xếp, bố trí lại các đoàn rước từ các cơ sở tín ngưỡng, đài liệt sĩ về đền thờ Hùng Vương như: bố trí thời gian rước kiệu về đền thờ Hùng Vương vào buổi sáng trước khi lễ khai mạc lễ hội diễn ra; tăng số lượng người tham gia gồm Ban Quản lý các cơ sở tín ngưỡng, học sinh, người dân; khuyến khích mặc trang phục truyền thống; cầm cờ Tổ quốc, cờ hội, bát bửu, lờ bộ; trang trí kiệu lễ có hoa, bánh chưng và bánh dày.

- Về lễ vật: khôi phục lại tập tục gói bánh chưng, làm bánh dày tại đền trước ngày lễ hội giỗ Tổ diễn ra. Bánh chưng phải gói bằng lá dong (hoặc lá chuối), không dùng dây nhựa để buộc như lâu nay mà phải dùng dây lạt (tre) nhuộm màu hồng. Bánh dày không gói lá mà để trần, bên trên mỗi chiếc bánh dán chữ

“Phúc” màu đỏ. Về lễ vật dâng cúng các vua Hùng trong lễ hội giỗ Tổ: Bánh dày 18 chiếc, bánh chưng 18 chiếc (dâng lên 18 đời vua Hùng), hương, hoa, nước, trầu cau, rượu và ngũ quả.

- Thành phần tham gia lễ hội dâng lễ vật tưởng nhớ các vua Hùng: Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; đại diện lãnh đạo: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và một số Sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể tỉnh.

Lãnh đạo huyện Tuy Phong; lãnh đạo 2 huyện, thị xã, thành phố tham gia phối hợp tổ chức lễ hội giỗ Tổ. Lãnh đạo và các ban, ngành, đoàn thể của thị trấn Phan Rí Cửa. Đại diện một số dân tộc thiểu số tiêu biểu tại địa phương. Ban Quản lý đền thờ Hùng Vương, các di tích, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, thân hào nhân sĩ, các vị cao niên và nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa. Đại diện học sinh các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở tại thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong.

- Chương trình dâng lễ vật và hương hoa tưởng niệm các vua Hùng: Thời gian bắt đầu lúc 8 giờ sáng ngày mùng 10 tháng 3 Âm lịch. Chương trình văn nghệ chào mừng; tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; diễn văn khai mạc lễ hội của lãnh đạo huyện Tuy Phong; Lãnh đạo tỉnh (Chủ lễ) đọc chúc văn; Đánh trống khai hội; 9 nam thanh niên và 9 thiếu nữ trong trang phục truyền thống đi theo hai hàng bung 18 chiếc bánh chưng và 18 chiếc bánh dày từ sân lễ vào trong đền thờ; Lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo huyện Tuy Phong, lãnh đạo 2 huyện tham gia góp giỗ, lãnh đạo thị trấn Phan Rí Cửa, các đoàn thể, dân tộc, tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng, học sinh và bà con nhân dân vào dâng bánh chưng, bánh dày và dâng hương tưởng niệm các vua Hùng.

Ngoài ra, tổ chức các hoạt động thi làm bánh chưng và bánh dày, văn nghệ, thể thao trong suốt thời gian trước, trong và sau lễ hội giỗ Tổ các vua Hùng diễn ra tại đền thờ Hùng Vương

đã thu hút đông đảo người dân trong thị trấn Phan Rí Cửa, các xã, thị trấn trong huyện Tuy Phong (2 huyện, thị xã, thành phố tham gia góp lễ cùng tham gia các môn thể thao) tạo nên không khí đoàn kết và rộn ràng trong ngày lễ trọng đại của dân tộc.

Từ năm 2017 trở đi, lễ hội giỗ Tổ tại đền thờ Hùng Vương ở thị trấn Phan Rí Cửa đã trở thành lễ hội chung của nhân dân toàn tỉnh, có vai trò và giá trị to lớn, là chỗ dựa tinh thần không thể thiếu trong đời sống tâm linh tín ngưỡng của người dân. Thông qua lễ hội nhằm lưu giữ, phát huy những giá trị văn hóa có giá trị độc đáo, đã tồn tại hàng nghìn năm, ăn sâu vào tâm hồn, tình cảm, trở thành đạo lý truyền thống của mỗi người dân Việt. Dù làm gì và ở đâu, nhưng cứ đến dịp mừng 10 tháng ba Âm lịch hàng năm, những người con Bình Thuận lại sum vầy về đây tham dự lễ hội giỗ Tổ với tấm lòng thành kính, biết ơn sâu sắc các vua Hùng đã có công dựng nước và các thế hệ tiền nhân có công khai phá đất đai, tạo lập xóm làng để các thế hệ con cháu đi sau được thừa hưởng cuộc sống ấm no, hạnh phúc; một lòng chung tay góp sức để xây dựng quê hương Bình Thuận nói riêng và nước Việt Nam nói chung ngày càng giàu mạnh hơn./.



Đoàn lễ rước Tiên hiền của các cơ sở tín ngưỡng
về đền thờ Hùng Vương trong lễ hội Giỗ Tổ
The procession of Tien Hien of religious establishments
to return to Hung Vuong temple during the memories date anniversary



Chủ lễ đọc chúc văn trong lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương
The leader of the ceremony reads the blessing of the Hung King memories date anniversary

FESTIVAL OF THE HUNG KING MEMORIES DATE ANNIVERSARY AT THE HUNG KING TEMPLE

The Hung King era opened the history and is considered the root and root of the nation; is the era that began to produce a brilliant culture and civilization throughout the history of building and defending the country, becoming a sustainable spiritual foundation of the nation. Therefore, the worship of Hung King has existed for thousands of generations, which is the custom, symbol of the sacred culture and soul of the Vietnamese people. Throughout the history of thousands of years of building and defending the nation, the worship of Hung King has always held an especially important position in the thoughts, emotions and spiritual, spiritual and cultural life of every people. No matter where the Vietnamese live, what they do and what they live in, the environment always faces the source, always remembers that they are brothers born from a hundred egg shells, always proud to be the descendants of Hong Lac.

The death anniversary of Hung King is a great day, a symbol of spiritual culture, an invisible rope that creates the strength of the great unity of Vietnamese ethnic groups. With these great

values, in 2007, the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam decided to allow workers throughout the country to take time off from work on the 10th anniversary of the Hung Yen Lunar New Year.

Hung King temple in Phan Ri Cua town, Tuy Phong district, which was formerly the communal house of Cam Hai village was built and completed by the local people in 1859 to worship the tutelary god and the ancestors. Gentle people publicly urged the land to gather people to set up villages in Phan Ri Cua land. In the years 1945 - 1954, in order to avoid the situation of communist houses being occupied by the enemy, turned into a base to guard and suppress the revolutionary struggle movement, the local people brought Buddha to worship in Cam Hai communal house. At the same time, this place is used as the basis of activities of the Phan Ri Cua Buddhist Association. In 1958, the people brought more Hung kings to worship at Cam Hai village communal house. In 1964, after Hai Hoi pagoda was completely constructed, Phan Ri Cua Buddhist Association transferred all worshiping functions to the pagoda and the only remaining vestige was worshipping Quoc To Hung Vuong; Since then, the name of Hung King temple was born and became the official name of the monument and exists to this day.

The supervision, preservation of relics, worshiping and organizing the death anniversary of the Ancestor Festival at Hung King temple in Phan Ri Cua are directly undertaken and carried out by the Monuments Management Board and the local people. The content and form of rituals in the festival takes place very simply according to the local custom and is influenced by the village festival; both the content, the sacrifices, the order, the time, the space and the way to perform the rituals are still spontaneous in the “Old fashioned manner”. From the form to the content and the way to conduct the rituals are not persuasive, not suitable with the customs and beliefs of Hung King worship in the whole province.

In 2016, Binh Thuan Province built a Project to Organize the Commemoration Feast at Hung King Temple in Phan Ri Cua from a private festival of officials and people here to become a joint festival of officials and people in the provincial.

Content, form, time, space, sequence of rituals, offerings and ways of performing the rituals in the festival of Hung King Temple to become a provincial festival have shown solemnity and achievement. glass, ensuring that it is both in line with the general Hung King worshiping beliefs of the whole country and adapted to the customs and habits of the people of Binh Thuan. At the same time, diversify the content and form of the festival with rituals of receiving offerings from religious and religious establishments in Phan Ri Cua town to Hung King temple, organizing games, interesting and meaningful performances and contests create favorable conditions for the local people in the province to participate in exchanges, creating an exciting, joyful and healthy atmosphere. Meeting the needs of enjoying the spiritual culture and aspirations of the people in the province; contribute to the traditional education “Drink water to remember the source”, love the homeland for generations; contribute to consolidating and strengthening the unity, cohesion and harmony block among the population communities.

In addition to the contents of traditional rituals according to local customs, they are continued to be performed during festivals such as ancient Priesthood ceremony and Ancient Sacrifice Ceremony. The contents of adjusting and supplementing a number of rituals in the anniversary of the death anniversary of Hung Kings at Hung King temple in Phan Ri Cua town into provincial festival are as follows:

- Arranging and rearranging procession delegations from beliefs and martyrs' stations to Hung King temple such as: arranging the procession of procession to Hung King temple in the morning before the opening ceremony of the festival

takes place ; increase the number of participants, including the establishments of religious establishments, pupils and people; encourage wearing traditional clothes; holding the national flag, festive flag, bowl of buu, and miss; decorated with ceremonial flowers, banh chung and thick cake.

- Regarding gifts: restore the custom of wrapping banh chung and making thick cakes at the temple before the death anniversary of the ancestors takes place. Banh chung must be wrapped in dong leaf (or banana leaf), do not use plastic string to tie as long as it has to use pink string. Thick bread does not pack leaves but is bare, on each cake is stuck with the word “Phuc” in red. Regarding sacrifices to Hung Kings during the death anniversary: 18 thick cakes, 18 cakes (offered to Hung Hung’s 18 generations), incense, flowers, water, betel nut, wine and five fruits.

- Participants in the festival of offering offerings to Hung Kings: Leaders of the Provincial Party Committee, Provincial People’s Council, Provincial People’s Committee, Standing Committee of Vietnam Fatherland Front Committee, Head of Delegation Provincial Parliament; Representative leaders: Provincial Propaganda Department, Department of Culture, Sports and Tourism and a number of Departments, agencies, mass organizations.

Leaders of Tuy Phong district; leaders of 2 districts, towns and cities participated in coordinating to organize the death anniversary festival of the Patriarch. Leaders and departments, branches and unions of the town of Phan Ri Cua. Representatives of some typical local ethnic minorities. Hung King Temple Management Board, monuments, religious and religious establishments, the honor of the dignitaries, the elders and the people of Phan Ri Cua town. Representative of high and middle school students in Phan Ri Cua town, Tuy Phong district.

- The program of offering gifts and incense to commemorate the Hung Kings: The time begins at 8 am on the 10th day of the third lunar month. Entertainment program; statement of reason, introduction of delegates; opening speech of the festival leaders Tuy Phong district; Provincial leaders (Chairman of the ceremony) read the greetings; Drumming the festival; 9 young men and 9 young women in traditional clothes followed two rows of 18 banh chung and 18 thick cakes from the ceremony yard into the temple; Provincial leaders, leaders of Tuy Phong district, leaders of two districts participated in death anniversary, leaders of Phan Ri Cua town, unions, ethnic groups, religions, religious establishments, students and people offering banh chung, thick cake and offering incense to commemorate Hung kings.

In addition, organizing contests for making banh chung and thick cake, arts and sports during the time before, during and after the death anniversary of the Hung Kings' Patriarchs held at Hung King temple attracted a large number of people. people in Phan Ri Cua town, communes and towns in Tuy Phong district (2 districts, towns and cities participating in the ceremony and participating in sports) create an atmosphere of solidarity and bustle in the holidays. great peoples.

From 2017 onwards, the death anniversary festival at Hung King temple in Phan Ri Cua town has become a general festival of the people of the whole province, with great role and value, an indispensable spiritual support. in the religious life of people. Through the festival in order to preserve and promote unique and valuable cultural values, which have existed for thousands of years, deeply ingrained in the soul and affection, becoming the traditional morality of every Vietnamese people. No matter what and where, but on the occasion of the 10th of the third lunar month every year, Binh Thuan's children come here to attend the death anniversary of the Patriarch with respectful and deep

gratitude to the Hung kings. with meritorious contributions to the nation and the generations of ancestors who have publicly reclaimed the land and created villages so that their descendants will inherit a prosperous and happy life; a heart of joining hands to build the homeland of Binh Thuan in particular and the country of Vietnam in general getting richer and more./.

LỄ HỘI TRUNG THU Ở THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Lễ hội Trung thu còn được gọi là Tết Trung thu hay Tết Trông trăng, là một ngày Tết dành riêng cho trẻ em trên khắp mọi miền đất nước. Lễ hội không biết có từ bao giờ, có thể là những câu chuyện cổ tích mà bà và mẹ kể cho con cháu mình nghe vào mỗi đêm rằm tháng tám về Sự tích chú Cuội nơi cung trăng, Thỏ Ngọc, chị Hằng hay những chiếc đèn ông sao lấp lánh muôn màu... Các nhà nghiên cứu cho rằng những hình ảnh về Tết Trung thu được khắc trên mặt trống đồng Ngọc Lũ hoặc đã từng được tổ chức cực kỳ xa hoa trong phủ Chúa... Sách *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính có nhắc đến: “Tục treo đèn bày cỗ, chắc do ở điển vua Đường Minh Hoàng hay tục rước đèn thì do tự đời nhà Tống...”. Và dấu cho Tết Trung thu có nguồn gốc từ đâu hay bao giờ thì đối với mỗi người đã trở thành một ký ức đẹp đẽ với cả sự hân hoan, háo hức của một thời thơ ấu.

Hòa chung vào không khí náo nức và vui tươi ấy, lễ hội Trung thu ở thành phố Phan Thiết thường được tổ chức vào khoảng những ngày 14 - 15 tháng 8 Âm lịch hàng năm và trở thành lễ hội văn hóa truyền thống của các trường Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Phan Thiết. Đây là một sân chơi lành mạnh và bổ ích cho các em thiếu nhi và là dịp để người lớn thể hiện tình yêu thương đối với con trẻ.

Sở dĩ lễ hội Trung thu ở thành phố Phan Thiết được mọi người trông đợi bởi các hoạt động hấp dẫn và độc đáo. Khoảng hai tuần trước khi lễ hội diễn ra, không khí của ngày Tết Trung thu đã lan rộng trên khắp các nẻo đường và ngõ xóm. Những chiếc lồng đèn lớn, nhỏ được các trường học triển khai làm từ sớm để kịp cho buổi lễ rước đèn. Các quây bánh trung thu thì nhau mọc lên san sát, mọi người ai ai cũng nô nức mua bánh về làm quà tặng cho bạn bè, đồng nghiệp; cúng trăng tại gia đình vào đêm rằm tháng tám hay đơn thuần chỉ là dịp để thưởng thức đủ các loại bánh dẻo, bánh nướng mỗi khi đến dịp Tết Trung thu. Các cửa hàng thì treo đầy những lồng đèn lạ mắt có đủ màu sắc, kích cỡ cũng như kiểu dáng và âm thanh nghe vui tai, rộn rã; chỉ dành riêng cho những cô bé, cậu bé lựa chọn.

Đến với lễ hội Trung thu, người dân và du khách sẽ có cơ hội chiêm ngưỡng buổi lễ rước đèn hoành tráng, độc đáo và mới lạ diễn ra trong một không gian rộng lớn rực rỡ sắc màu. Được đắm mình trong những mảnh ký ức tuổi thơ trong sáng, vui tươi về hình ảnh của những chiếc đèn ông sao giản dị được làm từ tre và giấy màu, vị ngọt thơm của bánh dẻo và ánh nền lung linh tỏa ra từ mỗi chiếc đèn lồng nhỏ nhắn, xinh xắn đã thấp sáng biết bao ước mơ của trẻ nhỏ.

Buổi lễ chính thức khai mạc vào lúc 18 giờ vào thời điểm một hoặc hai ngày trước đêm rằm tháng 8 hàng năm tại quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Phan Thiết. Tuy nhiên, khoảng đầu giờ chiều các cô đèn đã được đưa đến tập trung đông đủ để chuẩn bị cho buổi lễ rước đèn với trên 30 mô hình lồng đèn lớn và hàng ngàn chiếc lồng đèn nhỏ. Mỗi năm đến kỳ lễ hội, Ban Tổ chức lễ hội sẽ đưa ra một chủ đề riêng cho cuộc thi sáng tạo lồng đèn. Mỗi phường, xã sẽ tham dự lễ hội với 1 - 2 lồng đèn lớn và 50 - 100 lồng đèn nhỏ có hình thức và nội dung phù hợp với chủ đề mà Ban Tổ chức lễ hội đưa ra hàng năm.

Từ trên cao nhìn xuống, trong tiếng trống múa lân rộn rã hàng nghìn chiếc đèn hoa rực rỡ, lấp lánh sắc màu như một con

rồng lửa không lồ sáng rực, uốn mình qua từng con phố hòa vào dòng người đông đúc và náo nhiệt. Sự sáng tạo sinh động, lạ mắt của các cô đèn được các đội thi thể hiện gắn với đặc trưng về quê hương vùng biển Bình Thuận như đánh bắt cá khơi xa, lướt ván buồm, trái thanh long, tháp nước, tháp Chăm hoặc mô phỏng các nhân vật trong truyện cổ tích như Thánh Gióng, cá chép vượt vũ môn, cá voi, Bà Trưng - Bà Triệu, các nhân vật hoạt hình nổi tiếng... Điểm nổi bật nhất của lễ hội là các lồng đèn nhỏ mà các em học sinh cầm trên tay được mỗi trường học thiết kế theo chủ đề riêng, sử dụng nên thay vì pin hay đèn điện tử với hình ảnh con người, chim muông hoa lá ngộ nghĩnh, đáng yêu. Cuối cuộc thi, những cô đèn nào có kiểu dáng sáng tạo, hình thức và nội dung phong phú sẽ được Ban Tổ chức trao giải thưởng để động viên, khuyến khích tinh thần các đội thi.

Sau buổi lễ, các lồng đèn lớn sẽ được trưng bày tại quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Phan Thiết từ ngày 22 đến 24/10 hàng năm chào mừng ngày Du lịch Bình Thuận và cũng là dịp để người dân và du khách được thỏa thích chiêm ngưỡng sản phẩm văn hóa tinh thần của địa phương.

Lễ hội Trung thu ở thành phố Phan Thiết, điểm nhấn là sự sáng tạo vô hạn ở những chiếc đèn lồng đủ màu sắc, đã trở thành một sản phẩm văn hóa du lịch độc đáo quảng bá về hình ảnh, con người và các giá trị văn hóa, tín ngưỡng của địa phương trong mắt đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế. Chính vì vậy, lễ hội Trung thu ở đây trở thành một trong 6 lễ hội truyền thống tiêu biểu của tỉnh Bình Thuận và đã được Tạp chí Vietbooks công nhận là “Lễ hội rước đèn Trung thu lớn nhất Việt Nam” và nhận giải thưởng The Guide Awards cho “Lễ hội văn hoá đặc sắc và thành công nhất phục vụ ngành du lịch Việt Nam”./.



Quang cảnh rước các cộ đèn lớn và lồng đèn nhỏ
trong lễ hội Trung thu ở Phan Thiết
View of lanterns types
during the Mid-Autumn Festival in Phan Thiet

MID-AUTUMN FESTIVAL IN PHAN THIET CITY

The Mid-Autumn Festival, also known as the Mid-Autumn Festival or Moon-Look, is a New Year's Day for children all over the country. The festival does not know from when, it could be the fairy tales that mother and mother tell their children every August full moon night about the legend of Cuoi in the moon, Jade Rabbit, Ms. Hang or the The stars' lights glisten in different colors ... Researchers think that the images of the Mid-Autumn Festival are engraved on the surface of the Ngọc Lũ drum or were once held extremely lavishly in the palace of the Lord ... Vietnamese customary books of Phan Ke Binh mentioned: "The custom of hanging a lamp to display the deck, probably due to the Tang Minh Hoang dictionary or the custom of welcoming the lamp, is due to the Song Dynasty ...". And no matter where or when the Mid-Autumn Festival originates, for every person it has become a beautiful memory with the joy and excitement of a childhood.

In harmony with that exciting and cheerful atmosphere, Mid-Autumn Festival in Phan Thiet city is usually held around the 14th and 15th of the 8th lunar month every year and becomes a traditional cultural festival of schools. Primary and secondary schools in Phan Thiet city. This is a healthy and rewarding

playground for children and an opportunity for adults to show their love for children.

The reason for the Mid-Autumn Festival in Phan Thiet City is expected by people with attractive and unique activities. About two weeks before the festival, the atmosphere of the Mid-Autumn Festival spread throughout the streets and alleys. Large and small lanterns are made early by the schools to keep up for the procession. Mid-Autumn Festival moon cakes stand up close together, everyone is eager to buy cakes as gifts for friends and colleagues; moon worshipping at home on the full moon night of August or just a chance to enjoy all kinds of chewy cakes and scones every Mid-Autumn Festival. The shops are full of fancy lanterns of all colors, sizes, styles and sounds that sound fun and bustling; Only for little girls, boys choose.

Coming to the Mid-Autumn Festival, people and visitors will have the opportunity to admire the monumental, unique and novel procession of lights, taking place in a vast, colorful space. Immersed in the bright, joyful childhood memories of the image of the simple star lamps made from bamboo and colored paper, the sweet taste of chewy cakes and sparkling candle light emanating from each one. The small, lovely lantern has lit up so many children's dreams.

The ceremony officially opens at 18:00 at the time of one or two days before the full moon night of August every year at Nguyen Tat Thanh Square, Phan Thiet City. However, around the early afternoon the lights were brought to the gathering place to prepare for the procession with over 30 models of large lanterns and thousands of small lanterns. Each year, the Festival Organizing Committee will come up with a special theme for the lantern creation contest. Each ward and commune will attend the festival with 1-2 large lanterns and 50 - 100 small lanterns with the form and content consistent with the theme set by the Festival Organizing Committee yearly.

Looking down from above, there were thousands of brilliant flower lanterns dancing in the drums, sparkling like the color of a giant fire dragon shining, bending through each street and merging with the crowded and bustling crowd. . The vivid and strange creativity of the lights is shown by the teams associated with the characteristics of the homeland of Binh Thuan waters such as offshore fishing, windsurfing, dragon fruit, water tower, Cham tower or simulate the characters in fairy tales such as Thanh Giong, carp crossing the dance, whales, Ba Trung - Ba Trieu, famous cartoon characters ... The highlight of the festival is the small lanterns that the Students held in each school designed their own theme, using candles instead of batteries or electronic lights with images of people, birds, flowers and leaves cute and lovely. At the end of the competition, the lights with creative designs, forms and rich content will be awarded by the Organizing Committee to encourage and encourage the spirit of the teams.

After the ceremony, large lanterns will be displayed in Nguyen Tat Thanh Square, Phan Thiet City from October 22 to 24 every year to celebrate Binh Thuan Tourism Day and also an opportunity for residents and visitors to enjoy. delight to admire the local cultural and spiritual products.

Mid-Autumn Festival in Phan Thiet City, the highlight of the infinite creativity in colorful lanterns, has become a unique cultural and tourist product promoting the image, people and prices. cultural and religious values in the eyes of the people all over the country and international friends. Therefore, the Mid-Autumn Festival here becomes one of the six typical traditional festivals of Binh Thuan province and has been recognized by Vietbooks Magazine as “Vietnam’s largest Mid-Autumn Festival of Light-lantern Festival” and received the award. The Guide Awards for “The most unique and successful cultural festival for the tourism industry in Vietnam”/.

LỄ HỘI KATÊ TẠI THÁP PO SAH INU

Trong di sản văn hóa Chăm hiện nay có hơn 70 lễ hội lớn, nhỏ được lưu truyền, phổ biến trong cộng đồng ở cả hai tôn giáo Bàlamôn và Bani. Mỗi đạo giáo lại có một hệ thống các lễ nghi và lễ hội với tín ngưỡng phù hợp với mục đích, tôn chỉ của tôn giáo. Với người Chăm theo tôn giáo Bàlamôn (*Chăm Ahier*) ngoài những lễ nghi, lễ hội trải dài theo thời gian trong năm, nhưng lớn nhất và quy tụ nhiều yếu tố văn hóa nghệ thuật dân gian đặc sắc là lễ hội Katê.

Từ nhiều thế kỷ trước cho đến nửa đầu thế kỷ XX, người Chăm thường thực hiện nhiều lễ nghi ở tháp Po Sah Inu, vì đây là nhóm đền tháp cổ kính ở về phía Nam phần đất cuối của vương quốc Chămpa, phục vụ cho sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo của người Chăm cả khu vực phía Nam. Khoảng từ giữa thế kỷ XX lễ nghi ở đây ngày càng thưa dần do tác động của hai cuộc chiến tranh ác liệt và lâu dài cũng như những điều kiện địa chính trị khác; mặt khác, quan trọng hơn là các tháp trong nhóm cũng ngày càng xuống cấp nặng nề và đang trên đà sụp đổ, ít người dám đến gần. thỉnh thoảng một số người Chăm từ nhiều nơi đến viếng thăm và cúng lễ, có khi họ đi thành đoàn lên đến vài ba chục người. Sau năm 1975, một bộ phận người Chăm ở các xã Hàm Trí, Hàm Phú, Ma Lâm ở huyện Hàm Thuận Bắc và người Chăm ở Phan Rang thường về đây cúng lễ; tuy nhiên, số lượng

người tham dự ít, nghi thức được giản lược vì kinh tế và giao thông không thuận lợi.

Những thập niên cuối thế kỷ XX, tháp Po Sah Inur đã từng bước được Nhà nước tu bổ, tôn tạo, từ gia cố chống sụp đổ đến việc trùng tu để trả lại hình dạng ban đầu. Sau hơn ba thập niên liên tục cho việc tu bổ tôn tạo, các công trình kiến trúc cổ được trả lại hình thù duyên dáng như xưa, nhiều công trình dân dụng được xây dựng để phát huy giá trị khu di tích cổ kính. Đồng thời nhu cầu cần thiết phải phục dựng lại lễ hội Katê như trước được đặt ra cấp bách nhưng phải dựa trên cơ sở nguyên gốc và khoa học. Mục đích chính là đáp ứng nhu cầu về lễ nghi, tín ngưỡng và tâm linh cho đa số người Chăm ở Bình Thuận và các nơi, mặt khác là từ di sản văn hóa sẽ thành sản phẩm văn hóa đặc sắc phục vụ phát triển du lịch.

Năm 2005 lễ hội Katê tại tháp Po Sah Inur được Bảo tàng Bình Thuận nghiên cứu và phục dựng thành công với đầy đủ các quy trình về thời gian, không gian, nội dung và hình thức, đảm bảo các yêu cầu về văn hóa dân gian. Dự án đã được Hội đồng chức sắc và cộng đồng người Chăm địa phương góp ý từng nội dung cả về văn hóa và tôn giáo tín ngưỡng. Họ coi đó như là trách nhiệm thiêng liêng của cộng đồng đối với ông bà, tổ tiên và khi lễ hội diễn ra là dịp để mọi người được trở về với cội nguồn, gốc rễ; cuối cùng họ là chủ lễ cũng đồng thời là những người tham gia từ đầu đến cuối. Sau khi thực hành xong, mùa lễ hội Katê được chính thức ra mắt tại tháp Po Sah Inur với sự tham gia của hàng ngàn người, bao gồm người Chăm từ khắp mọi nơi cùng với du khách các nơi đến tham gia, thưởng lãm lễ hội trong sự háo hức và niềm mong mỏi, chờ đợi từ lâu nay.

Theo tập tục truyền thống thì ngoài những lễ nghi tại địa phương để phục vụ lễ hội Katê, tại tháp Po Sah Inur phải thực hiện thứ tự những công đoạn và các nghi lễ sau: Dựng rạp lễ, tống ôn, rước kiệu thần, mở cửa tháp, tắm tượng thần, mặc trang phục cho thần và cuối cùng là đại lễ. Trong những lễ nghi kể

trên đều phải thực hiện mỗi mùa Katê đến. Riêng lễ Tổng ôn thì vài ba năm mới thực hiện một lần. Những năm trước đây, sau khi việc dựng rạp xong thì lễ tổng ôn trong khuôn viên tháp mới được tiến hành. Về triết lý tôn giáo, cũng như tín ngưỡng dân gian của người Chăm với quan niệm thực hiện lễ tổng ôn là để khai thông đất trời, sông suối từ biển lên nguồn, cầu cho gió êm biển lặng, mưa thuận gió hoà, người và vật nuôi sinh sôi nảy nở.

Khi công tác hậu cần đã chuẩn bị xong xuôi, sáng hôm sau đúng vào ngày mùng 1 tháng 7 Chăm lịch, đoàn rước lễ chinh đốn lễ phục, kiệu lễ, tàn, lọng, cờ quạt... và khi tiếng kèn Saranai, trống Ginăng, Paranung và chiêng cùng cất lên rộn rã, thánh thót thì cũng là lúc đoàn lễ thỉnh rước kiệu trang phục khởi hành lên tháp. Trong suốt chặng đường dài thỉnh rước kiệu thần lên tháp, đoàn lễ đã phô diễn cho du khách và công chúng những nét đặc trưng độc đáo của lễ hội, qua các lễ phục với đủ sắc màu, thưởng thức các vũ điệu qua các loại nhạc cụ và điệu múa quạt, múa trống, múa vòng dân gian. Hai bên đường đoàn rước lễ đi qua, hàng ngàn người dân địa phương, người Chăm từ khắp nơi trong và ngoài tỉnh cũng như du khách trong và ngoài nước xem đoàn lễ rước kiệu vào tháp thật đông vui, náo nức khiến cho không khí lễ hội càng thêm rộn ràng và sôi động. Trong lúc đoàn lễ rước kiệu thần đang phô diễn những nét đẹp dân gian truyền thống đậm đà bản sắc Chăm trên đường lên tháp, thì ngay trước cửa rẽ vào ngôi tháp Chính có một đội múa quạt diễn xướng các vũ điệu múa mừng, chào đón đoàn lễ rước theo nhịp điệu của đội nhạc lễ. Khung cảnh tháp Po Sah Inur thường ngày trầm lặng, tĩnh mịch đứng giữa ngọn đồi quanh năm lộng gió, giờ đây bỗng trở nên ấm áp, nhộn nhịp chào đón lễ hội với các thế hệ cháu con người Chăm về dâng lễ.

Khi kết thúc lễ rước kiệu, các bộ phận lễ với hàng trăm người tề chỉnh trước tháp Chính để chứng kiến lễ mở cửa tháp. Vị Sư Cả mặc trang phục đứng trước cửa tháp dâng mâm lễ vật bao gồm trứng, trà rượu, trầu cau xin bà Po Sah Inur và 18 vị thần

linh được mở cửa tháp. Trong vai trò chính, vị Sư Cả từ từ tiến về phía trước cửa tháp Chính làm một số động tác và đọc một số câu thần chú báo xin phép Po Sah Inur và các vị thần được mở cửa tháp. 2 cánh cửa được mở về hai bên, bệ thờ Linga - Yoni trong lòng tháp lộ ra mờ ảo, lung linh trong khói hương trầm tỏa ra nghi ngút.

Sau khi lễ mở cửa tháp kết thúc cũng là lúc lễ tắm bệ thờ Linga - Yoni bắt đầu. Thực ra đây là lễ tắm bệ thờ Linga - Yoni tượng trưng cho thần Siva, vị thần chủ được thờ ở trong tháp Chính từ thế kỷ VIII đến nay. Lễ tắm bệ thờ Linga - Yoni được thực hiện một cách cẩn trọng, thể hiện sự tôn vinh của cộng đồng người Chăm đối với linh vật, một sinh thực khí thiêng liêng họ coi là nguồn gốc của con người, tạo ra mọi sự sinh sôi nảy nở để duy trì nòi giống và vạn vật, đồng thời đó cũng là nơi thờ Po Sah Inur.

Trong khung cảnh linh thiêng, huyền bí, giữa khói trầm hương nghi ngút, trước tiếng đàn réo rắt, lời bài thánh ca trầm bổng và lời khẩn cầu của thầy Cả Sư; hòa nhập vào không khí linh thiêng đó, vị Cả Sư khẩn cầu: “... *Chúng con kính mong thần phù hộ cho dân làng khỏi bệnh tật, mong thần xóa bỏ những tội lỗi cho dân làng...*”; Bà Bóng (Muk Pajau - người múa lễ cộng đồng) lúc này như được giao cảm với thần linh; vai trò của Bà Bóng lúc này như một nhân vật siêu phàm, thần bí cùng với những động tác huyền bí để cầu xin thần thánh phù hộ, độ trì cho cộng đồng trong việc sinh sôi nảy nở, duy trì nòi giống, ban phát những điều tốt lành và hạnh phúc cho con người ở trần thế. Nghi lễ kết thúc sau khi thầy Kadhar (vị tu sĩ thực hành tín ngưỡng dân gian) diễn xướng xong bài thánh ca. Tiếp đến là nghi thức mặc trang phục tượng thờ Linga - Yoni, có sự phối hợp của âm nhạc và vị Sư Cả chủ lễ, Bà Bóng và kết thúc lễ mặc trang phục.

Sau cùng là nghi lễ Đại lễ: Khi các vị chức sắc đang thực hành nghi lễ trong lòng tháp chính thì ở bên ngoài, phía trước cửa tháp hàng chục mâm cỗ với đầy đủ các loại lễ vật gồm: thịt

dê, gà, com, canh, bánh tét, bánh cấp, bánh gừng, bánh gang tay, chè, chuối, trầu cau, thuốc lá, trà, rượu... của các tộc họ, gia đình đã chuẩn bị sẵn chờ tín hiệu kết thúc trong tháp để hiến dâng lễ vật cho Po Sah Inur và các vị thần được mời dự lễ. Bắt đầu vào lễ, thầy Cả Kadhar kéo đàn và hát bài thánh ca mời gọi bà Po Sah Inur và 18 vị thần được người Chăm tôn thờ về hưởng lễ và phù hộ, độ trì cho cộng đồng dồi dào sức khỏe, mùa màng tươi tốt và cuộc sống sung túc (ngoài thầy Cả Kadhar, còn có 3 thầy Kadhar khác ngồi phía sau phụ kéo đàn và hát thánh ca). Tiếng đàn hòa với lời hát thánh ca và những động tác chấp tay lạy thần làm cho không khí buổi lễ thêm phần trang nghiêm. Nhìn dáng vẻ đi lại và khuôn mặt của mọi người đi lễ, hình như họ đã thỏa mãn về tâm linh qua chuỗi lễ nghi vừa trải qua. Kết thúc nghi lễ cúng tạ ơn, đội múa quạt nữ và múa trống Paranung nam diễn xướng các vũ điệu dân gian Chăm một cách nhịp nhàng, uyển chuyển trong tiếng kèn Saranai, trống Ginăng rộn rã, nhộn nhịp để chào tiễn biệt các vị thần cùng du khách gần xa về dự lễ hội và hẹn gặp lại ở mùa hội Katê năm tới./.



Nghi lễ rước trang phục trong lễ hội Katê tại tháp Po Sah Inư
Ceremony to process the costume during the Kate festival at Po Sah Inu tower



Đại lễ trong lễ hội Katê tại tháp Po Sah Inư
Ceremony in Kate festival at Po Sah Inu tower

KATE FESTIVAL AT PO SAH INU TOWER

In the current Cham cultural heritage, there are more than 70 festivals handed down, popular in the community in both Brahmin and Bani religions. Each religion has a system of rituals and festivals with beliefs suitable to the purposes and principles of religion. For the Cham to follow the Brahman religion (Cham Ahier) in addition to the rituals, festivals stretching over the time of the year, but the largest and gathering many elements of folklore, especially the Kate festival.

From centuries ago until the first half of the twentieth century, Cham people often performed many rituals at Po Sah Inu tower, because this is a group of ancient temple towers in the south of the last part of the Kingdom of Champa, serving for religious activities of the Cham people in the South. From the middle of the twentieth century, the ritual was increasingly sparse due to the effects of two long and fierce wars and other geopolitical conditions; On the other hand, more importantly, the towers in the group are also increasingly degraded and are on the way of collapse, few people dare to approach them. Occasionally some Cham people from many places come to visit and worship, sometimes they go in groups of up to a few dozen people. After 1975, a part of Cham people in Ham Tri, Ham Phu and Ma Lam communes in Ham Thuan Bac district and Cham

people in Phan Rang often came here to worship; however, the number of attendees is small, the rituals are simplified because of economic and transportation difficulties.

In the last decades of the twentieth century, the Po Sah Inu tower was gradually repaired and embellished by the State, from reinforcing anti-collapse to restoration to restore its original shape. After more than three decades of continuous renovation and restoration, the ancient architecture has been returned to its charming shape, many civil works have been built to promote the value of the ancient ruins. At the same time, the need to restore the Kate festival as before was urgent but must be based on the original and scientific basis. The main purpose is to meet the needs of rituals, beliefs and spirituality for the majority of Cham people in Binh Thuan and other places, on the other hand, from cultural heritage will become a special cultural product for tourism development.

In 2005, the Kate festival at Po Sah Inu tower was researched and restored successfully by Binh Thuan Museum with all processes of time, space, content and form, ensuring the requirements of the people's culture. space. The project has been commented by the Council of dignitaries and the local Cham community on each content both in culture and religious beliefs. They see it as the sacred responsibility of the community to their grandparents and ancestors and when the festival takes place is an opportunity for people to return to their roots and roots; in the end they are the hosts and also the participants from beginning to end. After the practice, the Kate festival was officially launched at Po Sah Inu tower with the participation of thousands of people, including Cham people from all over the world along with visitors from all over the world to attend and enjoy the ceremony. Meeting in the longing and anticipation.

According to traditional customs, in addition to the local rituals serving the Kate festival, at Po Sah Inu tower, the order

of the following steps and rituals must be carried out: Erection of theaters, escort, procession of palanquin, open the tower door, bathe the idol, wear clothes for the god and finally the ceremony. In the above-mentioned rituals, each Kate must be performed. Particularly Song Sung, then a few years to perform once. Years ago, after the construction of the cinema was completed, the ceremony of cessation in the precinct of the tower was conducted. Regarding the religious philosophy, as well as the Cham folk beliefs with the concept of performing the ceremony of extortion, is to clear the sky, the rivers and streams from the sea to the source, pray for a calm sea breeze, good rain and wind, people and pets proliferate.

When the logistics was finished, the next morning on the 1st of July, Cham calendar, the procession adjusted the ceremony, the ceremony, the end, the parasols, the flag ... and the sound of the Saranai, gong drums, Paranung and gongs were taken to the bustle and holy, the time for the procession to invite the procession of costumes to depart to the tower. During the long journey of welcoming the palanquin to the tower, the delegation showed visitors and the public the unique characteristics of the festival, through colorful costumes, enjoying the dance through different types. musical instrument and fan dance, drum dance, folk dance. On both sides of the road, the procession of the procession passed, thousands of local people, Cham people from all over the province and abroad as well as domestic and foreign tourists watched the procession of the procession into the tower very crowded, excited, making the atmosphere The festival is more bustling and vibrant. While the procession of the procession is showing the traditional folk beauty imbued with the Cham identity on the way to the tower, at the door of the main tower, there is a fan dance group performing dance dances to greet and greet. welcome the procession to the rhythm of the music band. The scene of Po Sah Inu tower is often quiet and

calm, standing in the middle of a windy year-round hill, now it suddenly becomes warm and bustling to welcome the festival with generations of Cham people and grandchildren returning to celebrate.

At the end of the procession, the ceremony bodies with hundreds of people gathered in front of the main tower to witness the opening of the tower. The monk in costumes stood at the door of the tower offering a tray of offerings including eggs, tea, betel nut, and praying for Mrs. Po Sah Inu and 18 deities to open the tower. In the main role, the Great Monk slowly walked towards the entrance of the Main Tower to do some movements and recite some mantras to tell Po Sah Inu and the gods to open the tower. Two doors were opened to the sides, the altar of Linga - Yoni in the heart of the tower appeared dim, sparkling in the incense smoke emanating.

After the opening ceremony of the tower ended, the ceremony of Linga - Yoni altar started. In fact, this is the bathing ceremony of Linga - Yoni pedestal symbolizing the god Siva, the god of worship in the main tower from the 8th century to the present. The bathing ceremony of Linga - Yoni altar was carefully performed, showing the respect of the Cham community to the mascot, a sacred vitality that they considered the source of human beings, creating all births. flourishing to maintain the lineage and all things, and it is also the place of worship Po Sah Inu.

In the sacred, mysterious setting, amidst the cessation of frankincense smoke, before the loud sound of the guitar, the hymn of hymn and the prayer of the Elder Monk; merging into that sacred atmosphere, the Elder Mon prayed: “... *We respectfully pray for the blessing of the villagers from their illnesses, may the gods eliminate the sins of the villagers ...*”; Mrs. Bong (Muk Pajau - a community dance dancer) now seems to be sympathetic to the spirit; Her role now as a sublime, mystical character along with the mysterious movements to pray for divine blessing,

the community's commitment in multiplying, maintaining the race, giving good things and happiness for people on earth. The ceremony ended after Kadhar Sensei (the monk practicing folklore) finished the chanting. Next is the ritual of wearing the statue of worshipping Linga - Yoni, with the coordination of music and the Master of the Ceremony, Mrs. Bong and the closing ceremony of the costume.

Finally, the Great Ritual Ceremony: When the dignitaries are performing the ritual in the heart of the main tower, outside, in front of the door of the tower are dozens of deck tray with all kinds of offerings including: goat meat, chicken, rice, soup, banh tet, tier cake, gingerbread, biscuit, tea, bananas, betel nut, tobacco, tea, wine ... of all families, the family is ready to wait for the signal to end in the tower. to dedicate offerings to Po Sah Inu and the invited gods. At the beginning of the ceremony, Elder Kadhar played the guitar and sang a hymn inviting Mrs. Po Sah Inu and 18 deities worshiped by the Cham people to enjoy the ceremony and bless them, the maintenance of the community of good health, fresh crops. good and affluent life (besides Elder Kadhar, there are 3 other Kadhar Sensei sitting behind the piano and singing hymns). The sound of the harp with the hymn lyrics and the hand-knapping gestures make the ceremony more solemn. Looking at the walking patterns and the faces of the people attending the ceremony, it seems they were spiritually satisfied through the series of rituals they had just gone through. At the end of the ceremony of thanksgiving, the female fan and male Paranung dance group performed the Cham folk dances in a rhythmic and flexible manner in the Saranai, the busy and bustling Ginang drums to bid farewell to them. God and tourists from near and far to attend the festival and see you again in the Kate festival next years.

LỄ HỘI RAMUWAN CỦA NGƯỜI CHĂM BÀNI Ở BÌNH THUẬN

Ramurwan² là lễ hội lớn và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội của cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo cư trú ở các huyện Bắc Bình, Tuy Phong, Hàm Thuận Bắc, Tánh Linh và Hàm Tân. Lễ hội được lưu giữ, kế thừa từ lâu đời của những người Chăm theo đạo Bàni³, diễn ra hàng năm vào những thời điểm nhất định theo lịch Hồi giáo. Đây là không gian biểu tượng cho linh hồn và đức tin của các tín đồ nơi Thượng đế; gắn chặt với vòng đời mỗi người từ khi sinh ra cho đến khi chết đi.

Tháng Ramurwan (được phát âm từ chữ Ramadan) định ra từ lịch Hồi giáo, tính theo lịch Âm gồm 12 tháng trong năm. Trong đó, tháng thiếu có 29 ngày và tháng đủ có 30 ngày; nếu tính theo Dương lịch thì tháng Ramurwan thay đổi theo từng năm và không có ngày thống nhất. Quy trình của lễ hội Ramurwan là một chuỗi những nghi lễ nối tiếp nhau, bắt đầu từ nghi lễ Kinh hội đầu năm (Suk Amaram), Kinh hội xoay vòng (Suk yeng), Tảo mộ (Nao māk rek), tháng Ramurwan và kết thúc là nghi lễ Waha. Những nghi lễ này được thực hiện bởi hệ thống các chức

2 Ramâwan - Theo từ điển Chăm - Việt - Anh, NXB Tri Thức năm 2014.

3 Cham Awal - Theo từ điển Chăm - Việt - Anh, NXB Tri Thức năm 2014.

sắc, tu sĩ tách biệt với tín đồ và làm nhiệm vụ trung gian để truyền tải những thông điệp của tín đồ đến với Thượng đế.

Lễ Kinh hội đầu năm (Suk Amaram): Được tổ chức vào ngày 1 tháng 1 Hồi lịch, nhằm để trình báo lên Thượng đế Alla biết là năm mới đến và cầu mong Thượng đế phù hộ cho tất cả các tu sĩ và muôn dân được an lành vạn phúc. Theo quy định, lễ chỉ tổ chức ở Thánh đường do Tổng Sư cả (còn gọi là Ong Ew) chủ trì.

Lễ Kinh hội hoặc Kinh hội xoay vòng (Suk yeng): Được tổ chức vào khoảng tháng 5 Hồi lịch (nhằm tháng 8 Dương lịch). Theo Hồi lịch, cứ 8 năm tháng Ramurwan lại được lùi lại 3 lần, đương nhiên Kinh hội xoay vòng cũng lùi lại đúng như vòng luân chuyển trên của thời gian. Theo tục lệ, ngày thứ 6 trong tuần là ngày khai lễ và mỗi tuần tổ chức ở một Thánh đường theo hình thức cuốn chiếu cho đến Thánh đường cuối cùng phải trước tháng Ramurwan 30 ngày. Kinh hội xoay vòng là một trong những nghi thức lễ quan trọng của người Chăm Bàni, bởi lễ đây là dịp để các tu sĩ mở cửa thánh đường làm lễ cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, muôn người được bình an.

Lễ tảo mộ: Là một phong tục quan trọng ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tâm linh tín ngưỡng của cộng đồng người Chăm Bàni ở Bình Thuận. Lễ Tảo mộ diễn ra trong thời gian ba ngày, sau một tháng kể từ khi kết thúc nghi lễ Kinh hội xoay vòng.

Trong ba ngày cúng gia tiên, những thành viên trong gia đình đều tập trung đông đủ trước hương hồn tổ tiên để biểu thị sự tưởng niệm, lòng tôn kính, sự biết ơn sâu sắc đối với ông bà tổ tiên theo đạo lý uống nước nhớ nguồn và hướng về nguồn cội. Từ sáng sớm, các tu sĩ và cư dân trong lễ phục truyền thống đã tập trung đông đủ ở nghĩa địa (Ghur Rak) của người Chăm Bàni

để thực hiện nghi thức lễ theo từng làng và dòng họ. Kết thúc lễ, gia đình mời bà con, bạn bè dự lễ cùng hưởng lễ vật, chúc tụng lẫn nhau.

Lễ Ramurwan (Tháng chay niệm): Sau ba ngày cúng ông bà tổ tiên, vào chiều ngày mùng 1 tháng 9 (Hồi lịch) tất cả các chức sắc và tu sĩ Hồi giáo sẽ vào Thánh đường bắt đầu cho tháng chay niệm, làm lễ, đọc kinh Koran và cầu nguyện mở đầu cho tháng Ramurwan của người Chăm theo đạo Bàni.

Trong tháng Ramurwan, cứ một ngày một đêm sẽ có năm lần đọc kinh và cầu nguyện. Trong suốt thời gian cầu nguyện, các tu sĩ thay đổi rất nhiều thế đứng, quỳ lạy, phủ phục, mỗi loại tư thế đều đọc mỗi kinh khác nhau. Để tháng Ramurwan là tháng bình an và tốt lành cho mọi người nên sẽ diễn ra nghi thức đưa cây thánh (gai Bhong) ra ngoài. Mặc dù, các công đoạn chuẩn bị rất công phu nhưng lễ đưa cây thánh ra ngoài chỉ diễn ra khoảng 2 phút, rồi quay vào lại trong thánh đường, nhưng lại rất quan trọng, đó là phải canh đúng lúc mặt trời đã lên để ánh sáng chiếu vào mọi người trong lúc làm lễ, đây mới là điềm lành cho cả năm mới.

Nghi thức đưa cây thánh ra ngoài và nghi lễ chứng kiến và làm lễ gia nhập đạo của một số vị thành niên người Chăm Bàni sẽ là nghi thức kết thúc những nghi lễ chính của tháng Ramurwan.

Lễ Waha (còn gọi là Tết ra): Đúng 100 ngày, kể từ ngày đầu tiên của tháng Ramurwan sẽ diễn ra lễ Waha và cũng để kết thúc quy trình rất dài của lễ hội Ramurwan kéo dài gần trọn một năm theo Hồi lịch.

Mười ngày trước khi diễn ra lễ Waha, tất cả người Chăm trong vùng (kể cả người Chăm theo đạo Bàlamôn) không được sát sinh, gây mất trật tự xóm làng và người Chăm theo đạo Bàlamôn nếu chết thì không được làm lễ hỏa táng mà chỉ được

phép thổ táng, đúng 3 năm sau mới được hoả táng và nhập Kút theo tập tục.

Trong lễ Waha diễn ra tại thánh đường, bắt đầu vào buổi chiều hôm trước và kết thúc vào buổi chiều hôm sau. Nghi thức đưa cây gậy Thánh ra ngoài sẽ được thực hiện lần thứ 2 trong lễ Waha (lần đầu vào ngày cuối cùng của tháng Ramurwan).

Lễ Waha khác với các nghi lễ trong quy trình lễ hội Ramurwan, trước hết là trang phục các vị tu sĩ từ Sư cả đến thầy Acar đều mặc áo trắng, quần trắng, đội mũ trắng và hai con gà trắng để tế thần linh. Sở dĩ có quy định này, theo sư cả là để tang cho Thượng đế Alla theo truyền thuyết.

Lễ hội Ramurwan là sản phẩm văn hoá tinh thần không thể thiếu của người Chăm Bani ở Bình Thuận, góp phần tạo nên diện mạo và bản sắc văn hóa riêng cùng hòa chung trong nền văn hóa Việt Nam đa dạng. Tựu chung qua các nghi lễ, ngoài việc mang ý nghĩa tôn vinh và thần phục Thượng đế cũng như thánh Alla, thoả mãn phần nào đời sống văn hoá tâm linh của các tín đồ; mà thông qua đó còn góp phần bảo lưu, gìn giữ những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của người Chăm qua nhiều thế hệ./.



Lễ tảo mộ
Ancestral graves ceremony



Lễ Waha tại Thánh đường
Waha ceremony at the cathedral

RAMUWAN FESTIVAL OF THE CHAM BANI PEOPLE IN BINH THUAN

Ramuwan is a big festival and has an important meaning in the social life of the Cham Muslim community residing in the districts of Bac Binh, Tuy Phong, Ham Thuan Bac, Tanh Linh and Ham Tan. The festival is kept, inherited for a long time by the Cham people in Bani religion, taking place every year at certain times according to the Islamic calendar. This is a symbolic space for the souls and faith of the believers in God; closely linked to the life cycle of each person from birth to death.

Ramuwan month (pronounced from the word Ramadan) is determined from the Islamic calendar, calculated according to the lunar calendar including 12 months of the year. In particular, the missing month has 29 days and the full month has 30 days; If calculated according to the Gregorian calendar, the month of Ramungwan changes from year to year and there is no unified date. The process of Ramuwan festival is a series of successive rituals, starting with the ceremony of the New Year's Festival (Suk Amaram), The rotating festival (Suk yeng), the Grave (Nao mâk rek), the month of Ramurwan and The end is the Waha Ritual. These rituals are performed by a system of dignitaries, monks separated from believers and mediating missions to convey the message of believers to God.

New Year Festival (Suk Amaram): Held on January 1 of the Calendar, to inform God of Alla as the New Year comes and may God bless all monks and all peoples be peaceful and happy. As a rule, the ceremony will only be held in the cathedral, presided over by the Grand Master (also called Ong Ew).

Festival or Turnaround (Suk yeng): Held around May of the Calendar (to August of the Gregorian Calendar). According to the Calendar, every 8 years, Ramuwan has been pushed back 3 times, of course the cycle of rotation also goes back exactly as the upper cycle of time. As usual, the 6th day of the week is the opening day and every week is held in a cathedral in the form of rolling until the last must be before Ramuwan 30 days. The rotation festival is one of the important rituals of the Cham people, because this is an opportunity for the monks to open the church to pray for the peace of the people, good rain, good harvest, all people have peace.

Tombs of the grave: An important custom that deeply affects the spiritual and religious life of the Cham Bani community in Binh Thuan. The Funeral Ceremony takes place over a period of three days, after one month from the end of the revolving ceremony.

During the three days of worshipping the ancestors, the family members gathered in front of the ancestral soul to express the memorial, reverence and deep gratitude to the ancestors according to the moral principle of drinking water. Remember the source and point to the source. From the early morning, monks and residents in traditional vestments gathered in the burial ground (Ghur Rak) of the Cham Bani to perform rituals according to each village and clan. At the end of the ceremony, the family invited relatives and friends to attend the ceremony to enjoy offerings and congratulate each other.

Ramuwan Ceremony (Memorial month): After three days

of ancestor worship, on the afternoon of September 1 (Islamic calendar) all Muslim dignitaries and priests will enter the cathedral to begin the month of chanting and recitation. ceremony, recitation of the Koran and prayer to start the Ramuwan month of the Cham in Bani religion.

During Ramuwan, there will be five times a day to pray and pray. During the time of prayer, the monks changed many positions, knelt, prostrated, each posture read different sutras. For Ramuwan month as a month of peace and goodness for everyone, a ritual for taking the holy tree (gai Bhong) will take place. Although the preparation is very elaborate, the ceremony to take the holy tree out takes only about 2 minutes, then return to the cathedral, but it is very important, that is to watch when the sun is up to The light shines on everyone during the ceremony, which is a good sign for the new year.

The ritual of taking the holy tree out and the ceremony of witnessing and joining the initiation of some Cham Bani minors will be the ritual to conclude the main rites of the month of Ramurwan.

Waha Festival (also known as Tet Holiday): Exactly 100 days from the first day of the month of Ramuwan will take place Waha festival and also to end the very long process of Ramuwan festival lasting nearly a full year according to the Calendar.

Ten days before the Waha ceremony, all Cham people in the area (including the Brahminical Cham people) were not allowed to kill, disturb the village and the Cham Cham people died, they were not allowed to be cremated. but only cremated, right after 3 years to be cremated and entered Kut according to custom.

During the Waha ceremony, the church takes place, starting the previous afternoon and ending the following afternoon. The ritual to bring out the Holy staff will be performed a second time during Waha (the first on the last day of Ramuwan).

The Waha ceremony is different from the rituals in the Ramuwan festival process, firstly the costumes of monks from the Elder to Acar are dressed in white, white pants, white hats and two white chickens to sacrifice to the gods. The reason for this rule, according to the elder, was to mourn the legend of God Alla.

Ramuwan Festival is an indispensable spiritual cultural product of the Cham Bani people in Binh Thuan, contributing to creating a unique appearance and cultural identity in harmony with the diverse Vietnamese culture. Across the rituals, in addition to carrying the meaning of honoring and admiring God and St. Alla, partly satisfying the spiritual cultural life of the believers; through which it also contributes to preserving and preserving values, traditional cultural identities of the Cham people for generations.

LỄ HỘI YUER YANG (CẦU AN) CỦA NGƯỜI CHĂM TẠI THÁP PODAM

Nhóm đền tháp Chăm Podam (còn gọi là tháp Pô Tầm) tọa lạc dưới chân núi Ông Xiêm (Núi Ngài) cao 600m so với mặt nước biển, thuộc thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (vào khoảng đầu thế kỷ XX gọi là làng Trang Hòa thuộc tổng Tuy Tịnh, huyện Tuy Phong và người Chăm thường gọi là Palei Lablan). Đây là địa bàn cư trú lâu đời của 8.926 người Chăm Balamôn ở các thôn Lạc Trị, Cao Hậu, Phú Nhiêu và Thạnh Vụ; và người Chăm Bani (Hồi giáo) ở thôn Vĩnh Hanh.

Nhóm đền tháp Podam được xây dựng vào những năm đầu thế kỷ VIII theo phong cách kiến trúc nghệ thuật Hòa Lai, một phong cách kiến trúc cổ của người Chăm xưa. Ngôi tháp được xây dựng để thờ vị vua Podam hay còn gọi là Po Kathit (Trà Duyệt) của người Chăm. Ông là vị vua đã thiết lập nên các hệ thống thủy nông nổi tiếng để phát triển sản xuất nông nghiệp trên một vùng đất với điều kiện địa lý, khí hậu vô cùng khắc nghiệt và các công trình thủy lợi này hiện vẫn còn được sử dụng, phát triển cho đến ngày nay.

Trước đây lễ hội Yuer yang (hay còn gọi là lễ Cầu an) được tổ chức thường xuyên hàng năm tại tháp Podam, thời gian

khoảng vài thập niên gần đây do điều kiện kinh tế khó khăn nên cộng đồng đã khẩn xin phép Pô Tầm 3 năm tổ chức lễ hội một lần vào thượng tuần tháng 4 Chăm lịch (tháng 7 Dương lịch). Lễ hội huy động tất cả các hệ phái chức sắc như thầy Pasêh, thầy Kadhar, thầy Mudôn⁴, thầy Kaing⁵ trong Balamôn giáo và người Chăm trong cộng đồng tham gia. Mục đích tổ chức lễ hội nhằm tưởng nhớ công lao của vua Podam, cầu an cho cộng đồng, cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt bội thu, xua tan đi những điều xấu để người dân được ấm no và hạnh phúc.

Lễ hội Yuer yang được tổ chức diễn ra trong hai ngày một đêm (vào ngày chủ nhật và thứ hai). Vào buổi sáng, đoàn rước gồm đầy đủ các chức sắc và dân làng lên tháp làm lễ rước y trang vua Podam và các sắc phong do các vua triều Nguyễn phong tặng. Đi đầu đoàn rước là các thiếu nữ trong trang phục áo dài Chăm uyển chuyển, thướt tha trình diễn điệu múa quạt truyền thống hòa quyện với âm thanh huyền ảo của tiếng kèn Saranai và tiếng trống Ginăng rộn rã. Tiếp đến là các nghi lễ tẩy uế xung quanh khu vực tháp, tắm rửa và mặc y trang cho các tượng thần. Lễ múa mừng dưới sự chủ trì của Thầy Bóng (Ôn Kaing) như báo hiệu cho dân làng đến tháp dự lễ hội Cầu an. Ngày hôm sau là buổi lễ tạ ơn các vị thần linh và vua Podam, đốt lửa thiêng và thả bè theo các nghi thức truyền thống.

Điểm nổi bật nhất trong lễ hội Yuer yang là các điệu múa thiêng trong nghi lễ, được xem như linh hồn của lễ hội. Thầy Bóng (Kaing) - người thực hiện tất cả các động tác vũ điệu trong nghi lễ, cũng chính là vị chức sắc thay mặt cho dân làng truyền đạt đến thần linh những ước vọng của họ trong cuộc sống. Có tất cả 3 điệu múa chính trong nghi lễ tạ ơn vua Podam và các vị thần linh. Cứ mỗi khi thầy Võ hát những bài tụng ca đến vị thần nào thì thầy Bóng sẽ múa điệu múa tương ứng với vị thần đó trên nền nhạc trầm bổng của trống Paranung hòa lẫn với tiếng

4 Ong Máduen - Theo từ điển Chăm - Việt - Anh, NXB Tri Thức năm 2014.

5 Ong Ka-ing - Theo từ điển Chăm - Việt - Anh, NXB Tri Thức năm 2014.

Chiêng và tiếng kèn Saranai. Điệu múa thứ nhất mời tất cả các vị thần linh về hưởng lễ, điệu thứ hai là điệu múa mời Potang gọi là điệu múa chèo thuyền mà người Chăm còn gọi là múa mía, vì khi múa thầy Bóng sử dụng cây mía làm đạo cụ và điệu múa cuối cùng chính là vũ điệu đập lửa (tế thần lửa). Vũ điệu đập lửa là một nghi thức lễ quan trọng nhất trong lễ hội Yuer yang, thầy Bóng sẽ dùng đôi chân mình đập tắt một đồng lửa đã được đốt sẵn trước đó phía bên ngoài rạp lễ; với ý nghĩa đập tắt, xua tan đi những điều xui xẻo và cầu mong những điều may mắn đến cho dân làng.

Lễ hội Yuer yang tại tháp Podam chi phối đến nhiều lĩnh vực đời sống của người Chăm, là thời khắc để người dân đề đạt những ước muốn, ý nguyện lên các đấng thần linh, là chỗ dựa tinh thần để họ vươn lên trong cuộc sống; đây là sự kiện văn hóa mang tính cộng đồng, thu hút đông đảo người dân địa phương và các vùng phụ cận đến tham dự. Thông qua lễ hội, người ta hiểu rõ hơn về cội nguồn, bản sắc và truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc mình. Đây là dịp để các thành viên trong cộng đồng thắt chặt thêm tình làng nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống, lao động sản xuất và chung tay xây dựng quê hương ngày càng thêm giàu đẹp. Từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị phục vụ sinh hoạt văn hóa tâm linh của người dân ngày càng có sức lan tỏa mạnh mẽ và thu hút đông đảo các thành viên trong cộng đồng tham gia./.



Múa quạt chào đón đoàn lễ rước trang phục trong lễ hội Yuer Yang
(Cầu an) tại tháp Podam
Fan dance welcomes the procession of costumes during the Yuer Yang festival
(Peaceful Praying) at Podam tower



Nghi thức múa đập lửa trong lễ hội Yuer Yang
(Cầu an) tại tháp Podam
Fire dance rite during the Yuer Yang festival
(Peaceful praying) at Podam tower

YUER YANG FESTIVAL (PEACEFUL PRAYING) OF THE CHAM PEOPLE AT THE PODAM TOWER

Temple group of Cham Podam tower (also known as Po Tam tower) is located at the foot of Ong Xiem mountain (Nui Ngai) 600m above sea level, belonging to Lac Tri village, Phu Lac commune, Tuy Phong district, Binh Thuan province (in around the early twentieth century, it was called Trang Hoa village in Tuy Tinh canton, Tuy Phong district and the Cham people were often called Palei Lablan). This is a long-lived residence of 8,926 Cham Balamon people in Lac Tri, Cao Hau, Phu Nhieu and Thanh Vu hamlets; and the Cham Bani (Muslims) in Vinh Hanh village.

The group of Podam towers and temples was built in the early eighth century in the style of Hoa Lai art architecture, an ancient architectural style of the ancient Cham people. The tower was built to worship the king Podam, also known as Po Kathit (Tra Duyet) of the Cham people. He was the king who established the famous irrigation systems to develop agricultural production on a land with extremely harsh geographical conditions and climates and these irrigation facilities are still in use. used, developed to this day.

Previously, the Yuer yang festival (also known as Peaceful Praying) was held regularly every year at Podam

tower, a few decades ago due to difficult economic conditions, so the community requested Po Tam's permission. Each 3 years, organize the festival once in the upper week of April of Cham calendar (July of the solar calendar). The festival mobilized all dignitaries of the generation such as Mr. Paseh, Mr. Kadhar, Mr. Murson, Mr. Kaing in Brahmanism and the Cham in the community to participate. The purpose of organizing the festival is to commemorate the merits of King Podam, pray for the community, pray for good rain and wind, good harvest, and dispel bad things so that people can be warm and happy.

Yuer yang festival is held for two days and one night (on Sundays and Mondays). In the morning, the procession of full dignitaries and villagers came to the tower to perform the procession of the King Podam's dress and ordinations awarded by the Nguyen kings. Leading the procession are young women in flexible Cham traditional dresses, performing traditional fan dance mingling with the fanciful sound of Saranai trumpet and bustling Gin drum drum. Next is the cleansing rituals around the tower area, bathing and dressing the idols. The dance ceremony was chaired by Thay Bong (Wen Kaing) as a signal for the villagers to come to the tower to pray for Peaceful Praying festival. The next day was a thanksgiving ceremony for the gods and King Podam, lighting sacred fires and rafting in traditional rituals.

The most prominent feature of Yuer yang festival is the sacred dances in the ritual, which is considered as the soul of the festival. He (Kaing) - who performs all the dance movements in the ritual, is also the dignitary on behalf of the villagers to convey to the gods their wishes in life. There are three main dances in the ceremony of thanksgiving to King Podam and the gods. Whenever Mr. Vao sang songs to the god, Mr. Bong would dance the dance corresponding to that god on the melody of Paranung drums mixed with the Chieng and Saranai. The first

dance invites all the gods to enjoy the ceremony, the second is the dance inviting Potang called the rowing dance which the Cham people also call the cane dance, because when the Ball dance teacher uses the cane as a props and the last dance is the dance of fire (sacrifice to fire). The fire-breathing dance is the most important ritual in the Yuer yang festival. Mr. Bong will use his feet to extinguish a pre-existing fire outside the theater; with the meaning of extinguishing, dispelling unlucky things and praying for good luck to the villagers.

Yuer yang festival at Podam tower dominates many areas of Cham life, is a time for people to express their wishes and wishes to the gods, a spiritual support for them to rise up in the life. This is a community-based cultural event that attracts a large number of local people and surrounding areas to attend. Through the festival, people better understand the roots, identities and long-standing cultural traditions of their people. This is an opportunity for community members to strengthen the friendship of the neighborhood, the spirit of solidarity, solidarity, mutual support in life, production labor and join hands to build an increasingly rich hometown. From there, raising awareness and responsibility for preserving and promoting the values for the cultural and spiritual activities of the people have become more and more widespread and attract a large number of community members to participate.

LỄ HỘI NGHINH ÔNG CỦA NGƯỜI HOA Ở PHAN THIẾT

Nguồn gốc của lễ hội

Từ nửa cuối thế kỷ XVII, do biến động lớn về chính trị ở trong nước và được sự cho phép của chúa Nguyễn Phước Tần ở Đàng Trong, nên một bộ phận người Hoa ở các tỉnh ven biển Hoa Nam như Quảng Đông, Phúc Kiến; về sau có thêm các nơi khác như Triều Châu, Quảng Đông và Hải Nam lần lượt di cư đến các tỉnh phía Nam của Đại Việt. Nhiều lãnh chúa, thương gia, thợ thủ công và người Hoa lần lượt di cư bằng đường biển và họ được định cư ở các tỉnh Bình Thuận, Biên Hòa, Định Tường và Gia Định.

Ở Bình Thuận, những nơi đầu tiên họ đến định cư là Phan Thiết, sau đó là Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình và nhiều nơi khác trong tỉnh, ban đầu là một số nhóm người, ngày càng tăng dần lên theo thời gian. Người Hoa đến Phan Thiết dễ dàng hòa nhập với các cộng đồng cư dân địa phương, quen dần với điều kiện sống mới. Họ sống liên kết dưới hình thức “bang” rất chặt chẽ. Tên gọi của “bang” mang tên các địa phương như bang Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông và Hải Nam. Người Hoa vẫn giữ bản sắc dân tộc không làm mất mình trong sự hòa nhập với cư dân bản địa khi họ xa Tổ quốc. Tục thờ bà Thiên Hậu, Quan Thánh Đế Quân (Quan Công) một tín ngưỡng dân dã được

người Hoa mang theo khi di cư là một trong những nét riêng, làm nên bản sắc riêng của họ.

Lễ hội Nghinh Ông ở Phan Thiết

Kể từ lúc người Hoa xây dựng chùa Ông vào năm 1778 cũng là năm chính thức các nghi lễ thờ cúng Quan Công bắt đầu được thực hiện theo phong cách và phương thức của mình, như: lễ Giao thừa, lễ cúng Trời, lễ vía đức Quan Thánh, lễ vía bà Chúa Sanh, lễ vía bà Thiên Hậu, lễ vía Quan Bình, lễ vía Châu Xương, lễ vào các ngày rằm... Trong đó lễ hội Nghinh Ông là lễ hội lớn và quy mô cả về hình thức và nội dung thực hiện.

Lễ hội Nghinh Ông được chia thành hai phần: Phần lễ và phần hội. Mỗi phần lại có nhiều nghi thức, nghi lễ diễn ra theo thứ tự thời gian đã được sắp xếp, có khi lại khác về không gian. Tất cả các nghi thức, nghi lễ gắn kết với nhau theo trình tự và có sự phối hợp, đan xen, trong lễ có hội và trong hội cũng có lễ, sự phối hợp đan xen này làm cho lễ hội thêm phong phú, đa dạng và thêm tính hấp dẫn, gắn bó giữa cái hiện đại và cái hư vô của cuộc sống, giữa thực tế cuộc sống với thế giới tâm linh và chính sự đan xen này phần nào đó tạo ra phần hồn cho lễ hội làm cho lễ hội sinh động và cuốn hút hơn.

Phần nghi lễ

Theo một số tài liệu lưu giữ tại các Hội quán Quảng Đông, Hải Nam, Phúc Kiến, Triều Châu và Quan Đế Miếu ở Phan Thiết thì lễ hội Nghinh Ông diễn ra từ nửa cuối thế kỷ XIX như nội dung và hình thức mang từ Trung Quốc sang, cứ hai năm đảo lệ một lần. Trước giải phóng 1975, lễ hội này được tổ chức vào hạ tuần tháng 7 Âm lịch và diễn ra liên tiếp 4 ngày. Tháng 7 Âm lịch theo người Hoa tức là mùa báo hiếu với tổ tiên, với thánh thần. Lễ hội luôn có sự tham gia cổ vũ của hàng vạn người ở Phan Thiết và các khu vực phụ cận cùng du khách ở một số nơi khác đến.

Do nhiều lý do về lịch sử xã hội, nên sau giải phóng hơn

hai mươi năm, người Hoa mới có dịp tổ chức lại lễ hội ở Phan Thiết và đã được sự hưởng ứng đông đảo của cộng đồng. Về cơ bản lễ hội vẫn giữ được các yếu tố chính gốc từ xa xưa, nhưng trong cả phần lễ và phần hội đã thiếu vắng đi một số các lễ nghi và sự phối hợp của các cơ sở tín ngưỡng của người Việt ở các đình làng, dinh vạn và chùa như trước năm 1975.

Theo lễ nghi truyền thống của người Hoa, phần lễ của lễ hội diễn ra theo trình tự, bao gồm 16 nghi lễ: Lễ thỉnh Thánh Mẫu, lễ thỉnh kinh, lễ thỉnh nước, lễ thỉnh Chiêu ứng công, lễ khai kinh, lễ yết Quan Thánh và cáo tiền hiền, lễ chiêu vong linh tiền hiền, lễ phóng đăng, lễ phóng sanh, lễ cúng thí thực, lễ cầu quốc thái dân an và cuối cùng là lễ thỉnh thuyền.

Tất cả 16 nghi lễ của lễ hội Nghinh Ông diễn ra liên tục, nối tiếp nhau trong 2 ngày. Mỗi nghi lễ mang một màu sắc, ý nghĩa riêng, nhưng tất cả đều thể hiện rõ nét trang trọng, tôn nghiêm. Đây là những nghi lễ dân gian truyền thống được các thế hệ người Hoa ở Phan Thiết bảo lưu và kế thừa, góp phần thỏa mãn các nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa nói riêng và nhân dân Phan Thiết nói chung.

Phần hội

Sau 2 ngày đầu với 16 nghi lễ lớn nhỏ, diễn ra theo trình tự thời gian, không gian khác nhau để chuẩn bị cho phần hai của lễ hội. Phần hội chính thức bắt đầu với đoàn rước diễu hành qua các nẻo đường, qua các Hội quán của người Hoa, cộng thêm sự tham gia của hàng chục ngàn người đón chờ, cổ vũ hai bên đường. Mở đầu và dẫn đoàn diễu hành là các điệu múa dân gian, diễn ra nhịp nhàng theo trình tự đã bố trí trước để các bước, các điệu múa không trùng hợp. Các bộ môn nghệ thuật cổ truyền của người Hoa được phát huy tác dụng, chú trọng nhất là các điệu múa dân gian, âm nhạc cổ điển đã được các nghệ nhân chuyên nghiệp hay nghiệp dư đưa tài biểu diễn. Đoàn rước của hội lên đến gần 1000 người và kéo dài hàng trăm mét. Ban đầu lễ hội

là của người Hoa, nhưng từ lâu nó vốn có năng lực truyền cảm đến cộng đồng và đã lan tỏa, trở thành lễ hội chung của cư dân Phan Thiết, bởi sự cuốn hút của hình thức và tính thiết thực của nội dung là cầu cho “Quốc thái dân an”, “Mưa thuận gió hòa”, đó cũng là ước nguyện chung của mọi người.

Trước năm 1975, ngoài hàng chục đoàn rước chính thức của người Hoa còn có sự tham gia của nhiều đoàn đến từ các đình làng Đức Thắng, Đức Nghĩa, Hưng Long, các đình vạn Thủy Tú, Phú Bình và một số chùa ở Phan Thiết. Chính sự tham gia của một bộ phận người Việt đã làm cho lễ hội thêm vui, thêm phong phú đa dạng, và có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đoàn rước, nó liên kết lại trong một môi trường văn hóa và tín ngưỡng đặc sắc đã biến lễ hội thành nơi gặp gỡ giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc Hoa - Việt. Từ sau 1975, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan cũng như nhiều lễ hội khác có quy mô lớn được phục dựng hoặc tổ chức lại, nên lễ hội Nghinh Ông chỉ có người Hoa thực hiện ở Phan Thiết và các nơi về tham dự.

Lễ hội Nghinh Ông có nguồn gốc, xuất xứ từ Trung Quốc nhưng đây là lễ hội có quy mô lớn từ hình thức đến nội dung, bao gồm cả không gian và thời gian; thêm vào đó là số lượng người tham gia rất đông và cả nguồn kinh phí lớn mới có thể tổ chức được. Bởi vậy, đây là lễ hội chung của người Hoa nhưng rất nhiều nơi có người Hoa định cư từ hơn 300 năm nay vẫn không thể tổ chức được mà phải về Phan Thiết cùng tham gia lễ hội. Lễ hội Nghinh Ông có qui mô lớn, không gian rộng và thời gian dài, số nghệ nhân tham gia đông, cường độ diễn ra liên tục, số lượng người xem lớn hơn. Mặt khác, lễ hội Nghinh Ông có lợi thế hơn các lễ hội khác là diễn ra ngay trên đường phố Phan Thiết và đây là một trong những lễ hội được gọi là lễ hội của đường phố./.



Biểu diễn rồng xanh trong nghi lễ nghinh Ông xuất du
ở lễ hội nghinh Ông của người Hoa tại Phan Thiết
Performing green dragon in the ritual of Nghinh Ong exile
at the Nghinh Ong festival of the Chinese people in Phan Thiet



Lễ hội nghinh Ông của người Hoa ở Phan Thiết
Nghinh Ong festival of Chinese people in Phan Thiet

NGHINH ONG FESTIVAL OF CHINESE IN PHAN THIET

Origin of the festival

Since the second half of the seventeenth century, due to the great political turmoil in the country and the permission of Lord Nguyen Phuoc Tan in Dang Trong, a part of the Chinese in the coastal provinces of South China such as Guangdong and Fujian; Later, other places such as Chaozhou, Guangdong and Hainan moved to the southern provinces of Dai Viet respectively. Many warlords, merchants, craftsmen and Chinese immigrated by sea respectively and they were settled in the provinces of Binh Thuan, Bien Hoa, Dinh Tuong and Gia Dinh.

In Binh Thuan, the first places they came to settle were Phan Thiet, then Phan Ri Thanh, Bac Binh district and many other places in the province, initially a number of groups of people, gradually increasing over time. The Chinese come to Phan Thiet easily integrate with the local community, accustomed to new living conditions. They live in the form of “bang” very closely. The name of “state” bears the names of localities such as Chaozhou, Fujian, Guangdong and Hainan. The Chinese retain their national identity without losing themselves in the integration with the indigenous people when they are away from the Fatherland. The custom of worshipping Thien Hau, Quan Quan

De Quan (Quan Cong), a popular belief that the Chinese brought along during the migration, is one of their own characteristics, making their own identity.

Nghinh Ong festival in Phan Thiet

Since the Chinese built his temple in 1778, it is also the official year of worshiping rituals of Quan Cong starting to be performed according to its style and method, such as New Year's Eve, Heaven's Worship, Choa ceremony. the Holy Lord, the feast of Lord Chua Sanh, the feast of Thien Hau, the feast of Quan Binh, the feast of Chau Xuong, the feast on the full moon days ... In which Nghinh Ong festival is a main festival with content and implementation.

Nghinh Ong Festival is divided into two parts: The ceremony and the festival. Each part has many rituals, rituals take place in chronologically arranged, sometimes different in space. All rituals and ceremonies are linked together in sequence and in coordination, interwoven, in festivals and in festivals, this interwoven combination makes the festival more abundant and multifaceted. shape and add attractiveness, sticking between the modernity and the nothingness of life, between the real life and the spiritual world and this intermingling somehow creates the soul for the festival to make the ceremony The festival is more lively and attractive.

Praying part

According to a number of documents kept at the Assembly Hall of Guangdong, Hainan, Fujian, Chaozhou and Quan De Mieu in Phan Thiet, the Nghinh Ong festival took place from the second half of the nineteenth century as the content and form brought from China comes, every two years to maturity. Before the liberation of 1975, this festival was held in the lower week of the 7th lunar month and took place in 4 consecutive days. The seventh lunar month according to the Chinese means a season of

filial piety to the ancestors and to the gods. The festival is always attended by thousands of people in Phan Thiet and surrounding areas with tourists from other places.

Due to many reasons of social history, Chinese people had the opportunity to reorganize the festival in Phan Thiet after liberation for more than twenty years and received a great response from the community. Basically the festival still retains the original elements from the past, but in both the ceremony and the festival there was a lack of rituals and coordination of Vietnamese religious facilities in the village temples, villages, palaces and pagodas as before 1975.

According to traditional Chinese rituals, the ceremony of the festival takes place in a sequence, including 16 rituals: The Ceremony of visiting the Holy Mother, the prayer, the water inviting ceremony, recruiting merit, opening ceremony, ceremony. posted Quan Thanh and sage foxes, money for the rendition of the holy spirit, the liberation ceremony, the liberation ceremony, the worshipping ceremony, the praying ceremony for the people of Thai An and finally the ceremony for visiting the boat.

All 16 rituals of Nghinh Ong festival take place continuously, one after the other in 2 days. Each ritual has its own color and meaning, but all express the solemn and solemn expression. These are traditional folk rites preserved and inherited by generations of Phan Thiet Chinese people, contributing to satisfying the spiritual and religious needs of the Chinese community in particular and the Phan Thiet people in general. .

Festival part

After the first 2 days with 16 rituals, large and small, taking place in chronological order, different spaces to prepare for the second part of the festival. The assembly officially began with the procession procession through the roads, through the Chinese clubs, plus the participation of tens of thousands of

people who waited and cheered on the sides of the road. Opening and leading the parade are folk dances, which take place in a rhythmic order, so that the steps and dances do not coincide. The traditional Chinese arts have been promoted, most notably folk dances, classical music performed by professional or amateur artists. The procession of the association reached nearly 1,000 people and lasted for hundreds of meters. Initially the festival was Chinese, but for a long time it has inherent capacity to inspire the community and has spread, becoming a general festival of the residents of Phan Thiet, by the attraction of the form and the practicality of The content is praying for “National peace and security”, “Rain and peace”, that is also the common wish of everyone.

Before 1975, in addition to dozens of official Chinese processions, there were also many delegations from Duc Thang, Duc Nghia, Hung Long village temples, palaces of Thuy Tu, Phu Binh and some pagodas in Phan. Setting. It is the participation of a part of the Vietnamese who makes the festival more fun, more diverse and diverse, and there is a rhythmic coordination between the processions, it unites in a special cultural and religious environment. The color has turned the festival into a meeting place for cultural exchanges between the two ethnic groups of China and Vietnam. Since 1975, due to many objective, subjective reasons as well as many other large-scale festivals restored or reorganized, the Nghinh Ong festival was only performed by the Chinese in Phan Thiet and places to visit. projected.

Nghinh Ong Festival originated from China but this festival is large-scale from form to content, including space and time; In addition, there are a large number of participants and a large amount of funding can be organized. Therefore, this is a common festival of the Chinese but many places with Chinese settlers from more than 300 years still can not organize but must

return to Phan Thiet to join the festival. Nghinh Ong Festival has a large scale, large space and long time, the number of artisans participating in the crowd, the intensity is continuous, the number of viewers is larger. On the other hand, Nghinh Ong festival has an advantage over other festivals that take place right on Phan Thiet street and this is one of the festivals called the festival of the street.

NGHỀ GỐM TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI CHĂM BÌNH ĐỨC XÃ PHAN HIỆP, HUYỆN BẮC BÌNH

Làng gốm Chăm Bình Đức (trước đây có tên gọi là Trì Đức) thuộc xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Người Chăm nơi đây chủ yếu sinh sống bằng nghề làm ruộng nước, nướng rẫy, chăn nuôi gia súc và nghề gốm truyền thống. Gốm Gọ - một tên gọi đặc trưng được nhiều người biết khi đến với làng gốm nơi đây đã được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Sản phẩm gốm Chăm chủ yếu sử dụng trong sinh hoạt thường ngày trong gia đình như hỏa lò, trã, khuôn bánh căn, khuôn bánh xèo, lu đựng nước và đồ dùng trong tín ngưỡng, tôn giáo.

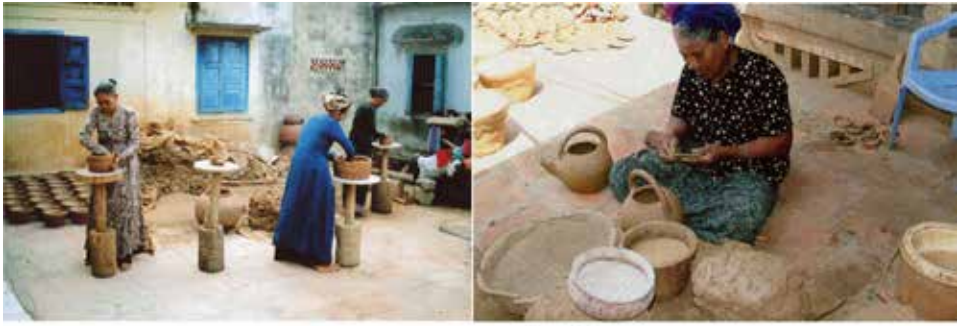
Theo số liệu thống kê năm 2018, tại thôn Bình Đức còn khoảng 155 người biết làm gốm. Nghề gốm là nghề “mẹ truyền con nối” từ đời này sang đời khác, sản phẩm gốm làm ra không chỉ sử dụng trong phạm vi gia đình, trong cúng lễ mà đã trở thành thương phẩm đem lại mức thu nhập tương đối ổn định cho gia đình. Quy trình làm gốm thủ công truyền thống của người Chăm Bình Đức từ khâu lấy đất đến khi hoàn thành sản phẩm gồm các công đoạn như sau:

Lấy đất: Loại đất được chọn là đất sét có màu vàng nhạt, có độ dẻo và mịn vừa phải, không bị lẫn lộn nhiều hạt sạn sỏi

nhỏ. Đất sẽ được lấy vào mùa khô (kháng tháng 1-2 âm lịch hàng năm) và thông thường từ 5-6 gia đình cùng nhau phối hợp để lấy đất. Công việc này sẽ do đàn ông phụ trách, họ dùng các công cụ cuốc, xẻng để đào bới, lấy đất và dùng xe bò để chở đất về nhà. Khi đến nơi lấy đất các gia đình sẽ dâng cúng Thổ thần 1 con gà luộc hay cá nhám, 2 quả trứng gà, rượu và trầu cau và khấn cầu Thần phù hộ để công việc của họ bình an và thuận lợi.

Xử lý đất: Đất khi được vận chuyển về nhà sẽ đổ thành đống ở ngoài trời và không cần che chắn, nếu mưa to sẽ dùng nilon đậy lại để tránh đất bị nhão. Người thợ sẽ đập một lượng đất vừa phải và tưới nước lên tùy thuộc vào độ khô hay ướt của đất. Đất sẽ được ủ kín bằng tấm nilon trong 1 đêm để tránh trời mưa sẽ làm đất nhão hoặc gió sẽ làm đất khô. Sáng sớm hôm sau người ta dỡ tấm nilon ra, dùng tay bóp cho đất nát đều, loại bỏ sỏi đá và nhồi bóp thành một khối mềm dẻo có độ kết dính cao. Nếu đất quá mịn và dẻo sẽ pha thêm một lượng cát nhất định để tránh trường hợp khi nung sản phẩm sẽ bị nổ hoặc vỡ.

Nào nặn sản phẩm gốm: Sử dụng kỹ thuật nào nặn không dùng bàn xoay với thao tác hơi khum người xuống, hai chân dịch chuyển quanh bàn kê theo chiều ngược kim đồng hồ, người thợ dùng đôi bàn tay nào nặn để tạo dáng sản phẩm. Người thợ dùng chiếc vòng tre vót mỏng vuốt lên mặt ngoài sản phẩm để tạo độ láng mịn và miếng vải thô đã thấm nước để bẻ miếng và vuốt cho miếng gốm được tròn đều. Và vuốt lên sản phẩm với nước thổ hoàng. Gốm thô sẽ được đặt nơi thoáng mát từ 3-4 tiếng để sản phẩm tự khô và bọc kín lại để giữ độ ẩm.



Nhà nặn sản phẩm gôm

Chỉnh, làm bóng sản phẩm gôm ráo: Công cụ để thực hiện công đoạn này gồm: vòng sắt, vòng tre, vòng làm bằng cây Dúi, bàn vỗ làm bằng gỗ, vỏ nghêu và đá mài. Gôm thô sẽ được chà láng với chiếc vòng làm bằng cây Dúi và dùng bàn vỗ vỗ vào phần thân và đáy thật đều tay để tạo cho sản phẩm tròn đều, cân đối mà không bị méo mó hay lồi lõm. Người thợ dùng chiếc vòng sắt dày để loại bỏ những hạt cát, sạn nhỏ nhô ra trên bề mặt sản phẩm. Sau đó sẽ dùng vỏ nghêu để nạo bên trong thân và đáy sản phẩm một lần nữa để kiểm tra độ đều đặn và cân đối của sản phẩm. Sau cùng là quét lớp nước thổ hoàng lên thân gôm rồi cất ở nơi thoáng mát và dùng tấm nilon đậy kín để xương gôm không bị gió làm cho hanh khô vì như thế khi nung sẽ bị nứt bể. Khi sản phẩm đã đủ độ khô ráo cần thiết, trước lúc đưa đi nung người thợ dùng viên đá mài chà lên thân sản phẩm một lần nữa để làm bóng mịn lớp nước thổ hoàng bên trên thân gôm.

Nung và trang trí gôm: Nhiên liệu chính để nung gôm từ trước đến nay là củi và rơm. Địa điểm nung tại một bãi đất trống nằm cạnh con mương lớn chảy qua giữa cánh đồng lúa cách làng khoảng 300m về phía Đông. Gôm được nung từ 10-12 giờ trưa, vì đây là thời điểm trời ít mưa, có độ nắng và gió lý tưởng. Người Chăm không xây lò kín mà sắp xếp gôm nung lộ thiên. Gôm và củi được sắp thành hàng ngang vuông góc với hướng gió thổi. Dưới đáy lò thường kê gạch, đá hoặc gôm vỡ, bên trên là các lớp gôm được xếp xen kẽ với củi để đảm bảo độ

thông thoáng. Do kỹ thuật nung gốm lộ thiên, lợi dụng hướng và sức gió nên sau khi đốt lò 15 phút gốm sẽ chín. Một loại nước màu nâu đen (chiết xuất từ trái thị rừng hoặc vỏ cây chùm dụ) được rảy lên thân gốm để tạo hoa văn khi gốm vừa được đưa ra khỏi lò.



Nung gốm



Tạo hoa văn cho gốm

Gốm Chăm Bình Đức khá đa dạng và phong phú, nhiều kích cỡ chủng loại rất tiện lợi trong sử dụng và giá thành lại hợp lý. Sản phẩm chủ yếu hiện nay là hỏa lò, trà và đồ dùng trong tế lễ, tang ma. Gốm có màu đỏ nhạt với những họa tiết tự nhiên lạ mắt, mang đến những nét độc đáo và khác biệt so với gốm ở những nơi khác.



Đưa sản phẩm gốm về nhà

Kỹ thuật làm gốm theo phương pháp thủ công truyền thống độc đáo của người Chăm Bình Đức đã thu hút nhiều chuyên gia nghiên cứu của nhiều nước trên thế giới. Trong chương trình “Thế giới qua ngọn lửa hồng” được tổ chức tại Osaka Nhật Bản vào năm 1996, Ban tổ chức đã mời một số nghệ nhân làng gốm Bình Đức mang cả nguyên liệu (đất, cát) và các dụng cụ thủ công làm gốm sang Nhật cùng với các nghệ nhân của 10 dân tộc khác trên thế giới trình diễn kỹ thuật làm gốm bằng phương pháp thủ công truyền thống. Với những giá trị lịch sử, văn hóa lâu đời và kỹ thuật chế tác gốm cổ xưa vẫn còn được bảo lưu nguyên vẹn, năm 2012 “*Nghề gốm của người Chăm thôn Bình Đức, xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình*” đã được công nhận và đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Trong giai đoạn hiện nay, nghề làm gốm của người Chăm đứng trước nguy cơ mai một bởi tác động của sản xuất công nghiệp; các sản phẩm gia dụng hiện đại đang dần thay thế gốm truyền thống. Sự dịch chuyển cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi ngành nghề đã làm cho giới trẻ không còn mặn mà với nghề gốm truyền thống nữa. Vì vậy, năm 2018 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng hồ sơ “*Nghệ thuật làm gốm truyền thống của người Chăm*” (đại diện cho kỹ thuật làm gốm của người Chăm tại làng gốm Bàu Trúc - Ninh Thuận và làng gốm Bình Đức - Bình Thuận) trình UNESCO đưa vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp./.

TRADITIONAL CERAMICS OF CHAM PEOPLE IN BINH DUC PHAN HIEP COMMUNE, BAC BINH DISTRICT

Binh Duc Cham pottery village (formerly known as Tri Duc) belongs to Phan Hiep commune, Bac Binh district, Binh Thuan province. The Cham people here live mainly on rice farming, milpa farming, animal husbandry and traditional pottery. Goi pottery - a typical name that many people know when coming to this pottery village has been handed down for generations. Cham ceramic products are mainly used in daily activities of the family such as fire, ladle, cake base, pan cake mold, water jug and religious and religious utensils.

According to statistics in 2018, there are about 155 people who know how to make pottery in Binh Duc village. Pottery is a “mother-to-son” craft from generation to generation, ceramic products are not only used within the family, but also become a trade item that bring relatively stable income. for family. The process of making traditional handmade pottery of Cham people in Binh Duc from taking soil to finishing products includes the following stages:

Soil taking: The soil chosen is light yellow clay with moderate flexibility and smoothness, without many small gravel

particles. The land will be collected in the dry season (around January to the second lunar month) and usually from 5-6 families working together to collect land. This work will be done by men, who use hoe tools and shovels to dig and take soil and use a cart to carry the land home. Upon arrival, the families will offer to the Earth God a boiled chicken or a shark, 2 chicken eggs, wine and betel nut and pray to Gods for their peace and convenience.

Soil handling: When soil is transported home, it will be dumped in an open area without cover; if it rains heavily, it will be covered with plastic to prevent soil from becoming loose. The mechanic will smash a moderate amount of soil and water it is depending on the dryness or wetness of the soil. The soil will be sealed with plastic sheet for 1 night to prevent it from raining, it will make the soil loose or the wind will make it dry. Early the next morning, people took out the plastic sheet, squeezed it to rubble with soil, removed gravel and stuffed into a flexible block with high adhesion. If the soil is too smooth and flexible, a certain amount of sand will be added to avoid the case when the product will explode or burst.

Kneading ceramic products: Using the technique of molding without using a turntable with a slightly bent maneuver, the legs move around the table counterclockwise, the worker uses the hands to shape the product. Products. The craftsman uses a thin bamboo ring to smooth the surface of the product to create a smooth and absorbent cloth soaked to crack the mouth and smooth the ceramic mouth. And swipe up the product with loess water. Raw ceramics will be placed in a cool place for 3-4 hours to dry the product and tightly sealed to retain moisture.

Correction and polishing of ceramic products: Tools to perform this stage include iron hoops, bamboo rings, Duch tree bracelets, wooden pat tables, clam shells and grindstones. The coarse pottery will be polished with a round tree made of Duoi tree and patted on the body and bottom very well with

hands to create a round, balanced product without distortion or protrusions. Workers use a thick iron ring to remove small particles of sand and grit that protrude from the surface of the product. Clam shells will then be scraped inside the body and bottom of the product again to check the regularity and balance of the product. Finally, sweep the layer of ocher water onto the ceramic body, then store in a cool place and use a plastic sheet to cover the ceramic bone so that the wind doesn't make it dry because that way it will crack. When the product is dry enough, before firing, the worker uses the grinding wheel to rub the product body again to smooth the loess water layer above the ceramic body.



Kneading ceramic products

Calcination and decoration of ceramics: The main fuel for firing ceramics has been firewood and straw. The firing site is at an open ground next to a large ditch which flows through the middle of the rice field about 300m to the east of the village. Pottery is fired from 10-12 noon, because this is a time when it rains less, with sunshine and ideal wind. Cham people do not build closed furnaces but arrange open-cast pottery. Pottery and firewood are arranged in a horizontal line perpendicular to the wind. At the bottom of the kiln, there are often broken bricks, stones or pottery. On the top are layers of pottery arranged alternately with firewood to ensure ventilation. Due to open-cast ceramic technique, taking advantage of the wind direction and power, after 15 minutes of firing, the pottery will ripen. A dark

brown water (extracted from forest berries or bark tree bark) is sprinkled on the ceramic body to create patterns when pottery has just been removed from the kiln.



Baking pottery - reating patterns for pottery

Cham Binh Duc pottery is quite diverse and plentiful, many sizes and types are very convenient to use, and the price is reasonable. The current main products are fire furnaces, traps and funeral paraphernalia. Pottery has a light red color with fancy natural patterns, bringing unique and different features compared to pottery elsewhere.

The technique of making pottery by the unique traditional manual method of the Cham people in Binh Duc has attracted many research experts from many countries around the world. In the “World through the Pink Flame” program held in Osaka Japan in 1996, the organizers invited some Binh Duc pottery artisans to bring both materials (earth, sand) and craft tools. pottery making in Japan with artisans from 10 different ethnic groups around the world demonstrate the technique of making pottery by traditional manual methods. With historical values, long-standing culture and ancient pottery-making techniques still preserved, in 2012, “Pottery of Cham people in Binh Duc village, Phan Hiep commune, Bac Binh district” was recognized. receive and list the national intangible cultural heritage.



Take ceramic products to home

In the current period, Cham pottery is at risk of disappearance due to the impact of industrial production; Modern household products are gradually replacing traditional ceramics. The restructuring of the economy and the occupation have made young people no longer interested in traditional pottery. Therefore, in 2018 the Ministry of Culture, Sports and Tourism built a file “Traditional pottery art of the Cham” (representing the pottery making technique of Cham people in Bau Truc pottery village - Ninh Thuan and Binh Duc - Binh Thuan ceramic village) to submit to UNESCO for inclusion in the List of intangible cultural heritage that needs urgent protection.

NGHỀ DỆT CỦA NGƯỜI CHĂM BÌNH THUẬN

Theo truyền thuyết về nữ thần Po Nugar: “Tương truyền rằng, ở vùng đất Panduranga xưa (thuộc Ninh - Bình Thuận ngày nay), người Chăm đã biết dệt vải. Po Nugar (Nữ thần Mẹ xứ sở của người Chăm) đã giáng thế xuống trần gian trở thành người phàm trần, sinh sống với người Chăm và dạy phụ nữ Chăm biết dệt vải, quay xa...”⁶. Qua đó cho ta thấy ngay từ thời xa xưa, nghề dệt đã xuất hiện trong xã hội của người Chăm; có một quá trình lịch sử lâu đời, bắt nguồn từ nền văn hóa Sa Huỳnh (được xem là văn hoá tiền Chăm-pa) tồn tại và phát triển cho đến ngày nay. Nghề dệt luôn giữ vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa xã hội và tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm.

Nghề dệt của người Chăm được thể hiện, khắc họa qua các bia ký, bức phù điêu, tượng cổ... và rõ nét nhất là thông qua Bộ sưu tập di sản văn hóa Hoàng tộc Chăm (tại thôn Tịnh Mỹ, xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình). Về phương diện mỹ thuật, mỗi bộ trang phục thổ cẩm tinh xảo và đẹp mắt dù là của vua, quan lại, quý tộc hay kể cả y phục giản đơn trong nhân dân đều là những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, một minh chứng sinh động về trình độ tay nghề và óc thẩm mỹ của những nghệ nhân xưa.

6 Đề tài nghiên cứu làng nghề dệt của người Chăm Bình Thuận

Trước đây, đa phần phụ nữ Chăm ai cũng biết dệt vải, được xem là thước đo, lối sống mẫu mực và là tiêu chí để đánh giá người phụ nữ Chăm trong xã hội theo chế độ mẫu hệ. Do ý nghĩa quan trọng đó mà nghề dệt được trao truyền nghề trực tiếp từ mẹ sang con gái hoặc từ bà sang cháu gái.

Để có được một tấm thổ cẩm đẹp mắt và tinh tế mà điểm trên đó là những đường nét, hình khối hoa văn đa dạng, sắc nét thì người thợ phải thực hiện nhiều công đoạn khác nhau, rất công phu và vất vả. Đầu tiên là công đoạn trồng bông vải, sau đến là kỹ thuật tạo sợi gồm: tách hạt, bật và cuốn bông, kéo sợi, tạo sợi chỉ, giặt sợi, trộn hồ, chải sợi, tháo chỉ và đánh ống, nhuộm chỉ và cuối cùng là kỹ thuật dệt trên khung dệt dạng tấm và dạng dài. Đặc biệt là công đoạn tìm màu nhuộm chỉ, không chỉ là yếu tố tạo nên giá trị thẩm mỹ, thể hiện sự đa dạng về màu sắc mà còn ảnh hưởng đến chất lượng và độ bền của vải.

Màu của thổ cẩm thường được chọn đa phần là màu đen và trắng, người Chăm xem đây là màu cơ bản để làm nền cho sản phẩm. Ngoài ra, họ cũng nhuộm thêm một số màu khác như đỏ, vàng, xanh để tạo cho sản phẩm dệt có phần tươi mới và đẹp mắt, góp phần làm tăng thêm sự phong phú cho hoa văn trên vải thổ cẩm. Người thợ thường chọn những màu nhuộm tự nhiên từ các loại thực vật có sẵn tại địa phương và bằng trí tưởng tượng, óc sáng tạo của mình để tạo ra những màu nhuộm đặc sắc và mới lạ để làm đẹp cho người mặc. Các màu nhuộm tự nhiên thường có màu hơi nhạt, không được tươi như màu nhuộm công nghiệp nhưng đổi lại chúng có thể giữ màu từ 8 - 10 năm mà không phai màu, kể cả khi gặp nước. Để có được màu đen thì người thợ sẽ dùng quả thị rừng đập dập và ngâm vào nước pha với một ít vôi bột; còn màu đỏ thì dùng lá giang vò nát pha lẫn với một loại nhựa cây (người Chăm gọi là “láh”) hoặc thân cây “phun pan”; màu vàng được tạo ra từ nước của củ nghệ. Riêng màu xanh thì người Chăm Bình Thuận mua phẩm màu về nhuộm chứ họ không biết cách tạo ra màu này từ những nguyên vật liệu truyền thống.

Nhuộm màu được xem là một bí thuật của các dân tộc trong quá trình tạo ra tấm vải thổ cẩm mang nét đặc trưng riêng về giá trị thẩm mỹ, bản sắc văn hoá lâu đời của dân tộc mình. Chính vì lẽ đó, mà mỗi sản phẩm tạo ra sẽ có điểm khác biệt rõ nét thông qua cách phối màu cũng như tạo hoa văn trên vải tạo nên sắc thái văn hoá riêng biệt và độc đáo của mỗi dân tộc.

Ngoài những tấm thổ cẩm dệt từ sợi bông, người Chăm còn dệt bằng sợi tơ tằm. Tuy nhiên, do sợi tơ rất mỏng, dễ đứt, tốn nhiều thời gian và công sức khi dệt; nên sợi tơ tằm chỉ được sử dụng để tạo hoa văn trên nền vải thổ cẩm.

Sau quá trình chọn nguyên liệu để tạo ra màu sắc cho thổ cẩm thì việc trang trí và tạo hoa văn trên vải sao cho cân đối và hài hoà chính là điểm nhấn để tạo nên một tấm vải đẹp và hoàn chỉnh. Hoa văn (Bingư) trên sản phẩm dệt của người Chăm ngoài chức năng làm đẹp mà còn mang các giá trị biểu trưng cho sắc thái văn hoá của một tộc người. Người thợ như một họa sĩ thực thụ, vẽ nên những bức tranh “hoa văn” độc đáo, mới lạ tạo nên những tấm vải thổ cẩm đẹp, bắt mắt và lôi cuốn người mặc.

Về cách phối màu, người Chăm thường phối những gam màu trái ngược giữa hoa văn và màu nền để tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm. Nếu màu nền là trắng thì người thợ sẽ sử dụng các gam màu đỏ, vàng, xanh và đen để tôn sắc cho hoa văn; còn màu nền là đen thì phối các màu đỏ, vàng, trắng cho hoa văn và nền màu đỏ thì kết hợp các màu sắc như vàng, trắng, đen và xanh để trang trí cho tấm vải.

Sản phẩm dệt của người Chăm phong phú, đa dạng còn tùy thuộc vào kỹ thuật dệt - chính là đôi bàn tay khéo léo của nghệ nhân nhíp nhàng trên khung dệt. Tùy vào mỗi loại khung dệt mà sản phẩm tạo ra có sự khác biệt; nếu trên khung dạng tấm dệt nên những tấm vải phục vụ nhu cầu sinh hoạt thường ngày của con người thì khung dạng dài chỉ giới hạn cho nhu cầu tôn giáo và tín ngưỡng.

Có khoảng 30 loại hoa văn truyền thống và trên 40 loại hoa văn cách điệu mà người nghệ nhân có thể dệt trên vải. Các loại hoa văn thổ cẩm Chăm được chia thành 2 nhóm là hoa văn thực vật như: quả trám, dây leo, bông mai... và hoa văn động vật như: mắt con gà, makara... Ngoài ra, khi dệt người Chăm còn chạy những đường viền tô điểm bên ngoài hoa văn gọi là đường miang (một loại hoa văn cổ xưa còn tồn tại đến nay). Hoa văn trên vải dệt truyền thống Chăm thường được phân bố khắp mặt vải, giúp cho người may cũng như người mặc có thể tùy ý cắt may theo sở thích.

Theo thời gian, do nhiều nguyên nhân tác động khách quan của lịch sử nên nghề dệt truyền thống của người Chăm ngày càng có nguy cơ mai một, mất dần. Vì thế, các sản phẩm dệt của người Chăm hiện nay chủ yếu phục vụ nhu cầu tự cung, tự cấp trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, sinh hoạt xã hội hàng ngày của dòng tộc và gia đình chứ không còn trao đổi, buôn bán rộng rãi như trước đây.

Ở Bình Thuận, hiện chỉ còn duy trì nghề dệt trong cộng đồng người Chăm Bani ở xã Phan Thanh, Phan Hòa, huyện Bắc Bình và xã Hàm Trí, thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc. Tuy nhiên, người dân địa phương và du khách nếu muốn tham quan, trải nghiệm quá trình làm ra thổ cẩm có thể đến Trung tâm Trưng bày Văn hóa Chăm và di tích tháp Po Sah Inur vào các dịp lễ hội diễn ra hàng năm. Với những trải nghiệm thực tế đó, du khách sẽ có thể hiểu hơn về lịch sử - văn hóa lâu đời của người Chăm qua nhiều thế kỷ vẫn còn tồn tại đến ngày nay./.



Thiếu nữ Chăm dệt vải trên khung dệt truyền thống
Cham girls weave fabric on traditional looms



Hoa văn trên thổ cẩm Chăm
Cham pattern on brocade

TEXTILE OF CHAM BINH THUAN PEOPLE

According to the legend of the goddess Po Nugar: “It is said that in the ancient Panduranga area (of Ninh-Binh Thuan today), the Cham people knew how to weave cloth. Po Nugar (Mother Mother of the Land of the Cham) descended to earth to become a mortal, live with Cham people and teach Cham women how to weave cloth, turn away...”. Thereby shows us from ancient times, weaving has appeared in the society of the Cham; There is a long history, originating from Sa Huynh culture (considered to be pre-Champa culture) existing and developing to this day. Weaving always plays an important role and role in the cultural, social and religious life of Cham people.

The weaving of Cham people is shown and engraved through inscriptions, bas-reliefs, ancient statues ... and most clearly through the Collection of Cham Royal Cultural Heritage (in Tinh My village, Phan Thanh commune, Bac Binh district). In terms of fine arts, each of the delicate and beautiful brocade costumes whether the king, mandarins, nobles or even simple clothes among the people are unique works of art, a proof. lively about the skill level and aesthetics of the old artisans.

In the past, most Cham women knew how to weave, which was considered a measure, an exemplary lifestyle and a criterion for evaluating Cham women in society according to

matriarchy. Due to that important significance, the weaving profession was handed down directly from mother to daughter or from grandmother to granddaughter.

In order to have a beautiful and exquisite brocade, the point on which are the lines and shapes of diverse and sharp patterns, the workman must perform many different stages, very elaborate and hard. First is the stage of cotton fabric planting, followed by the technique of creating fibers including: separating seeds, turning and turning cotton, spinning, creating thread, washing yarn, mixing yarn, combing yarn, removing thread and winding, dyeing thread and finally, the technique of weaving on long and looms. Especially, the process of finding dyed dyes, not only is a factor to create aesthetic value, showing a variety of colors but also affecting the quality and durability, strength, color fastness of the fabric.

The color of brocade is often chosen as black and white; Cham people see this as the base color for the product. In addition, they also dyed a number of other colors such as red, yellow and blue to make the weaving products somewhat fresh and beautiful, contributing to the richness of the pattern on brocade fabric. Workers often choose natural dyes from locally available plants and with their imagination, their creativity to create unique and novel dyes to beautify the wearer. Natural dyes are usually slightly pale, not as fresh as industrial dyes but in return they can keep colors from 8 to 10 years without fading, even in the presence of water. To get the black, the worker will use the forest market to beat and soak in water mixed with a little lime powder; while the red is used to crush jumbled leaves mixed with a resin (Cham people called “láh”) or trunk “spray pan”; Yellow is made from turmeric’s juice. Particularly in blue, Cham people in Binh Thuan buy dyes but they do not know how to create this color from traditional materials. Coloring is considered a secret of the peoples in the process of creating

brocade fabric with its own characteristics of aesthetic value, long-standing cultural identity. Therefore, each product created will have a clear difference through the color scheme as well as creating patterns on fabric creating distinct and unique cultural nuances of each nation.

In addition to brocade woven from cotton yarn, Cham people also weave with silk thread. However, due to the very thin, fragile silk thread, it takes a lot of time and effort when weaving; so silk yarn is only used to create patterns on brocade fabric.

After the process of selecting materials to create a brocade color, the decoration and texture on the fabric so balanced and harmonious is the highlight to create a beautiful and complete fabric. The pattern (Bingu) on Cham textile products is not only a beauty function but also brings values symbolizing the cultural nuances of an ethnic group. The worker is like a true painter, drawing unique and novel “patterned” paintings to create beautiful, eye-catching and attractive brocade fabrics.

Regarding the color scheme, Cham people often mix the opposite colors between the pattern and the background color to make a difference for the product. If the background color is white, the worker will use the colors red, yellow, blue and black to color the pattern; while the background color is black, the red, yellow and white colors are mixed for the pattern and the red background combines the colors such as yellow, white, black and blue to decorate the fabric

Textile products of the Cham are rich and varied depending on the weaving technique - the skillful hands of the artisans who are rhythmic on the weaving loom. Depending on the type of loom the product produces varies; If the frame is woven, the sheets will serve the daily needs of people, the long format is limited to religious and belief needs only.

There are about 30 types of traditional patterns and over 40 types of stylized patterns that artisans can weave on fabrics. Cham brocade patterns are divided into 2 groups: plant patterns such as: canopy, vines, apricot ... and animal patterns such as chicken eyes, makara ... In addition, when weaving Cham people also run the outlines adorn the pattern called the miang (an ancient pattern that still exists today). Cham traditional weave pattern is often distributed throughout the fabric, helping the tailor as well as the wearer can tailor tailoring to their liking.

Over time, due to many objective impacts of history, the traditional weaving of the Cham people is increasingly at risk of disappearance. Therefore, the current Cham textile products mainly serve the needs of self-sufficiency and religious activities, beliefs, daily social activities of the clan and the family rather than exchanging, trading as widely as before.

In Binh Thuan, only weaving remains in the Cham Bani community in Phan Thanh, Phan Hoa, Bac Binh and Ham Tri communes, Ma Lam town and Ham Thuan Bac district. However, locals and tourists who want to visit and experience the process of making brocade can visit the Cham Cultural Exhibition Center and Po Sah Inu tower monuments on the annual festivals. With these practical experiences, visitors will be able to better understand the long history and culture of the Cham people over the centuries that still exist today.

Mục Lục – Index

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA - ĐỊA ĐIỂM	
TRƯỜNG DỤC THANH	9
HISTORY - CULTURE - LOCATION DUC THANH SCHOOL	14
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT - THÁP PO SAH INU	18
ARCHITECTURE ARTISTIC - PO SAH INU TOWER.....	23
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT -	
ĐÌNH LÀNG ĐỨC THẮNG	27
DUC THANG VILLAGE TEMPLE ARTS ARCHITECTURE.....	31
DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ NGHỆ THUẬT	
ĐẾN THỜ PO KLONG MƠH NAI	
VÀ SƯU TẬP DI SẢN VĂN HÓA HOÀNG TỘC CHĂM	35
HISTORY AND ART OF THE PEOPLE PO KLONG MOH NAI AND COLLECTIVE HERITAGE OF CHAM ROYAL CULTURE	40
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT -	
ĐÌNH LÀNG XUÂN AN	45
ARCHITECTURE ART OF XUAN AN TEMPLE.....	49
DI TÍCH LỊCH SỬ ĐÌNH VẠN THỦY TỬ	52
HISTORY OF VAN DINH - THUY TU LAGOONS.....	57
DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA VẠN AN THANH	61
HISTORY - CULTURE AN THANH LAGOONS.....	65
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT	
NHÓM ĐẾN THÁP CHĂM PODAM	68
ARCHITECTURAL ART ARCHITECTURE	
THE PODAM TOWER GROUP	74
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH BÌNH AN	79
BINH AN TEMPLE' ARCHITECTURE.....	83
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT DINH THẤY THİM	86
ARCHITECTURAL ART OF THİM PROFESSOR PALACE	92
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐẾN THỜ PO NIT	97
ARCHITECTURAL ART OF PO NIT TEMPLE	103
DI TÍCH LỊCH SỬ ĐẾN THỜ CÔNG CHÚA BÀN TRANH	108
HISTORIC THE TEMPLE OF "BAN TRANH" PRINCESS	112
DI TÍCH THẮNG CẢNH CHÙA NÚI	115
LANDSCAPE OF CHUA NUI (MOUNTAIN PAGODA)	120
DI TÍCH THẮNG CẢNH CỔ THẠCH TỰ (CHÙA HANG)	124
LANDSCAPE OF CO THACH PAGODA (HANG PAGODA)	129
DI TÍCH THẮNG CẢNH LINH QUANG TỰ	133
LANDSCAPE OF LINH QUANG PAGODA.....	138
DANH LAM THẮNG CẢNH BÀU TRẮNG	143
LANDSCAPE OF BAU TRANG.....	148
DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐÌNH LÀNG LẠC TÁNH	152
HISTORY - CULTURE LAC TANH TEMPLE	156
DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐÌNH LÀNG VÕ ĐẤT	159
HISTORY - CULTURE VO DAT TEMPLE.....	164
DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA THÁP NƯỚC PHAN THIẾT	168
HISTORY - CULTURE PHAN THIET WATER TOWER.....	172
THẮNG TÍCH HÒN BÀ	175
HON BA HISTORY - CULTURE.....	179
THẮNG CẢNH ĐỒI CÁT BAY	182
LANDSCAPE OF CAT BAY HILL	186
THẮNG CẢNH SUỐI TIỀN	190
LANDSCAPE OF SUOI TIEN.....	194
THẮNG CẢNH THÁC BÀ	197
LANDSCAPE OF THAC BA	202
CHÙA PHẬT QUANG	206
PHAT QUANG PAGODA.....	211
HẢI ĐĂNG KÊ GA	215
KE GA LIGHTHOUSE	220
LỄ HỘI CẦU NGƯ Ở VẠN THỦY TỬ	224
FISHING PRAYING FESTIVAL IN THUY TU LAGOONS.....	229
LỄ HỘI CẦU NGƯ Ở VẠN AN THANH	233
FISHING PRAYING FESTIVAL IN AN THANH LAGOONS.....	238
LỄ HỘI DINH THẤY THİM	242
THİM PROFESSOR FESTIVAL	247
LỄ HỘI GIỖ TỔ CÁC VUA HÙNG TÀI	
ĐẾN THỜ HÙNG VƯƠNG	252
FESTIVAL OF THE HUNG KING MEMORIES DATE	
ANNIVERSARY AT THE HUNG KING TEMPLE	258
LỄ HỘI TRUNG THU Ở THÀNH PHỐ PHAN THIẾT	264
MID-AUTUMN FESTIVAL IN PHAN THIET CITY	268
LỄ HỘI KATÉ TẠI THÁP PO SAH INU	271
KATE FESTIVAL AT PO SAH INU TOWER.....	277
LỄ HỘI RAMUWAN CỦA NGƯỜI CHĂM BÀN	
Ở BÌNH THUẬN	282
RAMUWAN FESTIVAL OF THE CHAM BANI PEOPLE	
IN BINH THUAN	287
LỄ HỘI YUER YANG (CẦU AN) CỦA NGƯỜI CHĂM	
TẠI THÁP PODAM	291
YUER YANG FESTIVAL (PEACEFUL PRAYING)	
OF THE CHAM PEOPLE AT THE PODAM TOWER	295
LỄ HỘI NGHINH ÔNG CỦA NGƯỜI HOA Ở PHAN THIẾT	298
NGHINH ONG FESTIVAL OF CHINESE IN PHAN THIET..	303
NGHỆ GỐM TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI CHĂM BÌNH ĐỨC	
XÃ PHAN HIỆP, HUYỆN BẮC BÌNH	308
TRADITIONAL CERAMICS OF CHAM PEOPLE IN BINH DUC	
PHAN HIEP COMMUNE, BAC BINH DISTRICT.....	313
NGHỆ DỆT CỦA NGƯỜI CHĂM BÌNH THUẬN	318
TEXTILE OF CHAM BINH THUAN PEOPLE.....	323

**UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

PEOPLE'S COMMITTEE OF BINH THUAN PROVINCE
DEPARTMENT OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM

**DI TÍCH, DANH THẮNG VÀ LỄ HỘI VĂN HÓA TỈNH BÌNH THUẬN
HISTORIC, SIGHTSEEING AND CULTURAL FESTIVALS BINH THUAN PROVINCE**

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Lô 103 - Đường 30 Tháng 4 - P. Hòa Cường Bắc - TP. Đà Nẵng

ĐT: 0236 3797874 - 3797873 - Fax: 0236 3797875

www.nxbdanang.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KIM HUY

Biên tập : Nguyễn Đức Thảo Vy

Trình bày : Lan Nhi

Sửa bản in : Thảo Vy

Bìa : Lan Nhi

Thực hiện liên kết xuất bản:

Công ty TNHH TM & DV - VH Hương Trang

416 Nguyễn Thị Minh Khai - P.5 - Q.3 - TP.HCM

ĐT: 028.38340990 - Fax: 028.38249739

Số lượng in: 500 bản, Khổ 16x24 cm

In tại: Công ty TNHH VH In SX-TM-DV Liên Tường,

240/59-61-63 Nguyễn Văn Luông, P.11, Q.6, TP.HCM

Số ĐKXB: 5417-2019/CXBIPH/05-185/ĐaN

QĐXB: 799/QĐ-NXBĐaN ngày 27 tháng 12 năm 2019

Mã ISBN: 978-604-84-4666-6

In xong và nộp lưu chiểu quý I - 2020.